English Section PAGE 45

NĂM THỨ SÁU • # 53 • SEPT. 1993

THẾ KỶ 21

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 • TEL (714) 894-9021 • FAX (714) 894-2752

NGUYỄN GIA TRÍ. Vườn Xuân, Sơn Mài 120x180cm (trích đoạn)

TẠ TỴ và ĐINH CƯỜNG nói về NGUYỄN GIA TRÍ

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

Ra đời từ thế kỷ 19
Lớn mạnh suốt thế kỷ 20
Đưa quí vị đến thành công tài chánh vững chắc từ nay sang đến thế kỷ 21

SVN Team - Nhóm bạn đồng hành của quí vị trên đường đi tới mục tiêu tài chánh.
Với New York Life/ SVN Team quí vị sẽ đạt được 3 yếu tố căn bản:

CÔNG TY RẤT TỐT • HỢP ĐỒNG RẤT TỐT • DỊCH VỤ RẤT TỐT

Xin quí vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
LISE VÕ DIỆU TRANG
PASCAL NGUYỄN GIA DŨNG
PHẠM HỒNG NGỌC
NGÔ VĂN TRÌNH

Hoặc đến viếng thăm cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE

CITY CENTER: 17330 Brookhurst St. Suite 330
Fountain Valley, CA 92708

Bus: (714) 962-4440
Fax: (714) 964-0545 Toll free: 1-800-543-3770

để thảo luận các kế hoạch về:

BẢO VỆ VÀ RÚT NGẮN THỜI GIAN TRẢ NỢ NHÀ • BẢO HIỂM LỢI TỨC GÂY QUỸ ĐẠI HỌC • BẢO HIỂM CHI PHÍ THƯƠNG MẠI • GÂY QUỸ HƯU TRÍ BẢO HIỂM NHÂN THỌ • THANH TOÁN THUẾ DI SẢN, PROBATE, V.V...

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÍ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ:
Xin Quí Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quí Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quí Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quí Vị.

CD Tình ca Phạm Anh Dũng
ĐƯA NGƯỜI VỀ PHƯƠNG ĐÔNG

12 ca khúc mượt mà tình cảm, với nhạc của Phạm Anh Dũng, hoà âm Duy Cường, thâu thanh tại John Tomlinson Studio (24 tracks).
Thơ của Nguyên Sa, Du Tử Lê, Y Dịch, Cung Vũ, Bích Huyền.
Với các giọng ca hàng đầu của tân nhạc Việt Nam: Duy Trác, Tuấn Ngọc, Trọng Nghĩa, Mai Hương, Lệ Thu, Quỳnh Giao, Thái Hiền, Thiên Phượng

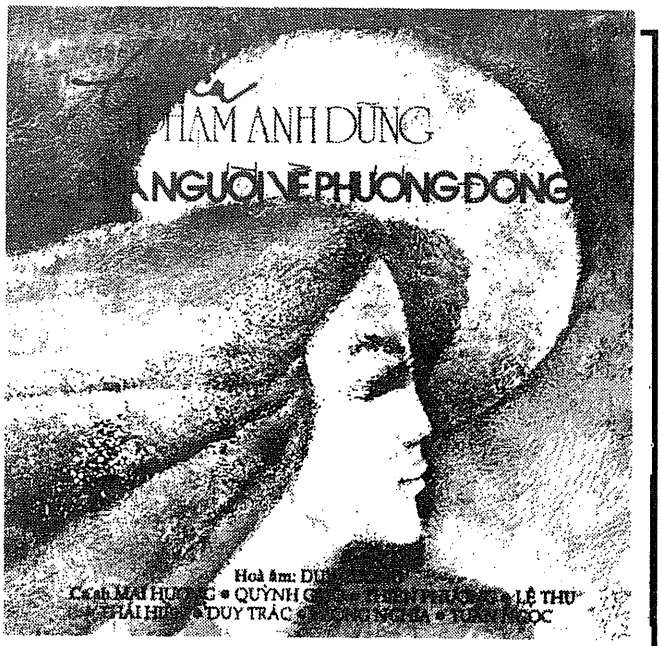

TẬP NHẠC Tình ca Phạm Anh Dũng
TÌNH KHÚC HỒI HƯƠNG

12 ca khúc của Phạm Anh Dũng, thơ của Phạm Thế Trường, Trang Châu, Mùi Quý Bồng, Đinh Tuấn, Bích Huyền. Có phần hoà âm Tây ban cầm do Duy Cường soạn. Tựa của Phạm Duy. Bìa và phụ bản của Mùi Quý Bồng

Các văn nghệ sĩ nói về "Tình ca Phạm Anh Dũng":

"Mười hai tình khúc của Phạm Anh Dũng, phần nhiều là thơ phổ nhạc, ra đời vào đầu thập niên 90 này, cho tôi cảm tưởng có sự quay về với nhạc tình lãng mạn quý báu sau nửa thế kỷ lạc loài.
"Nhạc điệu của những tình khúc trở về nguồn ân ái xa xưa này cũng đi theo với lời thơ, nghĩa là cũng giản dị nhưng nồng nàn, không cầu kỳ nhưng nhạy cảm. Qua biết bao nhiêu năm tháng ngụp lặn trong biển nhạc dữ dằn, có lẽ đây là lúc ta phải trở về với nguồn suối nhạc trong trẻo...
"Tôi cám ơn Phạm Anh Dũng và các bạn thơ đã giúp tôi trở về với tình cảm trẻ trung rất cần thiết qua những bản nhạc này."

PHẠM DUY
Thị trấn Giữa Đàng, tháng Mười 1991

"Vào những ngày đầu xuân, khí hậu Cali hanh lạnh, khu Sàigòn Nhỏ tràn ngập những chậu hoa rực rỡ, những bóng dáng yêu kiều với tà áo dài đủ màu (...), tôi đón nhận những "tình khúc hồi hương" của Phạm Anh Dũng.
"Tình ca Phạm Anh Dũng chứa cả một bầu trời tâm sự lãng mạn, hiếm có của một người y sĩ. Anh tốt nghiệp Đại học Y khoa Sàigòn, đang hành nghề tại Santa Maria, và mặc dù rất bận với y nghiệp, anh vẫn tham gia sinh hoạt văn nghệ...
"Tình ca Phạm Anh Dũng đã là một tác phẩm nghệ thuật hiếm có trong giới y sĩ nói riêng và làng ca nhạc Việt Nam hải ngoại nói chung."

ĐẶNG ĐỨC NGHIÊM
Đặc San *Y Sĩ* Hè 1992

"Phạm Anh Dũng cho thâu băng những nhạc phẩm phổ từ thơ Nguyên Sa, Du Tử Lê, Y Dịch, Bích Huyền..., với hoà âm tuyệt cú mèo của Duy Cường.
"Hơn ai hết, họ Phạm không chỉ trân trọng với tác phẩm của mình mà ông còn trân trọng với thi ca, với những tiếng hát mà ông cho rằng, nếu không có, cuộc đời ta sẽ buồn tẻ bao nhiêu!"

DU TỬ LÊ
Tạp chí *Văn Nghệ*, tháng Sáu 1993

"Phạm Anh Dũng hội tụ được cả yếu tố âm thanh, phối âm, hoà âm, nhạc khúc, lời ca và cảm xúc, tình tự của giọng ca. Toàn bộ có những lúc không bốc, nhưng chín, vững, làm cho phải nghe hết. Và yêu mến."

NGUYÊN SA
Nguyệt san *Dân Chúng*, tháng Sáu 1992

☐ CD (đĩa nhạc) ĐƯA NGƯỜI VỀ PHƯƠNG ĐÔNG. Giá một đĩa US$12.00 (thêm $1.00 cước phí)
☐ Tập nhạc TÌNH KHÚC HỒI HƯƠNG. Giá một tập US$6.00 (thêm $1.00 cước phí)
☐ Nếu mua cả hai (CD và tập nhạc), thay vì phải trả $20.00, chỉ có $15.00 (kể cả cước phí).
Nếu mua nhiều (từ 5 đơn vị trở lên) có giảm giá đặc biệt.

Mọi thư từ, tiền bạc, ngân phiếu, lệnh phiếu, xin đề tên và gửi về cho:
DAN PHAM, 4697 STILLWELL RD, SANTA MARIA, CA 93455. ĐT (805) 937-7655.

THƯ TÒA SOẠN

Năm năm qua, mỗi tháng tờ Thế Kỷ 21 đều đặn đến với bạn đọc, và càng ngày càng được yêu chuộng, vì đáp ứng được những khao khát tìm hiểu về thời sự, tiến bộ khoa học, nhận định tình hình và sáng tác văn học nghệ thuật.

Tuy nhiên, chưa bao giờ những người chủ trương và điều hành dám nghĩ rằng tờ báo đã đạt mức hoàn chỉnh, mà còn cần cải tiến thêm, cải tiến mọi mặt, và cải tiến thường xuyên. Có thời gian, tòa soạn là một nhóm biên tập viên; có thời gian, vì ngân sách nhỏ hẹp, tòa soạn chỉ có...một người. Cải tiến mới nhất kể từ tháng này — sẽ thể hiện trên hình thức cũng như nội dung vào số báo sắp tới — là một phân công mới, đặt căn bản trên sự tham gia góp ý, góp bài, góp công, v.v..., của rất đông anh chị em. Những tiện nghi thông tin mới đã giúp giải quyết những cách trở không gian.

Thế Kỷ 21 hân hạnh giới thiệu nhóm "chủ biên" gồm các bạn Đỗ Việt Anh, Phạm Quốc Bảo, Hà Tường Cát, Lý Văn Chương, Nguyễn Thiện Cơ, Phan Huy Đạt, Lê Đình Điểu, Nguyễn Đồng, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Nguyễn Khả Lộc, Phạm Phú Minh, Trần Văn Ngô, Nguyễn Phước Quan, Nguyễn Đức Quang, Trần Đình Quân, Đỗ Quý Toàn, Hoàng Ngọc Tuệ và Đỗ Ngọc Yến.

Với sự cộng tác thường xuyên của các nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo, nhạc sĩ, họa sĩ, như Võ Phiến, Mai Thảo, Nguyên Sa, Thái Tuấn, Trần Thanh Hiệp, Vương Văn Bắc, Tôn Thất Thiện, Cung Tiến, Nguyễn Hữu Chung, Lưu Văn Vịnh, Đàm Trung Pháp, Đào Trung Đạo, Nguyễn Quỳnh, Đinh Cường, Hồ Đắc Vũ, Ruth Talovich, Trùng Dương, Nguyễn Thị Hợp, Túy Hồng, Trần Mộng Tú, Bùi Bích Hà, Thanh Nguyễn, v.v..., Thế Kỷ 21 được săn sóc bởi tòa soạn và ty trị sự gồm có: Lê Đình Điểu, chủ nhiệm, Vương Hữu Bột (tức Đỗ Quý Toàn), chủ bút, Phạm Phú Minh (tức Phạm Xuân Đài), phụ tá chủ bút, Nguyễn Xuân Hoàng, tổng thư ký, Đỗ Việt Anh, giám đốc trị sự, và Vũ Duy Tự, văn phòng trưởng.

Ở nhiều nơi, trong và ngoài nước Mỹ, Thế Kỷ 21 được sự tiếp tay của các bạn, trong việc phát hành và liên lạc với độc giả, như Bùi Duy Thuyết (San Jose CA), Nguyễn Văn Khanh (Washington DC), Hoàng Chiêu Nhân (Québec, Canada), Thụy Khuê (Paris, Pháp), Thế Giang (Dortmund, Đức). Trong tương lai, Thế Kỷ 21 hy vọng còn được nhiều bạn ở các nơi khác tiếp tay nữa.

Sự tiếp tay âm thầm nhưng hữu hiệu để cho tờ báo sống còn và phát triển đến từ các độc giả và thân chủ quảng cáo — mà chúng tôi vui mừng thông báo rằng ngày một tăng. Nhân đây, chúng tôi xin gửi tới quý vị và các bạn những lời cám ơn chân thành và mong rằng chúng ta còn đi chung đường trong tương lai dài lâu.

Để tiện liên lạc, xin quý vị và các bạn ghi những số điện thoại, số fax, số nhà sau đây:

- Tòa soạn: 14901 Moran Street, Westminster CA 92683, USA.
- ĐT (714) 894-9021. FAX (714) 894-2752.
- Địa chỉ gửi thư: PO BOX 2054-H39, Wetminster CA 92684, USA.

THẾ KỶ 21

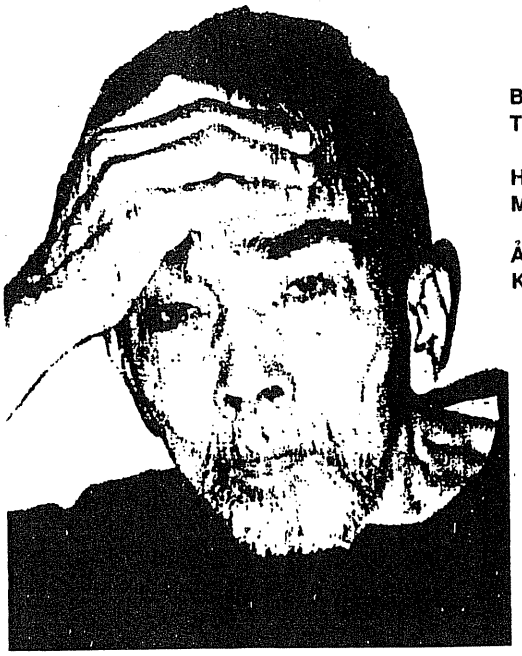

Nguyễn Gia Trí, 1992

Bìa: *Tranh Nguyễn Gia Trí*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Hí họa: *Vẹt, Babui*
Minh họa: *Đinh Cường, Thái Tuấn, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị Hợp*
Ảnh: *Lý Kiến Trúc*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

Số 53 • Tháng Chín 1993

Phần Anh ngữ (English Section)

VOICES: Blue and Green, MINH K.LA, 45 * Colors and Destinies, DANIEL PHILLIP KIM, 46 * Asian Democracy Radio, NGUYEN THANH TRANG, 47 * Reforms in Former Socialist Economies and Lessons for Vietnam, QUAN TU, 48 * BOOK REVIEW, A Tagmemic Comparison of The Structure of English and Vietnamese Sentences (Duong Thanh Binh), NGUYEN DINH HOA, 52 .

Phần Việt ngữ

Thư Tòa Soạn, THẾ KỶ 21, 2 * Bạn đọc viết, 4 * Tòa soạn và Bạn đọc, 5 * Vấn đề Việt Nam: Không thể lấy Kinh tế thay Chính trị..., TÔN THẤT THIỆN, 7 * Kinh tế: Trung Quốc: Đông Phương không còn hồng nữa, LÊ MẠNH HÙNG * TIẾNG VỌNG: Góp ý với ông Hạ Long Lưu Văn Vịnh... NGUYỄN QUỲNH, 17 * Những nấm mồ hoang, VÕ ĐÔNG PHA, 18 * Môi trường và phong cách kinh doanh Mỹ, DƯƠNG QUÂN, 19 * THƯ PARIS: Từ Mùi Đu Đủ Xanh.., TRẦN THANH HIỆP, 20 * ÂM NHẠC: Trò chuyện với Đặng Thái Sơn, TRUNG CHÍNH, 21 * NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH: Vĩnh biệt Nguyễn Gia Trí, TẠ TỴ, 24 * Nguyễn Gia Trí, người họa sĩ.., ĐINH CƯỜNG, 30 * CỔ NGOẠN: Hiện tình thư tịch đồ gốm Việt Nam, NGUYỄN NGỌC BÍCH, 35 * Xuân Khúc Krishnamurti, Thơ NGUYỄN HỮU NHẬT, 36 * Đối thoại: Đọc một chữ, trăm nỗi niềm, VÕ PHIẾN/NGUYỄN XUÂN HOÀNG, 58 * Lòng Chuông, Thơ GIANG HỮU TUYÊN, 59 * Kèn đồng hot jazz, Thơ TRẦN HỒNG CHÂU, 60 * Giữ mãi nụ cười, Thơ MINH HÂN, 63 * KHOA HỌC: Vũ trụ... không hề bùng nổ, SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH, 64 * DU LỊCH: Đà Lạt trăm tuổi, YÊN HÀ, 68 * Anh có yêu không mùa hạ của em, Thơ TRẦN MỘNG TÚ, 69 * Hạ Sầu, Thơ ĐINH PHỤNG TIẾN, 71 * Luân Hồi, Thơ BÙI DUY THUYẾT, 72 * TRUYỆN: Tưởng như không còn gì, TRẦN LONG HỒ, 73 * Đồi trăng, Thơ TRẦN THIỆN HIỆP, 75 * Dạ Khúc, Thơ NGUYỄN VĂN NGỌC, 76 * Có ai, Thơ HỒ ĐẮC VŨ, 77 * Chú Cuội nhổ gốc cây đa, Thơ LƯU VĂN VỊNH, 78 * TRUYỆN: Người đàn bà mang thai trên kinh Đồng Tháp, THẢO TRƯỜNG, 80 * Thanh Xuân, Thơ NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG, 83 * Từ rất gần từ rất xa, Thơ ĐOÀN NHẬT, 85 * CHỮ VÀ NGHĨA: Hiện tượng "ăn" trong tiếng Việt, CHU VIỆT, 87 * Căn phòng quá khứ, Thơ HỒ TRƯỜNG AN, 89 * Tình chiêm bao, Thơ SUZIE VƯƠNG, 90 * ĐỌC SÁCH: Tình yêu trong Chiếc Nón Bài Thơ của Nguyễn Đức Vinh, PHẠM ĐỨC TIẾN, 92 * Sách báo trong tháng, NGUYỄN NAM ANH và LÊ TAM CA, 94.

BẠN ĐỌC VIẾT

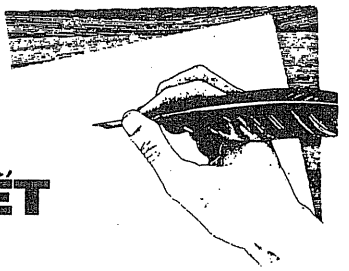

Chậm vẫn vui

Xin được góp ý kiến với độc giả Đoàn Nhật ở Springfield, VA. Thư anh Đoàn Nhật có buồn vì nhận được báo gửi mua dài hạn qua bưu điện chậm hơn là mua ở hiệu sách.

Sự thật rất đúng về sự chậm trễ. Nhưng tôi lại có cảm nghĩ khác. *Những tờ báo đứng đắn, không dựa vào quảng cáo nhiều, chỉ có thể sống nổi qua sự ủng hộ của độc giả bằng cách mua báo dài hạn.* Thành ra dù chậm vài ngày tôi vẫn thấy vui mỗi khi nhận được báo.

Phạm Anh Dũng
Santa Maria, CA

Mỹ hóa

Đọc mục "Bạn Đọc Viết," tôi tức cười về một nhận định của một độc giả ở Mission Viejo, Calif. về chữ *dark-faced* dùng trong bài viết về lệnh cấm vận. Chữ *dark-faced* nhằm mô tả hai điều, trước hết là nước da nâu đậm (dark brown), không phải đen, của người thanh niên Việt Nam trong buổi thuyết trình về lệnh cấm vận của Hoa Kỳ tại Việt Nam, không phải như ông độc giả nọ hiểu lầm. Chữ nhục mạ, theo tự điển, là "darky." *Dark-faced* chỉ là một tĩnh tự kép thông thường. Nghĩa thứ hai là thái độ ưu tư của người thanh niên đó. Người da màu gì, trắng hay đen hay vàng hay đỏ, cũng đều có lúc và có thể *dark-faced*, tức mang một bộ mặt ngầm chứa những suy tư bí ẩn, không thể chỉ có người da đen hay nâu đậm mới được quyền ở trong tình trạng *dark-faced*. Phải là người nặng mặc cảm tự ti và có tinh thần kỳ thị *ngược* mới nghĩ sâu xa về tĩnh từ kép *dark-faced* để cho là tôi ngạo mạn những ý kiến của người thanh niên Việt nọ vì tôi Mỹ hóa — Tôi không phủ nhận việc tôi Mỹ hóa vì tôi đã quá quen với những tư tưởng tự do, bên cạnh những tiện nghi vật chất như các kỹ thuật tân tiến dùng trong việc truyền thông, và một cái dạ dầy lúc nào cũng đầy để tôi không phải lo kiếm cái bỏ bụng đặng mà tha hồ suy tư, mơ mộng, sáng tạo, và vân vân. Ở điểm này, báo chí Việt ngữ ở hải ngoại cũng Mỹ hóa vậy — rất tự do, rất điện toán hóa!

Tức cười rồi tôi thất vọng vì lẽ bài viết đã đưa ra những ý kiến chỉ để được tôn trọng mà không có sự góp ý để từ đó đưa đến đối thoại, hoặc nếu cần, tranh biện. Gần đây tôi có đọc một mẩu tin trên báo in ở một góc mà chả mấy ai để ý, về việc Trung Cộng đang hỏi han để mua mấy cái hàng không mẫu hạm của nguyên Liên Bang Sô Viết. Cái cản trở hiện tại là nước nào trong khối cựu liên bang Sô Viết cũng muốn dành toàn bộ về mình đặng kiếm ngoại tệ. Mẩu tin này khiến tôi thêm quan tâm về tình trạng lấn lướt của Trung Cộng tại Việt Nam, và đôi khi không khỏi tự hỏi liệu rồi có còn một nước Việt Nam để cho mình một ngày nào đó về thăm? Hoa Kỳ mới gửi ba nhà ngoại giao sang Hà Nội, nói là để lo cho dân Mỹ du lịch tại Việt Nam ngày một đông, chứ không phải là bước đầu để tiến đến bang giao. Khi một chính phủ phủ nhận một điều gì, cứ chờ mà xem điều đó sẽ xảy ra. Liệu các nhóm, đảng chống cộng của người Việt hải ngoại đã có một cái *contingency* chương trình nào chưa để đối phó với việc Hoa Kỳ *sẽ* nối lại bang giao với Hà Nội, hay là sẽ vẫn tiếp tục chống cộng tới tối? Tôi có cảm tưởng mình vẫn giữ cái thói con đà điểu chạy trốn ngày xưa ở Saigon: Mỹ nó đang bán đứng mình, vậy mà cả trên lẫn dưới, từ dinh Độc Lập cho đến ngoài chợ Bến Thành, ai cũng tin tưởng vào lá thư cam kết của Nixon là sẽ không bỏ rơi Việt Nam để dụ Việt Nam Cộng Hòa chấp thuận bản Hòa Ước Paris 1973!

Thai Strom
Placerville, CA

Tự cắt

Chủ trương dân chủ là tôn trọng nguyên tắc chân lý không thuộc về mình. Mình phải có tự tin và can đảm nói ra những điều mình nghĩ là đúng, nhưng mình cũng phải chấp nhận việc người khác không đồng ý với mình và cho rằng mình sai, để suy nghĩ thêm và học hỏi thêm. Tôn trọng nguyên tắc đó, tôi yên lặng cúi đầu nghe những lời phê bình của độc giả mà ít khi lên tiếng cải chánh hay tranh luận, trừ trường hợp cần làm sáng tỏ một vấn đề quan trọng. Tôi không tranh luận hơn thua vì tôi nghĩ rằng đã có hàng ngàn độc giả phê phán sự đúng sai giữa ý kiến của mình và của người chỉ trích.

Sở dĩ hôm nay tôi góp ý trong câu chuyện "cắt... cái gì" vì tôi thấy vui vui, không biết vui vì chuyện "cái gì đó," hay vui vì nắng hạ bao quanh (tuy rằng không có Nhật Hạ đâu đây, mà trong nhà lại không có cuốn video Nhật Hạ), hay vì được anh Đỗ Kh. nói tới mình, anh Đỗ Kh. là một nhà thơ trẻ mà tôi rất ái mộ vì anh làm thơ dễ thấy mẹ.

Câu chuyện khởi đi từ bài viết nhan đề **Chủ thuyết** của tôi (TK21 tháng 6) trong đó tôi có viết "*Có nhiều niềm tin sai lạc một cách tàn ác. Ở Phi Châu nhiều người còn tin ở việc phải cắt âm hộ phụ nữ để người này khi chết được lên thiên đàng...*" Ông Nguyễn Hà Trung, sau đó, trong bài **Cắt... cái gì** (TK21 tháng 7) có viết rằng "*Tôi nghĩ những điều ông viết không đúng. Không hề có chuyện cắt âm hộ... Âm hộ không thể cắt được... Ở Phi Châu, như ở Somalia, Nigeria, có tục cắt mòng đóc của các em bé gái v.v...*" Ông Nguyễn Hà Trung viết một bức thư dài và công phu. Tôi cám ơn sự sốt sắng của ông.

Rồi tới anh bạn Đỗ Kh. với bài viết **Để được lên thiên đàng...**, trong đó anh phê bình sự phê bình của ông Nguyễn Hà Trung, phê bình những chi tiết của ông Trung đưa ra liên quan đến Hồi Giáo và, trên phương diện tư tưởng, tỏ vẻ đồng ý với quan điểm của tôi khi anh viết "*Và nếu niềm tin cắt mòng đóc để được lên thiên đàng là một niềm tin sai lệch thì chắc những niềm tin thuộc loại để được-lên-thiên-đàng đều cần sự cẩn trọng trước khi dùng đến dao (búa), (kềm) kéo.*" Thưa anh Đỗ Kh., đó cũng là ý của tôi khi viết bài **Chủ thuyết**. Cám ơn anh.

Thưa các bạn, sở dĩ có rắc rối trong câu chuyện "cắt... cái gì" là lỗi ở tôi, là bởi vì tôi đã... tự cắt. Vì tôi không muốn viết chữ "cái gì đó" ra. Nhưng chạy trời không khỏi nắng, hôm nay, khi trích nguyên văn lời viết của ông Nguyễn Hà Trung và bạn Đỗ Kh., tôi đã phải viết "nó" mấy lần. Về chuyện "cắt... cái gì đó" thì tuy không phải là một chuyên viên về "cái gì đó," nhưng tôi cũng có biết sơ sơ. Tôi có xem một thiên phóng sự truyền hình của Pháp về chuyện này, trong đó người ta có phỏng vấn những nhà nhân chủng học và những bà trong phong trào tranh đấu đòi quyền cho phụ nữ Phi Châu. Tôi cũng có đọc một tài liệu về chuyện này trên một tạp chí Mỹ, và mới đây nhất, theo dõi một phiên tòa ở Paris trong đó bị cáo là một người mẹ gốc Phi Châu đã mướn một bà (phù thủy hay lang băm gì đó) cắt "cái gì đó" của đứa con gái mình khiến cô bé bị mất máu trầm trọng. Tôi cũng biết danh từ khoa học của việc làm này là *clitoridectomie* tuy tôi chỉ ghi chú trong bài viết bằng danh từ bình dân là *circoncision*.

Chuyện này là một chuyện quan trọng đối với xã hội Phi Châu và nếu nghiên cứu vấn đề tường tận, bạn có thể làm một luận án tiến sĩ. Phần tôi, tôi chỉ nêu nó lên như một chủ thuyết, một tôn giáo hay một sự mê tín nào đó để xây dựng một hệ thống chánh trị rồi áp đặt lên đầu tất cả mọi người, bài viết chủ trương một hệ thống chánh trị dựa trên những giá trị nhân loại mà xã hội đã thích nghi và đã tôn trọng và những giá trị mới, được du nhập với sự đồng thuận xã hội.

Tôi không có ý đi sâu vào vấn đề "cắt... cái gì", vì vậy tôi chỉ viết có mấy dòng. Đây có thể là một đề tài hấp dẫn, nhưng nếu tôi không "tự cắt" để cứ viết vài trang về chuyện này thì bài viết **"Chủ thuyết"** sẽ biến thành bài viết "Cắt... cái đó." Cũng trong tinh thần "tự cắt" mà tôi đã không viết chữ "cái gì đó" ra. Thái độ của tôi có thể là một thái độ sai lầm, nhưng con người tôi đã được làm nên như thế. Tôi thường hay tiết chế trong việc dùng từ ngữ hay trong việc phát biểu ý tưởng. Đó có thể là một nhược điểm, nhưng phần tôi, tôi lại nghĩ rằng sự tiết chế không làm mất bản lãnh con người. Tôi nhớ cách nay khá lâu, khi nhã nhặn trả lời bà Dương Thu Hương, bà Thụy Khuê có viết rằng "...lễ độ trí thức và cái chừng mực của con người không cho phép tôi đẩy lời lẽ đến cùng."

"Tự cắt bớt đi" không phải nhất thiết để mong được lên thiên đàng, nhưng để mong thế gian này được thêm tinh tế, hài hòa, an lạc.

Nguyễn Hữu Chung
Montréal, Canada

Thiếu... 35 câu!

Trong mục "Bạn Đọc Viết", TK21 số tháng Tám 1993, Ô. N.D. Cường cho biết là trong một số trước của TK21, bài phỏng vấn nhà văn Trần Ngọc Tuấn: "*Tôi chỉ có một chỗ để đi về...*", có chữ *Đi* là chữ tâm đắc nhất của tác giả, lại bị tờ báo cắt.

Theo kinh nghiệm bản thân, việc in sai, mất chữ, thêm chữ v.v... trên báo chí Việt Nam ở hải ngoại là việc rất phổ biến, không phải độc quyền của tờ TK21. Việc này không biết trách ai, với riêng tôi, ngay cả tập thơ, tập truyện của tôi khi in thành sách, dù được tác giả duyệt đi duyệt lại, vẫn nhiều lỗi hơn ai hết.

Cũng một số tháng 8, bài "*Hiện tình thư tịch đồ gốm Việt Nam*" của Nguyễn Ngọc Bích (?) được giới thiệu ở ngoài bìa, không tìm đâu thấy ở bên trong. Bài "*Cuối tuần giữa ngoặc*" của Đỗ Kh., thiếu ba đoạn và hai khúc, tất cả 35 câu!

Theo cảm quan cá nhân, khi đọc lại bài thơ này trên TK21, tôi thấy... rất dở (đây là cảm quan cá nhân tôi, không có gì tuyệt đối) lục lạo lại bản thảo, sau khi tìm ra 35 câu thơ thiếu, đọc lại (theo cảm quan cá nhân), tôi thấy... vẫn dở. Có những câu thơ, văn hay, vì in sai, thiếu, thừa, thành ra dở. Nếu may, có câu nhờ những cái nạn nhỏ trên, lại trở thành hay, thí dụ, cái tựa của bài thơ trên, nếu "bị" in thành chữ điệp "cuối cuối tuần tuần giữa giữa ngoặc ngoặc", có lẽ, nếu không hay hẳn, cũng đã thêm được phần khêu gợi. Nhưng đằng này, dù đủ hay là thiếu, bài thơ này... cũng dở. Tôi xấu hổ (má ửng một thoáng hồng dưới cái vẻ làm ra dày dạn phong sương).

Thành thử, để mà than thở, hạnh phúc thay những người viết nào tâm đắc được một câu, một chữ, một bài, nhớ nó và gọi lại nếu bị sai, bị nhầm, bị cắt. Hẳn là hơn những trường hợp cắt cũng như... không.

Ký tên: Người cầm bút buồn.

Đỗ Kh.
(Yorba Linda, CA)

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● Tòa báo đã nhận được phiếu gia hạn, hoặc đặt mua dài hạn, của quý vị và các bạn sau đây. Xin cám ơn rất nhiều, và mong quý vị và các bạn cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Đặc biệt, các bạn ở Đức, từ trước vẫn nhận báo qua đại diện TK21 ở Dortmund, nay sẽ nhận báo trực tiếp từ Mỹ (vì bưu phí ở Đức tăng gấp đôi). Xin các bạn trả tiền (nếu tới hạn) theo giá biểu mới, nhưng vẫn quy ra Đức mã và trả cho Trần Thế Hưng ở Dortmund. Đồng thời xin các bạn cho mã số địa chỉ mới, để báo đến nhanh hơn.

Hoàng Ngọc Tin (Karben - Klopenheim), Trần Thị Mỹ Hạnh (Krefeld), Trần Văn Tài (Essen), Nguyễn Hữu Dõng (Koln), Lý Huỳnh Bá (Gel - Schalke), Đỗ Như Lạc (Dortmund), Vietnam-Hous (Berlin), Dương Văn Phượng (Essen), Dr. Vương Thế Anh (Bielefeld), Trần Thanh Hải (Dortmund), Nguyễn Đức Chính (Frankfurt), Nguyễn Phi Hùng (Dortmund), Lại Ánh Mai (Oberursel), Trần Văn Phước (Stuttgart), Dr. Bùi Hạnh Nghi (Offenbach), Lương Minh Thu (Berlin), Phạm Duy Đoán (Neuss), Trần Tư (Neuss), Nguyễn Văn Hưởng (Duisburg), Nguyễn Nguyên Thanh (Berlin), Phạm Ngọc Đảnh (Berlin). Nguyễn Văn Năng (Houston TX), Nguyễn Ngọc Chi (Tustin CA), Ewing Diep (Shalimar FL), Phấn Barker (Kailua - Kona HI), Rw. Trần Cao Tường (Marrew LA), N.B.Long (New York NY), Nguyễn Tuyên (Garden Grove CA), Hoài Hương (Montreal Canada), Mark. K Fu (Honolulu HI), Vũ Trọng Mục (Norwalk CA), Nguyễn Văn Luận (Garden Grove CA), Lại Mạnh Cường (Amsterdam, Holland), Đoàn Xuân Kiên (London, Anh), Phạm Huân (Agoura CA).

● **Sách báo nhận được:** Trong tháng qua, TK21 nhận được sách, báo, do các văn hữu và đồng nghiệp gửi tặng. Sách và báo mới được giới thiệu trong mục "Sách báo trong tháng." Các báo khác xin ghi nhận ở đây và xin cám ơn quý đồng nghiệp.

- *Góp Gió*, P.O. Box 602, Station P. Toronto ONT, M5S 2JO, Canada.

- *Asian America*, số 11, UC Santa Barbara, CA 93106.

- *AAJA*, Bản tin của Hội Ký Giả Á Mỹ (Asian American Journalists Association), Spring 1993, 1765 Sutter St, # 1000, San Francisco, CA 94115.

- *Diễn Đàn*, số 22, BP50, 92340 Bourg la Reine, France.

- *Nội san Hạc Trắng*, số 1, 9880 Bolsa Ave, Westminster, CA 92683.

- *Liên lạc*, Vol 2, No 1, P.O. Box 421253, Los Angeles, CA 90012 - 1253.

- *Trung Mỹ Việt Báo*, số 28, P.O. Box 60820, Oklahoma OK 73146.

- *Người Dân*, số 34, P.O. Box 2674, Costa Mesa, CA 92628.

- *Cánh Én*, số 25, Postlagend, W-8500 Nurnberg 82, Germany.

- *Yểm Trợ Giáo Hội VN*, số 7, P.O. Box 2932 Gretna LA 70054-2932.

- *Sinh Hoạt Cộng Đồng*, số 4-5/93, Carlos - Grethe - Weg 2, 7000 Stuttgart 1, Germany.

- *Thân Hữu*, số 7 (CLB Bưởi - CVA), 29 Ave Jean Moulin, 92260 Fontenay aux Roses, France.

- *Nắng Mới*, số 22, CP 40 Succ Côte des Neizes, MTL, Quebec, H3S2S4, Canada.

- *Hưng Việt*, số 4, P.O. Box 5089, Orange, Ca 92613.

- *Hợp Lưu*, số 11, P.O. Box 277 Garden Grove, CA 92642.

- *Văn Học*, số 88, P.O. Box 1359 Garden Grove, CA 92642-1359.

- *Sống*, số 10, P.O. Box 421253 Los Angeles, CA 90042.

- *Sóng*, số 131, 3003 Danforth Ave, P.O. Box 93707 Toronto ONT M4C 5RC Canada.

- *Giao Điểm*, số 13, P.O. Box 2188 Garden Grove, Ca 92642.

- *Thông Luận*, số 62, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France.

- *Ngày Nay* (Wichita), số 112, 410 W 21ST St., Wichita KS 67203.

- *Dân Chúa* (Âu Châu), số 127, Pfizerstr.5 D-70182 Stuttgart 107, Germany.

- *Trăm Con*, số 13, P.O. Box 232 Station C Toronto ONT M6J 3P4 Canada.

- *Việt Luận*, số 805, P.O. Box 99 Bankstown, NSW 2200, Australia.

- *Dân Việt*, số 2, P.O. Box 368 Cabramatta NSW 2166 Australia.

- *Cuộc Đời*, số 2, 10512 Bolsa Ave # 205, Westminster, CA 92683.

● **Triều Phong** (*Palawan, Philippines*): Vì không đi kịp trên TK21 vào mùa Vu Lan, đã chuyển bài "NBVBH" sang *Người Việt*. Sẽ gửi báo NV. Cám ơn nhiều. Chúc vui luôn.

● **Thu Hà** (*Berlin, Đức*): Cám ơn nhiều. Quà đã quý, công gửi và tấm lòng gửi theo còn quý hơn. Sẽ gửi sách cùng lúc với gửi báo, xem giá cước có rẻ hơn chút nào chăng. Trị sự xem lại danh sách thấy vẫn có tên PNC từ mấy tháng nay, không hiểu sao lại mất báo hai tháng qua! Sẽ gửi bù cho C kỳ này. Thân chào.

● **Trần Thiện Hiệp** (*Seattle WA*): Có "tâm" mà chưa gặp "duyên" nên cứ hụt hoài. Thôi, lần sau lên đường lẳng lặng, có khi lại tới nơi. Anh có đề nghị gì về mục mà anh thích không? Người? Đề tài? Cách nói? Thăm và chúc vui.

● **Võ Đồng Pha** (*Vancouver*): Xin phép cắt xén chút ít, để chủ đề không bị loãng. Cám ơn ông đã cho ý kiến. Kính.

● **Trần Thanh Tú** (*Richland WA*): Lớp "Văn Sử" do một nhóm bạn trẻ tổ chức, với sự yểm trợ vật chất và tinh thần của hai tổ chức văn hóa là Hội Cựu Giáo Chức Việt Nam hải ngoại và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt-Mỹ. Rất tiếc, khóa này là khóa đầu tiên nên chưa thực hiện được việc thu băng, thu hình để phổ biến rộng. Hy vọng các khóa sau làm được, với điều kiện được các mạnh thường quân yểm trợ phương tiện! Ban tổ chức chỉ để số điện thoại thôi, bạn cứ viết, nhờ tòa báo chuyển. Thân ái.

● **Xuân Vũ** (*Texas*): Cám ơn anh đã cho tranh và bài. Sẽ nghiên cứu gợi ý của anh về một "press conference." Chúc anh vui luôn.

● **June Nguyen** (*Agoura CA*): Đã nhận được thư. Rất mừng bạn đã qua cuộc giải phẫu an toàn. Bạn bè quanh đây gửi lời thăm và chúc sức khỏe tới bạn. Mong có dịp gặp. Thân ái.

● **Nguyễn Văn Cường** (*Oklahoma City OK*): Cám ơn đã gửi cho báo và bài. Đã chuyển sang NV. Mong tin luôn. ■

KHÔNG THỂ LẤY KINH TẾ THAY CHÍNH TRỊ LÀM KHÍ CỤ CHÍNH TRONG CÔNG CUỘC TRANH ĐẤU CHO DÂN CHỦ ĐƯỢC

TÔN THẤT THIỆN

Ngày nay chế độ "xã hội chủ nghĩa" Việt Nam đang sống trong cảnh chợ chiều. Ngay cả những tay chóp bu của ĐCSVN cũng biết điều đó, và đang chuẩn bị ráo riết để khi "ngày đó" đến khỏi phải bị bất ngờ.

Nghĩ cũng buồn cười! Những người mà trong những năm trước 1954 người Pháp gọi là "boufeurs de francais" (những kẻ ăn thịt người Pháp) thì nay lại ào ào cho con cái đi Pháp và chuyển ngân lậu -- như thời "affaire des piastres" -- để khi "ngày đó" đến thì có chỗ nương thân và tiếp tục sống cuộc đời vương giả hay... triệu phú tư bản rừng. Có người lại lén lút chạy chọt -- với người Mỹ -- cho con cái đi Hoa Kỳ (trong khi họ cho những người Miền Nam tỵ nạn ở Hoa Kỳ là "đĩ" và "Việt gian" !

Càng buồn cười hơn nữa là họ và con cái vào Pháp hay Hoa Kỳ không phải để tỵ nạn độc tài, mà là tỵ nạn... dân chủ! Tuy rằng họ không ngớt rêu rao một câu mà họ trích nguyên văn của Lê-Nin: "dân chủ xã hội chủ nghĩa hơn dân chủ tư bản chủ nghĩa gấp một triệu lần", họ chỉ dành dân chủ kiểu Lê-Nin đó cho những người đòi được sống dưới chế độ dân chủ tư bản, còn riêng họ thì họ lại chọn dân chủ kiểu tư bản (thật ra là dân chủ kiểu tư bản rừng rú chớ không phải tư bản cải thiện ngày nay) khi "ngày đó" đến.

Tuy vậy, hiện nay "ngày đó" chưa đến, và chưa biết ngày nào nó sẽ đến. Để đẩy lui cái "ngày đó" càng lâu càng tốt, đảng ta tung ra nhiều chiến dịch. Một trong những chiến dịch đó là khuyến khích "kiều bào yêu nước" hồi hương, và nhất là có về thì đem vốn về, cho thiệt nhiều, nhiều chừng nào tốt chừng đó, để đầu tư, giúp nước phát triển kinh tế để cho "dân giàu nước mạnh" (chớ không phải để giúp Đảng mạnh đâu nhé!). Trước kia, những Việt kiều "yêu nước" này là "ngụy," "phản động," "tay sai của với đế quốc," "toa rập với lực lượng phản động thế giới chống lại cách mạng," v.v... Còn trí thức thì "không bằng cục phân." Những loại người đó thì Đảng phải thẳng tay trấn áp!

Nay thì khác! Nước cần đến những người đó lắm, nghĩa là Đảng cần đến họ lắm! Theo Hiến Pháp tháng 4 năm 1992, Đảng là Nước mà! Không những vậy, Đảng còn ở trên Nước nữa! Và vì Đảng áp dụng nguyên tắc "dân chủ tập trung," ông trùm của Đảng cũng trên Nước luôn. Không biết hiện nay ông đó là ai? Võ Văn Kiệt thì coi như người chạy vòng ngoài, lo làm ngoại giao, nghĩa là "nói láo cho chủ mình" (theo định nghĩa của giới ngoại giao thế kỷ XIX: *"le diplomate est un homme qui ment pour le compte de son maitre."*) Chủ mình đây là Đảng. Nhưng Đảng đây là Đỗ Mười, theo qui chế đảng, hay Lê Đức Anh, theo nguyên tắc "ai nắm quân đội và cảnh sát thì người đó cầm thực quyền"? *Peu importe*! Dù sao, trong một đảng cộng sản thì chỉ có một người có thực quyền mà thôi. Có vậy mới đúng nguyên tắc dân chủ tập trung chớ!

Nhưng hiện nay, ông Đỗ Mười cũng như ông Lê Đức Anh, cũng

Hà Nội bắt cơ sở tôn giáo báo cáo hoạt động

Thông tấn xã AFP trong bản tin đánh đi từ Hà Nội tháng Tám 1993 cho biết Võ Văn Kiệt đã ký sắc lệnh nhằm kiểm soát các hoạt động của tôn giáo và đặc biệt là Phật Giáo. Bản văn nói rõ rằng từ nay các cơ sở tôn giáo hàng năm phải báo cáo các hoạt động. Các sinh hoạt đó phải được sự chấp thuận của chính quyền địa phương.

Nhà Nước cho phép việc hành đạo, nhưng các nhà tu hành không được lợi dụng việc này để "chống phá chính quyền" hay "phá hoại tình đoàn kết quốc gia." Các tu sĩ hay các tín đồ tôn giáo nếu vi phạm thì sẽ bị trừng phạt như những công dân khác.

Việc liên lạc giữa các Giáo Hội ở trong nước với các tổ chức ở nước ngoài phải tuân hành các chỉ thị của Nhà Nước.

Sắc lệnh cũng quy định rằng các trường do các tôn giáo điều hành phải giảng dạy các bài học về "chính trị." Bản văn trên cũng cho phép việc ấn hành và nhập cảng các sách giáo lý, duy trì các nơi thờ phụng, đào tạo các tu sĩ và gửi các phái đoàn tôn giáo ra nước ngoài, nhưng chỉ được thực hiện "khi nhà cầm quyền xét thấy tối cần thiết."■

như hầu hết các ủy viên Trung Ương, tinh thần cách mạng thì nhiều, nhưng học thức và kiến thức thì lại ít, nên cũng phải dùng một số trí thức. Nói là trí thức thì cũng không đúng. Như Nguyễn Kiến Giang đã nhấn mạnh trong bài "Dắt tay nhau, đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ" (đăng trong *Thông Luận*, số 60, tháng 5, 1993, dưới bút hiệu Hà Sĩ Phu) những người đã quỳ xuống chấp nhận chỉ nói a dua theo lãnh đạo của Đảng, "về thực chất không còn là trí thức nữa." Nhưng dù sao họ cũng là "trí" của mấy ông chóp bu Đảng. Dù thức hay ngủ, họ là những cán bộ của Ban Tuyên Huấn và Tư Tưởng, và phải hiến kế cho Đảng kéo dài "ngày đó."

Một trong những kế này là hướng dẫn chúng Việt Nam ra khỏi hoạt động chính trị. Bằng cách nào?

Một là dùng bạo lực cách mạng tối đa để triệt để trấn áp, và đập tan tất cả mọi ý chí hoạt động chính trị. Chính trị đây là chính trị thật, nghĩa là không phải chỉ nói lên, ngay cả một cách công khai, những sự bực bội của mình, mà còn chủ trương những sự thay đổi đường lối chính sách căn bản của quốc gia (Nhà Nước), đặc biệt là chủ trương dân chủ đa nguyên đa đảng (như các anh Nguyễn Đan Quế hay Đoàn Viết Hoạt đã làm, và đã vì vậy mà bị 20 năm tù).

Hai là bịt miệng những trí thức trong Đảng có óc sáng tạo (như Nguyễn Kiến Giang), không cho họ trình bày những quan điểm mới mẻ làm căn bản cho những chính sách có thể cứu nước ra khỏi tình trạng lụn bại hiện tại vì đầu óc của những người lãnh đạo Đảng và đám trí thức đó đã xơ cứng hoặc đầy rác rưởi, và họ đặt quyền lợi cá nhân của họ lên trên sự sống còn của dân tộc, và ngay của cả đảng họ nữa.

Ba là hướng hoạt động và tư tưởng của dân, nhất là của người Việt hải ngoại, vào kinh tế (chỉ những người này mới có vốn tư bản để làm việc đó!). Các ông "trí thức" của Đảng có hai thuyết luận mà họ dùng mọi cách để làm lọt tai người nghe. Một là: về Việt Nam làm ăn ngày nay dễ dàng lắm; đời sống rất dễ chịu: cái gì cũng có (đối với ngoại kiều có lợi tức trên 5000 đô một tháng so với 20-30 đô của dân trong nước); và nhân viên chính quyền chẳng làm gì ai cả, dù là có công khai chỉ trích chính quyền, hay thuộc chế độ "ngụy" (**nhưng với điều kiện là đừng đả động gì đến việc thay đổi chính thể, và nhất là đừng có chủ trương dân chủ đa nguyên đa đảng hay liên lạc với những người mà chính quyền đang "trù"**).

Đối với chuyên viên trí thức, nhất là chuyên viên trí thức trẻ, bồng bột, nhưng yêu nước thật — qua những tuyên bố của họ trong những cơ hội này hay cơ hội khác (nôn nức muốn "làm một cái gì cho đất nước đau khổ"), hay qua hành động cụ thể của họ: là thăm viếng Việt Nam — nghĩa là đương nhiên chấp nhận tính cách chính thống (*légitimité*) của chế độ và những người cầm quyền hiện tại (ý nghĩa của việc đến sứ quán của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam để "xin" chiếu khán, nghĩa là **xin phép** về xứ sở **của mình**), thì thuyết luận của tuyên truyền cộng sản như sau.

Sự đóng góp của kiều bào rất quý báu; kiều bào nên về xứ tham gia vào công cuộc kiến thiết xứ sở, cho "dân giàu nước mạnh" (chớ không phải giúp ĐCSVN, viện cớ rằng nhờ Đảng mà tình hình cải thiện mau chóng để đòi Đảng phải ở lại cầm quyền vĩnh viễn, vì chỉ một mình Đảng mới có khả năng cứu nước, đâu nhé!). Nhưng cần cảnh cáo quý vị là **quý vị chỉ nên hoạt động trong lãnh vực chuyên môn thôi, đừng có hiến kế, đừng có phê bình đề nghị gì hết về chính trị, đặc biệt là đừng có chủ trương dân chủ đa nguyên đa đảng đó nghe!** Nếu làm như vậy thì họ bắt buộc phải ghép cho quý vị cái tội "muốn lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa" bằng "diễn biến hòa bình," là một âm mưu thâm độc của đế quốc (chớ không phải của "những lực lượng phản động thế giới" — vì Bắc Kinh nay lại là thầy chớ không còn là thù của Hà Nội, không thuộc thành phần này nữa!)

Một thuyết luận nữa, mà Hà Nội khuyến khích bằng sự im lặng của họ — khi các ông trong Ban Tuyên Huấn và Tư Tưởng của Đảng không có chiến dịch "phản tuyên truyền" về một điều gì là họ chấp nhận điều này có lợi cho họ — là "dùng kinh tế để đánh đổ cộng sản mau chóng." Lập luận chính về điểm này là kinh tế càng phát triển thì chính quyền cộng sản càng phải nới rộng kềm kẹp của họ, dần dần họ bớt nắm vững được tình hình, và tới một mức độ nào đó họ sẽ không kiểm soát nổi tình hình nữa, một khủng hoảng lớn sẽ xảy ra và làm cho chế độ cộng sản sụp đổ. Cho nên "người đầu tiên đầu tư ở Việt Nam là người góp phần xây dựng dân chủ."

Lý luận như vậy thì đương nhiên cho rằng đấu tranh chính trị là thứ yếu, trong khi lãnh đạo ĐCSVN vẫn nhấn mạnh rằng kinh tế là phụ và chính trị là chính; họ sẵn sàng thả bớt kiểm soát kinh tế nhưng cương quyết tuyệt đối xiết chặt chính trị. Còn nắm được chính trị, và nhứt là phương tiện chính trị — bạo lực cách mạng: quân đội, công an, cảnh sát; quyền viết hiến pháp và luật pháp, quyền bắt bớ và xử án theo tiêu chuẩn cách mạng — thì họ còn "trụ". Nắm được độc quyền chính trị ngày nào họ "trụ" được ngày đó. Thả lỏng bớt về kinh tế là giảm bớt bất mãn. Giảm bớt bất mãn là giảm bớt chống đối. Giảm bớt chống đối là giảm bớt áp lực cách mạng, là có thêm thời gian để giải quyết lần lần các khó khăn và lại kéo dài thời gian "trụ."

Những người chủ trương dùng kinh tế thay chính trị làm khí cụ tranh đấu chống cộng sản không mấy chú ý điểm này: điều mà họ muốn chính là điều lãnh đạo cộng sản Việt Nam hiện tại muốn: kéo dài chế độ, đẩy lui "ngày đó," giữ cho chợ chiều chậm tan. Phần khác, họ không thấy rằng kinh nghiệm Ba Lan và Nga cho ta thấy rõ rằng Ba Lan tiến bộ kinh tế nhanh chóng và nhiều nhờ giải quyết ngay được vấn đề chính trị, trong khi Nga đang mắc kẹt lớn vì về kinh tế không tiến được, và kinh tế không tiến được vì vấn đề chính trị vẫn lòng thòng: cọng sản phản động còn đầy dẫy trong các cơ quan chính quyền, đặc biệt là Quốc Hội, Ngân Hàng Quốc Gia và các cấp hành chánh then chốt,

Đức Giáo Hoàng La mã và giới trẻ toàn cầu

Đức Giáo Hoàng John Paul II vẫy tay chào gần 200,000 người trẻ đến từ nhiều nơi trên đất Mỹ và thế giới, nhân "Đại Hội Giới Trẻ Công Giáo 1993," tại Denver, Colorado.
Hơn 10,000 thanh niên nam nữ gốc Việt đã về dự Đại Hội, và được Đức Giáo Hoàng dành đặc ân tiếp kiến riêng. Qua buổi tiếp kiến này, Giáo Hoàng nhắn nhủ giáo dân Việt Nam hãy đoàn kết, và nhắc nhở những người đang cầm quyền ở trong nước Việt Nam hãy tôn trọng nhân quyền.
Hình do Lý Kiến Trúc chụp lúc 6 giờ chiều ngày 15 tháng Tám 1993, tại thao trường McNichols.

và những phần tử phản động này dùng đủ mọi cách để ngăn chận và phá hoại những chính sách nhằm dân chủ hóa chính trị và thị trường hóa kinh tế của ông Yeltsin.

Phát triển kinh tế mau và mạnh có ảnh hưởng làm tan rã chế độ cộng sản. Có thể đúng! Nhưng nếu có đúng, chỉ đúng một phần. Đó là trong dài hạn, và nếu có hữu hiệu thì nó cũng đòi hỏi một thời gian rất lâu. Thật ra thì nó không đúng, vì chế độ mà chúng ta và ngay cả một phần ngày càng đông trong hàng ngũ đảng cộng sản đang chống không phải là chế độ "xã hội chủ nghĩa" trước đây nữa. Chế độ "xã hội chủ nghĩa" đó có thể nói là chết rồi hay đang ngắc ngoải. Chế độ mới với những con "người mới" mà ĐCSVN đã đào tạo và đang ngự trị ở Việt Nam mà chúng ta và những người cộng sản đã thức tỉnh đang chống là một **chế độ phát xít.** Chính những học giả thiên tả đã định nghĩa "phát xít" là: tư bản cọng với độc tài đảng. Đây cũng là định nghĩa của chế độ "xã hội chủ nghĩa của ta hiện nay", theo đồng chí Tổng Thư Ký Đỗ Mười trong một buổi "briefing" nội bộ đầu năm nay!!!

Phần khác, nhà tư bản nào, nhất là tư bản muốn làm giàu cũng mau như cán bộ "xã hội chủ nghĩa" hiện nay, lại đem vốn và đem thân về Việt Nam để hoạt động nhằm loại bỏ chế độ hiện nay để thay thế nó bằng một chế độ dân chủ?! Trái lại, họ cần chế độ này tồn tại. Và họ sẽ phải cấu kết với chính quyền "xã hội chủ nghĩa" đương trị, hoặc nhắm mắt ngậm tăm trước những hành động phản dân chủ của chính quyền này, để yên ổn "làm ăn" theo kiểu rừng rú. Có thế mới mau giàu như mấy con "người mới" xã hội chủ nghĩa được!

Vì những lý do nêu trên, ta phải kết luận rằng:

Không thể lấy kinh tế làm khí cụ chính trong công cuộc tranh đấu cho dân chủ được. Hoạt động kinh tế tự nó không đem lại dân chủ cho Việt Nam được. Phải có tranh đấu chính trị. Tranh đấu chính trị là khí cụ tranh đấu chính của những người muốn xây dựng dân chủ cho Việt Nam. Bỏ tranh đấu chính trị là bỏ tranh đấu cho dân chủ cho Việt Nam.

Ottawa, 10 tháng 8, 1993

TRUNG QUỐC: ĐÔNG PHƯƠNG KHÔNG CÒN HỒNG NỮA

LÊ MẠNH HÙNG

Ông láng giềng khổng lồ phương Bắc nước Việt Nam ta, trong hầu hết thế kỷ này đã bị các nước phương Tây coi như là một ông khổng lồ bệnh hoạn. Xâu xé bởi các nước thực dân đế quốc, chìm đắm trong các cuộc cách mạng, đói kém, giam hãm trong chế độ độc tài Cộng Sản mà đỉnh cao là cuộc Cách Mạng Văn Hóa kéo dài đến gần mười năm, người ta không nghĩ rằng Trung quốc lại có ngày vực dậy được. Nhưng nay mọi chuyện đã thay đổi.

Mốc chuyển biến là Đại Hội kỳ 3 của Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc khóa 11 vào tháng 12 năm 1978, hai năm sau khi Mao Trạch Đông chết. Khóa họp này đã thông qua các đề nghị của Đặng Tiểu Bình mở cửa nền kinh tế, bãi bỏ chính sách kế hoạch hoá trung ương theo kiểu Staline cùng với chính sách tự cung tự cấp. Trong mười bốn năm qua, kể từ khi Trung Quốc bước vào con đường đổi mới, Tổng Sản Lượng quốc Gia (GNP) đã tăng với tốc độ trung bình là 9% một năm. Đến năm 1994, nền kinh tế Trung Quốc đã tăng gấp bốn lần năm 1978, và nếu không có gì trở ngại, kinh tế Trung Quốc sẽ lớn gấp 8 lần năm 1978 vào năm 2002. Như vậy là Trung Quốc đã đi ngang với bước tiến của Nhật Bản, Đài Loan và Đại Hàn trong phần tư thế kỷ tăng trưởng nhanh nhất của những nước này.

Những con số thống kê không cho thấy rõ một sự gia tăng mức sống đáng ngạc nhiên trong xã hội Trung Quốc. Khoảng 75% dân chúng Trung Quốc còn sống tại thôn quê. Những cải tổ đầu tiên của ông Đặng bắt đầu bằng cách thả nông dân ra khỏi sự kềm kẹp ngột ngạt của các nông xã tập thể. Điều này đã làm tăng sản xuất nông nghiệp lên một cách đáng ngạc nhiên. Trong ba năm sản lượng ngũ cốc tăng một phần ba, bông vải tăng gấp ba lần, các hạt có dầu tăng gấp đôi, và quan trọng nhất là lợi tức của nông dân đã tăng gấp ba lần trong vòng tám năm.

Ngoài ảnh hưởng do số dân khổng lồ chiếm một phần tư tổng số dân chúng trên trái đất này, Trung Quốc còn có ảnh hưởng quan trọng đến hiện tình thế giới nhiều hơn là người ta tưởng. Ngay lúc này, kinh tế Trung Quốc có thể nói đã là nền kinh tế lớn thứ ba hay thứ tư trên thế giới, chỉ sau Hoa Kỳ, Nhật Bản và có lẽ là Đức. Mặc dầu những con số thống kê chính thức không cho thấy chuyện đó. Tính theo tỷ giá đô la với nhân dân tệ hiện thời, Ngân Hàng Thế Giới cho biết tổng sản lượng quốc nội (GDP) của Trung Quốc là 370 đô la một đầu người vào năm 1992, điều đó có nghĩa là tổng sản lượng quốc nội của Trung quốc chỉ lên đến khoảng 440 tỷ đô la hay là một nền kinh tế nhỏ hơn kinh tế của Canada với một số dân chỉ có 27 triệu người và một nền kinh tế chỉ lớn gấp đôi nền kinh tế Thụy Sĩ. Điều này lại càng khó tin và ngay những cơ quan đưa ra những thống kê này như Ngân Hàng Thế Giới cũng thấy là không thể tin được. Năm 1976, Ngân Hàng cho biết tổng sản lượng quốc nội tính theo đầu người của Trung Quốc là 410 đô la. Thế mà sau 12 năm từ 1978 đến 1990, với tốc độ tăng trưởng trên 7,5%, tổng sản lượng của Trung Quốc lại thấp hơn 1976.

Lý do giải thích chuyện vô lý này là việc sụt giá của đồng nhân dân tệ. Đồng nhân dân tệ giảm tỷ giá từ 1,7 ăn một đô la xuống 5,5 trong thời gian đó đã làm tổng sản lượng quốc nội của Trung Quốc giảm quá mức mà tốc độ tăng trưởng có thể bù lại được. Thành ra cuối cùng, chính Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) cũng phải lưu ý đến sự vô lý này và thay vì chỉ dùng tỷ giá đô la chính thức mà còn dùng thêm tỷ giá theo sức mua (purchasing power parity) để tính mức độ quan trọng của nền kinh tế. Với cách tính mới này, IMF cho thấy tổng sản lượng quốc nội của Trung Quốc đã tăng lên gần gấp năm, khoảng 2000 tỷ đô la vào năm 1992 tức là đứng thứ ba sau Nhật Bản. Một phép tính nữa của hai nhà kinh tế tại trường đại học Australian National University ở Canberra cho thấy nếu chỉ căn cứ riêng vào những sản lượng Trung Quốc sản xuất tính theo giá thị trường quốc tế như than, ngũ cốc, thịt, trứng, v.v. thì chưa kể những gì khác sản lượng quốc nội tính theo đầu người đã lên đến 370 đô la vào năm 1990 tức là vượt quá tổng sản lượng đầu người chính thức của Trung Quốc năm đó, mặc dầu số lượng những món hàng này chỉ là một phần nhỏ trong tổng sản

lượng quốc nội của Trung Quốc.

Nếu chiều hướng phát triển của Trung Quốc này tiếp tục như 14 năm qua trong vòng 10, 15 năm nữa thì đến năm 2020 Trung Quốc sẽ vượt lên hàng đầu thế giới và sẽ bằng khoảng 80% tổng sản lượng của 22 nước giàu có nhất thế giới trong khối OECD hiện nay vào lúc đó.

Nhưng liệu Trung Quốc có thể tiếp tục được như vậy hay không? Đó là vấn đề mà chúng ta thử tìm hiểu trong những phần sau.

1. Hai nhu cầu cạnh tân:

Trung Quốc chỉ có thể thành công nếu làm được hai cuộc cải tổ trong xấp xỉ cùng một khoảng thời gian. Cả hai cuộc cải tổ này đều khó khăn, nhưng cuộc thứ hai còn khó khăn hơn nhiều. Chưa nước nào có thể cùng một lúc mà vượt ra khỏi sự nghèo đói và chủ nghĩa cộng sản.

Trên phương diện kinh tế, ít nhất Trung Quốc đã có một tấm gương để theo qua những chính sách của các nước láng giềng Đông Á mà người Trung Hoa đã học hỏi rất cẩn thận. Căn bản của chính sách này là gì? Thứ nhất là cải cách ruộng đất, đất cho người cày giúp làm tăng vọt lợi tức tại thôn quê; chuyển nhượng các lợi nhuận và lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp; thứ ba là mức độ tiết kiệm cao tạo ra vốn đầu tư; thứ tư, thuế suất thấp, mức độ cạnh tranh cao và sau cùng là việc mở cửa đón nhận ảnh hưởng bên ngoài. Việc mở cửa này không phải chỉ bao gồm riêng đầu tư hay kỹ thuật mà còn có cả hàng hóa, dịch vụ, đưa đến kết quả là sản phẩm có tiêu chuẩn quốc tế tác động trực tiếp vào nền kinh tế nội địa. Cho đến nay, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã cố gắng đưa tất cả những yếu tố đó vào trong nền kinh tế của mình. Nguy cơ hiện nay là đảng Cộng Sản Trung Quốc sẽ lại làm tàn lụi tất cả những cái đó.

Vấn đề ở đây không phải là vấn đề độc tài chính trị mà thôi. Các nhà lãnh đạo cộng sản cả Việt Nam lẫn Trung Quốc cũng vẫn thường rêu rao và đưa bằng chứng về Đài Loan và Đại Hàn đã là những nước độc tài mà vẫn phát triển được trong một thời gian kéo dài đến hai ba mươi năm. Nhưng điều họ quên là hai nước này, tuy độc tài nhưng không có một hệ thống chính trị được đặt trên một cơ sở đòi hỏi ngay đến những quyết định kinh tế nhỏ nhất cũng phải có bàn tay của đảng.

Cho đến nay mọi dấu hiệu cho thấy những giám đốc xí nghiệp của Trung Quốc, những đảng viên nắm quyền tại những xí nghiệp này, đều có những kiến thức về thương mại không kém gì những doanh nhân phương Tây. Nhưng bù lại các phương tiện kiểm soát chính trị của đảng vẫn còn nguyên thành ra những nhược điểm cơ bản của hệ thống này: Nạn tham nhũng, tình trạng can thiệp vào hoạt động của xí nghiệp vì lý do chính trị, và việc bóp méo những hoạt động của thị trường mỗi khi có khó khăn, đã gần như phổ biến đến nỗi quá nhiều người tin rằng không thể cải tổ một nền kinh tế cộng sản một cách từ từ. Những người bi quan này đã đưa ra tấm gương của Hung Gia Lợi và Nam Tư cũ, đã thực hiện như vậy trong hai thập niên 70 và 80, và đã đạt được những kết quả khả quan ban đầu để rồi cuối cùng trở lại toàn bộ như cũ. Tuy nhiên một số người khác thì lại cho là ngược lại và nói nếu cải tổ chính trị mau quá cũng sẽ đưa vào một tình trạng suy thoái như là nền kinh tế cũ vì đòi hỏi chính phủ phải đưa ra nhiều quyết định lớn trên những vấn đề lớn mà chính những người phải quyết định không biết gì mấy. May mắn Trung Quốc là một nước lớn, thành ra có thể thử nghiệm, cho phép các vùng được dò dẫm với các mô hình của mình. Nếu thành công thì mở rộng thêm ra các vùng khác. Nếu thất bại thì bỏ.

2. Cải tổ kinh tế kiểu Trung Quốc:

Con đường tiệm tiến chính là con đường Đặng Tiểu Bình đã vạch ra và vì tính tiệm tiến thành ra đầy mâu thuẫn cũng như căng thẳng nhất là trong vai trò của chính phủ.

2.1 Giai đoạn đầu do chính ông Đặng lãnh đạo chỉ đơn giản có hai việc. Thứ nhất tạo ra một nền kinh tế thị trường cho nông phẩm bằng cách bãi bỏ giá bán cưỡng bách đối với mọi nông phẩm ngoại trừ ngũ cốc, và thứ hai bằng cách hủy bỏ các công xã và hợp tác xã nông nghiệp để thay thế bằng những nông trại gia đình. Hai chính sách này đã thành công rực rỡ. Sản lượng tăng vọt lên và quan trọng hơn nữa, năng suất tăng vọt lên. Sản lượng tính theo đầu người trong nông nghiệp không tăng trong suốt thời gian từ 1950 cho đến 1978, trong khi đó dù rằng số người làm việc trực tiếp trong nông nghiệp sút giảm, sản lượng nông nghiệp đã tăng trung bình là 7% trong suốt thập niên 80. Điều này đã tạo nên cơ sở có thặng dư tiết kiệm trong khu vực nông thôn cần thiết để tài trợ

Bộ trưởng Brown bác tin nhận tiền của CSVN

Bộ trưởng Thương mại Hoa Kỳ Ronald Brown hôm 13 tháng Tám quả quyết, ông không hề nhận tiền từ Cộng Sản Việt Nam, và cho là "hết sức khôi hài" về các tin tức cho rằng ông đã nhận được số tiền 700,000 đôla, để đổi lại việc giúp bãi bỏ lệnh cấm vận của Hoa Kỳ đối với Việt Nam.

Tuần báo "U.S. News & World Report", trong ấn bản đề ngày 23 tháng Tám, cho biết cơ quan FBI đã điều tra các lời tố cáo của một tư vấn thương mại người Việt Nam, Lý Thanh Bình, sinh sống tại tiểu bang Florida.

Lý Thanh Bình đã trình bày với các nhân viên FBI là ông Brown đã được một cựu thân hữu làm ăn chung với ông, là Nguyễn Văn Hảo, đích thân đến tiếp xúc hồi tháng Mười Một 1992.

Ông Nguyễn Văn Hảo, đã bác bỏ các lời tố cáo trên của Lý Thanh Bình.

việc công nghiệp hóa.

Lấy thặng dư giá trị từ nông nghiệp để công nghiệp hóa không phải là chuyện gì mới. Đó là chính sách mà Stalin và nhiều nước nghèo đói của châu Phi đã làm và đã thất bại. Cái hay của ông Đặng là không cưỡng bách lấy những thặng dư này bằng võ lực hay dìm giá mà bằng việc để cho nông dân trở nên giầu hơn thành ra ngoài vấn đề lợi ích kinh tế, ông Đặng cũng đã tạo cho mình một nhóm ủng hộ chiếm tới 3/4 dân số Trung Quốc.

Cùng lúc với thả tự do cho nông nghiệp là chính sách mở cửa bắt đầu bằng việc bãi bỏ độc quyền của một thiểu số cơ quan trung ương về ngoại thương. Bốn khu "kinh tế đặc biệt" cũng được thành lập, ba tại Quảng Đông sát với Hương Cảng và một tại Phúc Kiến đối diện với Đài Loan. Như vị trí của những khu này cho thấy, chúng được thành lập đầu tiên với mục tiêu là dụ dỗ các doanh nhân đồng hương từ Hương Cảng và Đài Loan. Chính sách mở cửa này đã biến đổi kinh tế Trung Quốc.

2.2 Cải tổ nông nghiệp, nếu chỉ dừng lại tại đó không, chắc chắn sẽ không đẩy Trung Quốc tiến mạnh như hiện nay. Để có thể chuyển tích lũy tạo ra từ nông nghiệp sang cho toàn ngành kinh tế, cần phải cải tổ thêm về công nghiệp. Và hai giai đoạn sau của công cuộc cải cách kinh tế của ông Đặng là về vấn đề công nghiệp. Hai giai đoạn sau này, một vào năm 1984 và một vào năm 1987 đã thực hiện được khá nhiều tuy rằng ngay bây giờ những khó khăn với lãnh vực quốc doanh vẫn còn chưa được giải quyết. Thực sự việc cải tổ công nghiệp này đã đi quá mức dự kiến và vượt ra ngoài tầm tay của các nhà lãnh đạo. Quan niệm đầu tiên là chỉ muốn cải tổ lại giá cả, trao cho thị trường vai trò định giá thay vì qua kế hoạch trung ương.

Tuy nhiên một trong những điều bất ngờ của việc mở cửa cũng như cải cách nông nghiệp là tạo ra một sự cạnh tranh mới. Cạnh tranh này bắt đầu từ nhiều nguồn, một là đầu tư ngoại quốc và hàng ngoại nhập, nhưng những yếu tố đóng vai trò mạnh hơn trong việc gây ra một môi trường có cạnh tranh lại khác:

Thứ nhất, sự tiếm quyền về kinh tế của các địa phương đối với trung ương, một hậu quả của những cuộc cạnh tranh quyền lực tại Trung Quốc kể từ sau khi Mao chết. Tất cả các tỉnh tại Trung Quốc đều ghen tỵ với sự thành công của Quảng Đông; các tỉnh này đều biết Quảng Đông có ưu điểm là nằm ngay cạnh Hương Cảng, nhưng bây giờ các lãnh đạo địa phương cũng nhận thức được là Hương Cảng chỉ đầu tư vào Quảng Đông vì chính sách thân tư bản và ít xí nghiệp quốc doanh của tỉnh này. Hậu quả là tất cả các tỉnh tại Trung Quốc đều thi đua tìm cách dụ dỗ đầu tư ngoại quốc, không những chỉ bằng những đặc quyền đặc lợi mà còn bằng các hình thức cải tổ khác nhau nhằm tạo ra một môi trường thuận tiện cho hoạt động kinh tế.

Điều thứ hai và có lẽ là yếu tố mạnh hơn cả là việc phát triển vượt bực của một hình thức tạm gọi là "công nghiệp nông thôn," thông thường do những nông dân hoặc tập thể nông dân tạo ra từ những nguồn lợi nhuận lấy được qua cải cách nông nghiệp. Đây là một điều đã gây ngạc nhiên không những cho thế giới bên ngoài mà còn cho ngay cả những người như ông Đặng Tiểu Bình nữa. Chính ông Đặng cũng phải thú nhận là ông không ngờ lại tạo ra một cuộc cách mạng kỹ nghệ tại nông thôn như vậy. Vì khi ông bãi bỏ các công xã ông chỉ hy vọng sẽ tăng được sản lượng nông nghiệp và lợi tức của nông dân mà thôi. Năm 1978, chỉ có 1,5 triệu xí nghiệp không quốc doanh tại nông thôn sử dụng 28 triệu người. Đến năm 1991, số xí nghiệp nông thôn đã lên đến 19 triệu, sử dụng 96 triệu nhân công. Trong suốt thời gian đó, sản lượng của những xí nghiệp này đã tăng trung bình là 30%/năm và sản phẩm xuất cảng tăng 65%/năm. Năng suất tăng trung bình 15%/năm và đến năm 1992 các xí nghiệp nông thôn đã sử dụng 40% tổng số công nhân trong công nghiệp tại Trung Quốc, cung cấp 25% sản lượng và 25% xuất cảng. Nông thôn Trung Quốc đã biến đổi toàn diện. Trước khi cải cách kinh tế bắt đầu, nông nghiệp chiếm 70% tổng sản lượng tại nông thôn, nay nghề nông chỉ cung cấp 45% lợi tức và công nghiệp cũng xấp xỉ như vậy.

Tiến trình này đã tạo ra một nền kinh tế mỗi lúc một xa vời với mô hình xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu công nghiệp của Trung Quốc nay rất giống cơ cấu của các nước láng giềng châu Á, với sản lượng chính do một số khổng lồ những xí nghiệp nhỏ cung cấp. Và chiều hướng này ngày một gia tăng. Năm 1978 trước khi cuộc cải cách bắt đầu, khu vực quốc doanh cung cấp đến 78% sản lượng công nghiệp, nay chỉ còn trên một nửa, và dự trù sẽ chỉ còn 25% vào năm 2000.

Cải tổ kinh tế đã mang lại một bước tiến nhảy vọt cho Trung Quốc. Thay đổi quan trọng nhất là trong hiệu quả kinh tế. Theo quan điểm kinh tế, hiệu suất của một nền kinh tế được đo bằng số lượng tư bản và lao động cần thiết để tạo ra một sản lượng cho sẵn. Trong suốt thời gian trước cải tổ, hiệu suất này hầu như không tăng tại Trung Quốc. Sự phát triển nếu có chỉ nhờ vào gia tăng các nhập lượng tư bản và lao động chứ không do việc sử dụng những yếu tố này hữu hiệu. Nhưng bắt đầu từ 1978, hiệu suất này đã tăng vọt, và có lúc đã đạt đến 5%/năm cho các xí nghiệp tư. Những điều này cho thấy có một sự giảm thiểu trong các hoạt động độc quyền lũng đoạn và là một bằng chứng của khả năng cạnh tranh gia tăng của Trung Quốc đối với thế giới.

Khi đưa ra chương trình cải tổ, ông Đặng Tiểu Bình tuyên bố mục tiêu của ông là xây dựng chủ nghĩa xã hội có đặc tính Trung Quốc. Nay, rõ ràng là điều ông Đặng thực hiện chính là chủ nghĩa tư bản với đặc tính Trung Quốc.

3. Vai trò của nhà nước:

Đại hội lần thứ 14 của đảng Cộng Sản Trung Quốc họp vào tháng 10 năm 1992 đã chính thức mở đầu đợt thứ tư của cuộc cải tổ kinh tế. Đợt cải tổ mới này sẽ phải giải quyết vấn đề căn bản quyết định Trung Quốc có thể tiếp tục tiến bước đến giai đoạn

cất cánh hay là lại rơi vào tình trạng cũ. Vấn đề quan trọng nhất là tuy Trung Quốc đã thành công trong việc tạo ra một nền kinh tế thị trường ở cấp xí nghiệp, nhưng vẫn chưa giải quyết được vai trò kinh tế của nhà nước. Nghiêm trọng hơn nữa là lúc này Trung Quốc phải giải quyết vấn đề đó đúng vào lúc lạm phát bắt đầu bùng nổ.

Những vấn đề còn tồn tại quả thật là khó khăn. Dưới đây chỉ lược sơ một số vấn đề cần phải giải quyết nếu Trung Quốc không muốn bị khựng lại.

3.1 Vấn đề phân hóa địa phương: Hiện nay tuy hàng hóa, sản phẩm có thể di chuyện khá tự do, nhưng con người vẫn còn không được tự do đi lại. Muốn đi từ tỉnh này sang tỉnh khác hầu hết mọi người đều phải được phép của công an địa phương nơi đi cũng như nơi đến. Ngay cả trong trường hợp hàng hóa thiết bị cũng vậy. Một hậu quả của địa phương hóa là mỗi địa phương nay tự thấy cần phải bảo vệ kinh tế của mình thành ra tệ nạn "ngăn sông cấm chợ." Nạn tham nhũng cũng đóng một vai trò quan trọng, hàng hóa chuyên chở từ nơi này sang nơi khác luôn luôn có nguy cơ gặp công an hay bộ đội đòi tiền mãi lộ mới cho đi, hoặc là phải chia chác một phần.

3.2 Hạ tầng cơ sở suy thoái: Với hầu hết mọi tài nguyên tập trung vào việc sản xuất kiếm lời, hạ tầng cơ sở đã bị bỏ quên thiếu đầu tư. Trung Quốc chỉ đầu tư vào hệ thống chuyên chở chẳng hạn một tỷ lệ GDP bằng nửa tỷ lệ đầu tư của Đại Hàn hay Brasil. Hậu quả là chi phí chuyên chở đã tăng vọt lên. Ngoài ra vì chính phủ cố ý giữ giá năng lượng thấp, thành ra năng lượng sử dụng rất lãng phí, gây ra thiếu thốn. Hạ tầng cơ sở xã hội cũng bị bỏ quên. Trung Quốc có tỷ lệ sinh viên đại học thấp nhất thế giới.

3.3 Nạn quan liêu thư lại: Gánh nặng của nạn quan liêu thư lại không phải là nhỏ. Tại Trung Quốc cũng như tại Việt Nam, vấn đề này là một là một vấn đề nan giải. Trên một bình diện cao hơn, tính chất coi thường pháp luật của chính quyền đảng trị đã làm cho hệ thống hành chánh có tính

cách tùy hứng, làm ảnh hưởng đến tính khả tín của các hợp đồng đã ký cũng như tính an toàn trong tư hữu tài sản mở đường cho những phung phí và nhũng lạm xuất hiện đầy dẫy tại Trung Quốc những lúc gần đây.

3.4 Thiếu hụt ngân sách: Một hậu quả trực tiếp của việc cải cách kinh tế là sự sút giảm thu ngân sách. Những số liệu đáng tin cậy do Ngân Hàng Thế Giới đưa ra cho thấy, thu ngân sách của chính phủ đã giảm từ 34% GNP vào năm 1978 xuống chỉ còn khoảng 20% vào năm 1992. Sự sút giảm này xuất hiện cả trong ngân sách trung ương lẫn ngân sách địa phương nhưng tại trung ương bị ảnh hưởng nặng hơn. Với cải tổ kinh tế, chính quyền trung ương đã mất đi nguồn thu quốc doanh từ các xí nghiệp quốc doanh. Nguồn thu chính hiện nay chỉ trông cậy vào một hệ thống thuế càng ngày càng không phù hợp với tình hình kinh tế mới. Ngoài ra, những nguồn thuế này lại không được thu trực tiếp từ trung ương mà qua địa phương. Thành ra mỗi năm vẫn phải có điều đình giữa trung ương và các địa phương về tỷ lệ thuế giao nộp khiến cho quyền hành của địa phương còn tăng thêm nữa. Nếu thu ngân sách không đủ để giữ mức thiếu hụt ngân sách vào khoảng 2 đến 3% GNP thì triển vọng phát triển mau lẹ của Trung Quốc có thể sẽ bị ảnh hưởng.

3.5 Hệ thống tài chánh và chính sách tiền tệ: Trung Quốc đã tiến một bước dài trong việc cải tổ so với trước. Các quyết định về tiết kiệm và đầu tư nay hầu hết do các cấp xí nghiệp hoặc cá nhân làm chứ không còn do lệnh của chính quyền nữa. Tài sản tư của dân chúng tính theo tỷ lệ GNP đã đạt được 51%, một mức tương đương với Nhật Bản vào năm 1954 (54%). Tuy nhiên các ngân hàng hầu hết vẫn còn cho vay theo chỉ thị của đảng và nhà nước hơn là căn cứ trên khả năng thương mại. Hậu quả, cũng như tại Việt Nam, là hầu hết các ngân hàng đều yếu kém. Các biện pháp của ngân hàng trung ương để kiểm soát chính sách tiền tệ vẫn còn thô sơ. Tuy rằng ngân hàng nay có thể điều chỉnh lãi suất ngắn hạn cũng như tăng giảm dự trữ bắt buộc của ngân hàng

thương mại, nhưng trên thực tế vẫn còn phải áp dụng những biện pháp về kiểm soát tiền tệ, tín dụng. Điều này đã khiến cho lâu lâu cũng lại có vấn đề thiếu hụt tiền mặt.

3.6 Lạm phát và suy thoái: Việc chuyển sang kinh tế thị trường đã khiến cho kinh tế Trung Quốc cũng chịu ảnh hưởng của những chu kỳ thương mại (business cycle). Lần chót điều này xảy ra là vào năm 1988 khi giá cả tăng vọt tại các thành thị khiến dân chúng đổ xô rút tiền khỏi ngân hàng và mua đồ tích trữ. Chính sách khắc khổ đề ra vào cuối năm 1988 đã là nguyên nhân trực tiếp gây ra những vụ biến động kết thúc bằng vụ biểu tình và đàn áp tại Thiên An Môn. Nay một chu kỳ mới đã bắt đầu. Kể từ cuối năm 1992, giá cả đã tăng vọt lên tại các thành phố. Vừa qua, chính phủ Trung Quốc cũng đã phải công nhận có vấn đề lạm phát và đưa ra một số biện pháp ngăn chặn. Tuy nhiên những biện pháp này hãy còn quá yếu không đủ sức để làm nguội nền kinh tế nóng bỏng. Trong trường hợp chính quyền phải đưa ra những biện pháp cứng rắn hơn chưa biết chuyện gì sẽ xảy ra. Điều nguy hiểm là lần này đã có vấn đề bất mãn trong giới nông dân vì các nông phẩm không theo kịp đà của các sản phẩm công nghiệp. Vừa qua chính quyền Trung Quốc đã phải nhượng bộ các nông gia bằng cách bảo đảm giá cả. Nếu áp dụng những biện pháp cứng rắn để làm nguội nền kinh tế, có nhiều triển vọng là sẽ có những biến động xã hội ở một mức độ có thể còn lớn hơn là những vụ biến động năm 1989.

4. Đầu tư ngoại quốc và cải tổ kinh tế:

Có lẽ điều Trung Quốc giống các nước tại Á Châu nhất và khác với các nước thuộc khối Liên Xô cũ nhất là chính sách đối với đầu tư nước ngoài và ngoại thương. Cũng giống như những cải tổ khác, cải tổ về phương diện ngoại thương của Trung Quốc đã đưa lại những kết quả bất ngờ mà chính những người đưa ra chính sách không hề mơ tưởng đến. Năm 1978, kinh tế Trung Quốc còn là một trong những nền kinh tế cô lập nhất thế giới, với hầu hết xuất cảng là dầu hỏa. Ngoại thương và ngoại hối là độc quyền của chính quyền trung ương, dùng lợi nhuận thu được để yểm trợ cho chính sách thay thế nhập cảng của kế hoạch. Số đầu tư trực tiếp của nước ngoài chưa đầy 300 triệu đô la một năm.

Từ năm 1980 đến nay, số lượng xuất cảng của Trung Quốc đã tăng trung bình 12%/năm, và người ta dự trù ngoại thương Trung Quốc đến năm 1995 có thể đạt đến 300 tỷ đô la một năm. Xuất cảng tăng vọt lên gấp năm lần so với 1978 và 80% hàng xuất cảng nay là sản phẩm công nghiệp chế biến. Ngoại thương bây giờ không còn là độc quyền của một cơ quan nữa. Nay đã có đến 3700 công ty xuất nhập cảng rải rác khắp nơi trong nước. Các công ty này được giữ lại phần lớn ngoại tệ thu được và có thể bán những ngoại tệ đó ra thị trường tại những nơi gọi là trung tâm trao đổi. Năm 1991 đã có 29 tỷ đô la được mua đi bán lại tại những trung tâm này.

Đến năm 1992 đã có tất cả 20.000 dự án đầu tư ngoại quốc với tổng số đầu tư là 22 tỉ đô la. Riêng năm 1991 có 3,5 tỉ đô la đầu tư và trong chín tháng đầu của năm 1992, chính quyền Trung Quốc đã cấp giấy phép đầu tư cho 27.000 dự án với tổng số vốn đầu tư lên đến 30 tỉ đô la. Cố nhiên là, cũng như tại Việt Nam, hầu hết những dự án này chắc chỉ ở trên giấy tờ. Tuy nhiên điều đáng ngạc nhiên là trong chín tháng đầu của năm 1992, đã có 6,6 tỉ đô la thực sự đầu tư vào, một con số gần gấp đôi cả năm 1991. Theo dự phóng của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Trung Quốc thu hút đến 1/4 tổng số đầu tư ngoại quốc vào những nước đang phát triển tại Châu Á, và 15% tổng số đầu tư vào những nước đang phát triển trên toàn thế giới.

Tuy nhiên tương lai của đầu tư ngoại quốc vào Trung Quốc hãy còn có nhiều điểm đáng ngại. Có lẽ Trung Quốc là nước lớn độc nhất đã cố ý mở cửa, dùng đầu tư nước ngoài như một phương tiện phát triển, điều mà Nhật Bản cũng như Nam Triều Tiên không làm. Hiện nay các xí nghiệp liên doanh hoặc hoàn toàn của người nước ngoài đã chiếm 25% tổng số xuất cảng của Trung Quốc. Với chính sách mới mở cửa cho các xí nghiệp nước ngoài tham gia vào lãnh vực dịch vụ, có lẽ đây là một cơ hội lớn nữa cho các nhà đầu tư nước ngoài. Dịch vụ tại Trung Quốc mới chỉ chiếm 20% GNP, bằng nửa tỉ lệ của Ấn Độ hay Indonesia. Trung Quốc đã cấp giấy phép cho Yaohan, một công ty thương mại Nhật Bản mở một tiệm bách hóa lớn nhất Á Châu tại Thượng Hải. Ngoài ra công ty American International Group, một công ty bảo hiểm của Mỹ, cũng được phép mở chi nhánh tại Thượng Hải sau 43 năm vắng mặt. Với việc mở cửa lãnh vực

Đắc Lắc: Tìm được bộ đàn đá Goong Lú

Sở Văn Hóa Thông Tin Đắc Lắc, thuộc Cao Nguyên Trung Phần Việt Nam, vừa tìm được bộ đàn đá Goong Lú (người M'Nông gọi chiêng đá là goong lú) tại suối Đắc-ca, buôn Xanre, huyện Đắc Rlấp.

Âm thanh của bộ goong lú tương ứng với các nốt nhạc: fa, sol, la.

Nói chung bộ goong lú đã được người xưa đẽo gọt tương đối công phu, có màu đen bóng, được xếp vào loại đá sừng.

Bộ đàn đá này giống bộ đàn đá ba thanh ở Blao mà giáo sư Paul Bert đã mô tả trong tạp chí *Nhân Chủng Học* (1958): "Đàn Litôphôn goong lú ở làng Bhoon Bord."

Các cơ quan và các nhà nghiên cứu âm nhạc, khảo cổ, dân tộc học, đang tiến hành giám định để có những kết luận khoa học chính thức về bộ đàn đá này.

dịch vụ cho đầu tư nước ngoài, giới lãnh đạo Trung Quốc hy vọng có thể hấp thụ những công nhân bị sa thải trong lãnh vực quốc doanh. Tuy nhiên, nếu muốn đạt được những kết quả tốt, cần phải có một sự thay đổi lớn.

Thay đổi đó là gì? Người nói rõ nhất nhu cầu cần phải thay đổi có lẽ là ông Lý Quang Diệu, cựu thủ tướng Singapore. Ông Lý nêu lên là cho đến nay đến 80% đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Trung Quốc là từ các Hoa kiều hải ngoại, Hương Cảng và Đài Loan. Lý do chính là những người này có những quan hệ và đường dây liên lạc với nội địa. Lý do nữa là họ cũng quen thuộc với cách làm ăn tùy tiện của Trung Quốc. Nhưng theo ông Lý, nếu Trung Quốc muốn thụ hưởng toàn diện kỹ thuật và phương thức quản lý của phương Tây và Nhật Bản, thì Trung Quốc phải phát triển một chính thể pháp trị. Hiện nay cơ quan trọng tài kinh tế Trung Quốc không có quyền đối với tòa án trong nước vì tòa án không chịu quyết định chống lại phe bản xứ. Điều này không thể tiếp tục mãi nếu Trung Quốc hy vọng hấp dẫn được những gì hay nhất của thế giới. Và vấn đề sau cùng làm doanh nhân nước ngoài e ngại chính là trái bom nổ chậm: Đảng Cộng sản Trung Quốc.

5. Vấn đề đảng Cộng Sản Trung Quốc:

Điều bí hiểm và cũng là điều khiến người ta e ngại trong tương lai là làm sao một đảng Cộng Sản như đảng Cộng Sản Trung Quốc với một ý thức hệ trái ngược hẳn, lại có thể tạo ra được một cảnh tượng tiến bộ kinh tế kỳ diệu như vậy. Nếu đảng Cộng Sản tan vỡ thì liệu tiến bộ kinh tế có còn không?

Trở về đại hội lần thứ 14 đảng Cộng Sản Trung Quốc tại Bắc Kinh tháng Mười vừa qua, ngoài mặt mọi chuyện đều có vẻ tốt đẹp. Tổng bí thư đảng, ông Giang Trạch Dân, trong bài diễn văn hai tiếng đồng hồ quan trọng nhất đã xác nhận lại những gì mà trước đó chín tháng ông Đặng Tiểu Bình trong chuyến viếng thăm miền Nam Hoa đưa ra. Khoảng một nửa số thành viên Ủy Ban Trung Ương Đảng bị thay thế bởi những

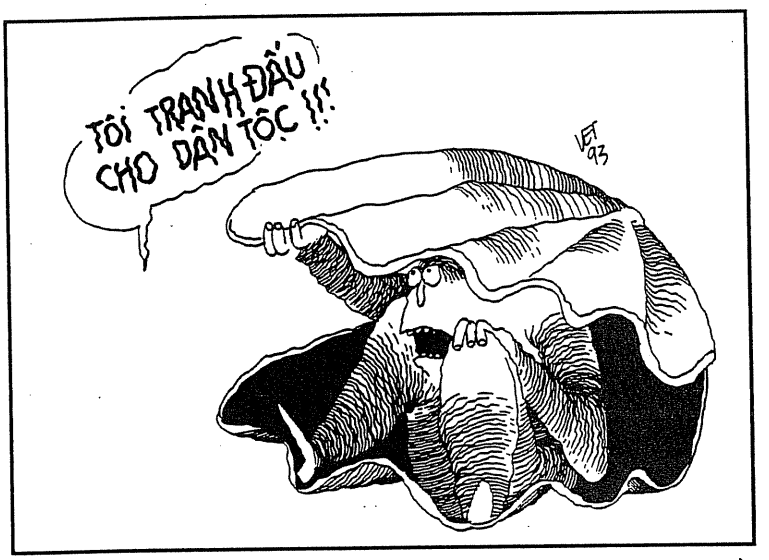

thành phần trẻ hơn, chuyên môn hơn và quan trọng hơn cả, đại diện cho quyền lợi của các địa phương hơn là trung ương. Bộ Chính Trị cũng thay đổi mặc dầu ở đây có sự cân nhắc để cân bằng ảnh hưởng giữa phái bảo thủ và phái cải cách. Tuy nhiên Ban Thường Vụ bộ Chính trị rõ ràng được đưa vào hướng cải cách. Hai nhân vật đồng minh của ông Trần Vân, lãnh tụ phái bảo thủ và là người độc nhất có ảnh hưởng trong đảng tương đương với ông Đặng Tiểu Bình, bị thay thế. Trong Ban Thường Vụ mới nổi nhất là ông Châu Dong Cơ, cựu đô trưởng Thượng Hải, một đàn em thân tín của ông Đặng, và được giao quyền tối cao trên các vấn đề kinh tế. Những thay đổi trong hàng lãnh đạo này chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến chính sách kinh tế, nhưng thay đổi chính nằm trong tương lai.

Chính trị ở cấp lãnh đạo trong đảng Cộng Sản Trung Quốc là một thứ chính trị tàn nhẫn và đầy âm mưu. Điều đó đúng chung cho nhiều nước kể cả những nước gọi là dân chủ như Anh, Mỹ, nhưng tại Trung Quốc chính trị này còn có tính cách cá nhân và bất chấp luật pháp thành ra rất dễ gây xáo trộn tuy rằng trái với Liên Xô, Trung Quốc không thường thanh toán những đối thủ thất bại. Ông Đặng Tiểu Bình, con người nhiều quyền lực nhất Trung Quốc chỉ giữ hai chức vụ chính thức. Ông là chủ tịch danh dự Hiệp Hội Chơi Bài Bridge của Trung Quốc và chủ tịch danh dự Hội Tống Khánh Linh, một cơ quan từ thiện. Quyền lực tại Trung Quốc không nằm trong chức vụ hay cơ chế mà có tính cách cá nhân và dựa vào quan hệ.

Ông Đặng đạt được quyền lực cá nhân nhờ quá trình hoạt động suốt từ thời thập niên 1930 đến nay vừa với tư cách Tư lệnh quân đội vừa với tư cách lãnh đạo đảng. Nhưng những người ông chọn để thừa kế không có được những liên hệ và ảnh hưởng cá nhân như ông thành ra khó có hy vọng những người này có thể còn bền vững sau khi ông Đặng chết. Ông Giang Trạch Dân không được quân đội kính trọng và bị giới chuyên viên coi thường. Ông Châu Dong Cơ thì có nhiều kẻ thù vì thái độ bộc trực của ông. Kinh nghiệm của quá khứ cho thấy các lãnh tụ thường khó chọn người thừa kế. Ông Hoa Quốc Phong, người được ông Mao đặc biệt lựa chọn để thay thế với lời nói: "Có chú ta chết cũng an tâm" chỉ tại vị được có hai năm sau khi ông Mao chết năm 1976. Cái chết của ông Đặng chắc hẳn cũng sẽ đưa vào một cuộc tranh giành quyền lực cũng tàn nhẫn và rộng lớn như hồi năm 1976.

Tuy nhiên điều đó không có nghĩa là đảng Cộng Sản Trung Quốc sẽ tan rã. Trong suốt 44 năm đảng Cộng sản Trung Quốc cầm quyền, trung bình đã có đến một nửa số thành viên ban Thường Vụ Bộ Chính Trị bị thanh trừng vì "lỗi lầm", và mỗi cuộc thanh trừng này đến đột ngột như một tiếng sét: Việc loại

bỏ bè lũ Tứ Nhân Bang sau khi Mao chết, việc hạ bệ Hoa Quốc Phong và gần đây việc thay thế Hồ Diệu Bang và Triệu Tử Dương đều là những chuyện đột ngột. Nhưng một khi cuộc thanh trừng xảy ra xong, mọi chuyện lại trở lại như cũ trong guồng máy đảng.

Lý do của chuyện này là vì đảng Cộng Sản đã len lỏi hầu như vào trong mọi khía cạnh của cuộc sống tại Trung Quốc. Các đảng bộ nắm quyền kiểm soát trong một hệ thống chằng chịt từ trung ương đến địa phương và các đảng viên được mua lòng trung thành bởi những quyền lợi. Đối với dân chúng, đảng không trông đợi ở lòng trung thành của họ. Đảng chỉ đòi hỏi ở họ sự tuân lệnh và dùng các hệ thống kiểm soát như kiểm soát nhân hộ khẩu, đăng ký di trú, v.v.., để giữ cho không có bạo loạn.

Điều này thật giống hệ thống các đảng Cộng Sản khác tại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã bị sụp đổ trong mấy năm vừa qua nhưng có mấy điều khác biệt quan trọng giữa Liên Xô và Trung Quốc. Thứ nhất Trung Quốc hãy còn là một nước mà 3/4 dân chúng là nông dân. Cho đến nay đảng Cộng Sản tương đối hãy còn được lòng dân quê khá nhiều và đảng đến nay đã khá thành công trong việc đáp ứng nhu cầu của nông dân. Khác biệt thứ hai là không có một trung tâm quyền lực nào khác có thể thay thế. Liên Xô chỉ sụp đổ sau sáu năm Glasnost đã tạo ra một nền dân chủ thô sơ và sự hiện diện của Boris Yeltsin. Hiện nay chưa có dấu hiệu nào tỏ ra điều đó đã xuất hiện tại Trung Quốc. Một nhà báo đối lập ở Thượng Hải, bị bắt sau vụ Thiên An Môn, cũng phải nói: "Thay thế cho chế độ Cộng Sản tại Trung Quốc chỉ sợ không phải là một chế độ dân chủ. Nếu đảng Cộng Sản sụp đổ, tôi sợ kẻ nắm quyền sẽ là quân đội, công an, hoặc là tình trạng sứ quân."

6. Lịch sử không thể đảo ngược:

Có lẽ điều giúp đảng Cộng Sản Trung Quốc tồn tại thêm một thời gian nữa là hiện nay vấn đề độc nhất từ các lãnh tụ đến các đảng viên quan tâm là làm sao giữ được quyền lực. Vai trò ý thức hệ cộng sản đã không còn nữa. Người ta không còn nhắc đến những lý tưởng trong sạch và bình đẳng như hồi còn Mao hay thời Cách Mạng Văn Hóa. Phản ứng của ông Đặng Tiểu Bình và các lãnh tụ đảng đối với việc sụp đổ của Liên Xô là đẩy mạnh thêm cải cách kinh tế. Ông cho rằng điều duy nhất để đảng còn có lý do nắm quyền là tiến bộ kinh tế. Tuy nhiên, sớm hay muộn, đảng Cộng Sản Trung Quốc cũng phải giải quyết một mâu thuẫn căn bản: Muốn thành công trong nhiệm vụ cải tổ này đảng Cộng Sản phải không còn là đảng Cộng Sản. Liệu những người Cộng Sản Trung Quốc có đủ thực tế để chấp nhận điều đó hay không?

Những năm vừa qua những kiểm soát chặt chẽ vào đời sống của nhân dân đã giảm bớt đi nhiều. Với điều kiện không dính líu vào vấn đề chính trị, người dân thành thị có thể có những tự do mà 15 năm trước họ không dám mơ tưởng tới. Công an và đảng bộ địa phương nay đã không soi mói vào đời tư của các gia đình. Người ta có thể tự do tiêu tiền theo ý thích. Người ta có thể thay đổi công việc hoặc đổi chỗ ở dễ dàng. Nhưng mục tiêu tối hậu của việc cải tổ vẫn là một nền kinh tế hiện đại. Và một nền kinh tế hiện đại đòi hỏi một xã hội pháp trị trong đó con người có quyền tự do. Điều này trái ngược hẳn với một hệ thống kiểm soát chính trị về căn bản vẫn còn y nguyên của đảng Cộng Sản. Muốn tiến bộ thêm sẽ đến lúc đảng Cộng Sản phải lựa chọn giữa phát triển kinh tế và kiểm soát chính trị. Nhưng lúc nào phải bắt buộc lựa chọn đó là vấn đề hiện nay chưa ai biết.

Một trong những đại công ty của Hương Cảng không đầu tư vào Trung Quốc trong suốt 13 năm đầu của cải cách kinh tế, bỗng nhiên năm 1993 đầu tư vào một dự án lớn. Lý do công ty này đưa ra là: "Sau khi nghiên cứu cẩn thận, chúng tôi đi đến kết luận là những cải tổ này đã thành phổ quát và không thể đảo ngược." Tại sao lại không thể đảo ngược? Có lẽ câu trả lời hay nhất cũng lại là của ông Lý Quang Diệu: "Tôi nghĩ ông Đặng là một vĩ nhân. Ông biết ông phải làm những gì. Ông cố ý mở cửa hệ thống, ông cố ý mở cửa Trung Quốc cho ảnh hưởng bên ngoài. Ông biết rằng mở ra thì không thể đóng lại được nữa. Người ta không thể đóng được đầu óc con người. Bây giờ không còn là vấn đề các lãnh tụ muốn gì nữa. Nếu các lãnh tụ không mang lại tiến bộ và phồn vinh để thay thế tình trạng nghèo đói và lạc hậu thì sẽ có một cuộc cách mạng thật sự tại Trung Quốc. Một cuộc cách mạng trong đó quân đội sẽ đổi bên và bắn vào những bộ trưởng của chính phủ. Đó cũng là một truyền thống của Trung Quốc. Dân chúng nay đã biết lỗi lầm chính nằm ngay trong hệ thống đảng. Họ đã nhìn thấy Đài Loan. Họ đã nhìn thấy những người Đài Loan trở về mang quà cáp cho bà con thân thích. Họ nhìn sang Hương Cảng. Nếu cũng những người Hoa tại Singapore và Đài Loan có thể đạt được tiến bộ mà ở Trung Quốc không làm được thì lỗi lầm chính là hệ thống Cộng sản ngu dốt mà Mao du nhập vào. Và họ nói cần phải vứt bỏ nó đi. Đòi hỏi phát triển thành ra không thể đảo ngược được. Nhưng chính họ và những lãnh tụ của họ cũng không muốn đảo ngược."

Hy vọng hiện nay là Trung Quốc sẽ thành công trong giai đoạn lựa chọn sắp tới giữa chế độ Cộng sản và tiến bộ kinh tế. Áp lực lựa chọn sẽ càng ngày càng tăng mạnh. Một tốc độ phát triển kinh tế 8, 9%/năm có vẻ quá cao. Nhưng nếu Trung Quốc không đạt được tốc độ này, Trung Quốc không có một hy vọng nào hấp thụ được khoảng trên 180 triệu người nữa sẽ tham gia vào lực lượng lao động từ đây đến năm 2000. Điều may mắn là tại cấp dưới trong đảng người ta cảm thấy có một mong muốn canh tân mạnh mẽ. Đâu đâu, từ cấp ủy đảng đến giám đốc xí nghiệp đến dân thường, đều chỉ quan tâm đến đầu tư, buôn bán, và cải cách kinh tế. Những điều e ngại của các lãnh đạo và những người nắm an ninh tại Bắc Kinh đã trở nên càng ngày càng xa vời tại phần còn lại của Trung Quốc.■

GÓP Ý VỚI ÔNG HẠ-LONG LƯU VĂN VỊNH VỀ BÀI "CHÚT CẢM NGHĨ VỀ TRIẾT TÂY, TRIẾT TA"

NGUYỄN QUỲNH

Trong *Thế Kỷ 21*, số 51, tháng 7, 1993, ông Hạ-Long Lưu Văn Vịnh đã có mấy cảm nghĩ về Triết tây và Triết ta, nhân cái chết của triết gia Trần Đức Thảo. Đọc xong bài của ông tôi xin có một vài nhận xét:

1- Trước tiên, những vấn đề triết Tây ông Hạ-Long nhắc đến quá tổng quát nên cần phải bàn kỹ hơn ở một chuyên luận công phu. Là một người chuyên khảo về tân luận lý và chịu ảnh hưởng sâu đậm của Analytic Philosophy, tôi ưa truy tầm cơ cấu để đi vào điều mà chúng ta thường nghe nói: "cùng kỳ lý".

2- Những người am tường triết học Tây phương đều ghi nhận rằng, kể từ Kant, triết học phải là "phê bình tư tưởng". Cuối thế kỷ 19, nhóm triết gia Vienna (The Vienna Circle) khai sinh ra Analytic Philosophy (không phải Analytical), coi triết học là "phê bình ngôn ngữ". Kể từ đó triết học Tây phương coi như cáo chung. Cái còn lại của triết học, và cũng là cốt tủy của mọi môn học là luận lý. Luận lý ở đây phải hiểu là Tân Luận lý, dựa vào thực tế để phán xét kết quả, chứ không dựa trên các phạm trù cơ bản hoặc tiền chế (pre-eminent numbers). Do đó, Analytic Philosophy thường được coi là môn phái triết học có tính khoa học.

3- Hiện tượng "cuồng tư loạn ý", mà ông Lưu Văn Vịnh nêu lên, không phải chỉ nằm trong cơn khủng hoảng của con người Tây phương. Lịch sử triết học Trung Quốc là một ví dụ, và lịch sử con người nói chung ở thời đại nào cũng đều có những cơn cuồng tư loạn ý. Người Đông phương quen với suy tư văn hóa (cultural thinking) hoặc truyền thống cho nên thiếu tích cực phân tích ý thức về mình, về tha nhân, về xã hội và về các ý niệm giá trị. Bởi lẽ đó không nhạy cảm trước những đổi thay trong tâm trạng của con người. Và cũng bởi lẽ đó thích trưng ra một mô hình lý tưởng để ép mọi người hành xử cho phải đạo.

4- Điều ông Hạ-Long gọi là "Phi lý" (Absurdity) giúp tôi nhớ lại những kiến giải (interpretations) sai lầm về thuyết Hiện sinh. Trong tất cả những ý thức của cá nhân về mình và về tha nhân, có một hiện tượng mà ai cũng kinh nghiệm, nhưng không mấy ai bày tỏ đó là ý thức về thực tại phi lý, chứ không phải ý thức đi làm chuyện phi lý. Thực tại phi lý, chẳng hạn một người đang kính cẩn nghe kinh cầu siêu cho thân nhân mà trong đầu người ấy vụt ra những hình tượng tính dục thác loạn (do khát vọng thầm kín từ vô thức, hay đến từ một hoài niệm). Đó là một thực tại phi lý, và là vấn đề khắc khoải của mỗi người. Mỗi người phải trách nhiệm giải quyết vấn đề ấy cho chính mình, bởi chính mình, trong đơn độc lẻ loi. Ở trong tâm trạng ấy con người cảm thấy xa lạ với cộng đồng và với chính mình. Tâm trạng xa lạ ấy đã được dịch lại "trạng huống vong thân" (alienation). Có gì là cuồng tư loạn ý đâu?

5- Theo thiển ý của tôi ông Trần Đức Thảo không thể trông mong gì vào triết học Đông phương. Không phải chỉ vì ở giai đoạn ấy, tư tưởng Đông phương đang bị lấn át, mà vì các trào lưu tư tưởng Đông cũng như Tây ở trong quá khứ đã lỗi thời. Thích Ca có lần nói với tông đồ rằng hiểu biết của ông như nắm lá trong tay, tức nhỏ nhoi và giới hạn, trong khi kiến thức mà ông không biết mênh mông như lá trong rừng. Cho nên, ông đã khuyên một tông đồ nên đi tìm con đường hiểu biết của mình. Nếu ta tôn sùng tư tưởng Thích Ca như một lý tưởng tức là ta phản động Thích Ca.

6- Ông Hạ Long nói tới mẫu người lý tưởng. Đó là lối suy tư còn mang nhiều chất huyền thoại. Khoảng tám thế kỷ trước công nguyên, người Hy Lạp lý tưởng hóa các vị thần vĩ đại (Titans) có sức vạn năng. Bởi sức vạn năng đó đưa tới tai ương, cho nên người Hy Lạp cần cán cân của lý trí, tức thần Apollo. Nhưng lý tưởng Lý trí quá xa vời với tính tình của nhân loại, cho nên người Hy Lạp trưng ra một mô hình lý tưởng khác: sự hòa hợp của lý trí và tình cảm (Apollo và Dionysos). Vậy mà tính tình của nhân loại vẫn đi hoang.

7- Bài học văn minh Trung Quốc cũng không kém phần bi thảm. Lý tưởng truyền hiền của Nghiêu và Thuấn chỉ áp dụng được trong một xã hội nhỏ. Khi tham vọng bành trướng bá quyền (Chinese Machiavelli (1)) của nhà Chu đòi hỏi một lý tưởng mới: truyền tử, cái đẹp nhân bản của văn minh Trung Quốc hoàn toàn bị sụp đổ. Có thể nói: "văn minh Trung Quốc không đợi đến hạ bán thế kỷ 19 mới sụp đổ. Trên thực tế nó đã sụp đổ từ trên hai ngàn năm, kể từ thời Xuân thu, Chiến Quốc. (Sách của Trần Trọng Kim cho nó sụp đổ từ thời Hậu

Hán).

8- Khổng Tử muốn làm sáng cái đạo của thánh đế xa xưa. Nhưng lý tưởng của ông không hợp thời. Chủ nghĩa bành trướng bá quyền Trung Quốc dùng "Lễ nghĩa" do ông san định để lừa bịp thế gian. Cho nên mẫu người quân tử trong đạo Nho là quân tử giả. Hơn thế nữa, tuân theo lễ nghĩa là tuân theo đạo đức hình thức, thiếu tự nhiên, từ trong gia tộc cho đến ngoài xã hội. Đạo đức hình thức nghi ngờ mọi tư tưởng tiến bộ, chỉ tốt trong khoa ăn nói, nhưng thiếu thực tế, óc sáng tạo và hành động.

9- Tư tưởng Tây phương không đặt ra mô hình lý tưởng, mà chỉ nêu lên mô hình nhận thức. Bởi nếu sai lầm, nhận thức có thể sửa được, nhưng không mấy ai dám sửa sai lý tưởng, ví dụ con người Cộng Sản (đặc biệt Cộng Sản Việt Nam) không dám sửa sai lý tưởng Mác-Lê.

10- Người Đông phương liên kết cái sâu sắc của tư duy với thần quyền và kỳ bí. Người Tây phương coi cái sâu sắc chẳng qua là sự thăm dò kỹ lưỡng chi ly. Nói tóm lại bàn về một mô hình lý tưởng trong triết học là trở về ngàn năm trước. Chẳng những không hợp thời và cũng không thực tế.

11- Ông Hạ-Long cho những tác phẩm triết học của ông Trần Đức Thảo là các công trình sáng tạo. Những cuốn sách của ông Thảo đã xuất bản về biện chứng duy vật và về nguồn gốc ngôn ngữ chỉ là những thiên khảo luận đặc sắc dựa trên tư tưởng của người khác. Chúng chưa có tính sáng tạo. Là một thần đồng trong khoa triết học, ông Thảo có cái nhạy cảm phi thường. Nhưng nhạy cảm phi thường — cũng giống như nhạy cảm trong âm nhạc, trong hội họa, và thi ca — cần phải nhiều năm rèn luyện mới hy vọng có đóng góp sáng tạo phi thường. Thần đồng và thiên tài khác nhau. Sáng tạo không phải dễ như nhiều người tưởng. Nếu ông Thảo ở lại Âu châu để tiếp tục đào sâu vào triết học, ông có rất nhiều triển vọng trở thành một thiên tài.

12- Ta thường nghe nói tới "thuốc Bắc" và "thuốc Ta". "Bắc" ám chỉ Trung Quốc, "Ta" (2) ám chỉ "Việt Nam". Đầu đề bài "Triết Tây, Triết Ta" của ông Hạ-Long làm người đọc nghĩ tới sự so sánh triết học Việt Nam và Tây phương. Nhưng nội dung lại là tư tưởng của Phật và Khổng, cũng là những thứ ngoại lai, chứ nào phải "bụt" trong nhà. Để kết luận cho mấy lời góp ý với ông Hạ-Long, tôi xin triển lời khuyên của một người Việt Nam chính hiệu, ông Nguyễn Bá Học, khi ông viết: "*Biết một việc lo cho chắc một việc. Nói một câu cho đúng một câu. Số phận nước nhà ở trong tay các anh đấy!*" Ông Học không phải là triết gia, nhưng tôi nghĩ nếu người Việt Nam ai cũng nghĩ như ông Nguyễn Bá Học, có thể biến nước Việt Nam thành rực rỡ trong thế kỷ 21, chấm dứt ngậm đuôi tư tưởng ngoại lai.■

NGUYỄN QUỲNH, Ph. D., Ed.D. Giáo sư lịch sử Mỹ thuật và Thẩm mỹ San Antonio College of the University of Texas.

(1) Dùng thay cho các từ Hegemonism và Expanisonism.

(2) Cũng còn gọi là "Nam".

TIẾNG VỌNG

NHỮNG NẤM MỒ HOANG

VÕ ĐÔNG PHA

(Canada)

Vấn đề bình thường hóa bang giao Việt-Mỹ lúc này đang là một đề tài có tính cách thời sự, và một trong những lực cản chính là việc tìm kiếm hài cốt của những người lính Mỹ chết còn bỏ lại sau khi chiến tranh chấm dứt.

Nếu người Mỹ thực tâm tìm kiếm hài cốt của con em họ thì nước Mỹ cũng còn có một vài nét nhân bản, ít ra là đối với những người đồng quốc tịch. Điều này là một điều đáng được khen ngợi.

Có lẽ trong chiều sâu thẩm của tiềm thức, hầu hết mọi con người đều ước mơ sau khi chết đi thân xác mình được nằm yên trong mảnh đất mà mình gọi là quê hương. Do đó, không cần biết họ đến Việt Nam như thế nào, để làm gì, chết như thế nào và vì sao mà chết; tôi thành thật mong mỏi rằng cái ước mơ của tất cả các người Mỹ không may này sẽ thành sự thật. Dù thời gian, không gian và hoàn cảnh có khác nhưng chính tôi cũng có một ước mơ gần như là tầm thường như thế.

Nói về chuyện hài cốt của những con người phải bỏ xác ở những vùng đất xa lạ, tôi nhớ cách đây không lâu tôi có dịp gặp một người Việt Nam trong lúc đang làm việc. Anh cho biết là, vài năm trước đó, một số người Việt Nam sinh sống ở B.C. (Gia Nã Đại) vì gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm ở thành phố nên xin đi trồng rừng với đồng lương rẻ mạt ở những vùng đồi núi hoang vu của tỉnh bang này. Trong khi làm việc họ tình cờ khám phá ra một vài nấm mồ có khắc tên người Việt Nam, có thể đã chết từ năm, bảy chục hoặc 100 năm về trước.

Họ đã đến đây trong hoàn cảnh nào, để làm gì, đã làm gì, cho ai, sống như thế nào, có những ước mơ gì, chết ra sao, gia đình của họ có biết là họ đã phải bỏ xác ở đây không?

Nghĩ đến số phận của những người Việt Nam đã để lại xương cốt của mình trong những nấm mồ hoang kia, xa quê hương một nửa vòng trái đất; tôi bỗng nhớ tới Ông tôi, người Cậu của Bố tôi. Ông sinh vào khoảng đầu thế kỷ này, cái thời mà bọn thực dân trắng còn chiếm nước ta. Chỉ vì Ông tôi không có đủ tiền để đóng thuế thân nên những người có quyền thế trong làng xã bắt Ông nạp cho Tây đày đi Tân Thế Giới làm nô lệ. Vào đến trại tập trung chờ ngày lên tàu để ra đi, Ông tôi giả bệnh, nhịn ăn mấy tháng trời, ốm chỉ còn xương với da, chẳng còn sức lực gì nữa. Thấy chẳng dùng vào việc gì được nên bọn Tây mới chịu tha cho Ông tôi về lại làng.

Ở đây, tôi không bàn về những hành vi tàn độc của bọn thực dân da trắng ấy; tôi chỉ muốn khơi lại cái ám ảnh của tôi về những người có cùng tiếng nói, sinh ra trên cùng một mảnh đất với Ông tôi. Tôi không biết những người có quyền thế ấy nghĩ như

thế nào mà bắt Ông tôi nạp cho Tây. Và nhất là nếu chẳng may Ông tôi phải chết trên một vùng đất xa lạ nào đó, thì Ông có được một nấm mồ không, xương cốt Ông sẽ ra sao, ai biết được ở đâu?

Ngay cả tôi, nếu sinh ra vào đầu thế kỷ này thì cũng có thể tôi đã phải vùi thân trong vùng rừng núi hoang vu của cái tỉnh bang này lắm.

Và còn bao nhiêu nấm mồ hoang khác nữa khắp cùng thế giới, trên hoang đảo, trong trại tù, tận hang cùng ngõ hẻm, bên bờ sông hay vách núi nào đó?

Có ai đã tìm kiếm họ, lên tiếng cho họ được ít nhất là cái quyền được chết như là một con người: Thân xác được về quê cha đất tổ?

Tôi thấy mình vô tình. Tôi không muốn nói chúng ta, vì như thế, tôi có thể tạo ra một ấn tượng là tôi cố buộc người khác chung vào cái chỗ đứng, mà tôi nghĩ, không có gì là vinh dự này của tôi. Tôi làm ngơ trước cái thống khổ của họ, tôi xem thường sự sống cũng như cái chết của họ, và nhất là không đếm xỉa gì đến cái tàn tích nhỏ nhoi khiêm nhường còn sót lại để đánh dấu rằng trong cuộc đời này đã một lần họ có mặt như là một người Việt Nam. Mà cũng có thể tôi còn là một kẻ đồng lõa do chính sự im lặng của mình nữa.

Hy vọng rằng tôi sẽ thành thực với tôi hơn và tử tế với đồng bào của tôi hơn. Có thể là tôi lại vừa lạm dụng hai chữ đồng bào rồi đấy. Dù sao đi nữa thì hy vọng bao giờ cũng là một tích sản của con người và không ít khi nó còn là điều duy nhất mà con người còn có thể có được.■

TIẾNG VỌNG

MÔI TRƯỜNG VÀ PHONG CÁCH KINH DOANH MỸ

DƯƠNG QUÂN

LTS: Bài này của một độc giả TK21, đã gửi đăng trên tạp chí Thị Trường Giá Cả *(Hà Nội), số 4/1993. TK21 nhận được một bản, xin đăng như một đóng góp vào việc trao đổi ý kiến.*

1) Xã hội Mỹ là một xã hội thả lỏng lòng ham muốn của con người. Thả lỏng và thúc đẩy bằng quảng cáo và khoa trương. Nói khác đi là cho con người tự do. Đại đa số dân Mỹ đều tin rằng có tự do, có cạnh tranh thì mới có sáng kiến, và sáng kiến của tư nhân để làm giàu trong khuôn khổ luật pháp cũng là điều tốt cho xã hội. Hệ quả là muốn *Có*, muốn *Giàu* thì phải làm việc, phải có sáng kiến... Chính phủ chỉ giữ vai trò trọng tài và khích lệ bằng luật pháp, nhiều hay ít tùy từng thời kỳ kinh tế lên hay xuống.

2) Các thế lực kinh tế và chính trị ở Mỹ luôn luôn cạnh tranh hay hợp tác với nhau tùy lúc và tùy từng vấn đề; được hướng dẫn trước hết bởi quyền lợi kinh tế, sau đó mới tới các lý do khác như tôn giáo, đạo đức, văn hóa...

Mức năng động rất cao. Vì vậy theo tôi nghĩ khi đụng độ với các cá nhân Mỹ, các tổ chức, thì câu hỏi trước hết không phải là họ muốn gì, nghĩ gì,... mà là *quyền lợi kinh tế* của họ, của tổ chức của họ *nằm ở đâu?*

3) Bất cứ chính phủ nào ở Mỹ cũng chỉ có một chính sách ngoại giao: ngoại giao thế nào để có lợi cho nước Mỹ. Vấn đề chỉ là diễn giải điều lợi hại và sự thành công.

4) Bằng vào tổ chức Ngân hàng và thuế khóa, chính phủ Mỹ đã thu tiền chi dùng và *kiểm soát* dân chúng một cách rất tinh vi. Ở Mỹ ai cũng đã nghe nói (và là điều xảy ra thật) FBI hay CIA có thể không bắt được bạn; nhưng cơ quan thuế vụ thế nào cũng bắt được nếu bạn làm điều vi luật. Thí dụ điển hình là tổ chức Mafia, phần lớn các tên bị bắt và trục xuất về Ý là vi phạm luật lệ thuế vụ. Trước hết các ngân hàng và cơ sở tư hay công đều phải gửi báo cáo hàng năm về số tiền trả cho bất cứ ai. Sau đó, bất cứ ai cũng phải mỗi năm một lần nộp cho Chính phủ một tờ gọi là *bản khai thuế*. Nhìn vào bản khai thuế của một người tôi biết ngay người đó có bao nhiêu tiền gửi nhà băng, có bao nhiêu cổ phần chứng khoán của công ty nào, có bao nhiêu nhà, đất, ở đâu, trong năm có hùn hạp buôn bán với ai không, trong năm làm được bao nhiêu tiền, chi tiêu ra sao?... Chính phủ Mỹ còn có quyền hỏi thêm ngân hàng hay các cơ quan tín dụng (cơ quan cho tư nhân vay qua hình thức tín dụng) và như vậy Chính phủ hầu như biết hết mọi hoạt động của tư nhân nếu Chính phủ thấy cần biết. Dĩ nhiên điều cần biết phải được chứng minh và theo đúng luật pháp cho phép. Sau hơn hai mươi năm ở Mỹ tôi thấy người dân Mỹ quả là có TỰ DO và họ được Luật Pháp bảo vệ. Nhưng nếu cần thì Chính phủ Mỹ có cách để biết người dân đó rõ hơn vợ anh biết anh. Vì tất cả hồ sơ thuế của anh đã được lưu trữ trong máy điện tử.

5) Mức độ thông tin trong xã hội Mỹ rất nhanh chóng và tinh vi, hậu quả là mọi sự lừa dối bưng bít đều dễ bị lộ tẩy (cả lừa dối về chính trị lẫn kinh tế...). Theo tôi nghĩ, đó cũng là điều làm xã hội lành mạnh hơn.■

TỪ MÙI ĐU ĐỦ XANH ĐẾN CẤP BẰNG THẠC SĨ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

TRẦN THANH HIỆP

Phim Mùi Đu Đủ Xanh (L'Odeur de la Papaye Verte - Scent of the Green Papaya) đang được trình chiếu tại nhiều rạp chiếu bóng ở Paris và vùng phụ cận, từ đầu tháng Sáu vừa qua, có thể được coi như một biến cố văn nghệ. Đây chắc chắn không phải là một kiệt tác của nghệ thuật thứ bảy, cũng không phải là một phim hốt bạc kiểu Jurassic Park. Nhưng phim Đu Đủ Xanh có lẽ là phim đầu tiên hoàn toàn do người Việt Nam đạo diễn và diễn xuất, đạt được một giải thưởng quan trọng ở Festival de Cannes, giải Máy Quay Phim Vàng (Caméra d'Oz), một giải dành cho những tác phẩm đầu tay xuất sắc. Sau ngày ra mắt công chúng, phim Mùi Đu Đủ Xanh đã được báo chí và khán giả Pháp ngợi khen nhiều, phần lớn chắc cũng vì lòng hoài cổ của dân Pháp đối với Indochine Francaise. Đối với bà con người Việt mình ở Paris, dư luận khá chia rẽ. Câu chuyện một cô Lọ Lem nhờ tình yêu mà trở thành một thiên kim tiểu thư, như con ngài trở thành con bướm, có thể là đề tài của một phim lớn. Đạo diễn Trần Anh Hùng có thực hiện được tham vọng ấy hay không, hay đã để cho chủ đề ấy bị chìm trong những đề tài phụ dung và những kỷ niệm riêng tư không mấy chính xác về xã hội Việt Nam ngày trước, điều này còn được tranh luận. Dẫu sao, Mùi Đu Đủ Xanh cũng chỉ là một cuộc hành trình trong trí nhớ, trong trí tưởng tượng của Trần Anh Hùng để ráp lại một thực tại xã hội cũ, trong đó ông không được sống, ráp lại để lấp vào chỗ trống trong ông.

Các diễn viên trong phim Mùi Đu Đủ Xanh đều không phải diễn viên chuyên nghiệp. Về phía nam diễn viên, vai trò chính trong phim, cậu Khuyến, người nhạc sĩ trẻ tài hoa giàu có, được cô Lọ Lem trong chuyện say mê từ khi còn tấm bé, do Vương Hòa Hội đóng. Tôi tình cờ được biết "tài tử" này từ khi mới sinh ra đời.

Quả vậy, cái tên "Hòa Hội" liên quan đến một giai đoạn lịch sử gần đây, nói rõ hơn là cuộc hội đàm Paris 1968 - 1972 giữa Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, Bắc Việt và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bàn việc chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam. Tôi và các thành viên khác của phái đoàn VNCH sinh hoạt hàng ngày ở biệt thự số 50, Bd Maillot, Neuilly, và ở trụ sở số 20 đại lộ Mac Mahon, quận 17, Paris. Một chiều cuối tháng Tám năm 1969, anh Vương Văn Bắc, một thành viên của phái đoàn, cho chúng tôi biết chị Bắc mới sinh cháu trai thứ ba ở Sàigòn, đặt tên là Hòa Hội để ghi nhớ cuộc hội đàm đang cầm chân bố đứa nhỏ ở nơi xa.

Đối với tôi, anh Bắc vừa là bạn học cũ ở trường Bưởi đầu thập niên 40, vừa là đồng nghiệp trong luật sư đoàn Tòa Thượng Thẩm Sàigòn (cùng với chị Bắc, giáo sư Nguyễn Thị Hồng), vừa là tri kỷ trong lãnh vực văn nghệ và tư tưởng. Bởi vậy, ngay trong bữa cơm chiều hôm ấy ở 50 Bd Maillot, tôi đã cùng các anh Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Phương Thiệp và chị Nguyễn Thị Vui, nâng chén mừng anh chị Vương Văn Bắc được thêm cháu trai Hòa Hội...

Hơn hai mươi năm đã qua. Do những đổi thay của thời thế, chúng tôi lại gặp nhau ở Paris. Anh Bắc cho tôi biết cháu Hòa Hội đã đậu Tú Tài và được nhận vào học trường Cao Đẳng Sư Phạm (Ecole Normale Supérieure), một trường lừng danh bên Pháp với những cựu sinh viên như Georges Pompidou, Jean-Paul Sartre Léopold Senghor hay Phạm Duy Khiêm, Trần Đức Thảo v.v...

Được hỏi về tin cháu Hòa Hội đóng vai chính trong phim Mùi Đu Đủ Xanh, anh Bắc cười, và nói rằng anh hoàn toàn không biết trước chuyện này (ở ngoại quốc và vào thời buổi này, uy quyền cha mẹ trên con cái đã suy giảm nhiều!). Khi được con báo tin sắp đóng phim, anh đã lo sợ rằng nếu là một phim nhảm nhí hay tuyên truyền Cộng Sản thì thật tai hại cho thanh danh gia đình; may thay, phim Mùi Đu Đủ Xanh không thuộc vào những loại ấy. Theo anh nói, gia đình anh không chờ đợi đứa con trai út này sẽ đi thêm nữa trên đường nghệ thuật điện ảnh mà chỉ mong cho cháu tiếp tục đi con đường mà trước đây bố mẹ cháu đã chọn. (Anh Bắc là giáo sư các trường Quốc Gia Hành Chánh, Đại Học Đà Lạt, chị Bắc là giáo sư Trưng Vương). Đó là "hổ phụ sanh hổ tử". Và chắc là anh chị Bắc rất hài lòng vì cậu quý tử Vương Hòa Hội sau kỳ thi tốt nghiệp tháng Sáu vừa qua, đã đậu Thạc sĩ văn học hiện đại. Liệu rồi đây tài tử điện ảnh Vương Hòa Hội còn trở lại phim trường nữa hay không, hay sẽ chỉ đóng vai một nhà giáo trẻ tài hoa giảng dạy văn học hiện đại không phải trong một phim điện ảnh mà ở ngoài đời và trên đất Pháp?■

TRÒ CHUYỆN VỚI ĐẶNG THÁI SƠN

TRUNG CHÍNH *thực hiện*

Năm 1980 tên anh lừng lẫy khắp thế giới. Báo chí ở các thành phố lớn, các thủ đô, loan tin: "Một người Việt Nam tên Đặng Thái Sơn đã chiếm giải nhất cuộc tranh tài Chopin về trình tấu dương cầm ở Warsaw (Warszawa, Ba Lan). Đây là lần đầu tiên một người Á Châu đoạt huy chương vàng trong một cuộc tranh tài quan trọng về âm nhạc trên thế giới."

Giải Chopin là một trong vài ba giải trình diễn âm nhạc có uy tín quốc tế lớn nhất. Riêng với dương cầm, giải này có lẽ phải coi là lớn nhất, năm năm mới tổ chức một lần, và chỉ dành riêng cho dương cầm. Không những người Việt Nam hãnh diện về anh mà cả châu Á cũng hãnh diện. Năm 1987 người Nhật đã đón anh về dạy học ở một đại học âm nhạc, đến đâu trình diễn anh cũng được đón tiếp như một "anh hùng." (Mười năm sau Đặng Thái Sơn mới có giải Tchaikovsky về vĩ cầm được trao cho một cô người Nhật).

Năm 1990, nhân dịp kỷ niệm sinh nhật của vua Thái Lan, dàn nhạc giao hưởng Bangkok mời anh trình diễn bài *Concerto số 1* của Chopin, báo *Bangkok Post* viết: "Tất cả châu Á lấy làm tự hào về Đặng Thái Sơn."

Con người rất hiền hòa, nhũn nhặn, Đặng Thái Sơn hiện cư ngụ ở Montréal, Canada.

"Mình học piano vì hồi nhỏ nghe âm thanh của đàn piano mình rất thích. Mình cứ tò mò chạy tới gõ lên phím đàn nghe thử. Thấy mình thích nghe tiếng piano, ông cụ mới thử dạy mình, tập cho mình học nốt nhạc, từ lúc năm tuổi."

Đặng Thái Sơn

Đặng Thái Sơn là con của nhạc sĩ Đặng Đình Hưng, một nhà thơ, và sau này còn là một họa sĩ. Thân mẫu anh là bà Thái Thị Liên, xuất thân từ một gia đình âm nhạc, giáo sư dương cầm.

"Nhưng lúc đầu cũng chỉ học chơi thôi. Đến năm lên bảy tuổi mình mới học đàng hoàng, giáo sư đầu tiên là mẹ mình."

Năm Đặng Thái Sơn lên bảy tuổi thì chiến tranh Việt Nam cũng bắt đầu trở nên khốc liệt. Quân miền Bắc xâm nhập mở những trận đánh lớn ở miền Nam; không quân Mỹ dội bom từ Đồng Hới ra tới Hải Phòng, Hà Nội. Dân chúng Hà Nội được lệnh sơ tán, nhiều cơ quan, trường học rời bỏ thành phố về miền quê. Bà Thái Thị Liên là giáo sư và giám đốc Nhạc Viện Hà Nội; cả giáo sư, sinh viên nhạc viện cùng sơ tán về miền quê.

"Nhạc viện sơ tán cả thảy hai lần. Lần thứ nhất vào tháng Sáu năm 1965, về xã Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc. lần sau vào năm 1972, về Hiệp Hòa. Đến năm 1973, trở về Hà Nội."

Gọi là nhạc viện, nhưng cả trường chỉ có ba chục cái đàn dương cầm, loại nhỏ, đàn đứng chứ không phải loại đàn lớn. Không có xe hơi, xe vận tải, nhạc viện di chuyển bằng xe bò. Đoàn xe bò chở ba chục cái đàn đi từ Hà Nội về Xuân Phú.

Đặng Thái Sơn được sống ở gần sông Thương (*sông Thương nước chảy đôi dòng*) và cho đến nay anh vẫn nghĩ mấy năm sống trong miền đồi núi, đồng quê rất quan trọng. "Cảnh vật ảnh hưởng đến sự phát triển tình cảm và đời sống nội tâm của tôi. Tôi cảm thấy vẻ đẹp của núi đồi, tôi ngắm trăng, tôi ngửi thấy cả mùi thơm trong thiên nhiên." (*The San Francisco Chronicle,* 1991).

"Chở piano từ Hà Nội về Hà Bắc bằng xe bò, mà đường đi gập ghềnh, khúc khuỷu. Khi đến nơi thì đàn hỏng hết, phím đàn muốn rã ra, mỗi thứ đi một nơi. Có nhiều nốt đàn gõ vào không kêu nữa. Khí hậu lại rất ẩm, mối, kiến, côn trùng rất nhiều, làm hư cả đàn. Lại còn chuột nữa, chuột rất thích làm ổ trong đàn piano. Cuộc sống ở đó thật vất vả, như thời tiền sử vậy. Nhà rơm, vách đất, đêm thắp đèn dầu, chứ không có đèn điện. Mà đèn dầu cũng bị hạn chế, nghe thấy tiếng máy bay là phải tắt đèn đi."

Không cần phải có tai nhạc sĩ, dân làng cũng phân biệt được tiếng máy bay Mỹ và tiếng máy bay Nga. Nếu nghe thấy tiếng máy bay Nga thì các nhạc sinh tiếp tục tập đàn. Nhưng nếu là tiếng máy bay Mỹ thì phải ngưng ngay. Tại sao? Nhạc sĩ cười: "Tại vì dân làng cho rằng nếu chúng tôi đánh đàn, phi công Mỹ ở trên trời sẽ nghe thấy, họ sẽ bỏ bom. Mỗi khi nghe tiếng máy bay Mỹ phải ngưng đàn, rồi chạy xuống hầm trú ẩn."

Như vậy thì việc tập đàn cũng không thể đều đặn và thường xuyên!

"Vì số đàn ít quá, cho nên khi còn ở Hà Nội cũng như khi đi sơ tán, học sinh đều phải xếp hàng chờ tới lượt mình. Được cái là ở miền Bắc lúc đó xếp hàng là một thói quen, xếp hàng cả ngày, bé đến lớn cũng vậy. Khi đến lượt mình tập đàn thì mỗi học sinh chỉ có chừng 20 phút. Bây giờ tôi thấy trẻ em Việt Nam ở ngoại quốc em nào cũng có cái đàn riêng để tập, thật là may mắn lắm. Nhưng chúng tôi cũng may. Vì biết mình chỉ có 20 phút để tập cho nên khi tới lượt mình thì cố hết sức chú tâm vào việc tập dượt. Điều đó tạo thành một thói quen rất tốt. Mỗi khi ngồi vào đàn là phải tập trung tâm trí vào việc đàn. Nếu có nhiều giờ tập chắc chúng tôi cũng sẽ vừa tập vừa lơ đãng, bị chia trí."

"Việc học đàn lại còn bị trở ngại vì trẻ con hàng xóm nó phá nữa. Phải nói là trẻ con nó không có cảm tình với dân thủ đô sơ tán về đây, và chúng nó cũng nghịch ngợm. Trẻ con ở đâu mà chẳng nghịch? Cho nên có đứa nó lấy ngay cái đàn, cả phím đàn làm chỗ... đi vệ sinh. Mỗi ngày, khám phá ra phím đàn bị bẩn, lại hì hục lau chùi rồi mới tập được."

Sau này hồi tưởng lại, Đặng Thái Sơn thấy những năm tập đàn trong cảnh đồng quê, giữa miền đồi núi đó có ảnh hưởng rất tốt. Trả lời một cuộc phỏng vấn của báo chí ngoại quốc, anh nói: "Tôi đã tập đàn dưới mái nhà tranh, tôi nghe tiếng gió thổi qua lũy tre. Bây giờ nhớ lại, tôi thấy khung cảnh thiên nhiên cũng như hoàn cảnh xã hội thật rất cần cho người nghệ sĩ trau dồi. Khi tiếp xúc với khung cảnh đó, không những chúng ta thấy được sự bình an và hoan lạc, chúng ta còn thấm được vị cay đắng của cuộc đời."

Trong hoàn cảnh thiếu thốn ở Việt Nam, mãi đến năm 12 tuổi Đặng Thái Sơn mới được nghe một đĩa nhạc. Thật tình cờ, đĩa nhạc đầu tiên anh được nghe là nhạc Chopin.

"Khi đi sơ tán thì làm gì có đĩa nhạc, mà cũng chẳng có điện mà nghe nữa. Năm 1970, thân mẫu mình được cho đi nước ngoài. Bà đi Warszawa để nghe người ta dự giải dương cầm Chopin. Lúc về nước bà mang theo rất nhiều bài nhạc (*partition*). Vì trong nước thiếu bài, học sinh phải chép tay các bản nhạc, mà chép thì hay bị sai. Thân mẫu mình cũng mang về nhiều đĩa nhạc Chopin.

"Thế là lần đầu tiên mình được nghe một đĩa nhạc, lại là nhạc Chopin. Người đàn là bà Martha Angerich. Bà là người đã chiếm giải Chopin năm 1965. Lần đầu tiên nghe một đĩa nhạc, mình cảm thấy nó rất xa, rất xa với mình, như nó ở một thế giới nào khác."

Sau khi trở về Hà Nội lần thứ hai, Đặng Thái Sơn có dịp tiếp xúc với một giáo sư dương cầm người Nga, ông Isaac Katz. Ông được cử sang dạy ở Hà Nội. Cậu nhạc sinh 16 tuổi khiến ông thầy phải chú ý. Ông bảo phải cho chàng thanh niên này sang học ở Moskva, chỉ trong môi trường của ngôi trường nổi tiếng thế giới với các giáo sư lẫy lừng, các bạn học tài giỏi ganh đua, thì tài năng của chàng mới có dịp phát triển.

Nhưng việc đi học ở nước ngoài là điều Đặng Thái Sơn không dám mơ tưởng, vì vấn đề lý lịch. Thân phụ anh, nhạc sư Đặng Đình Hưng là một người trong nhóm *Nhân Văn, Giai Phẩm*. Ông không những làm thơ, viết nhạc, mà ông còn là một người có tài tổ chức và vận động. Tính ông rất quảng giao, nơi ông ở luôn luôn là chỗ bạn bè tụ họp, uống bia, bàn cãi, thảo luận. Vì vậy khi đảng Cộng Sản đàn áp *Nhân Văn, Giai Phẩm*, ông bị ghép tội rất nặng. Ông bị trục xuất ra khỏi Hội Âm Nhạc, mất hộ khẩu, phải rời khỏi thành phố, đi lao động cải tạo. Cuốn hồi ký "*Cát Bụi Chân Ai*" của Tô Hoài viết gần đây: "Ở hội Nhạc, Đặng Đình Hưng bị khai trừ dảng. Văn Cao, kỷ luật cảnh cáo... Đặng Đình Hưng dịch tài liệu cho hội Nhạc, buôn rượu, và làm thơ... Đặng Đình Hưng làm

tập thơ *Nhân*, có chỗ buồn tay mấy trang đánh dấu chấm như mưa. Hiện nay, tập thơ *Ô Mai* cũng nhiều bài lấy ở tập *Nhân*, thơ đầu tay. "Ông Cử Hưng," như người làng khoe... ông túng kiết lắm. Xách bị buôn chuyến rượu trong quê Chương Mỹ ra để được uống ghé vào đấy. Nhưng vẫn những tưng bừng bất thường. Đặng Đình Hưng rủ tôi lo đêm Trần Khánh hát..."

Với lý lịch thân phụ anh như vậy, Đặng Thái Sơn không có hy vọng ra nước ngoài học hỏi. "Nhờ có giáo sư Isaac Katz nên tôi mới được đi học ở Moskva," Đặng Thái Sơn kể với nhà báo *Chronicle* ở San Francisco. "Ông ta làm áp lực với bộ Văn Hóa của chính phủ Hà Nội, ông dọa dẫm họ, bảo phải cho thằng bé này đi." Đặng Thái Sơn nói anh rất vui mừng khi ra khỏi Việt Nam. Anh bảo nhà báo: "Ở Việt Nam cái gì cũng bị chính phủ kiểm soát. Lối giáo dục Cộng Sản bắt con người phải có hai bộ mặt, một bộ mặt giả trước đám đông, chỉ đối với gia đình, bạn bè mới có bộ mặt thật."

"Ai cũng phải hành động đúng đường lối. Đó là một mối nguy cho nghệ thuật, cho âm nhạc. Trong âm nhạc, chúng ta phải thành thật, phải diễn tả xúc động của mình. Người sống ở Việt Nam thành ra sợ hãi, không dám diễn tả xúc động của mình nữa. Làm ngược lại, anh có thể bị đuổi khỏi trường, có thể bị tù."

Đặng Thái Sơn không muốn nói gì về những khó khăn của thân mẫu anh, bà Thái Thị Liên, và chính anh, sau khi thân phụ anh bị đảng Cộng Sản thanh trừng. Đó là những ngày đau khổ không ai muốn nhắc lại. Nhưng anh đã phải xa thân phụ ngay từ khi mới ra đời, và song thân anh đã phải sống xa nhau. Mãi đến khi anh đoạt giải Chopin, lừng danh thế giới, nhà nước CSVN mới cho phép thân phụ anh trở về Hà Nội, có lại hộ khẩu. Tất cả cũng nhờ những năm học tập của anh ở học viện âm nhạc Tchaikovsky, ở Moskva. Và tất nhiên cũng nhờ anh mang dòng máu của hai nhạc sĩ từ lúc ra đời.

"Mình sang Moskva vào mùa hè năm 1977, nên mình phải thi nhập học khóa mùa thu. Mình may mắn đã được miễn học khóa dự bị. Thường các nhạc sinh phải học xong chương trình dự bị rồi mới được chính thức vào học nhạc viện Tchaikovsky. Có lẽ mình là người ngoại quốc đầu tiên được đặc cách, miễn học khóa dự bị."

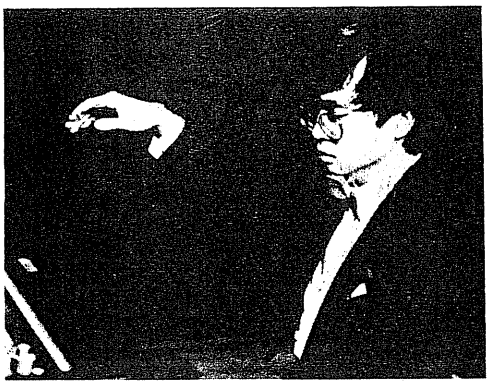

Đặng Thái Sơn trong một buổi trình tấu dương cầm

Anh đã chơi tác phẩm nào trong kỳ thi nhập học nhạc viện Tchaikovsky? Thật là một sự tình cờ lý thú. Trong ba tác phẩm chính thì có hai bài của Chopin. Anh đã đàn *Etude op. 10, số 1* của Chopin, *Ballade số 4, cung Fa thứ* của Chopin, ngoài ra là *Prélude* và *Fugue cung Si giáng thứ* của Bach. Thế là đĩa nhạc đầu tiên Đặng Thái Sơn nghe là đĩa Chopin, gồm mấy *Mazjurka, Polonaise,* và *concerto số 1* viết cho dương cầm. Và những bài đàn anh chơi khi thi vào nhạc viện Tchaikovsky cũng có mấy bài của Chopin. Sau này, khi anh dự giải Chopin năm 1980, anh lại có dịp gặp bà Angerich, người đàn trong đĩa nhạc đầu tiên anh được nghe, nhưng chuyện đó hồi sau sẽ nói tới.

Vào nhạc viện Tchaikovsky, Đặng Thái Sơn là học trò của V.A. Natanson.

"Lúc mình sang đến Nga thì kỹ thuật của mình còn rất yếu. Những giáo sư *concertiste* (chuyên đi trình diễn) không thích nhận mình làm học trò. Đến gần ngày khai giảng mình mới lên xin ban giám đốc chọn cho mình một thầy giáo (không phải là cô giáo, vì mình đã học với nhiều cô giáo ở Việt Nam rồi). Ban Giám Đốc đề nghị mình học thầy Natanson. Hóa ra đó lại là một điều may. Vì ông Natanson không hay đi biểu diễn, ông chuyên về sư phạm, cho nên ông có nhiều thì giờ chỉ bảo cho mình. Chính vì vậy mà mình sửa được những khuyết điểm về kỹ thuật một cách nhanh chóng."

Lối huấn luyện âm nhạc ở Nga nổi tiếng là chú trọng đến việc làm chủ kỹ thuật. Năm 1991, khi Đặng Thái Sơn đàn bài *Concerto cung La, op. 54* của Schumann với dàn nhạc giao hưởng Quốc Gia ở Ottawa, Canada, nhà báo Jacob Siskind, báo *Citizen*, viết: "Chỉ cần nghe vài trường canh ta đã thấy ngay chàng nhạc sĩ trẻ này được đào tạo từ trường phái dương cầm của Nga, một phong thái đàn như cất lên tiếng hát, nhạc cú trong sáng và tiết điệu hài hòa... Kỹ thuật của anh rất vững vàng nên anh đã đi cùng dàn nhạc một cách thong dong qua tất cả các đoạn khó khăn, mặc dù nhạc trưởng có lúc đẩy nhịp lên quá nhanh."

Ở Moskva, Đặng Thái Sơn đã học tất cả các kỹ thuật căn bản "từ truyền thống lãng mạn của Nga — làm cho đàn piano cất tiếng hát — cho đến phong thái trí thức của trường phái Nga hiện đại."

Lúc mới tập, anh có gặp trục trặc về nhịp điệu như nhiều người mới học piano hay không?

"Dĩ nhiên là có chứ. Vì người mình sống trong âm nhạc của dân ca. Dân ca chú trọng đến giai điệu, lời ca, hơn là nhịp. Vì thế nên trong máu mình không có nhịp điệu của Tây Phương. Chính vì thế các bạn trẻ Việt Nam hơi lơi là về nhịp điệu. Mình bị ông Natanson sửa rất nhiều về chuyện này. Chính nhờ ông nên mình mới thoát được các khuyết điểm về nhịp điệu."■

(Kỳ sau tiếp)

VĨNH BIỆT: NGUYỄN GIA TRÍ NGÔI SAO BẮC ĐẨU CỦA NỀN HỘI HỌA VIỆT NAM

TẠ TỴ

Từ trái qua phải: Hoàng Lập Ngôn, Lương Xuân Nhị, Anh Giang (điêu khắc), Đào Sĩ Chu (dược sĩ / họa sĩ), Nguyễn Tiến Chung, một người bạn, Bùi Xuân Phái, Tạ Tỵ và Nguyễn Gia Trí. Ảnh chụp năm 1952, tại Hà Nội

Nguyễn Gia Trí, một thiên tài lỗi lạc của nền Hội Họa Việt Nam đã vĩnh viễn đi vào cõi Thiên Thu, trong đêm 20-6-1993 tại Quận Phú Nhuận, Saigon, hưởng thọ 85 tuổi. Tôi nhận được hung tín từ Việt Nam, do hai bạn Lê Ngộ Châu, cựu Chủ Nhiệm Tạp Chí Bách Khoa và Trần Phong Giao, cựu Tổng Thư Ký Tạp Chí VĂN gửi qua cùng một lúc. Thư đến vào buổi trưa, tuy đang mùa hè, nhưng cả tháng nay, vùng trời miền Nam Cali lúc nào cũng ẩm đục sa mù như mùa Thu đã bắt đầu gọi lá! Tôi đọc bản tin đăng tải trên báo Tuổi Trẻ với niềm xúc động sâu xa, vì cái "tình" giữa tôi và anh Nguyễn Gia Trí nó kéo dài từ năm 1952 cho tới hôm nay.

Sự thực, khi tôi bắt đầu theo học Trường Mỹ Thuật, anh Trí đã bỏ ngang không học nữa. Anh chỉ học hết năm thứ ba, nhất định thôi, ở nhà, tự học. Có lẽ, anh cho rằng, các giáo sư của nhà trường không dạy được những gì anh muốn học, thì dù có học hết năm thứ năm, để lấy mảnh bằng Tốt Nghiệp, cũng chẳng ích gì cho con đường Nghệ Thuật mà anh đã chọn lựa. Anh đi vào ngành Nghệ Thuật Tạo Hình như đi vào Định Mệnh! Người dạy anh lúc đó là giáo sư Inguimberty, người đảo Corse và ông Victor Tardieu, kiêm Giám Đốc Trường. Cũng nhờ có ông Victor Tardieu mới có Trường Mỹ Thuật, mới có nền Hội Họa Việt Nam phong phú hôm nay. Cả hai ông đều là họa sĩ, nhưng không ưa nhau và đều không có tiếng tăm trong lãnh vực Hội Họa Paris. Riêng ông Inguimberty muốn trở thành một Gauguin ở Việt Nam nhưng thiếu

tài. Cả hai ông đều đã trở thành người thiên cổ: một ở Việt Nam, một ở đất Pháp!

Vì mến tài Nguyễn Gia Trí nên ông Inguimberty, cố tình khuyến dụ anh học nốt hai năm nữa, sau khi tốt nghiệp, ông ta sẽ đề bạt với Nha Học Chánh Đông Dương để anh làm Giáo Sư cho nhà Trường. Nhưng anh nhất định không chịu, chỉ vẽ ở nhà, mà vẽ tranh sơn mài, một bộ môn mới, rất ít người theo đuổi. Chính thực, anh học ngành sơn dầu, không hiểu sao anh lại thích vẽ tranh sơn mài, có lẽ, anh muốn mở đường tương lai cho bộ môn Nghệ Thuật mới này, hoặc anh đã nhìn thấy ở sơn mài có những đặc tính mà sơn dầu không có, đó là sự chịu đựng bền bỉ với thời gian, trừ thuốc nổ và lửa chăng? Biết rằng không thể thuyết phục được anh tiếp tục đến trường, ông đành thúc giục anh vẽ tranh sơn mài và chính ông sẽ tìm người mua tranh, hầu hết là thực dân Pháp. Anh vẽ tấm nào, bán tấm đó và bắt đầu phải có thợ phụ. Ông V. Tardieu mất tại Hà Nội vào năm 1937, 38 gì đó, ít lâu sau nhà Điêu Khắc E. Jonchère từ Paris qua thay thế chức vụ Giám Đốc. Ông Inguimberty vận động với ông Jonchère để tổ chức ngay tại Trường một phòng Triển Lãm thường trực để trưng bày tranh sơn mài của Nguyễn Gia Trí, tranh sơn dầu của Tô Ngọc Vân cùng vài ba họa sĩ khác. Những bức tranh của anh Trí trưng bày tại đây, chỉ một vài hôm, là có người lấy đi ngay, cũng như tranh của Tô Ngọc Vân vậy, nhưng những bức khắc còn lay lứt chưa biết đến bao giờ?

Khi còn đi học, tôi đã nghe anh em nói nhiều về tài năng của anh Trí, nhưng chưa có dịp được gặp, tuy tôi có biết, mỗi lần đến Trường, anh thường nói chuyện với giáo sư Inguimberty ở ngoài hành lang. Người anh nhỏ thó, dáng điệu lù đù chứ không nhanh nhẹn như họa sĩ Tô Ngọc Vân. Ngày đó, tôi còn nhỏ tuổi và mơ ước được bắt tay Nguyễn Gia Trí một lần, một lần thôi cũng đủ, nhưng không có cơ hội!

Rồi thời gian cứ lướt cánh theo nhịp luân hành của nó. Tôi cũng lớn dần và tạo cho riêng mình một chỗ đứng độc đáo dưới vòm trời Nghệ Thuật Việt Nam. Theo vận nước nổi trôi, cuộc sống đã đẩy tôi lênh đênh mấy năm trời trên các nẻo đường Kháng Chiến, rồi về Thành giữa năm 1950. Tình cờ vào năm 1952, họa sĩ Duyên, nhà ở phố Quan Thánh, có tổ chức một bữa cơm thân mật, mời vài anh em họa sĩ tham dự, nhân tiện giới thiệu hai bức tranh sơn mài khổ lớn của anh mới hoàn thành. Buổi đó, tôi thấy có mặt: Nguyễn Gia Trí, Lương Xuân Nhị, Nguyễn Tiến Chung, Bùi Xuân Phái, Hoàng Lập Ngôn, anh Giang điêu khắc gia và Đào Sĩ Chu, dược sĩ kiêm họa sĩ tài tử. Cho tới hôm đó, niềm ước mơ của tôi mới toại nguyện. Tôi xiết chặt bàn tay tôi vào bàn tay thon nhỏ, mềm mại của anh Trí thật lâu mới buông ra. Mọi người đều có mặt trước hai tác phẩm sơn mài của anh Duyên, chỉ nhìn ngắm như thưởng ngoạn, chứ không phê bình. Anh Duyên đứng gần tôi, nói nhỏ: anh Trí mới từ Hongkong trở về, anh theo nhóm Nguyễn Tường Tam lưu vong chống Cộng. Anh Trí ít nói lắm, luôn luôn nghiêng đầu nhìn xuống như muốn tránh né một cái gì, nhưng anh có nụ cười thật tươi, thật rạng rỡ, mỗi lần nghe thấy câu nói nào vui. Vì lần đầu gặp gỡ, tôi và anh Trí chỉ nói với nhau những chuyện tầm phào, đôi khi có đề cập đến chiều hướng Hội Họa thế giới đang đi về đâu, sau Đệ II Thế Chiến. Sau bữa gặp mặt đó, tôi không gặp anh lần nào nữa, lúc ấy tôi quá bận, vừa đi làm, vừa vẽ tranh để kịp tổ chức một phòng Triển Lãm, trưng bày những họa phẩm vẽ theo lối mới, được mệnh danh là Trường Họa Tiền Tiến (Avant-Garde).

Đầu năm 1953, tôi bị gọi động viên theo học Khóa 3 Thủ Đức. Sau khi ra trường, tôi được phục vụ tại Quân Khu 1, tức miền Nam Việt Nam. Tôi những tưởng như vậy, không bao giờ gặp lại anh Trí nữa! Nhưng định mệnh đẩy đưa, một buổi, có người bạn cho biết chỗ ở của anh, trong con hẻm miệt Tân Định và nói thêm, anh Trí mới được thực dân Pháp trả tự do sau mấy năm bị an trí tại tỉnh Thủ Dầu Một vì chống Pháp! Nghe vậy, tôi mừng quá, mong chóng đến ngày Chủ Nhật để có thì giờ lại thăm anh Trí. Tôi đến thăm anh vào một chiều nắng chói chang, sau hồi lâu mới tìm thấy nhà. Tôi gõ cửa. Chờ một lát, cửa mở. Khi nhìn thấy tôi, anh Trí lộ vẻ ngạc nhiên, trong cái nhìn ấy, tôi đoán, anh không hiểu vì sao tôi tìm ra nơi anh ở. Thay vì tiếp tôi nơi phòng khách, anh Trí lại mời tôi vô căn phòng nhỏ và nói ngay, đây là chỗ anh ở tạm nhà người quen, chứ không phải nhà anh. Anh kéo chiếc ghế gỗ mời tôi ngồi, còn anh ngồi trên tấm divan nhỏ kê gần cửa sổ. Quả thực, tôi cũng không biết anh Trí vô Nam từ hồi nào mà bị bắt, nhưng tôi không hỏi, anh cũng không nói. Chúng tôi ngồi nói chuyện về đời sống ở miền Nam và nhắc đến vài anh em quen thuộc trong bữa cơm tại nhà anh Duyên năm nào. Anh có gầy đi đôi chút so với lần tôi gặp trước, nhưng nụ cười làm khuôn mặt anh đỡ phần khắc khổ. Anh vẫn ít nói, mỗi lời nói của anh hình như được cân nhắc kỹ, trước khi đến tai người nghe. Tôi đảo mắt nhìn khắp căn phòng, không có gì ngoài chiếc bàn nhỏ, vài chiếc ghế đẩu và tấm divan bằng gỗ tạp. Trên tường treo vài tấm tranh bằng giấy màu dán và một tấm tranh sơn dầu nhỏ vẽ cảnh bến thuyền ở Hongkong. Bức tranh tuy nhỏ nhưng rất đẹp, bút pháp mạnh mẽ, màu sắc điều hòa rất khéo và sống động. Anh Gia Trí vẽ tranh sơn dầu không thua gì tranh của Tô Ngọc Vân. Tôi tò mò hỏi anh về sự ra đời của tấm tranh đó, anh cho biết, trong thời gian lưu lạc ở Hongkong, anh đã vẽ tranh để kiếm sống qua ngày. Tôi cúi nhìn xuống mặt sàn gạch, ngổn ngang toàn giấy màu cắt vụn, cây kéo và bát hồ cùng một tấm tranh đang gián dở dựng ở chân tường. Tôi hỏi, sao anh không vẽ bằng sơn? Anh nói: chưa có hoàn cảnh, và cho biết những bức tranh giấy màu treo trên tường, anh làm ở Thủ Dầu Một, nhằm mục đích để quên thời gian bị an trí! Buổi đó, tôi ngồi với anh trên một tiếng đồng hồ, lúc ra về, anh tặng tôi tấm tranh bằng giấy dán, nội dung thật đơn sơ: một cô gái miền Nam, đầu quấn khăn rằn ri, tay ôm con mèo, bên cạnh có chậu hoa. Cái

nghệ thuật của tấm tranh là dùng các tờ giấy bóng màu, chồng lên nhau để tạo nên những độ màu khác biệt, có chỗ dán cả giấy báo. Trông rất nghệ thuật, rất Gia Trí. Tôi mang về treo ngay nơi tôi ngồi uống trà, cùng với các tác phẩm của Bùi Xuân Phái và Nguyễn Tiến Chung tặng tôi, trước khi vô Nam. Hiện tất cả vẫn có mặt tại Sàigòn!

Cách khoảng thời gian khá lâu, chúng tôi không gặp nhau, một buổi nhận được thư anh mời đến chơi để xem tranh mới. Bây giờ anh đã ở đường Ngô Đình Khôi, trong ngõ, gần phi trường Tân Sơn Nhất. Vào buổi sáng Chủ Nhật, tôi đến thăm anh trong con ngõ khang trang, xe hơi có thể vào, ra thông thả. Đã lâu không được nhìn tranh sơn mài của anh, nay nhìn thấy vẫn hay, vẫn đẹp, cái đẹp thật đặc biệt chỉ riêng anh mới đủ tài để hình thành. Tất cả những gì, dù phong cảnh hay mỹ nữ, một khi được anh ghi nhận vào tác phẩm, chúng đều sống động và biến ảo khôn lường. Nó đưa người thưởng ngoạn vào cơn trường mộng, ở đó, con người và nghệ thuật a nhập vào nhau, vì tất cả đều có linh hồn! Màu sắc của sơn mài vốn nặng nề, các màu *"son ba tươi", "son nhì", "son lòng trai"* cùng vàng bạc vương vãi đó đây, ẩn hiện chập chờn, lung linh dưới năm đầu ngón tay phù thủy. Những hình thể làm bằng vỏ trứng, màu trắng ngà, rạn vỡ tự nhiên, đặt đúng chỗ, trông rất cao quý, rất nghệ thuật. Đi vào khung trời Hội Họa của Nguyễn Gia Trí như đi vào cõi viễn mơ, ở đó, không còn gì, cố gì ngoài những nét bút mờ ảo hòa điệu cùng các màu sơn *"then"*, sơn *"cánh dán"*, xoay tròn, quấn quít lấy nhau, để cùng đi vào một vùng trời mênh mang, huyễn hoặc như truyện Liêu Trai!

Nguyễn Gia Trí là người có công đầu, đưa bộ môn sơn mài, vốn từ lâu chỉ được coi như ngành Mỹ Nghệ lên nấc thang cao nhất của Nghệ Thuật Tạo Hình, ngang hàng với các giá trị tuyệt luân của nền Hội Họa Sơn Dầu Âu Châu có từ lâu đời và tự coi như "độc tôn"! Tôi thiển nghĩ, rồi mai đây, ít nhất nước Việt Nam cũng phải dựng tượng Nguyễn Gia Trí, đặt trong khuôn viên của Trường Mỹ Thuật, cùng vài ba bậc Thầy khác.

Anh Trí rất kén bạn. Tôi ít nghe thấy anh nói tới tên người nào, trừ một lần, tôi tặng anh cuốn sách "10 Khuôn Mặt Văn Nghệ" do nhà Nam Chi xuất bản, năm 1970. Sau khi đọc, lúc gặp, anh cho biết, tôi viết về cá tính Nguyễn Tuân rất đúng vì anh có biết và cũng quý mến cái văn phong của Nguyễn Tuân lắm. Trong lúc vui chuyện, tôi hỏi, ai đã giới thiệu anh với nhóm Tự Lực Văn Đoàn, vì sao anh thôi không minh họa cho tờ Phong Hóa rồi đến Ngày Nay dưới bút hiệu RIGT (*tên anh đảo ngược chữ*) nữa, nhường chỗ cho Tô Tử, tức họa sĩ Tô Ngọc Vân, và các nhân vật hài hước như: Lý Toét, Xã Xệ, Bang Bạnh được tạo ra, nhằm mục đích đả kích chế độ phong kiến thời đó, do anh nghĩ ra, hay người khác? Thay vì trả lời thẳng vào câu hỏi, anh chỉ tủm tỉm cười cho biết đại khái, các nhân vật hài hước là ý chung của anh em, còn việc thôi không cộng tác với nhóm Tự Lực Văn Đoàn vì bị Cụ *"Y" (tên tắt của giáo sư Inguimberty, vì lòng kính trọng và biết ơn, anh Trí gọi là Cụ "Y", về sau tất cả mọi người đều gọi như vậy!)* thúc giục phải vẽ tranh sơn mài vì có nhiều người muốn mua. Tranh của anh Trí thường được đặt trước. Nếu có ai bắt gặp tranh của anh tại một Phòng Triển Lãm nào đó, cũng chỉ là những tấm tranh mượn lại để trưng bày cho phòng Triển lãm tăng phần giá trị.

Minh họa trên báo (nét vẽ Nguyễn Gia Trí)

Thường ra, anh Gia Trí không cho ai vào xưởng vẽ, khi anh đang làm việc. Thế mà không hiểu sao, có buổi đến thăm, anh mời tôi vào xưởng vẽ, anh cứ làm việc, tôi cứ nói chuyện. Đó là lần duy nhất, không bao giờ xảy ra lần thứ hai. Tôi để ý, mỗi lần đặt bút xuống mặt tranh, cả bàn tay anh run rẩy, như có một sức đẩy vô hình làm đầu ngọn bút di động, có lẽ, nhờ đó mà các nét vẽ của anh đều linh hoạt chứ không khô khan như người khác. Nguyễn Gia Trí làm sơn mài với vài ba người thợ sơn phụ giúp. Anh để họ làm những chỗ dễ, hoặc đánh sơn, mài sơn v.v... những chỗ khó, đích thân anh làm. Nhưng cái hay của Gia Trí là sự chữa tranh. Khi tấm tranh bị hư vì lý do nào đấy, anh tìm cách làm những chỗ bị hư trở thành cái đẹp tự nhiên, như cố ý vậy.

Có lần gặp nhau, nhằm lúc rảnh rỗi, tôi và anh lại đàm luận về Thiền và đạo Phật. Anh có sự suy luận rất sâu sắc về triết lý Thiền. Anh cho biết, mỗi tối trước khi ngủ, anh đều ngồi Thiền và đọc sách Thiền. Thời gian này anh đã lập gia đình, theo lời khuyên của đại gia đình. Mỗi lần đến, tôi kéo chuông, chị Trí đều mở chiếc cửa nhỏ síu, ngay cánh cổng chính để ngó xem ai, có nên tiếp không? Riêng tôi, không lần nào bị từ chối dù anh Trí có bận hay không. Khi thấy tôi, bao giờ chị Trí cũng nói một câu: Anh Tỵ hả? rồi tiếng then cửa mở. Tôi

vào nhà ngồi ở chỗ quen thuộc, chờ anh Trí chừng dăm phút. Anh Trí tuy nhiều râu, nhưng chăm cạo nên lúc nào mặt mũi cũng sáng láng, những chân râu xanh rì làm nét mặt anh đỡ khô khan. Biết anh bận, nên ít khi tôi ngồi lâu, mỗi lần gặp, một tiếng đồng hồ là tối đa. Nhưng không phải chỉ có tôi lên thăm anh, mà anh cũng thường cỡi mobylette đến thăm tôi luôn, lúc buổi tối, khi Chủ Nhật. Lần nào anh cũng xem kỹ từng tấm tranh, nhất là những bức tranh mới thuộc phái Trừu Tượng. Anh ngỏ ý thích lối vẽ của tôi và đứng rất lâu trước mỗi tấm tranh, khi lùi xa, lúc tiến gần như tìm hiểu cái xa lạ! Chúng tôi nói chuyện và thảo luận về Trường Phái Trừu Tượng, về kỹ thuật tạo tác. Có năm anh đến chúc Tết tôi vào ngày mồng một đầu năm. Nhiều khi, cả hai đều quá bận, không đến thăm nhau được, mà có vấn đề cần thảo luận, anh Trí thường viết thư, vì tay run, viết rất chậm nên anh đánh máy, có khi hai, ba trang.

Nguyễn Gia Trí, con người không thích tiền bao nhiêu, suốt cả cuộc đời, anh chỉ vui với nghệ thuật mà tiền cứ đổ vào nhà anh như nước chảy vào chỗ trũng.

Sau khi viết về đời nhạc sĩ Phạm Duy do Văn Sử Học ấn hành năm 1971, tôi mang sách tặng và ngỏ ý muốn viết về cuộc đời anh, từ thiếu thời, đến khi là sinh viên của Trường Mỹ Thuật, theo nhóm Tự Lực Văn Đoàn đi làm Cách Mạng, rồi lưu vong trên đất Trung Hoa, đến Hongkong, về lại Việt Nam, bị Pháp bắt đi an trí, nhất là viết về nghệ thuật vẽ tranh sơn mài của anh, nhưng anh khiêm nhường tìm cớ thoái thác, cho rằng mình không xứng đáng. Tôi không ép anh việc đó. Chị Gia Trí là mẫu người đàn bà nửa cổ, nửa kim, răng nhuộm đen lánh, búi tóc trần. Chị có tài nội trợ và kén chồng cho tới lúc đứng tuổi mới làm bạn đời với anh Trí. Lúc nào tôi đến chơi, chị cũng đon đả mời chào hồn nhiên, duyên dáng. Chị thường chê anh Trí ăn mặc lôi thôi, anh có nghe, nhưng chỉ cười xòa vì tính anh như vậy!

Vào năm 1970, nước Nhật có tổ chức một Hội Chợ Quốc Tế, gọi là Expo 70, tại thành phố Osaka. Ông Mai Thọ Truyền đặc trách Nha Văn Hóa muốn gửi hai tấm tranh sơn mài do Chính Phủ đã đặt mua từ lâu qua Nhật, trưng bày tại gian nhà Việt Nam. Trên thực tế, hai tấm tranh này, anh Trí đã làm xong, nhưng không biết vì lý do nào, anh nhất định không chịu và phản đối dữ dội báo chí, tạo nên luồng dư luận không mấy tốt đẹp cho Chính quyền. Anh Trí lập luận: hai tấm tranh đó, anh vẽ để trưng bày tại Việt Nam, chứ không phải món hàng bày Hội Chợ, dù là Hội Chợ Quốc Tế, anh nhất định không giao trả. Ông Truyền đành chịu thua, không dám cho người đến lấy tranh, như đã viết trong văn thư gửi anh Trí mấy hôm trước. Do vậy, gian hàng Việt Nam tại Hội Chợ Osaka chỉ có những đồ mỹ nghệ của hãng sơn mài Thanh Lễ mà thôi.

Sau đó ít lâu, anh Trí tổ chức Phòng Triển Lãm tại gia, gồm có hai tấm tranh do Chính Phủ đặt mua và những tấm khác, trước khi giao trả khách hàng. Anh gửi thiệp mời báo chí và các hãng thông tấn trong nước cũng như ngoại quốc, cùng bằng hữu đến xem. Phòng Triển Lãm kéo dài một tuần lễ. Cả cái xưởng vẽ của anh, treo trên mười tấm sơn mài, bức nào cũng to cả, bức nhỏ nhất cũng trên 1m. Trong số tranh đó, có hai bức vẽ theo họa phái Trừu Tượng. À ra thế, bây giờ tôi mới hay, mỗi lần anh Trí xuống thăm, anh đều đòi xem những bức tranh mới nhất của tôi. Nói như vậy không có nghĩa anh Trí muốn tìm hiểu ở tôi những gì anh thiếu. Không phải vậy, vì Trường họa Trừu Tượng (Abstract) là một Trường Họa có muôn ngàn phương pháp thực hiện, miễn đủ tài năng. Ở các trường phái khác như Ấn Tượng, Siêu Thực, Biểu Hiện, Lập Thể v.v... người ta còn có thể vay mượn của nhau một phần nào, nhưng ở họa phái Trừu Tượng tuyệt đối không. Ở trường họa này, người họa chỉ còn biết tựa vào tài năng và kỹ thuật của riêng mình. Do vậy, không ai có thể bắt chước ai để tạo thành tác phẩm. Người họa cũng không thể cho tất cả những họa phẩm do mình cấu tạo một đời sống chung,

Nguyễn Gia Trí, Saigon 1960

mà mỗi tác phẩm bắt buộc phải có đời sống biệt lập, như mỗi con người vậy. Cái khó và cái đạt của Trường Phái này như vậy. Ai có thực tài, có khả năng kỹ thuật cao, đi được xa, còn ai yếu, chắc chắn nửa đường phải xuống ngựa! Đối với riêng tôi, Trường Phái Trừu Tượng là chỗ đứng cao nhất của Nghệ Thuật Tạo Hình. Nó tách rời người thưởng ngoạn ra khỏi người họa, cũng như người họa tách rời khỏi tác phẩm của mình, ngoài chữ ký bên góc tấm tranh. Nó biến người họa trở thành người thưởng ngoạn thứ nhất trước tác phẩm do mình cấu tạo. Nói như vậy e có điều khó hiểu chăng? Nhưng nó là thế đấy! Tôi và anh Nguyễn Gia Trí mỗi người, có đường lối tạo tác khác nhau, không bao giờ có thể trộn lẫn, hòa tan, nhưng chúng tôi quý mến nhau qua Nghệ Thuật cũng như tình bạn, dù cho tuổi anh hơn tôi đúng một Giáp. Còn điều nghịch lý nữa, tôi học ngành Sơn Mài, lúc ra Trường, tôi bỏ sơn mài chuyên vẽ sơn dầu, còn anh Trí, học Sơn Dầu lại đi vẽ Sơn Mài, nhưng vẽ sơn mài như anh quả là phi thường. Sơn mài đòi hỏi sự kiên trì trong công việc, còn sơn dầu có thể tung hoành nét bút, đường dao, tha hồ phung phí sắc màu và nhìn thấy kết quả ngay, nếu ưng ý giữ lại, nếu không, bôi bỏ, vẽ tấm khác!

Nguyễn Gia Trí là một họa sĩ vĩ đại, tôi đâu sám so sánh!

Rồi vận nước mỗi ngày một u tối. Chúng ta đã mất miền Nam một cách lãng xẹc! Tôi đi tù gần sáu năm. Sau khi trở về nhà, tĩnh dưỡng ít lâu, tôi lại đến thăm anh Trí, cùng đi với Lê Ngộ Châu. Tôi

kéo chuông, chị Trí lại mở khuôn cửa nhỏ nhìn ra, thấy tôi, chị reo lên: A, Anh Tỵ, mới được về hả? Tôi trả lời: "Vâng, thưa chị, tôi mới được tha về, lên thăm anh chị." Tiếng rút then cửa gấp gáp: "Mời hai anh vô nhà!" Nói xong, chị quay mặt vào trong báo có tôi đến thăm. Từ trong nhà, anh Trí đi ra, tôi thấy chân anh đi khập khễnh. Tôi hỏi: "Chân anh sao vậy?" Anh cho biết mới bị té cầu thang vài bữa trước vì khuân củi từ sân thượng xuống. Tôi và Lê Ngộ Châu ngồi chung trên chiếc ghế dài, anh Trí ngồi trên divan. Anh nhìn tôi với cái nhìn thương xót. Lê Ngộ Châu hỏi anh về vấn đề hội họa, sau khi mất miền Nam, anh còn hứng để sáng tác không? Anh Trí cho biết, vẫn phải vẽ để trả nợ những khách hàng đã đặt mua từ trước. Còn tôi, nhìn lên vách, thấy bản phác họa che kín mặt tường đang làm dở dang. Những nét chì thạn chạy loằng ngoằng như bay lượn trên mặt giấy. Khách mua tranh của anh Trí lúc này toàn người Việt. Người Mỹ tuy có mặt ở miền Nam đông đảo nhưng chưa biết đến giá trị sơn mài của Nguyễn Gia Trí, nên không mua! Chả biết đến bao giờ các nhà Thẩm Mỹ Học của nước Mỹ mới tìm ra Nguyễn Gia Trí? Tôi đã đi thăm nhiều Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật trên đất Mỹ, nhưng tôi chưa nhìn thấy có tranh sơn mài của anh Trí, đáng tiếc, thực đáng tiếc! Còn họa phẩm của các nhà danh họa Tây Phương, từ Cổ Điển tới Hiện Đại thì vô số, nhưng nó nhàm quá, sách vỡ Mỹ Thuật trên khắp thế giới đều in lại đầy đủ. Sau chén nước trà chị Trí vừa bưng ra còn bốc khói, tôi hỏi anh Trí về các anh em làm Văn Nghệ miền Bắc có ai lại thăm anh không? Anh mỉm cười hồn nhiên như thuở nào, giữa những sợi râu dày và rậm, anh quên chưa cạo hoặc không muốn cạo, mọc gần kín khuôn mặt, nói nhỏ nhẹ: "Có Nguyễn Tuân và Xuân Diệu cùng vài người nữa, chỉ nói chuyện quá khứ thôi ý mà!" Tôi hỏi nữa: "Từ ngày Cộng Sản chiếm trọn miền Nam, họ có làm khó dễ anh không, vì trong quá khứ, anh đã chống họ!" Anh cúi mặt trầm ngâm: "Không, họ không làm gì cả, có lẽ tôi đã già, không còn đủ sức làm hại họ nữa, hay vì lý do nào đó, tôi không biết!" Tôi nói cho anh nghe về sự gian khổ trong những năm tháng tù đày, chúng tôi bị Cộng Sản đánh giá dưới hàng súc vật! Chúng đày ải, sỉ

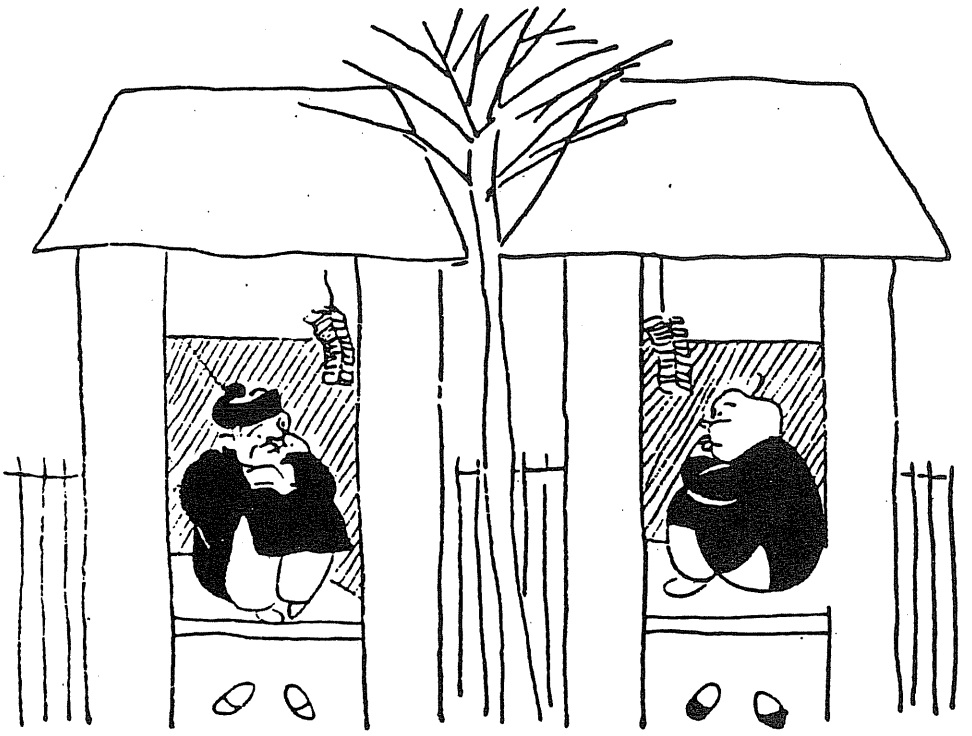

Lý Toét. : *Cái bác Xã hẹn xuống xông đất mà trưa rồi vẫn không thấy sang!*

Xã Xệ. : *Cái bác Lý thế thì thôi. Mình dặn xông đất mà có lẽ đến tối mới sang chắc.*

● Nhân vật Lý Toét, Xã Xệ. Tranh châm biếm những hủ tục phong kiến trên báo *Phong Hóa, Ngày Nay* năm1939 của nhóm Tự Lực Văn Đoàn.
Tác giả là Tô Tử (Tô Ngọc Vân) hay Nguyễn Gia Trí?
những tranh châm biếm này không thấy ký tên...

nhục, hành hạ cả thể chất lẫn tinh thần đến nỗi tôi không chịu đựng nổi lâu hơn nữa, phải tự tử bằng 48 viên độc dược mà không chết vào năm 1977. Chị Trí ngồi gần đấy nói: "Anh còn như vậy, nếu chẳng may anh Trí bị đi cải tạo, không chắc sống được một tuần!" Anh Trí quay nhìn về phía chị nói: "Bà cứ nói thế, tôi khuân củi cũng giỏi lắm đấy chứ, mới bị trượt chân có một lần!" Nói xong, anh nhìn tôi cười, có lẽ nhằm mục đích phá tan câu chuyện tù đầy buồn thảm!

Tôi và Lê Ngộ Châu xin phép đi về. Anh Trí bỗng hỏi, tôi có thích cây bông sứ Thái Lan không? Tôi trả lời thích. Anh bảo chờ, rồi đi đến phía cầu thang. Chị Trí nói: "Ông leo cẩn thận kẻo lại té nữa!" Anh Trí không trả lời, cứ leo dần từng bậc. Tôi và Lê Ngộ Châu đứng dưới chân thang đề phòng bất trắc. Chờ một lúc, chưa thấy anh Trí xuống, Châu bảo tôi leo lên đỡ anh Trí một tay, bê chậu hoa xuống. Tôi trèo lên thang, đến nấc chót, thấy anh Trí đang chọn một cây nhiều hoa nhất để cho tôi. Hai tay anh bưng khệ nệ ra cầu thang. Chiếc quần ta ống rộng lòe xòe quét trên mặt nền si-măng phủ đầy rêu xanh biếc và những đống củi ngổn ngang. Chờ anh đến đầu thang, tôi đưa tay đỡ chậu cây bông sứ khá nặng tụt dần xuống. Châu giúp tôi buộc chậu hoa vào chiếc poọc ba-ga. Anh Trí đứng bên nói: "Cái giống cây này dễ trồng lắm, hoa lại đẹp tuy không hương. Người ta cho tôi một cây, tôi chiết ra dần dần, bây giờ có cả chục cây rồi đó!" Anh Trí tiễn chúng tôi ra tới cổng còn dặn tôi để ý kẻo rớt mất chậu hoa. Bức tranh bằng giấy dán cũng như cây bông sứ Thái Lan vẫn còn nguyên cho tới lúc tôi vượt biên. Sau trên mười năm lưu vong nơi đất khách, chẳng hiểu bây giờ chúng ra sao? Đành vậy! Từ ngày đó, đến khi tôi rời khỏi Việt Nam, tôi còn đến thăm anh vài lần nữa và anh cũng có đến thăm tôi để nhìn lại những bức tranh tôi vẽ trước ngày thua trận. Anh tỏ vẻ tiếc cho dự phóng của tôi, định tổ chức một phòng Triển Lãm gồm 50 họa phẩm Trừu Tượng và 50 Khuôn Mặt Văn Nghệ Sĩ vào cuối năm 1975,

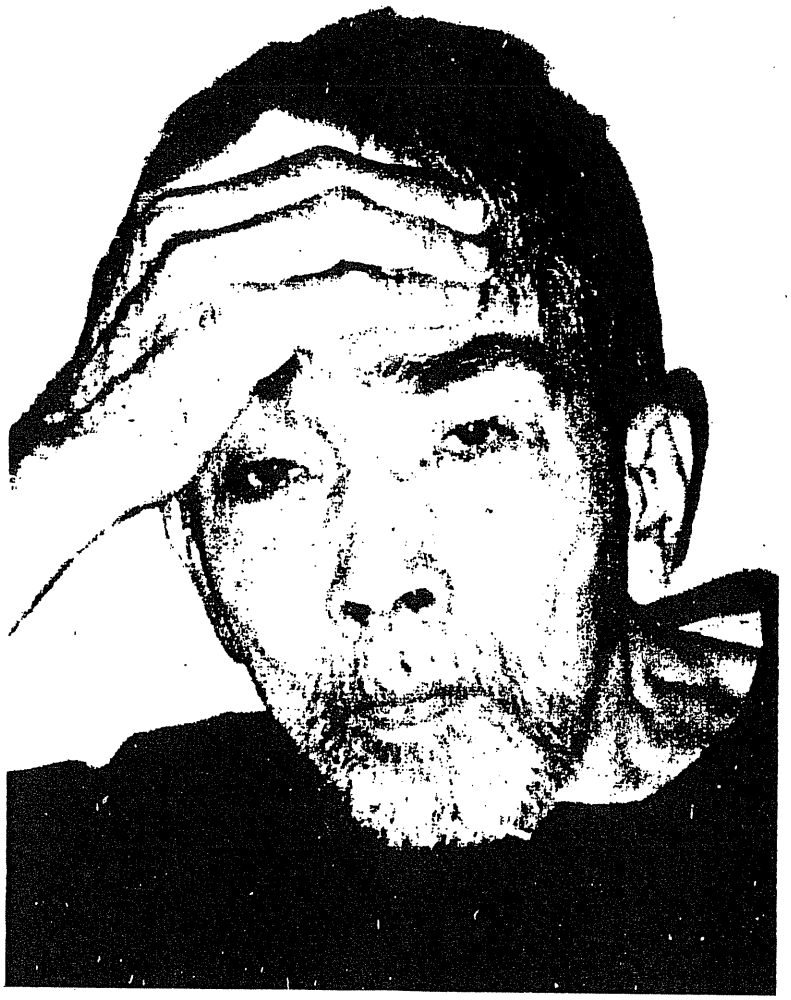

Nguyễn Gia Trí, 1992

sau đấy, tôi sẽ tuyên bố *"Rửa tay, gói bút!"*.

Cho đến hôm nay, nghĩ lại, tôi vẫn thấy ân hận, việc vượt biên quá vội vàng và phải giải quyết nhiều vấn đề riêng, nên không có thì giờ lên gặp anh để từ biệt, và cũng kể từ ngày ấy không một lần liên lạc, tuy tôi có nhờ Lê Ngộ Châu, thay mặt tôi để thăm anh. Châu, mỗi lần gửi thư cho tôi đều có nói cho biết về đời sống của anh Trí, ngay cả bức tranh: "Vườn Xuân Trung, Nam, Bắc" mà Chính Quyền Cộng Sản miền Nam đã đặt mua của anh với giá 100,000 USD. Như thế vẫn còn rẻ chán! Nói cho đúng, tranh sơn mài của Nguyễn Gia Trí từ năm 1940 đến nay vẫn vậy. Nó không đẹp hơn, cũng chẳng xấu đi. Cái tài năng thiên bẩm đó, như một dòng suối không bao giờ cạn. Mỗi tác phẩm của Nguyễn Gia Trí là một đời sống, là sự tuyệt vời của Nghệ Thuật. Mỗi tác phẩm, có một hấp lực riêng, làm người thưởng ngoạn choáng váng đến say mê và đặt câu hỏi: "Tại sao có thể vẽ đẹp đến như thế được?" Nay, Nguyễn Gia Trí không còn nữa, nhưng những tác phẩm của anh vẫn sống mãi với thời gian bất tận!

Cái luật Sinh, Tử, từ cổ chí kim, không ai tránh được, do đó, có tiếc thương anh bao nhiêu cũng bằng thừa. Chỉ biết, con người tài hoa như thế mà thọ tới 85 tuổi, quả là một ân huệ thiêng liêng của Thượng Đế trao tặng, dù rằng anh cũng phải trả một cái giá, hai năm liệt giường, liệt chiếu trước khi gửi lại hơi thở cho đời. Nguyễn Gia Trí mất đi để lại mối thương tiếc trong lòng những người làm Nghệ Thuật, yêu Nghệ Thuật và làm khuyết đi một góc không thể thay thế, trong khung trời Mỹ Thuật Việt Nam.

Cầu chúc anh hồn Nguyễn Gia Trí sớm tiêu diêu miền Cực Lạc Hằng Cửu An Hòa.■

Garden Grove tháng 7-1993

NGUYỄN GIA TRÍ
NGƯỜI HỌA SĨ ĐÃ NHÌN RA CÁI KHẢ NĂNG KỲ DIỆU CỦA SƠN MÀI

ĐINH CƯỜNG

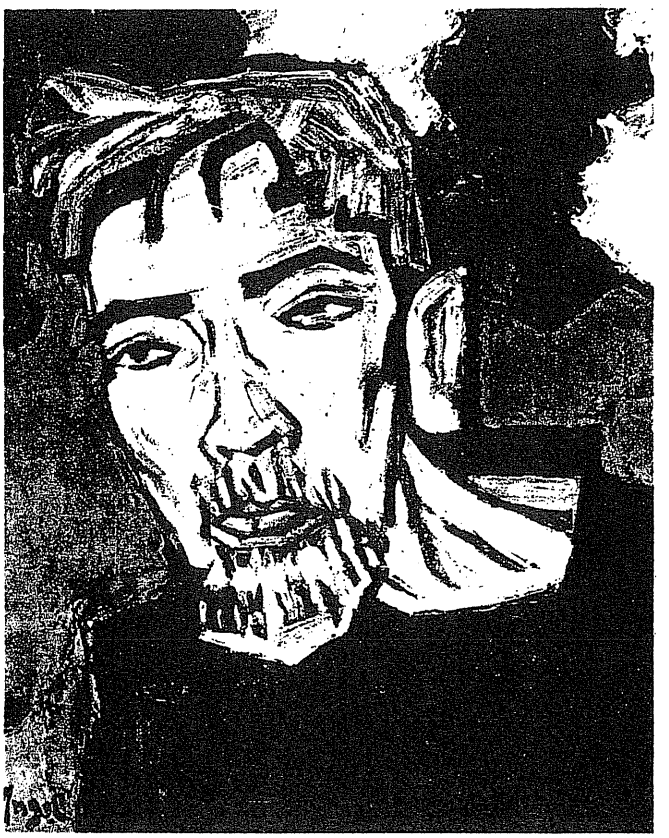

Nguyễn Gia Trí.
Bùi Quang Ngọc vẽ,
Saigon 1990.

Tìm hiểu văn hóa của một đất nước không thể không nghiên cứu đến những tác phẩm hội họa, Nguyễn Gia Trí là một trong những tên tuổi hàng đầu của hội họa Việt Nam hiện đại.

Ông sinh năm 1908 tại một làng quê nghèo bên sông Hồng, ở Tràng An, Thường Tín, Hà Đông (Bắc Việt) trong một gia đình làm nghề thêu phẩm phục triều đình. Từ trần tại Sài Gòn lúc 10 giờ 30 đêm ngày 20 tháng Sáu, 1993, tại nhà riêng trong hẻm đường Công Lý, Phú Nhuận (báo Sài Gòn đăng: nhà số 493 đường Nguyễn Kiệm). Ông thọ 85 tuổi -- lứa tuổi của những văn nghệ sĩ tiền chiến đang rơi rụng gần hết (nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát cũng vừa qua đời tại Hà Nội hồi đầu tháng Năm vừa qua).

Cách đây ba năm, ông đã yếu hẳn, tay run không còn vẽ được nữa, ông bị chứng xuất huyết não, phải chở đi bệnh viện cấp cứu nhiều lần. Bác sĩ Thân Trọng Minh, một trong những bác sĩ giỏi của miền Nam còn lại, cũng là một họa sĩ tài tử tài hoa, trưởng khoa nội và khoa tim mạch bệnh viện An Bình (bệnh viện Triều Châu cũ trong Chợ Lớn) đã tận tình chăm sóc ông tại bệnh viện cũng như tại nhà.

Ông mất đi là một cái tang lớn cho Việt Nam trong lãnh vực văn hóa, một họa sĩ đã suốt đời hy sinh cho nghệ thuật.

Cùng xuất thân từ trường mỹ thuật Đông Dương (École des Beaux Arts de l'-Indochine), ông vào học khóa 5, nghỉ nửa chừng, trở lại học khóa 7 cùng với Trần Văn Cẩn, Lưu Văn Sìn... Nếu các hoạ sĩ Nguyễn Phan Chánh, Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Tiến Chung...ở lại Hà Nội thời phân chia đất nước năm 1954 (hiện chỉ còn Trần Văn Cẩn, năm nay đã 83 tuổi), các họa sĩ Lê Phổ, Mai Trung Thứ, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu thì sang lập nghiệp ở Âu Châu từ trước thế chiến thứ hai (nay còn họa sĩ Lê Phổ hiện sống ở Paris và Vũ Cao Đàm ở một làng hội họa gần Nice, hai ông cũng đã gần 90 tuổi). Ở miền Nam có Lê Văn Đệ, một bậc thầy về tranh lụa, nổi tiếng với những công trình trang trí nội thất tại tòa thánh Vatican (ông sinh năm 1906 tại Mỏ Cày-Bến Tre, mất năm 1968 tại Gia Định) và một bậc thầy về tranh sơn mài là Nguyễn Gia Trí.

Họa sĩ Lê Văn Đệ được mời làm giám đốc trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định cuối năm 1954, thời thủ tướng Ngô Đình Diệm, và Nguyễn Gia Trí là một họa sĩ sáng tác tự do với những tác phẩm

sơn mài lớn, đáng giá, để đời. Ba bức sơn mài lớn hiện còn lưu giữ treo tại Thư Viện Quốc Gia Sài Gòn là ba kiểu mẫu của ba thời kỳ ở mức độ khác nhau mà ông muốn để lại cho các thế hệ sau chiêm ngưỡng, nghiên cứu. Bức "Cảnh Thiên Thai" được chính phủ thuộc địa Pháp sưu tập, treo tại dinh toàn quyền Pháp ở Hà Nội, đến nay nghe nói vẫn còn treo nguyên chỗ cũ (nay là phủ Chủ Tịch Đảng Cộng Sản Việt Nam).

Không phải là người công giáo nhưng ông đã để lại những tác phẩm về đề tài công giáo thật giá trị, đầy công phu, được trang trí như một tài sản quí báu trong một vài nhà thờ tại Sài Gòn. Ngay từ những năm đầu của thập niên 30, khi còn là sinh viên, ông đã quyết tâm tìm tòi, sáng tạo làm một cuộc cách mạng trong việc vẽ tranh sơn mài. Đưa sơn mài ra khỏi những công thức trang trí cổ truyền. *"Nguyễn Gia Trí thể hiện một góc bờ Cửa Tùng với nền trời đỏ, nước đỏ, màu của sơn cánh gián pha son tươi, trên bờ cát có rặng phi lao nền đen rắc bạc tả khóm lá và chính giữa bố cục có một chiếc thuyền gỗ úp sấp phơi bụng có đắp nổi và rắc vàng pa-tin (patiner)...Áp dụng các sắc độ khác nhau của vàng bạc vụn rắc lên sơn, của bột sơn pha đậm nhạt, Nguyễn Gia Trí đã thể hiện một bộ bình phong cỡ trung bình "Cảnh Làng Quê" trên nền sơn đen tuyền với ngọn cau cận cảnh thể hiện các gam vàng vụn rắc pa-tin. Ở trên nền trời xa có những ngọn tre bay theo chiều gió và trên đường làng qua một cái cổng chống bằng tre có bà thiếu nữ gánh gạo đi như chạy tà áo phất phới bay..."* (Phạm Đức Cường - Kỹ Thuật Sơn Mài. *Văn Hóa* 1982, trang 12, 13).

Cùng giai đoạn đó, các họa sĩ Trần Văn Cẩn, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Tiến Chung, Hoàng Tích Chù cũng có thể nghiệm những bức tranh đầu tiên có gắn vỏ trứng trên một nền đỏ tuyền. Mỗi tác giả đều cố ý tìm tòi thể hiện một lối kỹ thuật nào đó. Nhưng những tác phẩm sơn mài của Nguyễn Gia Trí trưng bày tại triển lãm mỹ thuật năm 1939, do trường Mỹ Thuật Đông Dương tổ chức, đã gây một sự bất ngờ và choáng ngợp trước công chúng. Ở chất liệu nghệ thuật này thường khó thành công ở chỗ dễ lẫn lộn đâu là mỹ nghệ, đâu là hội họa. Xem tranh sơn mài Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân (bút hiệu Tô Tử) cảm động thật sự, ông khẳng định: *"Đến cuộc thí nghiệm Nguyễn Gia Trí, lối sơn ta không còn là một mỹ nghệ nữa. Ở óc, ở tâm hồn người ấy ra nó đã được nâng lên mỹ thuật thượng đẳng. Nghệ thuật của Gia Trí là ý tưởng tình cảm của Gia Trí đúc lại, một nét, một vết, một màu đều ở tay nghệ sĩ mà ra. Đứng trước những tác phẩm ấy người ta cảm thấy tất cả cái băn khoăn yêu muốn khoái lạc -- thứ nhất là khoái lạc - của Gia Trí."*

Cũng như sơn dầu, tranh sơn mài cũng phải nói lên được niềm cảm xúc mạnh mẽ, trí tưởng tượng mạnh mẽ bằng một kỹ thuật hết sức độc đáo, ước lệ để nói được sự mãnh liệt của sáng tạo. Tô Ngọc Vân đã thấy trên tranh Nguyễn Gia Trí những nét đó: *"Trên những màu hồng nhợt biến hóa, những sắc nâu ngon thiệt là ngon, những vỏ trứng như đổi cả thể chất thành quý vật, vài nét bạc, vài nét vàng sáng rọi, rung lên, rít lên như tiếng kêu sung sướng của xác thịt khi vào cực lạc. Chàng nghệ sĩ ấy yêu tấm sơn như ta có thể yêu một người đàn bà. Lúc âu yếm bằng những nét vuốt ve mềm mại, lúc dữ dội bằng dăm bảy nét quẹt mạnh, dập tung, cào cấu. Vạn vật đối với nghệ sĩ chỉ đáng yêu có sắc và hình."* (Tô Tử-Nguyễn Gia Trí và Sơn Ta-báo *Ngày Nay*, số 146 ngày 21-1-1939).

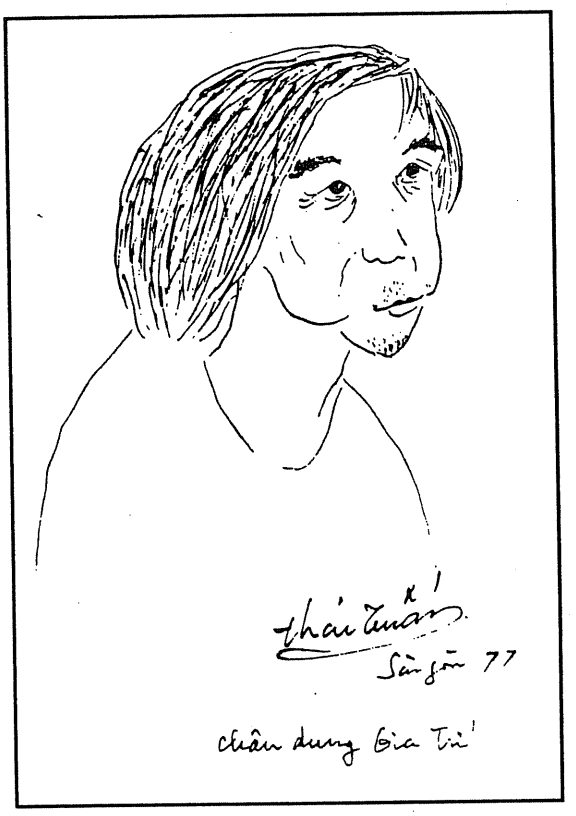

Từ năm 1940 trở đi, tranh sơn mài của Nguyễn Gia Trí được bố cục bởi cảnh và những thiếu nữ diễm lệ, đài các, đầy chất "tiểu tư sản" của Hà Nội thời đó, cùng với không khí của những nhân vật thiếu nữ mới trong các truyện của các bạn văn ông cùng trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

"...Cũng trong thời kỳ này (1933) anh Tam (nhà văn Nhất Linh) lập nhóm Tự Lực Văn Đoàn cùng Khái Hưng, Hồ Trọng Hiếu (Tú Mỡ), Thế Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam và Nguyễn Gia Trí, sau có thêm Nguyễn Cát Tường tức họa sĩ Le Mur..." (Nguyễn Thị Thế, Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường, trang 117).

Ông là họa sĩ chính trình bày cho nhà xuất bản Đời Nay của Tự Lực Văn Đoàn với cái logo "con phượng" do ông vẽ kiểu thức. Ông còn vẽ nhiều minh họa trên các báo *Phong Hóa, Ngày Nay*, những minh họa so với bây giờ là rất mới, với nét thoát, và ông thường dùng hai mảng sáng tối trên một không gian phẳng rất đẹp (sau này những minh họa đầu tiên của họa sĩ Phạm Tăng trên tạp chí *Bách Khoa* những thập niên 50, 60 Sài Gòn, cũng như hình ảnh thiếu nữ trong những phụ bản dán giấy mầu của ông cho ta thấy được với cái không khí của Nguyễn Gia Trí, rất tài hoa và rất chắc (Phạm Tăng hiện sống tại Pháp).

Năm 1942, hội Quảng Trị (Huế) có xuất bản *"Tập Thơ Văn Họa Kỷ Niệm Nguyễn Du"*, Nguyễn

Chải tóc.
Ký họa chì, Nguyễn Gia Trí

Gia Trí đã đóng góp một phụ bản rất sinh động "*Khi tỉnh rượu lúc tàn canh*" cùng với phụ bản của các họa sĩ nổi tiếng đương thời: Lương Xuân Nhị, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Đỗ Cung, Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn, Phạm Hầu, Lê Văn Đệ, Tôn Thất Đào, Nguyễn Văn Tỵ, Lưu Văn Sìn. Tập thơ văn này được in trên giấy lụa rất quí hiếm.

Tại *"Salon Unique 1943"* dân chúng Hà Nội đã hãnh diện với những tác phẩm hội họa của các họa sĩ Việt Nam, nổi bật là những tác phẩm sơn mài tới độ chín muồi của Nguyễn Gia Trí.

Trở lại sơn mài, theo Tô Ngọc Vân: *"Danh từ sơn mài (laque) là một danh từ mới đặt sau này để chỉ một kỹ thuật trước kia gọi là là SƠN TA nhưng đã biến hóa hẳn do nghệ thuật mài sơn.*

"Kỹ thuật sơn ta cũng tương tự SƠN TÀU. SƠN TÀU -- theo sách truyền -- có từ đời nhà Hán, sử dụng cùng với SƠN TA một thứ nguyên liệu là sơn sống. Chất sơn sống này, ở nước ta, miền Phú Thọ sản xuất rất nhiều và vẫn bán sang Tàu cùng Nhật.

"Từ 1931 trở về nước, công dụng SƠN TA cũng như SƠN TÀU ở Tàu và SƠN NHẬT ở Nhật -- là phủ bọc lên đồ vật làm nó tôn vẻ lộng lẫy, lên những vật dùng thường như cái khay, cái tráp, đôi guốc...đồ thờ như hương án dài, bát đĩa...đồ trang trí như câu đối, hoành phi, bình phong...màu sắc đại để có: son, đen, nâu cánh dán, vàng bạc theo cổ truyền. Nói rõ ra, SƠN TA chỉ có công dụng trang trí, địa vị là ở trong trang trí. Mặc dầu ở Nhật, nghệ thuật sơn có tế nhị hơn cả, nhưng chưa một nước nào nghĩ đến tìm tòi, sử dụng nguyên liệu sơn một cách khác cổ truyền, phiêu lưu trong nghệ thuật sơn để tìm một con đường nào tăng phẩm giá mỹ thuật sơn bằng cách phát minh thêm khả năng của nó...

"Song từ 1931 trở đi, nhờ sự tìm tòi thiết tha của một số họa sĩ có tài bỏ SƠN DẦU để chuyên hẳn về SƠN TA. SƠN TA vượt được ra ngoài nơi cầm hãm, ngang nhiên trên đường bao la của hội họa, cứ phương trời xa lạ mà tiến. Từ cái tráp, chiếc guốc, nó vượt lên bức hội họa lồng khung quí giá, từ một phương tiện phụ thuộc làm tôn vẻ đồ vật, nó trở nên một phương tiện độc đáo diễn đạt nổi tâm hồn người nghệ sĩ, một phương tiện lấn át cả SƠN DẦU. Quên dĩ vãng, SƠN TA đổi tên nhuần nhận là SƠN MÀI." (Thuyết trình đọc trước Hội Nghị Văn Hóa Toàn Quốc năm 1948).

Nguyễn Gia Trí, con người với vóc dáng nhỏ nhắn, đầy nghị lực và cá tính, với năng lực sáng tạo dồi dào, là một trong những họa sĩ có tài đã từ bỏ sơn dầu, để định hình cho mình một bút pháp và phong cách riêng trong nghệ thuật sơn mài. Là người cùng hoạt động trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn cùng với Nhất Linh, Hoàng Đạo -- lý thuyết gia của nhóm, lại là nhà hoạt động cách mạng Việt Nam Quốc Dân Đảng, từng bị Tây bắt đi an trí trên những miền thượng du Bắc Việt -- Nguyễn Gia Trí cũng đã từng lưu lạc qua Hong Kong, đã vẽ nhiều phong cảnh bến tàu Hong Kong bằng sơn dầu rất đạt, ông cũng đã bị Tây bắt và chỉ định cư trú một nơi trong nhiều năm.

"Nếu không bị Tây cầm chân một nơi, chắc tôi đã không dửi kiên nhẫn ngồi một chỗ để mà làm việc này." (Nhã Ca Hồi Ký - Thương Yêu 1991, trang 508).

Thời kỳ trước 1954 ông đã sáng tác nhiều tranh sơn mài cỡ nhỏ với những đề tài về Hà Nội, thiếu nữ và sen - đặc biệt về sen tàn, khô, ông đã diễn tả bằng những nét rất mạnh, rất độc đáo -- có thể kể một số tác phẩm như: *khỏa thân, về chợ, bên hồ Gươm, bờ hồ Hoàn Kiếm, thiếu nữ và hoa Phù Dung, bên hoa Phù Dung, chùa Thầy, đèn trung thu, thiếu nữ bên hồ sen, vườn xuân, ai mua rươi ra mua...*

Tranh ông được nhiều người Pháp sưu tập thời đó, kể cả nhiều tranh gần như chưa vẽ xong, hoặc những phác thảo có ký tên.

Thời kỳ sau 1954 ở miền Nam cho đến năm 1975, nhiều tranh quý của ông được nhiều người và cơ sở sưu tập, thường nằm trong những biệt thự sang trọng, bộ tranh sưu tập của bác sĩ Bùi Kiện Tín (chú của nhà thơ Bùi Giáng) treo tại hãng dầu cù là Mac-Phsu ở đường Trương Minh Giảng của ông là một

trong những bộ tranh quý.

Khi cộng sản Bắc Việt chiếm miền Nam năm 1975 tất cả đều thất tán. Bao nhiêu gia đình di tản, ra đi còn để lại nhiều tranh Nguyễn Gia Trí. Những cán bộ miền Bắc vào may mắn tiếp thu được, sau này có được cả một gia tài. Lúc đó tranh ông được mua đi, bán lại, chỉ tính bằng "cây" (lượng vàng).

Những năm sau 1980, có phong trào Việt Kiều về nhiều, tìm mua, càng lên giá khủng khiếp. Dù nhà nước Cộng Sản Việt Nam có ra sắc lệnh cấm đem đồ cổ, và tranh Nguyễn Gia Trí -- được xem như tài sản quốc gia -- ra khỏi nước. Nhưng rốt cuộc, vẫn đem ra được hết, bằng con đường "hối lộ."

Ông còn là nạn nhân của thời kỳ "cởi trói, đổi mới". Biết là ông đã sống những ngày cuối đời, không còn làm gì được, năm 1989, Bộ Văn Hóa Thông Tin của nhà nước Việt Nam Cộng Sản đã chính thức công nhận ông là một trong mười họa sĩ đương đại có công xây dựng nền nghệ thuật tạo hình hiện đại Việt Nam.

Minh họa của Nguyễn Gia Trí,
phụ bản "Tập thơ Văn Hóa kỷ niệm Nguyễn Du," 1942.

Năm 1991, mời ông ra Hà Nội dự lễ kỷ niệm 65 năm thành lập trường Mỹ Thuật Đông Dương, xem ông như một "món quà" có một không hai của trường Mỹ Thuật Hà Nội sau 65 năm. Sau đó, UBND thành phố Hồ Chí Minh còn mua bộ tranh *"Vườn Xuân Trung Nam Bắc"* của ông với giá 600 triệu đồng Việt Nam (khoảng 100,000 đô la Mỹ) để trưng bày tại Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố (khu nhà đồ sộ của chú Hỏa xưa ở vùng Chợ Cũ) và bộ tranh này, theo Thái Tuấn: *"Trong những ngày tháng mà đời sống miền Nam bị xáo trộn, sự giao thiệp và đi lại của anh còn hạn chế hơn nữa. Kể từ đó anh không còn nghĩ đến việc sáng tác. Nơi xưởng sơn mài của anh, vật liệu ngổn ngang, những bức họa đang làm dở được che lại. Tôi đã trông thấy trên tường một bức tranh sơn mài lớn, khoảng 12 thước vuông, vẽ gần xong. Anh cho biết bức ấy của một nhà doanh nghiệp đặt anh, song lúc đó ông đã đi Pháp, anh rất bận tâm về việc giải quyết bức họa. Tôi bàn với anh, liên lạc với người đặt vẽ, và giúp anh chụp lại bức họa bằng một cuốn phim màu. Sau đó được anh cho biết người đặt tranh đã nhường quyền sở hữu bức họa cho anh. Khi tôi rời khỏi đất nước (Thái Tuấn đi Pháp năm 1985), bức họa vẫn còn ở trong tình trạng chưa hoàn tất."* (Họa Sĩ Nguyễn Gia Trí, Thái Tuấn, *Thế kỷ 21*, số 23, tháng Ba.1991). Bộ tranh này ông đã bắt đầu vẽ từ năm 1960 cho đến lúc bán cho nhà nước như vậy không biết đã hoàn tất được chưa. Và với số tiền 100 ngàn đô la đó ông bà có chắc đã cầm được trong tay ?

Với một họa sĩ, cả đời đánh đổi với nghệ thuật, không màng làm giàu *"Ngay cả trong thời gian khó khăn nhất, tôi cũng có thể trở thành triệu phú, nhưng tôi quí trọng tự do hơn tiền bạc. Để sống tự do và lương thiện, để được sáng tạo nghệ thuật tôi có thể chỉ sống đạm bạc qua ngày mà vẫn vui lòng. "* Đó là tâm sự của ông cùng bạn là nhà thơ Đoàn Phú Tứ (Họa sĩ Nguyễn Gia Trí và sơn mài, Bùi Quang Ngọc, Tạp chí *Mỹ Thuật*, 12.1991, trang 6).

Bây giờ thì người họa sĩ bậc thầy về tài năng và phẩm cách đã nằm yên nghỉ tại nghĩa trang miền Vĩnh Nghiêm, Tân Phước Hiệp, Hóc Môn, ngoại ô Sài Gòn.

Không được đặt vòng hoa và ném nắm đất cuối cùng xuống huyệt để vĩnh biệt ông, chỉ còn tấm lòng thành thương tiếc và quí trọng hình ảnh người họa sĩ như một thiền sư (nhớ lần gặp ông trong bộ bà ba lụa màu mỡ gà đến thăm anh Thái Tuấn trong con hẻm Bến Tắm Ngựa. Thái Tuấn có vẽ bức tranh lớn Nguyễn Gia Trí ngồi dưới một dàn hoa...thanh thoát lạ thường, bức tranh sau đó đã bán cho họa sĩ Nguyễn Văn Trung, không biết anh Trung có mang theo qua California...).

May, là trước khi rời khỏi đất nước, chúng tôi đều có đến thăm và chào ông, bà. Nhớ một sáng tháng Tư ở Sài Gòn năm nào, cùng anh Thanh Tâm Tuyền ghé thăm ông, sau đó anh đã làm bài thơ ghi lại cái phút cảm động, khi anh vừa đi tù về gặp lại người họa sĩ già, choắc người lại, ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế mây rộng:

"Quanh co đường hẻm

Giữa sáng Chủ Nhật
đến gặp bất ngờ một Thiền Sư
Ngồi im lắng nghe và ngắm
Sét đánh bao giờ
Hằn dấu sẹo trắng nửa sọ trái
Chiếc đầu nghiêng cúi
Đôi tai dài vểnh đón nghe
lời trên môi buột thốt
đôi mày tối rậm
lấp lánh ánh trắng những ngày tới
Và những ngón tay tự run rẩy
Buông tiếng cười ròn tan
Như nắng đùa trên dàn hoa giấy
lẫn trong tiếng xe cộ trẩy hội ồn phố xa
...

(Chân dung họa sĩ ngt ngày về thăm, Thơ Ở Đâu Xa, trang 73)

Trong bức thư cuối cùng của Van Gogh gởi cho em trai, đề ngày 27.7.1890, Van Gogh viết đôi lời tuyệt bút:

"...Về tác phẩm của chính đời mình, anh đang đánh cả một ván đời mình cho nó, và cả thần trí của anh gần như sụp đổ, nửa chừng dứt đoạn rụng rơi..."

Họa sĩ Nguyễn Gia Trí không nửa chừng đứt đoạn rụng rơi mà ông đã đánh cả ván đời mình cho những tác phẩm sơn mài mang gam màu Nguyễn Gia Trí, không thể lẫn lộn. Những tác phẩm đã nằm im trong một không gian và thời gian vĩnh cửu. Đâu đó trong các viện bảo tàng, trong những nhà sưu tập khắp nơi, kể cả hàng trăm bức ghi chép (sketch) trên giấy báo loại.

Ông không có một môn đệ nào. Ông đi trên đường một mình. Nghệ thuật với ông là một định mệnh....

Trưa nay nóng gắt, những dòng chữ viết về ông không đầy đủ. Bây giờ còn lại cụ bà và căn nhà cũ kỹ, ám bụi đó. Chúng ta có thể làm gì được thiết thực hơn để tưởng nhớ và ghi ơn một họa sĩ có công lớn trong lịch sử hội họa Việt Nam, người đã nhìn ra cái khả năng kỳ diệu của sơn mài.■

Virginia 7.1993

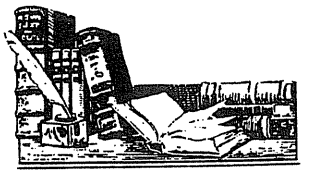

Đã Phát Hành

NGUYÊN SA

NGHỆ SĨ VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI

* PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG * PHẠM DUY * ANH BẰNG * KHÁNH LY * LỆ THU * HẢI LÝ * NGỌC CHÁNH * DUY TRÁC * THANH THÚY * LÊ VĂN THIỆN * HƯƠNG LAN * LYNDA TRANG ĐÀI * TRẦN QUỐC BẢO * TRẦN DUY ĐỨC * TRỌNG NGHĨA-MỘNG LAN * KIM ANH * TUẤN VŨ * DIỄM PHÚC * ĐỨC HUY.

Cuốn I
300 trang - Giá $15

Liên lạc: Đời, P.O. Box 4658, Irvine CA 92716, USA

Thiếu Tình Yêu?

Tìm đọc

CHIẾC NÓN BÀI THƠ

Thơ
NGUYỄN ĐỨC VINH

Có bán tại các hiệu sách:

* MIỀN TÂY HOA KỲ
Văn Khoa
Quỳnh Giao

* MIỀN ĐÔNG HOA KỲ
Alpha
Thế Hệ
Nha Trang

Hoặc mua thẳng tại:

Bà Thủy Bùi
12234 Mc Donald Chapel Dr.
Gaithersburg, MD. 20878
Giá mỗi cuốn 10 Mỹ kim
gồm cả cước phí hạng nhất

HIỆN TÌNH THƯ TỊCH ĐỒ GỐM VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC BÍCH

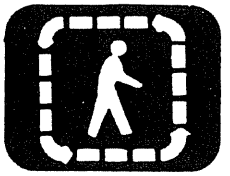

LTS - Ông Nguyễn Ngọc Bích vừa hoàn tất và đang chuẩn bị cho in Tập I cuốn 7000 năm đồ gốm Việt Nam, *có lẽ là cuốn thông sử đầu tiên về đề tài này trong tiếng Việt. Dựa lên trên những tin tức mới nhất thu thập được về đồ gốm Việt Nam, cuốn sách sẽ đem đến cho ta một cái nhìn rất mới và lạ về truyền thống đồ gốm lâu đời của ta. Nhận thấy đây là một công trình khai phá, TK 21 rất mừng được ông Nguyễn Ngọc Bích dành cho in một phần của chương "Nhập đề" cuốn sách, phần nói về thư tịch đồ gốm Việt Nam.*

"Chỉ cần 30 năm về trước," bà Barbara Harrison viết vào năm 1982, "là không mấy chuyên viên nhìn ra nổi đâu là đồ gốm Việt Nam. Ông Van Orsoy de Flines, giám đốc đầu tiên của bảo tàng viện Jakarta, người đã thu thập được một sưu tập đáng kể về đồ gốm Việt Nam, cho rằng 'phải có con mắt kinh nghiệm thì mới nhận ra được điều gì khác biệt (giữa đồ gốm Việt Nam và đồ gốm Trung Hoa), thì mới thấy được rằng nước men nói chung cũng như dáng dấp của một số hình vại, nói riêng, là có tính cách không Trung Hoa'." Xong bà còn thêm là, theo ông, viết trong cuốn *Gids voor de Keramische Versameling (Uitheemse Kera- miek)* in ra năm 1949 ở Batavia (giờ đây là Jakarta), điều cốt yếu là ta phải rờ mấy món đồ gốm đó mới cảm thấy đủ thuyết phục rằng đó là đồ gốm Việt Nam mà không phải là đồ gốm đời Minh của Trung Hoa.

Phải đợi đến ông John Pope, một chuyên viên thượng thặng về đồ gốm Trung Hoa, người có đầu óc khoa học hơn, thì những nét chính về kỹ thuật đồ gốm Việt Nam mới dần dà được tách bạch. Viết từ những năm 40, ông đã mô tả lọ bình nổi tiếng ở Istanbul của Việt Nam với niên đại là năm 1450, cũng như đã lưu ý ta đến những trôn bôi nâu của đồ gốm Việt Nam. Tuy nhiên, ông cũng lại nhắc nhở là "mặc dầu việc bôi nâu ở trôn đồ gốm thường là có, nó không phải là một điều kiện bất khả khuyết để cho một đồ gốm (là của Việt Nam)." Đó là sau khi ông đã thăm viếng bảo tàng viện Princessehof ở Leeuwarden, Hòa Lan, về vào năm 1951. Theo ông thì cứ so sánh các trang trí trên đồ gốm Việt Nam và đồ gốm Trung Hoa buổi sơ thời (tức khoảng thế kỷ XIV-XV), ta cũng đã thấy một số khác biệt. Lại nhìn vào chân bát, chân đĩa, ta sẽ thấy là vành chân đồ gốm Trung Hoa như có người lấy dao cắt phăng đi trong khi vành chân đồ gốm Việt Nam thì gần như bao giờ cũng được vuốt cho thuôn tròn. Lại nữa, các hoa mẫu đơn và lá trên đồ gốm Việt Nam thời đó "được che bởi những đường vẽ nhỏ li ti trông như dây thép, vẽ lên trên hay ở dưới một lớp men lợt" — một phong cách mà theo ông "hình như đã được áp dụng trước ở trong một số gốm hoa lam Trung Hoa của thế kỷ XIV, để rồi biến mất khỏi danh mục gốm thế kỷ XV" (*Chinese Porcelains from the Ardebil Shrine*, Washington D.C.: Smithsonian Institution, 1956, trang 103).

Người đầu tiên ra nguyên một cuốn sách về đồ gốm Việt Nam là một học giả người Nhật, ông Okuda Seiichi, với cuốn *Annan Tòji Zukan/Annamese Ceramics* in ra năm 1954 do Zauho Press ở Tokyo. Vì ông đi tiên phong nên trong sự thích thú mà ông dành cho đồ gốm Việt Nam, ông có lẽ đã gộp cả một số đồ gốm không phải của ta vào trong "đồ gốm An-nam." Sau này, có người trách ông thiếu khoa học: cô Madeleine David, lúc bấy giờ có mặt ở Nhật, đã tỏ ra ngờ vực một số những sự "qui hệ" ("attributions") của ông; ông Lefebvre d'Argencé thì cho là "một số khá bộn" trong số những đồ gốm mà ông Okuda trưng ra "sẽ không cưỡng lại được một sự truy khảo về mặt khảo cổ và sẽ phải đưa về vốn gốm Trung Hoa"; ông William Willetts khẳng định một cách dứt khoát là "cả nửa trong số những đồ gốm minh họa trong sách không hề là của Việt Nam mà là gốm miền Nam Trung Hoa," do đó ông chỉ công nhận là có 36 món trên tổng số 76 món trưng trong cuốn của ông Okuda là của Việt Nam — nghĩa là chưa đầy một nửa. Mãi đến gần đây, ông John Guy vào năm 1986 mới dám đưa ra ý kiến là những nhận định trên có thể hơi gắt gao quá, rằng một số có thể là đồ gốm Việt Nam làm riêng cho thị trường Nhật Bản (như các đồ trà hiện còn thấy ở Bảo tàng viện Quốc lập Kyoto) và do đó, không bắt

NGUYỄN HỮU NHẬT

XUÂN KHÚC KRISHNAMURTI

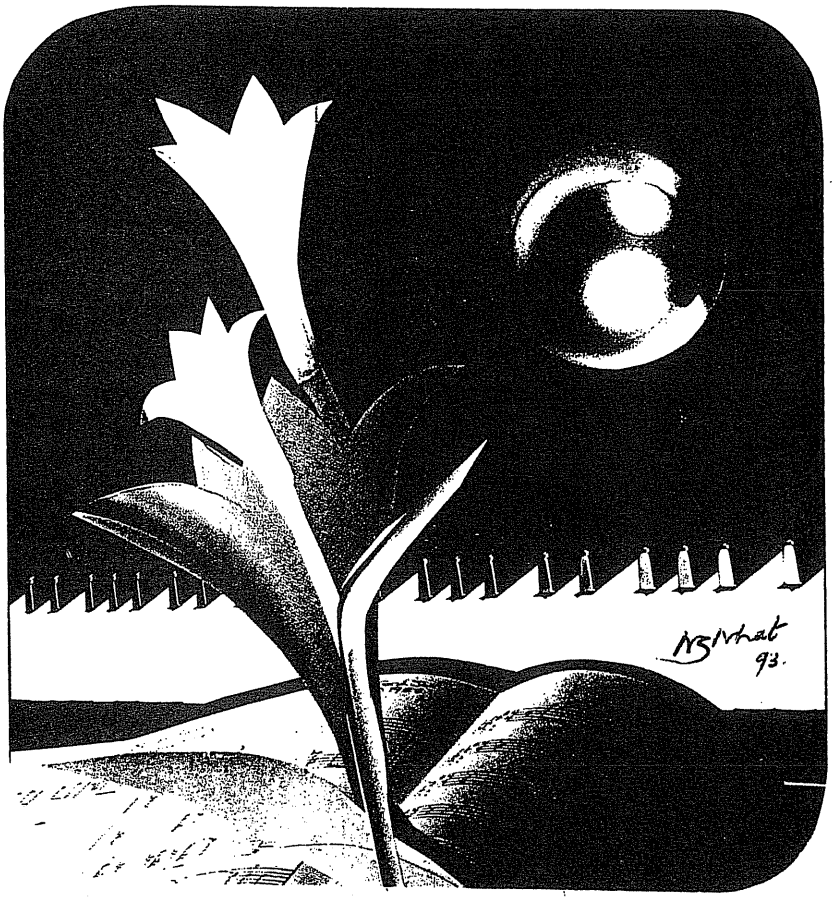

1

Sớm đầu xuân. Sáng tinh mơ
trời trong trẻo ánh , mây lờ lững bay.
Phố vừa mới xuống sương đầy
tiếng gà gáy rộn, đã ngày mới lên.
Cội gầy, ruột thắt, mẹ hiền
nuôi con, xanh lá, vươn trên cành đời.
Lòng không vướng hạt bụi rơi
lắng chuông những đổ từ nơi nào về.
Xa lăng lắc. Gần gụi kề.
Một phương mù mịt. Bốn bề mênh mông.

2

Nghe âm sóng lướt. Thật không?
Thanh reo ngắn tiếng. Trầm buông giọng dài.
Xuân về chẳng bước. Sao ai
cố nghe cho được bằng tai tiếng lòng?
Ngớt trò chuyện, thoắt, ngừng xong
ngoài hiên mưa tạnh, nhà trong nến tàn.
Run chân ghế. Lạnh mặt bàn.
Chẳng nghe, cũng thấy, nhân gian thở dài.
Ngóng xuân. Dạo khúc. Cõi ngoài,
nhạc buông dấu lặng giữa hai nốt rời.

3

Lả. Cơn gió thoảng. Mát trời
Bạch dương lá biếc. Búp ngời mắt xanh.
Táo, thôn hoa hạnh, trĩu cành
bừng lên sức sống, đồi anh đào hồng.
Nguồn vui suối chảy nên sông
nước in tùng bách bóng không đổi rời.
Long lanh, như ngọc, sáng trời.
Trầm đâu trầm lạ. Thanh ơi thanh kỳ.
Sân nhà trước. Sau đường đi.
Mây xanh bởi tóc. Thơ vì tình nhau.

4

Ý xuân sống lại phép màu
cởi tung những phiến mày cau. Kết thù?
Lá non, chưa ngấm sương mù,
gió đông nẫu ruột, nắng thu nát lòng,
sống tự nhiên. Chẳng dụng công
ra ngoài sinh tử, vào trong luân hồi.
Dưới khung cửa sổ, người ngồi,
thấy vòm mái cổ trên ngôi thánh đường,
tháp hoa vân gấm đọng sương.
Niềm hy vọng. Nỗi đau thương. Rực màu.

5

Con người, ngoài việc giết nhau,
còn làm mất cả nhiệm màu trái tim.
Sáng dần, thưa, khuất tiếng chim,
thú vui bắn-giết-săn-tìm lòng đau.
Mùa xuân trước. Mùa xuân sau.
Mùa xuân này. Xa nhà lâu. Muốn về
Nắng mai chiếu sợi tóc thề,
nhìn nghiêng phiến lá, xanh, mê hồn người.
Băng qua rừng biếc cánh tươi
lối đi ẩm lạnh về nơi phố phường

6

Đùa chơi mà thật dễ thương
tiếng bầy trẻ ở quê hương nói cười.
Khỏi nhìn xuân của đất trời,
như hoa cỏ, chính con Người là xuân.
Cả hai xích lại nhau, gần,
nhập vào làm một: Mùa xuân với Người.
Tiếc. Quên ngước mắt nhìn trời.
Tử đinh hương trắng. Xanh ngời lá non.
Tình riêng mải quặn héo hon,
lời than thở cắn môi buồn bã im.

7

Giòng đời, quanh-quẩn-kiếm-tìm,
quẩn-quanh-tìm-kiếm, đắm chìm tuổi thơ
Xanh non. Cánh lá dật dờ
cuốn theo chiều gió. Buông mờ sương thu.
Mặt trời lặn cõi sa mù,
cơn mưa gió tạnh. Mối thù hận tan
Như từ trời xuống, tuôn tràn,
ban hồng ân, buổi chiều tàn, đẹp tươi.
Đôi tình nhân cất tiếng cười
chẳng làm khuấy động cõi Người lặng yên.

8

Đất lành. Cây cối sống hiền,
nhánh vươn kết trái, cành liền trổ hoa
Xuân về. Rạo rực quê nhà,
mái cao san sát, nguy nga tòa đầy?
Tán xòe tùng bách, đứng ngây,
ánh xuân rọi sáng, tầng mây chiếu ngời,
như bông nõn, trắng khắp nơi,
lớp co cụm vội, lớp rời rã ngay.
Thẳm sâu vực xoáy tít quay,
đềnh xô ngất ngọn cuồng say đỉnh trời.

9

Tầng cao rực sáng, lụa phơi,
lòng mây lửa hắt, xuân tươi rạng hồng.
Hình thay đổi bóng, trên phông
ảnh lan ra khắp khoảng không, chiếu vào.
Con chim sáo cất giọng cao,
tri âm người mới, hạnh đào lối xưa.
Đồi nằm. Thở. Sau cơn mưa,
áng vàng mây nổi, hương đưa ngọt trầm.
Tiếng người nói chuyện râm râm,
chạm cây lẻ bạn, động tâm họp bầy.

10

Một là Tất cả. Lúc này. Ở đây.
Ngay giữa vòng tay bạn vàng.
Chiều hôm đỏ chót môi nàng
hôn cây sớm đổi tình chàng lấy hoa.
Nhớ. Xanh con mắt. Người ta,
nhìn vào cụm biếc, nở ra bông xòe.
Cỏ thơm kẽ nứt vỉa hè,
sương mai giọt đọng, ngọn đè gió xuân
Xa quá xa. Gần thật gần.
Gót men nhịp nhẹ. Hài lần dấu êm.
Khúc xuân. Mật rót. Môi mềm.
Lại đau vận nước. Buồn thêm cảnh nhà...

Tháng giêng ở Nauy. Oslo 1993.

gặp ở nơi khác. Như vậy, phải cho là việc nghiên cứu đồ gốm Việt Nam đã bước được những bước rất xa so với thời mà "đồ gốm Annam" được gọi là "bãi tha ma của những loại đồ gốm mà không ai biết xuất xứ" ("the graveyard of pots unknown") mà hai ông bà Leandro và Cecilia Locsin đã nhắc đến trong cuốn *Oriental Ceramics Discovered in the Philippines* (Tuttle in ra ở Nhật năm 1967).

Nghiên cứu một cách khoa học về đồ gốm Việt Nam, ở Pháp ta có ông René-Yvon Lefebvre d'Argencé, tác giả cuốn *Les céramiques à base chocolatée au Musée Louis-Finot* do Trường Viễn Đông Bác cổ của Pháp in ra năm 1958. Đây là sản phẩm của thời gian ông làm giám đốc bảo tàng viện này, ngay cả sau khi Việt Minh vào thành năm 1954. Ông là người mà cho đến lúc bấy giờ khai thác rộng rãi nhất vốn đồ gốm cổ còn lại ở Việt Nam, ít nhất ở Hà Nội, và ông đã liệt kê ra được những tạo dáng chính của đồ gốm Việt Nam từ khoảng thế kỷ XIV đến thế kỷ XVII cũng như nghiên cứu kỹ việc bôi nâu các trôn bát đĩa và đồ gốm của thời kỳ đầu trong những thế kỷ đó. Tuy nhiên, một trong những kết luận chính của ông về việc "bôi nâu," cho đó "không phải là một dấu hiệu về lò sản xuất mà cũng không phải chỉ là một lớp che bảo vệ" mà có "một ý nghĩa tôn giáo hay ít ra những món gốm trôn nâu được dành cho các chùa đền, miếu mạo" (trang 13) thì ngày nay không được mấy người ủng hộ.

Bẵng đi cả đến gần 15 năm, đồ gốm Việt Nam mới được để ý trở thành với một bài nghiên cứu chặt chẽ do một người có thẩm quyền về đồ gốm Trung Hoa và Đông Nam Á, ông William Willetts, giám đốc Viện bảo tàng Mỹ thuật thuộc Viện đại học Singapore, tác giả cuốn *Ceramic Art of Southeast Asia* (Singapore: Southeast Asian Ceramic Society, 1971). Chính ông đã đặt để được những "gia đình đồ gốm" chính của Việt Nam, hay nói như cụ Vương Hồng Sển, những "bộ môn" ("famille") chính trong lịch sử đồ gốm có tráng men của Việt Nam. Cũng năm này là năm cụ Vương in ra ở Sàigòn cuốn *Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa* (Tập 4 trong bộ Hiếu cổ đặc san của cụ), trong đó có một chương về "Đồ gốm Bát tràng" (Chương IX) và một chương "Tổng lược về Mỹ thuật Việt Nam" (Chương X, dịch của Bazacier), không kể nhiều nhận định lác đác trong toàn cuốn sách về đồ gốm Thanh Hóa, gốm hoa lam Huế, v.v...

Từ đó, nghĩa là từ đầu thập niên 70 trở đi, việc nghiên cứu đồ gốm Việt Nam đã trở thành một khoa học với những tiêu chuẩn của nó có nhiều người trên thế giới tham gia. Nhiều cuộc triển lãm đồ gốm Đông Nam Á có tầm vóc quốc tế, trong đó đồ gốm Việt Nam giữ một vị trí rất đáng kể, đã được tổ chức:

Năm Đề tài Địa điểm

1971 Nghệ thuật Đồ gốm Đông Nam Á ("Ceramic Art of Southeast Asia") Tân Gia Ba

1976 Đồ gốm Đông Nam Á: Thế kỷ IX đến XVII ("Southeast Asian Ceramics: Ninth Through Seventeenth Centuries") Asia House, New York

1976 Gốm cổ Việt Nam Hà Nội (VBT Mỹ thuật)

1982 Đồ gốm Việt Nam ("Vietnamese Ceramics") Tân Gia Ba

1986 Hội thảo về Đồ gốm Việt Nam ("Vietnamese Ceramics Seminar") Hà Nội

Từ những cuộc triển lãm hay hội thảo quốc tế này, chúng ta thường có những danh mục đồ gốm Việt Nam được đem ra trưng bày, cùng với những chú thích cần thiết như kích thước, màu mè, trang trí, xuất xứ và niên đại (giả định trong nhiều trường hợp). Bên cạnh đó, ta cũng lại có thể có những bài nghiên cứu vào chiều sâu, cho ta biết nhiều khía cạnh liên quan đến lịch sử đồ gốm Việt Nam. Từ cuộc triển lãm ở Bảo tàng viện Quốc gia, Tân Gia Ba, do Hội Đồ gốm Đông Nam Á tổ chức vào tháng 6, 1982, chẳng hạn, chúng ta có cuốn *Vietnamese Ceramics* (Singapore: Southeast Asian Ceramic Society/Oxford University Press, 1982) với những bài khảo cứu rất có giá trị của những vị như các ông William Willetts, John Shaw, John Guy, Abu Ridho, hay bà Barbara Harrison về đồ gốm Việt Nam và liên hệ của nó với các truyền thống đồ gốm ở chung quanh. Rồi từ hội thảo về đồ gốm Việt Nam tổ chức ở Đại học Tổng hợp Hà Nội do G.S. Trần Quốc Vượng đứng ra tổ chức vào tháng 10, 1986, ta cũng lại có một số bài tham luận do các ông John Guy (giờ ở Victoria and Albert Museum), Dick Richards (Art Gallery of South Australia) và Peter Burns (Adelaide University) bên cạnh một số tham luận do các học giả Việt Nam (như bài "Giới thiệu một số lò gốm Việt Nam trong mười thế kỷ đầu Công nguyên" của Trần Anh Dũng, chưa xuất bản).

Chỉ rất tiếc là người có lẽ biết nhiều nhất về đồ gốm Việt Nam, cụ Vương Hồng Sển, mặc dù đã hoàn tất ba cuốn sách, tổng cộng gần 900 trang, viết về đồ gốm của ta từ thế kỷ XV đến đời nhà Nguyễn song rủi ro, vì miền Nam mất về tay Cộng Sản nên bản thảo mà ông đã "giao cho Trung tâm học liệu Bộ Quốc Gia Giáo dục cũ lo việc in thành sách" đã "dùng một cái, sách và hình ảnh đều thất lạc." Theo ông viết trong cuốn hồi ký *Hơn nửa đời hư* (Nhà xuất bản tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 1992) thì ba cuốn đó là:

- *Cuốn 7:* **Khảo về đồ sứ từ Hậu Lê đến sơ Nguyễn** - *281 tr. đánh máy, 56 ảnh;*

- *Cuốn 8:* **Những đồ sứ do đi sứ mang về** - *300 tr. đánh máy, 52 ảnh;*

Cuốn 9: NHỮNG ĐỒ SỨ KHÁC: **Quốc dụng, ngự dụng, quan dụng, dân dụng, đồ ngang, đồ phố, đồ đàn** v.v... 311 tr. đánh máy, 214 ảnh.

Những ba tập 7, 8, 9 này, gọi chung là "Khảo về đồ sứ men lam Huế", vì nay chưa xuất bản được, nên bộ Hiếu cổ đặc san của tôi, xin kể tỷ như còn chỉ tồn bốn cuốn là những: Cuốn 3 "Thú chơi cổ ngoạn", cuốn 4 "Khảo về đồ sứ cổ Trung Hoa", cuốn 5 "Cảnh Đức Trấn đào lục", và cuốn 6 "Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn" là tàm tạm cũng xem chơi được buổi thừa nhàn gọi để hiểu sơ lược về đồ xưa đồ cổ ta và Tàu.

Ngoài Việt Nam, những năm 70 và 80 đánh dấu những bước tiến rất đáng kể trong ngành

nghiên cứu đồ gốm Việt Nam. Sau bài nghiên cứu rất giá trị của ông Robert Griffing Jr. về "Định niên đại gốm hoa lam Việt Nam" ("Dating Annamese Blue and White" trong *Orientations*, Tập 7, số 5, ra tháng 5, 1976), bà Roxanna Brown cũng đã thu thập được đủ tài liệu để ra cuốn *The Ceramics of Southeast Asia: Their Dating and Identification* ("Đồ gốm Đông Nam Á: Cách định niên đại và cách nhận diện") do Oxford University Press in ra vào năm 1977. Cuốn này, sau đó được tăng bổ và sửa chữa, đã được tái bản vào năm 1988 và giờ đây được xem là một trong những cuốn có giá trị nhất về đồ gốm Đông Nam Á. Trong sách, bà cũng đưa ra một thời tự biểu ("chronology") về đồ gốm Việt Nam mà giờ đây, được nhiều người chấp nhận một cách rộng rãi. Trước đó, từ năm 1974, bà Cheng Lammers đã đưa ra một "danh mục có luận bàn" ("catalogue raisonné") về "Đồ gốm Việt Nam ở Bảo tàng viện Trung ương Jakarta," Nam Dương *(Annamese Ceramics in the Museum Pusat Jakarta)* nhưng bà còn dè dặt về niên đại của các món đồ gốm in trong đó, nghĩa là không dám khẳng định chắc chắn điều gì về mặt này. Nhưng từ năm 1976, ông Dean Frasché, trong cuốn *Southeast Asian Ceramics: Ninth Through Seventeenth Centuries* (The Asiaa Society in ra ở Nữu Ước), đã dám định niên đại, ít nhất cũng ước chừng, của từng món đồ một. Trong những năm 80, ở Úc có ông John Guy là đi sâu nhất vào lãnh vực này với hai cuốn *Oriental Trade Ceramics in Southeast Asia: 10th to 16th Century* (Do National Gallery of Victoria ở Melbourne in ra năm 1980, sau đổi thành *Ninth to Sixteenth Centuries* khi cho Oxfor University Press in lại vào năm 1986, không kể còn tái bản với thư mục cập nhật vào năm 1990) và *Ceramic Traditions of South-East Asia* (Oxford University Press in ra năm 1986). Ngoài ra, ông cũng cho ra cuốn sách bản đồ đầu tiên về các di chỉ đào được đồ gốm ở Đông Nam Á, cuốn *Ceramics Excavation Sites in Southeast Asia: A Preliminary Gazeteer* (do Viện đại học Adelaide in ra năm 1987).

Trong khi đó, nếu người Tàu chưa có mấy người đi sâu vào việc nghiên cứu đồ gốm Việt Nam (ngoại lệ có chăng chỉ là ông Trịnh Đức Khôn khi vào năm 1972, ông viết bài "Viện nghiên cứu đồ gốm Đông Nam Á" bằng tiếng Anh trong *Journal of the Institute of Chinese Studies/Trung Quốc Văn hóa Nghiên cứu sở Học báo,* Tập 5, số 2 ra tháng 12, 1972) thì người Nam Dương đã chú ý rất nhiều về đồ gốm của ta và người Nhật đã có những đóng góp rất đáng nể vì tính cách khoa học của chúng. Một tên tuổi Nam Dương gắn liền với việc nghiên cứu đồ gốm Việt Nam là bà Sumarah Adhyatman, tác giả của những sách như *Keramik yang dimutekan di Indonesia / Antique Ceramics Found in Indonesia* (London: Hugh Moss, 1973) hay *Koleksi keramik Adam Malik / The Adam Malik Ceramic Collection* (Jakarta: Himpunan Keramik Indonesia, 1980), trong đó đồ gốm Việt Nam được dành cho một vị trí trang trọng. Một tác phẩm tuyệt đẹp cũng là cuốn *Chinese and Annamese Ceramics Found in the Philippines and Indonesia* của Adrian Joseph in ra năm 1973 trong một đợt in giới hạn (nên giờ rất hiếm và quý) do nhà in Hugh Moss xuất bản ở Luân Đôn.

Song ở Đông phương thì đáng kể hơn cả là những sách nghiên cứu mà người Nhật đã dành cho đồ gốm Việt Nam. Từ năm 1978, ông Yabe Yoshiaki đã có cuốn *Tai Betonamu no tòji* ("Đồ gốm Thái và Việt Nam") do Heibonsha in ra ở Tokyo. Sáu năm sau, Mikami Tsugio có cuốn *Tònan Ajia* ("Đông Nam Á") trong bộ *Sekai Tòji Zenshù* ("Đồ gốm Thế giới Toàn tập," tập 16, do Shogakukan in ra ở Tokyo năm 1984). Trước đó hai năm, hai ông Itoi Kenji và Shimazu Hakaruki có cuốn *Tònan Ajia no tòji* ("Đồ gốm Đông Nam Á") do Yuzankaku ở Tokyo in ra, rồi lại vào năm 1984 có cuốn *Tònan Ajia no kotòji* ("Đồ gốm cổ Đông Nam Á") của hai tác giả Nagatani Burakuji và Òmori Kazuo. Sang đến năm 1988, Hasebe Gakuji lại có cuốn *Tai Betonamu no kotòji* ("Đồ gốm cổ của Thái và Việt Nam") do Bảo tàng viện Shoto ở Tokyo in ra để kèm theo một cuộc triển lãm về cùng đề tài. Trong tất cả mấy tác phẩm đó, phần dành cho đồ gốm Việt Nam đều chiếm một số trang rất đáng kể. Đó là chưa nói đến những bài báo có giá trị như bài "Vietnamese and Thai Ceramics Excavated from Japan" ("Đồ gốm Việt Nam và Thái Lan đào quật lên ở Nhật") trong *SPAFA Final Report* in ra năm 1983, một đóng góp của nhà học giả Kamei Meitoku, hoặc bài nghiên cứu công phu dày bằng cả cuốn sách của cô Moritomo Asako về bộ sưu tập của ông Clément Huet ở Bảo tàng viện Nhà vua ở Bỉ (Đầu đề bài báo là "Hokubu Vietonamu shutsudo no iwayuru Sòdai tòji ni tsuite," có nghĩa là "Về cái gọi là đồ gốm Tống đào được ở miền Bắc Việt Nam", in trong *Tòyò Tòji*, Tập 9, 1979-1983, trang 5-86). Bài này vì nghiên cứu phần lớn là đồ gốm Thanh Hóa nên cũng tương đương với bài viết của ông John Stevenson, sau khi sang nghiên cứu ở Việt Nam về viết trong số ra tháng 5 - tháng 6 năm 1991 của tạp chí *Arts of Asia*, mang tên "Vietnamese Ceramics: An Introduction to Ly and Tran Monochromes" ("Đồ gốm Việt Nam: Dẫn nhập vào Gốm Độc sắc Lý-Trần").

Như vậy, có thể nói là việc nghiên cứu đồ gốm Việt Nam ngày hôm nay đã trở thành một lãnh vực sinh hoạt quốc tế rất nhộn nhịp, hứa hẹn nhiều sự trao đổi lý thú. Nó không còn là một vùng cát cứ riêng một nhóm người nào hay của cả một quốc gia như Việt Nam, tức là nước gốc, nước sản xuất ra những đồ gốm bàn đến ở trên. Việc chúng tôi đang làm ở đây chẳng qua chỉ là nối lại học thuật Việt Nam với học thuật thế giới trong một lãnh vực nghiên cứu, đó là đồ gốm Việt Nam. Sự thành công, nếu có, cũng sẽ chỉ là tổng kết cái hiểu biết của nhân loại về đồ gốm Việt Nam, cộng thêm một vài nhận xét cá nhân mà chúng tôi xin mạo muội đưa ra sau nhiều năm để tâm quan sát và nghiên cứu đồ gốm Việt Nam.■

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + 87 CENT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA; 2 WHEEL $25 MOST CARS; 1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:

Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chẩn dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- Máy lạnh thổi không ra hơi
- Hơi thổi ra không đúng chỗ
- Hệ thống lạnh bị xì
- Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

1ST AMERICA HOME LOANS
14351 EUCLID ST. # 1T
Garden Grove, CA 92643
(714) 265-1127

HOME LOANS
CẦN VAY TIỀN

MUA NHÀ | **APARTMENT**
CONDO | **COMMERCIAL**

GIÀU ĐẶNG
President
Pager: **(714) 565-9809**

JEANNIE YẾN NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 648-8254	JAN TRANG LÊ LOAN OFFICER PAGER: (714) 239-9374
TIẾN "TIM" NGUYỄN LOAN OFFICER PAGER: (714) 568-4098	MINH T. TRAN LOAN OFFICER PAGER: (714) 291-0543
THANH PHẠM VĂN LOAN CONSULTANT TEL: (714) 531-7258	JENNIFER LE LOAN OFFICER PAGER: (714) 565-9500

TIỀN LỜI THẤP CHO: REFINANCE

8.00% (30 years) ⟵ FIXED ⟶ **7.50%** (15 years)

(RATES SUBJECT TO CHANGE WITHOUT NOTICE)

GIỜ LÀM VIỆC:
7 ngày một tuần:
9 AM - 6 PM

ĐẶC BIỆT:

BAD CREDIT - BANKCRUPTCY - FORECLOSURE VẪN ĐƯỢC VAY TIỀN

* REFINANCE TRẢ NỢ CŨ
* TU SỬA NHÀ VAY: $17,500
* EQUITY LOANS (CASH OUT) ĐẾN 100%
* FOURPLEX TRỞ LÊN VAY; $43,750

Có nhiều chuyên viên kinh nghiệm đến tận nơi làm thủ tục vay mượn choquý khách
Công việc làm nhanh chóng - Uy tín

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.
DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

PHỤ KHOA
* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đổi ống dẫn trứng
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA
* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện thoại:
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

THẾ KỶ 21
PO BOX 2228-260, WESTMINSTER, CA 92683
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHIẾT GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xào măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

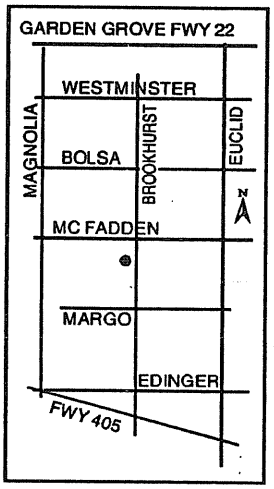

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Trung Tâm Hải Âu và Tình Nhớ xin hân hạnh giới thiệu

HẢI ÂU 74 Kính gởi về: Ba Mẹ

Để Nhớ Đến "Ơn Nghĩa Sinh Thành"

Mặt A

1. Tình Cha	Lệ Hằng
2. Mẹ Tôi	Mỹ Huyền
3. Lạy Mẹ Con Đi	Dalena
4. Bông Hồng Cài Áo	Lệ Hằng
5. Lòng Mẹ 1	Randy

Mặt B

1. Lòng Mẹ 2	Tuấn Vũ
2. Tám Điệp Khúc Dâng Mẹ	Lệ Hằng
3. Ơn Nghĩa Sinh Thành	Chung Tử Lưu
4. Quê Mẹ	Mỹ Huyền
5. Bụi Phấn Trên Tóc Thầy	Lệ Hằng

Thực hiện: Lê Phu Cường
Trung Tâm Hải Âu
độc quyền sản xuất và phát hành

TRUNG TÂM HẢI ÂU SẮP PHÁP HÀNH ƠN NGHĨA SINH THÀNH 2

Công Cha Như Núi Thái Sơn
Nghĩa Mẹ Như Nước Trong Nguồn Chảy Ra

Hai câu lục bát này không biết tự bao giờ đã thấm sâu vào tâm tưởng của mỗi người chúng ta, giản dị, chất phát như tuổi ấu thơ, gần gủi như chính hơi thở của mình, tha thiết như hồi chuông ngân giữa giờ tĩnh mịch và rất thật như sự hiện hữu của đất trời.

Người xưa đã thử khái quát công Cha nghĩa Mẹ bằng những ngôn từ mộc mạc nhưng đầy hình tượng lớn lao như thế đó; hai câu thơ đã trở thành ca dao là lời ru nồng nàn, lưu truyền từ đời này sang thế hệ khác, nhưng những người con của cha mẹ yêu dấu vẫn cảm thấy nó chưa thật đầy đủ, vẫn muốn tô vẽ thêm cho càng tuyệt đẹp chân dung của hai đấng đã tạo nên và nuôi dưỡng con cái bằng chính máu thịt của mình, bằng vô vàn nỗi gian truân, hy sinh không bờ bến - Ngôn từ của lòng hiếu thảo dù thô sơ hay hoa mỹ như thế nào đó, tựu chung vẫn là những tình khúc chân thật nhất của nhân loại, bởi nó bắt nguồn tự đáy tâm hồn của chúng ta.

** Xin kính dâng lên Bố Mẹ những tình khúc yêu thương này như chứng vật của lòng hiếu thảo đã xuất phát từ tự đáy tâm hồn của chúng con.*

Trung Tâm Hải Âu và Tình Nhớ
*** Để kỷ niệm Vu Lan, Mùa Báo Hiếu**

Trung Tâm Băng Nhạc Tình Nhớ
độc quyền sản xuất và phát hành
Công Cha Như Nui Thái Sơn
Nghĩa Mẹ Như Nước Trong Nguồn Chảy Ra

TÌNH NHỚ 28

MẶT A

1. Tình Sâu Nghĩa Nặng
2. Tâm Hương Dâng Mẹ
3. Công Cha Non Thái Sao Bằng
4. Giọt Lệ Buồn
5. Mẹ Thương Con

MẶT B

1. Cơn Gió Bồi Hồi
2. Tạm Biệt Cha và Quê Hương
3. Ngày Về Quê Mẹ
4. Mẹ Thánh Thoát
5. Hoài Niệm

TT TÌNH NHỚ SẮP PHÁT HÀNH: TÌNH CHA NGHĨA MẸ 2

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

THUH★BEAUTY

Orange County, California, USA

BOLSA MARKETPLACE

9600 Bolsa Ave., Suite E,
Westminster, CA 92683

Tel. (714) 531-1220
Beeper: (714) 346-3260

Do Cô Bạch Thuhà
chăm sóc và điều khiển

ĐẶC BIỆT: BỚT 25% CHO NỮ NGHỆ SĨ ĐẾN LÀM FACIAL.

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc
sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

THẾ KỶ 21

P.O. BOX 2228-260, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name: . . . . . .

Địa chỉ / Address: . . . . . .

. . . . . .

Điện thoại / Telephone: . . . . . .

Tôi đặt mua Thế Kỷ 21 / I would like The Ky 21 delivered to me:

☐ 06 số / issues ☐ 12 số / issues ☐ 24 số / issues

Bắt đầu từ số / Starting from issue:. . . . . .

Kèm theo đây là chi phiếu/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of:
(NB: From other countries, please send only USD International Money Order).

THẾ KỶ 21
The 21st Century

NEWS • TECHNOLOGY • ARTS & LETTERS
A source for Vietnamese studies

PUBLISHER,
ENGLISH SECTION EDITOR
Le Dinh Dieu

EDITOR
Vuong Huu Bot (Do Quy Toan)

MANAGING EDITOR
Nguyen Xuan Hoang

OFFICE MANAGER
(Administration, Circulation & Advertising)
Vu Duy Tu

ADVISORS & CONTRIBUTORS
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Do Ngoc Yen • Hoang Ngoc Tue • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Nguyen Thien Co • Phan Huy Dat • Phan Ly • Ruth Talovich.

THE KY 21 (The 21st Century) is published monthly in Westminster, California, USA, and distributed worldwide. Subscription rates:

see subscription form printed inside. Send check/money order, inquiries and all mail to: THE KY 21, PO BOX 2054-H39, WESTMINSTER, CA 92684. Tel (714) 894-9021; Fax (714) 894-2752. All rights reserved.

ISSN 1056-4640

BLUE AND GREEN

By MINH K. LA

Yellow and blue makes green. The most beautiful colors do not exist alone, but instead are the mixture of two or more colors. Similarly, I am the product of two cultures that have been combined to form who I am. Although I am Americanized, most of who I am today finds its source in my Chinese heritage.

Throughout my life, my parents have incessantly tried to instill in me remnants of their Chinese heritage. I am unmistakably Asian. Yet my Chinese characteristics go beyond my appearance. The artery that links me to my ancestors lies deep within my heart, affecting who I am and who I will become. My heritage greatly influences me as an individual. It has given me a sense of self worth, allowing me to be proud of who I am and where I come from. My heritage is the root from which my emotional strength and maturity have sprouted. Through it, I have learned to be strong in times of crisis. I have learned to stand up for myself and my beliefs. All this is conducive to my maturity and my establishment as a young adult.

My values are rooted in my Asian heritage. Since childhood, my parents have provided me with morals which are the foundation of my conscience. Respect for others as well as for oneself is highly emphasized in the Asian culture and I have learned that in order to gain this respect from others, I must give it first. My parents have shown me traditional values which have kept me on the straight and narrow path. I have learned to love life in its basic form. In my family, it is believed that as long as we are healthy and happy, any other frivolous riches are unnecessary.

The importance of the family has long been a tradition in the Asian culture. My family of four is close knit. I have been taught that the needs of my immediate family come first, beyond all else. Love in my family goes beyond words. Only through actions is my parent's love revealed. To them, parenting means more than buying my affection. It means making sacrifices for my future and my happiness.

In order to succeed, it is necessary to possess certain attributes which my parents have infused in me. To ease the transition into adulthood, my parents have helped me to establish my independence. Although they guide my decision making, my parents ultimately allow me to make my own decision. They have taught me to be rational and levelheaded, making it easier to handle any predicaments I might encounter. My success in high school is due to my determination and perserverance. It is the manner in which I was raised that caused these traits to become a part of who I am. Ambition has driven me toward all my goals--even those which seem beyond my grasp. This is the ambition that first brought my parents to this country. It is my parents' desire for me to obtain an education of which they were deprived which inspires me most. Through the power of their desires, I find the source of my strength and the spark that lights the fire of my dreams.

My favorite color is blue-green, symbolically representing who I am. The American blue and the Asian green intertwine to produce a hue that encompasses the beauty of both colors. Underneath my Americanized personality lies the throbbing source of my Asian tradition radiating life into my identity. It has provided me with a set of values that have given significance to my existence, and paved the way towards a successful future. Only in recognizing the uniqueness of who I am, can I realize my full potential.■

COLORS AND DESTINIES

By DANIEL PHILLIP KIM

Envision an oil painting. Most of the top half is a plane of bold navy blue, and the bottom half is a similar plane of solid crimson. Between these two strong colors exists a thin band of uninviting puce. The puce, at first glance, seems ugly and drives the eye to one of the more pleasant bold colors on either side of the band. But upon careful inspection, one finds that the thin band of color is not really puce at all. It is a product of the two colors' union, a turbulent blend of navy blue and crimson. Hues of the original colors are apparent amidst the swirls of blended paint. And infinite subtleties of green, purple, and brown thicken the texture further. The band is intimidating and mysterious. When cursorly seen as simply puce, it is ugly. But seen in all the colors of its complexity, the thin band is beautiful. This vision is a work of the abstract expressionist, Mark Rothko. It is appropriate that he belonged to the social realist movement, for his painting typifies the world of the Asian Amercian.

The world of the Asian American is the turbulent, complex band of union. The two solid colors are the Eastern crimson — painted by progenitors' lives in an Asian country — and the Western navy blue — painted by the Asian American's life in America. The Asian American's identity exists in the band's infinite subtleties of color -- the many shades of Eastern crimson and Western navy, along with the greens, browns, and purples the blend creates.

Through maturity, the blend becomes clearer to me every day. What used to be an intimidating band of puce has become for me the colorful band of multi-culturalism. What I have found is an identity beautiful and complex. Through my parents, I have come to recognize the strong, courageous character in me that let them survive during the Korean War. It is this same character that drives me on while in the face of adversity. It is a character destined to survive. Though I did not experience the terror of escaping communist North Korea, my life is characterized by the incessant search for better. I run away from injustice and ignorance; I seek refuge in knowledge and discipline. My Asian character speaks clearly within me. It is my Asian heritage and character that has me striving for knowledge and discipline. As a child, I could not understand why, while my friends were watching T.V., I was practicing piano or doing extra workbooks. Today, I am able to manage a professional career in music, a rigorous academic load, leadership positions, and community work. What my parents taught me was discipline — how to use my natural abilities to their full potential. Were it not for discipline, not only would I have never accomplished as much as I have, but more importantly, I would not have the intellectual development and the maturity that I have today. My grandparents would tell my parents in Korea during the war, cha-mo (endure and keep face). My parents tell me the same today. I hold back frustrations; I pull the all-nighters; I run the extra mile; I blow another note; I deal with people calmly and rationally. I cha-mo.

My Asian heritage is what drives me to succeed. It drives me not in the sense of material accomplishment or superficial awards, but in succeeding in carrying out what I believe in. It lets me know that there is a better way of doing things, and it drives me to search for it. If I listen carefully enough, I am assured of a blessed destiny. If I go into the painting and understand how beautiful my colors are, I am assured of an identity that will never fail me.■

Join us in the

VIETNAMESE AMERICAN ARTS & LETTERS ASSOCIATION (VAALA)

to serve the community and enjoy ourselves.

Contact: (714) 894-5630

ASIAN DEMOCRACY RADIO WHY IT SHOULD BE INDEPENDENT FROM THE STATE DEPARTMENT

By NGUYỄN THANH TRANG

On June 15, 1993, President Clinton announced that his administration will create a new Board of Governors to oversee not only Radio Europe and Radio Liberty (RFE/RL), but also the Voice of Amercia (VOA) and other international broadcasting services. This new board will take a leadership role in helping to create a new Asian Democracy Radio (ADR) which is formerly known as Radio Free Asia (RFA).

The President's support and commitment are good news to all of us because Asian Democracy Radio will help promote democracy to a vast area of Asia where freedom and human rights are still being denied to over one billion people.

However, I am very concerned about the Administration's plan to combine the Voice of Amercia and all other surrogate broadcasting programs such as RFE/RL and ADR under the United States Information Agency (USIA) which has been a powerful arm of the State Department.

One of the major factors which have contributed to the great success of RFE/RL is their independence from the State Department. For this reason, Asian Democracy Radio should be established under an independent agency separate from VOA/USIA to effectively provide timely and accurate information without any influences or pressures from governments, whether it be from within or without.

The Clinton Aministration has pointed to Cuba's Radio Marti as a model, but one must remember that Cuba is a small, isolated island. Asian Democracy Radio, on the other hand, would be broadcasting to a much larger and more strategically important part of the Pacific Rim: China, Vietnam, Cambodia, Laos, Burma, and Korea. Both Beijing and Hanoi are already trying to exert some pressure on the United States goverment to tone down future broadcasts to their countries.

It is for this very important reason that I support the Radio Free Asia Bill, which would establish an independent Radio under the supervision of the Board for International Broadcasting (BIB). Under this arrangement, if Beijing or Hanoi should ever wish to complain to the State Department about the ADR broadcasts, the State Department would be able to respond, truthfully, that it has no control over the programs.

Furthermore, I support the adoption of the RFE/RL model for ADR for another good reason: The headquarters of this new Radio should be located in California where excellent academic institutions with well developed Asian and Chinese Studies can be found; and frequent visitors to and from the Pacific Rim countries would be invaluable sources of information for the new Radio.

Finally, I disagree with those who claim that integrating ADR into USIA would result in reduced start-up time and costs. The United States Commission on Broadcasting to the People's Republic of China found in its September 1992 report that there were no significant difference between the BIB that Radio Marti models in terms of start-up time and costs. In fact, I believe that BIB, being smaller and more entrepreneurically minded, would be more cost effective than the huge and bureaucratic USIA.

I strongly urge President Clinton and members of Congress to take the Commission's advice to establish Asia Democracy Radio as a private, non-profit corporation modeled after RFE/RL.■

Give your friends the special gift:

ONE-YEAR SUBSCRIPTION to THE-KY 21 !

Mail to: P.O. Box: 2054-H39, Westminster, CA 92684

REFORMS IN FORMER SOCIALIST ECONOMIES AND LESSONS FOR VIETNAM

By QUAN TU

Former centrally planned economies such as Poland, Hungary, etc. move themselves further and faster in their economic transformation. The most commonly posed question is not whether to reform but how best and fast to structure those reforms so the country can attain a sustainable growth path? Which steps will effectively sustain the reform process, which, given limited resources and the intricate nature of the process, can, and perhaps should, be delayed?

These questions formed the basis of a recent IMF Economic Forum in Washington DC, at the end of 1992. The discussion presented both an economic and a political analysis of the process.

For Vietnam's observers, what lessons from other formerly centrally planned economies can best served Vietnam in its transformation? On the other hand, political scientists have noted with surprise how third world communist regimes, such as the one in Vietnam, Cuba, etc. have survived the collapse of their erstwhile patrons in the Soviet Union and Eastern Europe.

From the Forum, lessons from eastern countries from an economic and a political standpoint can be learned and applied to Vietnam. To what extent economic community abroad should expect from the process?

An economic perspective

With the transformation of the economy, tensions arise from three distinct, but interrelated, needs: structural reform, macroeconomic stability, and social security and political support. In analyzing the proper sequencing of reforms, panelists agreed on basic elements of the strategy on the process of socialist economic transition:

Macrostability should be emphasized at the outset, because this is a necessary precondition to the successful development of market economies;

Countries should move quickly to align internal relative prices for tradable goods and services with external relative prices, because prices are critical for abtaining the appropriate allocation of resources (therefore the importance of price liberalization, trade reform, and exchange rate unification); and

Centrally planned economies in transition can afford to postpone labor market reforms and the liberalization of financial markets. Labor markets do not work well initially and state-owned enterprises will not have the appropriate incentives to rationalize labor. Likewise, the banking system, which is often exclusively or predominantly state-owned, may be needed to deal with state enterprises.

An early effort to liberalize the financial sector by liberalizing interest rates, a panelist cautioned, can be counter-productive. He also warned that a banking system that starts out with bad loan portfolios (from State owned enterprises or SOEs) and tries to ration credit by simply letting interest rates rise to market-clearing levels may invite unintended, and unwanted, results.

Very early attention to the question of large state enterprises is also stressed. "The sooner the problems of these large SOEs are addressed, the better will be for the reform process," said panelists. The SOEs, which lie at the core of the economic transformation effort on privatization and deregualation, require a great deal of time to solve, and ultimately will be the key, to maintaining the social acceptability of the process.

Privatization is an important but long-term process, and, in the interim, appropriate incentives will be needed for both workers and management. Appropriate accounting procedures must be devised (to measure the performance of these SOEs) and budget constraints must be hardened.

The process of hardening budget constraints, which implies a discontinuance of automatic subsidies, does not require, a sharp, cut off all state support for these support into the enterprises' budget constraints ex ante and hardens constraints beyond that," some panelists argued, "it will still provide enterprises with the right incentives." Hard budget policy would not be credible or effective, unless its implications were socially and politically acceptable.

"In transforming the large SOE sector," government has to play a fundamental role." Restructuring would proceed very slowly under a laissez-faire strategy, and the govenment would find itself either having to support inefficient state enterprises or having to pay unemployment benefits to displaced workers.

There is many approach to reforming SOEs. But the consensus was that it was better to have

government (with outside help) involved in either identifying the restructuring needs of state-owned enterprises or in catalyzing enterprises than outside experts to identify these restructuring needs. Unless government is involve and take an active role in SOEs transformation in its early stage, the transformation process is going to be very difficult.

From the economic standpoint, the "Doi moi/renovation" process, a code word for free market orientation, was rather successful. When the process started in 1986 and as far back as Vietnam, "Doi moi" is bound for some quick results because the country started at a very low level. The most important part is that process was accomplished through the internalization process, with some help from the IMF and UNDP, but with almost no financial help from outside. The process started gradually in 1986 with little or small aftershocks. This stabilization process may be easy but as the economy become more and more complex, progress will be more difficult.

A political perspective

Other panelists remark that too little attention has been given to the political consequences of economic policy decisinos. "The creation of a market economy and the creation of a democratic government are two very separate but interdependent processes, and market economies will not succeed and long-term political stability will not occur without democracy."

"Democratic" it was suggested, is not the narrow definition of holding competition elections but a *deeper commitment to the rules of democratic competition and to peaceful means of regulating conflict*. However, it is essential, that all sides (the one in power and the opposition) be willing to accept temporary defeat, whether in the courts or in elections, with the understanding that they be guaranteed the right to fight another day and be assured a free flow of information.

Political considerations do matter in a transition, panelists contended. Economic change is profoundly political because it is a redistribution of resources, and therefore of power. Although much of the transformation process is directed at the state, but the government must provide leadership for much of this reform process. It must write the new laws, extend guarantees, adjudicate contracts, define property rights, and negotiate trade agreement, planning for the future, etc..

Experience in Eastern Europe and the former Soviet Union, which has yielded economic patterns, has also indicated that there are political stages that parallel their economic counterparts. The political consequences of macroeconomic stabilization and price liberalization; privatization; and structural adjustment are examined and studied.

For Vietnam, "the slogan is: 'Let the people become rich'," says Mr. Tran Kien, deputy editor of the party newspaper *Nhan Dan* (The People). "Now we carry out the market economy but regulated by socialism. It means we don't give up Marxist-Leninism but continue to carry out with this ideology including Ho Chi Minh teachings. When the Communist Party declared its acceptance of the free market economy, it meant that this party is not truly a communist party; they have dropped the communist system," says Mr. Phan Dinh Dieu, an oponent to the regime.

Beneath the surface, however, Vietnamese politics is undergoing a change so profound that Vietnamese and foreign observers believe the ruling party will be obliged to abandon Marxism and Leninism, transform itself and perhaps even permit opposition parties. Do Muoi, the 76 year-old general secretary, nowadays barely mentions communism or socialism in his speeches and the party, finds it hard to recruit new members or to persuade existing members to attend meetings.

Macroeconomic stabilization and price liberalization

In carrying out the economic reforms intended to open the economy such as "Doi moi" in Vietnam, many reforms carried within them the seeds of political conflict. For example, early efforts to reform socialist economies in eastern countries such as Romania, Poland, etc. emphasized decentralization, while the introduction of market economies demanded a recentralization of authority (monetary control, design of the privatization policy, external trade laws, commercial law, etc.).

In Vietnam, those conflicts between central and local authorities are numerous. Examples of local authorities, authorizing logging and the export of logs from the remaining rain forest in Vietnam, against central authorities, are still vivid. Examples of local authorities being arrested for selling of public owned houses/land to private persons (connected with them) at a low price, can be seen in newspapers.

Efforts to control inflation emphasize on restrictive monetary and fiscal policies. These efforts led to conflicts between head of state/party apparatus or Congress (as in the present case of Russia with the fight between Yeltsin and the congress), who tended to be politically attuned to what was socially acceptable, and prime ministers, who were often technocrats with strong ties to outside international organizations, such as the IMF, the World Bank. This is the case in Russia and other Eastern Europe countries. Disputes between presidents and prime ministers or between presidents and congresses have prompted delays in the drafting of constitutions in several countries such as Bulgaria, Poland, Russia and Romania, which have wrestled with the attendant legal and political questions.

The most serious problem in former centrally planned economies was the link between the pressures created by macroeconomic stabilization programs and hyperinflation (hyperinflation/very rapid growth of money resulting from an inability to control budget deficits due to SOEs deficits). For many panelists,

heperinflation had profoundly destabilizing social and political consequences for these countries often forcing them to rely more extensively on personal bonds (and by extension regional bonds) and frequently leading to greater social disintergration that fed, in turn, into identity reformation and religious revival.

Panelists cited the conflicts created between governments and unions, and conflicts that have developed within opposition coalitions, as carefully assembled political support has begun to unravel amid disputes over unemployment or pensions, for example.

Contrary to the eastern countries, this stabilization process in Vietnam during "Doi moi" has been carried out without much upheaval although at a very high social cost, especially in the northern part of the country. Inflation has decreased from about 400% per year to 20-35% per year recently. Many enterprises, especially those controlled by provincial authorities, have been forced to close their doors and layoff their workers. The rate of unemployment is high and between 20-30%. The development of the "informal sector" gives livelihood to otherwise higher unemployment. Typically a worker is having two jobs, a civil servant "extorts" bribes and others receive money from relatives abroad. This situation of unemployment still persist because the workforce is expanding at more than 1 million people per year and this situation has yet to be resolved.

Privatization

The question is "how to and when to" rather not to privatize. In eastern european countries, the privatization of small scale trade and service enterprises has moved briskly. Contrary to the common thinking of "big bang theory at the inflation stabilization stage," the lesson is more rapid the privatization, the more likely that managers in the state enterprises would translate their position in the socialist economy into advantage in the new economy. The "capitalization of the nomenklatura," panelists said, had political as well as economic ramifications in these countries. The examples in Poland and in Eastern countries are still present.

The government has to slow down the privatization of the agro-industry because managers, often "part of" or "named by" the old nomenklatura system, are cashing-in very rapidly. Furthermore, there is the problem of instilling market-oriented behavior in management and workers. People were generally quick to recognize who was benefiting. Anticommunists or opposition parties often attempted to slow the privatization process precisely so that they could allow those who lacked positional access to gain property rights.

It is important for these former centrally planned countries to decide whether the purpose of privatization is to expand revenue for their state budget or to infuse new capital into the firms. Therefore, the method chosen to pursue privatization will determine who gains. Local politicians will find it useful in the case of privatization to use their power to choose among contending requests for licenses to gain votes something that has come to dubbed "the Chicago model." Privatization also raises questions of citizenship, because it unavoidably entails decisions on who has the right to run property.

To date, however privatization has functionned most sucessfully in instances of restitution (East Germany, Poland, etc.), although restitution itself has occasioned an enormous number of legal battles and delayed agricultural production. The variety of experiences across countries suggests that there may be not one way to resolving the privatization issue.

The case of Vietnam is not different from eastern countries. Privatization has been tried on a pilot and small scale for small businesses especially for service enterprises such as restaurants, etc.. Local politicians, here, also try to influence the privatization process and positioned themselves for further "capitalization" or to benefit their relatives or those who paid "under the counter."

The lesson is, for big SOEs as well as for small ones, to slow down the process to permit a thorough study of conditions for success and aiming to privatize activities which could be done by the private sector with better efficiency. For big SOEs, the market management orientation needs time to permeate the management and workers of those SOEs. They should be strengthen for "bankability" and then adopt a transparent strategy for privatization.

Structural adjustment

Structural Adjustment Loans are loans designed to help countries cushioned shocks when they restructure their economy. Usually in design and implementation, there is a difference between stablilization and structural reforms needed to sustain stabilization. First is the stabilization process to halt the hyperinflation situation. After progress has been made in reducing inflation and the balance of payments deficits, structural adjustment reform is being made at improving the mobilization of resources for sustainable growth. This process takes time and require professionals in economic management. Although a large amount of foreign investment has been committed, few investments have been realized showing that it takes time for an underdeveloped country such as Vietnam to absorb foreign capital if it does not possess professionals. The process of "learning by doing" is full of mistakes and will slow down the development process.

A critical political question under structural adjustment has been bankruptcies. How quickly should they be allowed and what legistation is needed. The temptation for political authorities is to slow down bankruptcies to gain votes. Safety-net issues also pose difficult political questions: what should be done about housing, health care, etc.? These problems have not been tackle in Vietnam because the authorities are

hoping that the opening of the economy will attract foreign investment and somehow provide more jobs and taxes and take care of the above problems.

Perhaps the primary problem for structural adjustment is foreign trade links and enhance the competitive advantage of the country. It is difficult sometimes for the present authorities to transform the economy to know what to restructure for. Overall sequencing the reform process in Vietnam will depend on more rather than less state involvement, particularly where economies are lagging further behind and resources are scarcer. The involvement of the State is very important in establishing and strengthening the implementaion of the law and macroeconomic parameters such as tariffs, trade policy, monetary policy, etc..

From the above lessons from former communist economies, one can see that economic change has a strong political consequence. "The creation of a market economy and the creation of a democratic government" are interdependent processes. But these processes may take time.

On the other hand, market economy cannot take off without a stable macroeconomic environment and it will take many years for former centrally planned countries to convince foreign investors. Vietnamese abroad, especially those who advocate the overthrow of the communist party, can expect that they may have to be willing to accept temporary defeat because economic development and the allievation of poverty in Vietnam cannot go together with political turmoil and uncertainties.

In Asia, even for those successful cases, it takes three decades for South Korea to elect the first civilian president and about the same amount of time to see profound political changes in Taiwan. With the present turmoil in Russia, it is safe to predict that it will take one or two decades to return to stability and economic growth.

In order to survive, the party will have to transform itself and mutate into a more traditional party and, in the long run, opposition parties will be guaranteed the right to exist and fight another battle for the development of Vietnam's economy.

Lessons from the former eastern countries have shown first that transformation is more desirable than revolution when it comes to economics and second, the transformation and development process will take time. There is no easy and fast solution to development but at the end development can only be sustainable if it can go hand in hand with democratic reforms.■

Horoscope CARD

Buy a HOROSCOPE CARD to know about your personality and find out whom you'll be compatible or incompatible with, or with whom you can contract a trouble-free, strong and enduring marriage or how to avoid being sucked down into a turbulent and ruinous marriage combination.

It helps in doing business, too. Study your card and the cards of your partners, employers, employees, colleagues — you will find how rewarding, financially as well as emotionally, ORIENTAL HOROSCOPE is!☐

ORDER FORM

Please send ORIENTAL HOROSCOPE CARD(S) to:

Name (business or personal): .....

Address: .....

City: ..... *State*..... *Zip*.....

Tel: ..... *Fax:* .....

☐ 1 card (Year of birth:.....): $2.75 (plus 29c shipping).

☐ 10 up to 99 cards (year(s) of birth: .....) $1.50 each (plus $1.05 shipping).

☐ 100 or more cards (year(s) of birth:.....): $1.25 each (shipping free).

NB: Tax Included.

Make check or money order payable to TND PUBLICATIONS and send to:
TND Publications, 9315 Bolsa Ave., Suite 260, Westminster CA 92683.
Tel (714) **894-9021**; Fax (714) **894-2752.**

BOOK REVIEW

NGUYEN DINH-HOA

A Tagmemic Comparison of the Structure of English and Vietnamese Sentences
Dương Thanh-Bình. The Hague: Mouton, 1971. (Series Practica, 110, Janua Linguarum). $22. 232 pages.

The volume under review is an expensive edition of Miss Duong Thanh-Binh's doctoral project report for Teachers College, Columbia University.

The larger part of the book is a "Grammar of Present-Day Written Vietnamese" presented in chapters 3 through 6. The introduction is followed by a review (in chapter 1) of other studies — in Vietnamese, French and English — of Vietnamese grammar, and a review and summary (in chapter 2) of *A Modern Grammar of Written English*, by Professor Robert L. Allen, Dr. Duong Thanh-Binh's major adviser on her examining committee.

Chapter 7, followed by a lengthy Bibliography, recapitulates similarities and differences between English and Vietnamese sentences, then offers suggestions for further studies, for teaching and for the preparation of materials.

Both in the Acknowledgments and the Introduction, Dr. Duong explained that she used Dr. Allen's studies as the basis for her project. Her method of analysis is indeed tagmemic along the lines of sector analysis used in *The Verb System of Present-Day American English* and in *A Modern Grammar of Written English* (1). The former has been published, but the latter has not, although in frequent references, it was said to be "in press."

The primary goal of Miss Duong's study is stated (page 48) to be "a contrastive analysis of Vietnamese and English along tagmemic lines." Miss Duong explains that the broad outlines of Allen's work, on which her study is based, were worked out before he knew about the publications on tagmemics by Kenneth L. Pike and other S.I.L. members.

The Allen model starts with the idenitification of all "potential" positions (on the sentence and predicate levels), which are called "sectors", then proceeds to identify and describe the different kinds of constructions that can occur in each different sector (page 50). Miss Duong's tagmemic analysis of written Vietnamese is likewise a sector analysis, "which primarily emphasizes the positions of units on the sentence, trunk, and predicate or predicatid levels" (page 50).

In Chapter 3, Miss Duong discusses the Vietnamese sentence, its various sectors, then consider briefly lexeme classes before she provides a detailed examination of such peripheral slots as her Y, Z, L, F and E sectors.

First, she defines (page 67) a major sentence in written Vietnamese as follows: (1) it must have at least one non-included clausid, that is, a clausid which does not begin with one of the listable includers — "sub-ordinating conjunctions."; (2) the non-included clausid must have a subject, and at least on unit in the predicatid; (3) the units in the sentence mut occur in the sequence described below; and (4) the sentence must begin with a captial letter and end with a terminal punctuation mark.

Dr. Duong distinguishes four levels:

First, a sentence (U) consists of a "trunk" (T) preceded by a "front sentence adverbial" (F) and/or followed by an "end sentence adverbial" (E), thus:

U = F) T (E2

Secondly, the trunk consists of a subject (S) and a "predicatid cluster" (PdK), and the latter, we are told, is usually a predicatid (Pd) that is, a predicate without time-orientation:

T = ± S PdK3

Thirdly, the predicatid cluster, in turn, consists of a "predicatid nucleus" (Pd) preceded by a "first middle position" (M1), a second middle position" (M2), and/or the "droppable position" (D):

PdK = M1M2) Pd* (D4

Unlike F and E, sentence modifiers or adverbials, the three predicatid modifiers or adverbials M1, M2 and D cannot be shifted from one position to another.

On the (fourth) level, the predicatid nucleus has four positions: the verbal position (V), the object position (O), the particle position (B), and the complement position (C):

Pd* = V + O + B + C5

All four levels can be represented in the following linear sequence:

U = F) ± S + M1 + M2) + V + O + B + C (+ D (+ E

Dr. Duong also distinguishes three other sectors: the time-relationship position (TR), the negator position (Neg), and the passive position (Pass). The Tr position is between M1 and M2 whereas Neg and Pass precede the verbal sector. (6)

In addition, there are the B and C sectors, which are called "shifted sectors," which can optionally move from B and C. Examples are given on Page 69:

S V B C O B C
Lan cầm cái lược này lên cho mợ
Lan cầm lên cái lược này cho mợ
Lan cầm lên cho mợ cái lược này

After L (sentence linker), I (introductory sector), Q (question word) and Em (emphatic) are added, the following maximal squence obtains, Y and Z being inserted respectively at the very beginning and at the very end:

Y Em L F I S M1, TR M2 Neg Pass V B C O B C D E Q Z

Miss Duong successively discusses the sectors on the sentence level (Chapter 3), on the trunk level

(Chapter 4) and on the predicatid level (Chapter 5), and Chapter 6 is devoted to the Q and Em sectors and the minor sentences.

The Y sector is filled by a response signal (or a yes-no word), an exclamation signal, a surprise signal, an attention signal or a form of greeting. Miss Duong does not point out that such "a suprise signal" as Thật à "Really?" (It's sure, I'm surprised) or Thế à "Is that so?" (it's so, I'm surprised) or such a greeting as Chào bà ạ. "(I) greet, grandmother, polite particle" is a sentence by itself, since either "must begin with a capital letter and end with a terminal punctuation mark." Indeed, the polite particle ạ in the last example, fills the Z slot (section 3.6) which occurs at the very end of the sentence.

The author gives a list of sentence-linker in section 3.7, where alphabetical order is not strictly followed, and where tuy nhiên is listed twice and such forms as quả nhiên "true enough", lẽ cố/tự nhiên "of course", hèn gì/chi "no wonder" are missing.

Both the Z and the L sectors are positions for lexemes, but the Y sector is dedinitely a position for both lexemes *and* constructions.

The two sentence adverbials F and E, elsewhere called "movable adverbials" by this reviewer, are analyzed in Section 3.8. Dr. Duong distinguishes adverbial noun clusters (i.e., noun phrases that are time expressions), adverbial phrases (i.e., prepositional phrases), adverbial included clausids (defined as "clausids introduced by clausid includers"), adverbial predicatids (i.e., trunks with no subject), adverbials of time and place, and adverbial questions. Chapter 3 ends with a section (3.9) on Compound Sentences.

Sectors on the trunk level are examined in Chapter 4. The I or Introductory Sector may be filled with interrogative expressions with sao or gì, we are told on one hand. But on the other hand, the I sector is also said to be the position for a member of the listable class of trunk introducers, that comprises such items as *là, mà, nên, thì*, etc. In other words, the I position in Example (1) is treated just like the I position in Example (3).

I

(1) *Sao* Ông Ba không ăn cơm?

E

(2) Ông Ba không ăn cơm *vì ông không đói.*

(3) *Vì ông Ba không đói nên* ông ấy không ăn cơm.

In example (3) — the reviewer's example, derived from the first two, given on Page 96 — the introducer *nên* is said to "signal the beginning of the trunk, usually separating it from a preceding front adverbial included clausid."

There is such a proliferation of terms and symbols that the reader finds it very difficult to keep them apart, and when an explanation is provided the examples are either too far-fetched or non-existent.

Miss Duong certainly ignores the concept of linguistic universals, nor does she separate deep structure from surface structure.

She does not provide rigorous definitions, at least of her sectors and levels: On page 81, the K level is not defined although in the Introduction K is defined as "cluster". We are still in the dark as to what a cluster is. On page 83, K is said to be made up of N + Verbid.

Her definition of a "work" also leaves much to be desired. One has to wonder whether, according to her, *xe hơi* is a word or a phrase, and whether such items as *công-giáo* should qualify as nouns.

The status of such relators (or time-words, place-words) as *trên, dưới, trong, ngoài* is left unclear in Section 4.3.

Nửa, a noun meaning "half", hardly has to be defined as a plural particle! One says *một nửa, nửa nào? nửa này, nửa trên, nửa dưới*, etc.

Như is treated as three different lexemes: a comparative form of modifiers (P. 127), a preposition (P. 128), and an L sector!

As to the position of Dr. Duong's M1 and M2, most of them are adverbials of frequence and cannot be shifted to E or F, whereas adverbials of time may occur in E, F or M1.

If the goal of the book is to compare "the structure of English and Vietnamese sentences," the author has attained it only partly, since a teacher of either language will not find it easy to organize materials based on this comparison. The fault basically lies in the circularity of arguments: a lexeme is said to belong to a certain class because of the slot it can fill and the slot is defined by its neighboring slots; or a filler is defined by the slot that it fills, and a slot is defined by the class of tagmemes that fill it. While native speakers Vietnamese may have the advantage of their intuition about the language, non-native learners or teachers will have difficulties understanding the system and applying it.

Despite the above mentioned weaknesses, Dr. Duong's analysis has used a rich corpus, strengthened by numerous illustrative examples, and her book fills a real need in contrastive studies, particularly regarding the preparation of materials to teach English syntax to speakers of Vietnamese. Specialists in TEFL should welcome this volume as a happy addition to a growing literature that uses the native speaker's intuition, notably in the realm of semantics.

NOTES

1- Robert Livingston Allen, *The Verb System of Present-Day American English*, (The Hague & Paris: Mouton & Co., 1966)

2- Sáng hôm qua / tôi về Saigon or Tôi về Saigon / sáng hôm qua. These and the following are examples cited by Dr. Duong on pages 67-70.

3- Tôi / về Saigon

4- Tôi / cũng / về Saigon: S M1 V C
Tôi / sẽ / luôn luôn / học / tiếng Anh: S TR M2 V O
Cô Lan / nói / tiếng Anh / rất giỏi: S V O D

5- Tôi / cầm / cái lược / lên / cho Lan: S V O B C
Tôi / sẽ / không / về / Việt Nam: S TR Neg V C
Tôi / bị / đánh: S Pass V

Dr. Dương Thanh-Bình, a former faculty member of the University of Saigon, has been living in Virginia since 1975.

This book review first appeared in *Southeast Asia, An International Quarterly* (Vol. 2, No. 3, Summer 1973), Center for Vietnamese Studies, Southern Illinois University, Carbondale, Illinois 62901.

Professor Nguyễn Đình-Hoà currently teaches Vietnamese Language and Culture at Mission College, Santa Clara, CA.■

Muốn đánh được chữ Việt trong máy Computer và đánh được chữ Việt cho Film Video & Karaoke

hoặc muốn nhận được những tài liệu kỹ thuật mới nhất của VNI.

Hãy cắt trang quảng cáo này và điền:

Tên họ:_____

Địa chỉ:_____

Thành phố:_____

Tiểu bang:_____ Zip code:_____

Sau đó FAX đến số (714) 891-1757 hoặc gởi về:

VNI
15103 Moran St.,
Westminster CA 92683
(Bên cạnh Phúc Lộc Thọ)

VNI SẼ CÓ BỘ CHỮ VIỆT CHO

Windows version (12/92):

- ☐ PageMaker 4
- ☐ CorelDraw 3
- ☐ VENTURA 4

Trên 100 font chữ Việt rất đẹp

- ✔ *Postscript type 1*
- ✔ *True type for Windows 3.1*
- ✔ *Bao gồm Word Processor bằng tiếng Việt trong Windows 3.1*

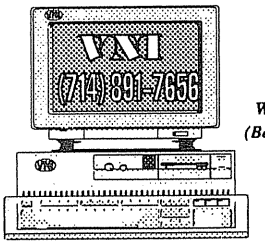

NTSC ⇒ PAL

DOS version:

- ☐ Ventura Publisher Pro.
- ☐ WordPerfect 5.1
- ☐ VNI WORD VERSION 3

- ✔ *Cả 3 softwares trên, sẽ in trực tiếp với 100 fonts cho máy in Laser.*
- ✔ *VNI Word 3 sẽ in in trực tiếp, không cần thiết phải dùngVentura để in, ngoài ra VNI Word 3 sẽ in nhu và nhanh hơn Ventura. Tất cả máy in 9 hoặc 24 pin dot matrix đều in được100 fonts này.*

- ✸ Smooth Scroll
- ✸ Subtitling
- ✸ 3D Titling
- ✸ Transition Effect
- ✸ Karaoke

Thực hiện 1 bản nhạc có chữ Việt cho băng Video Karaoke chỉ trong vòng 15 phút với Software của VNI.

25% Discount
Cho bất cứ sản phẩm nào của VNI. Nếu có trang quảng cáo này.

PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92683. (714) 894-9021. FAX (714) 894-2752

SUBSCRIPTION RATE

NOTES:

(1) Effective from July 1st, 1993 through June 30th, 1994.

(2) The following rate is for individuals. For institutions, add up 30% to individuals' rate.

(3) We honor 1992 rates on orders received before July 1st, 1993.

(4) Checks (or, outside of US, International Money Orders in USD) payable to "THE KY 21."

		(1)		(2)		(3)		(4)	
Price		US		Canada		Europe		All others	
	Discount	Bulk	First	Regular	Air	Regular	Air	Regular	Air
1 issue -	0%	$3.30	$4.44	$3.90	$4.48	$4.56	$6.01	$4.78	$6.90
6 issues	-15%	17.10	25.74	22.50	25.98	26.46	35.16	27.78	40.50
12 issues	-20%	32.40	49.68	43.20	50.16	51.12	68.52	53.76	79.20
24 issues	-25%	61.20	95.76	82.80	96.72	98.64	133.44	103.92	154.80

Bác Sĩ VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

* Bệnh Nội Khoa: Tiểu đường - Máu cao...
* Bệnh Phổi: Ho - Suyễn - Đau Ngực - Lao - Khó Thở

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6PM
Thứ Bảy: 9 AM - 1 PM

2740 S. Bristol # 118, Santa Ana, CA 92704
Tel: (714) 641-0263

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC

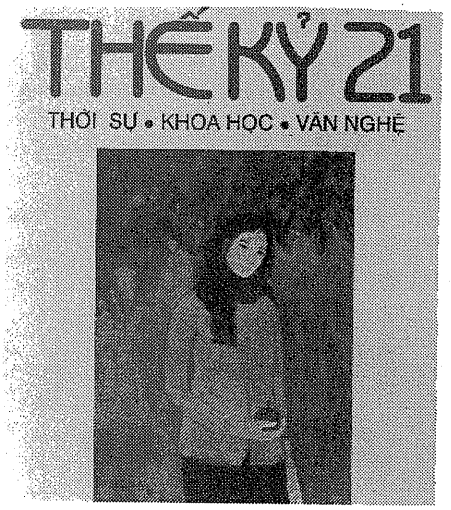

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

The Company You Keep®

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain-Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

The Company You Keep®

Ngô Văn Trình

17330 Brookhurst Street, #330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 Ext. 12
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-291-239-9223
- BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Đại diện chính thức cho New York Life
- BẢO HIỂM SỨC KHOẺ

Cá nhân, Gia đình và Nhóm
Đại diện nhiều hãng Bảo Hiểm uy tín

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

BÁC SĨ TRƯƠNG NGỌC TÍCH

Tốt Nghiệp Y Khoa Tổng Quát và Chuyên Khoa Phục Hồi

- **Y KHOA TỔNG QUÁT**
- **CHUYÊN TRỊ PHỤC HỒI**
  - ** Bịnh kinh niên bô lão*
  - ** Bịnh đau cấp tính và kinh niên*
  - ** Tai nạn xe cộ và tai nạn nghề nghiệp*
  - ** Bịnh trẻ em tàn tật*
  - ** Y Khoa gia đình*
- **CHÂM CỨU**
  Với sự cộng tác của Bác sĩ Nguyễn Duy, tốt nghiệp Y Khoa gia đình tại Đại Học Galveston, Texas

NHẬN MEDICARE – MEDICAID – BẢO HIỂM

PHÒNG MẠCH:
5101 Ross Ave., Dallas, TX 75206
(cạnh Dallas Memorial Hospital)
(214) 824-1230

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Tư - Thứ Sáu:
Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Ba: từ 10 giờ sáng đến 6 giờ chiều
Thứ Năm: từ 9 giờ sáng đến 1 giờ trưa
Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

PHÒNG MẠCH:
3602 W. Walnut, Garland, TX 75042
(214) 272-0186

Bắt đầu 1 tháng 2 năm 1993

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Ba:
Từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Thứ Tư: 10 giờ sáng đến 8 giờ chiều
Thứ Sáu: 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều
Chủ Nhật: 10 giờ sáng đến 12 giờ

LỚP VĂN SỬ ĐỊA

Mời các bạn ghi tên học

LỚP VĂN SỬ ĐỊA VIỆT NAM

do các cựu giáo sư trong Hội Ái Hữu
Cựu Giáo Chức Việt Nam
thuyết giảng và hướng dẫn.
Có sinh hoạt minh họa như: Trình diễn
ca nhạc, chiếu ảnh, video, làm báo, v.v...

Thời gian: Mỗi chiều Chủ Nhật từ 1 đến 3 giờ.
Khai giảng: 8-8-1993

Địa điểm: Câu Lạc Bộ VAALA
14901 Moran St., Westminster

Liên lạc: * Tạ Văn Trung
(310) 372-3219; 334-7685
* Lê Cẩm Thạch
(310) 336-1862; (714) 857-6118

LASER

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectal Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

MỘT HOÀN CẢNH MỚI CHO SÁNG TÁC VĂN NGHỆ

ĐỌC MỘT CHỮ, TRĂM NỖI NIỀM

VÕ PHIẾN / NGUYỄN XUÂN HOÀNG

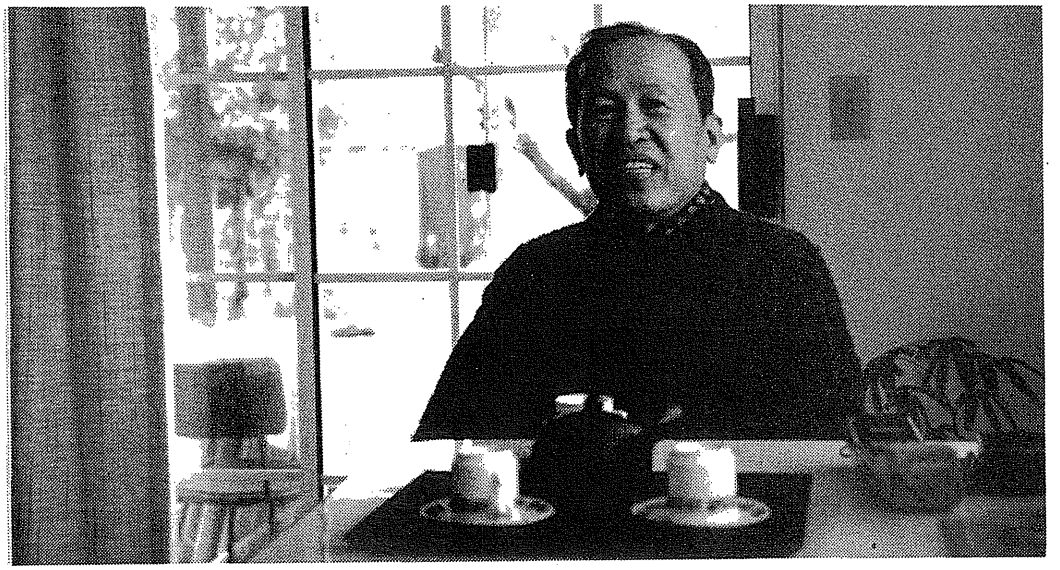

Võ Phiến (Ảnh Đông Nguyên)

NGUYỄN XUÂN HOÀNG.- Rồi đây chắc không còn ai viết truyện dài, không có những công trình văn nghệ qui mô nữa. Tôi sợ các sáng tác cứ theo thời mà teo dần...

VÕ PHIẾN- Uả, có chuyện gì xảy ra vậy?

N.X.H- Ai cũng bận hết, ai cũng quen thói đọc nhanh cả, riết rồi hễ bốc phải cuốn sách dày là phóng như ngựa phi đường trường. Chết sách thôi. Truyện ngắn, sách mỏng: cứ trình ra thị trường những món nhè nhẹ dễ tiêu như thế có hi vọng được chiếu cố kỹ hơn. Không đến nỗi uổng công đẽo gọt. Có lẽ đó là chiều hướng sáng tác của tương lai chăng?

V.P- Ấy chết. Hoá ra ông vẫn còn bị ám ảnh về một biện pháp đối phó với hoàn cảnh mới, ông vẫn đang tìm kiếm đường hướng mới. Khoan đã, ông ơi. Việc gì phải đến rồi nó sẽ đến. Bây giờ hãy tiếp tục suy nghĩ thêm đôi điều về những hậu quả của một thời vội vã.

Theo chỗ tôi nhận thấy, khi đọc nhanh thì bộ sách nghìn trang bị thiệt thòi, mà bài thơ bốn câu cũng cứ bị thiệt như thường. Đọc vội thì đọc văn chết văn, đọc thơ chết thơ, đọc sách dày chết sách dày, đọc sách mỏng chết sách mỏng. Cái mẹo của ông vị tất cứu thoát nổi văn chương.

N.X.H- Ông có ngon trớn mà đi quá xa chăng? Tôi chưa hiểu vì sao một bài thơ ngắn cũng đến nỗi bị nguy hại vì thói đọc nhanh.

V.P.- Cái đó có đấy. Ông có biết hai câu lục bát này không?

"Chờ anh em hết sức chờ,
Chờ cho ếu xại lên bờ khùi ui."

N.X.H- Ông vừa đặt ra đấy hả?

V.P.- Không. Ca dao đấy. Truyền tụng đã lâu trong nước.

N.X.H.- Nước nào?

V.P.- Việt nam. Vùng Bạc liêu. Bạc liêu là đất sinh sống của dân Tiều. Trong câu ca dao nọ tiếng Tiều xen lẫn vào tiếng Việt. Trên một số báo xuân gần đây, ông Lê văn Lân đã cao hứng đưa ra mấy câu cho bà con thưởng thức chơi.

N.X.H.- Điệu này thưởng thức gì nổi.

V.P.- Thì đấy. Ông Lê có giải thích: *ếu xại* là hai chữ "ung thái" phát âm theo giọng Triều châu. Ung thái tức rau muống. Còn *khùi ui* là "khai hoa" theo giọng Triều châu. Hai câu đó, ông Lê dịch:

"Chờ anh em hết sức chờ,
Chờ cho rau muống lên bờ nở bông."

N.X.H.- Nghe thấm thiết lắm.

V.P.- Vậy thì nghe thêm:

"Chim kêu ngồ ộ, láng dài
A hia xủa bố, a mùi ùm chai."

Thắm thiết không?

N.X.H.- Ông Lê văn Lân dịch thế nào?

V.P.- *A hia* là anh, *xủa bố* là cưới vợ, *a mùi* là em, *ùm chai* là không biết. Ông Lê dịch:

"Chim kêu ngồ ộ, láng dài,
Anh đi lấy vợ, em rày chẳng hay."

Ca dao *xủa bố*, ca dao *ến xại*, ở Bạc liêu trai gái hát đi hát lại bao đời, anh ngậm ngùi em thổn thức, ông lại chê! Ông nghe thêm mấy bài nữa nhé.

N.X.H.- Có lẽ đủ rồi. Cũng biết thêm một loại văn chương...

V.P.- Ông thấy loại ấy ra sao? Bây giờ, nhờ ông Lê, chúng ta đã hiểu ý nghĩa những câu ấy đầy đủ, ông đọc lại nguyên bản thấy thích không? "Chờ cho ến xại lên bờ khùi ui." Thế nào? "A hia xủa bố, a mùi ùm chai." Thế nào?

N.X.H.- Thì ông sao tôi vậy. Chắc đại khái như nhau. Đọc lên, không thấy có cảm xúc gì. Nghĩa là chưa có, chúng ta chưa kịp có cảm xúc. Có lẽ những bà con ở Bạc liêu...

V.P.- Đấy! Biết rõ cái nghĩa chữ trong một câu văn một câu thơ, không đủ. Đọc cuốn sách toán, sách thiên văn, địa lý, hiểu rõ nghĩa là đủ; nhưng đọc văn nghệ phẩm thì như thế chưa giúp ta thưởng thức được gì.

Tôi hiểu ý ông mà. Ông vừa thoái thoát: "Đủ rồi", tôi hiểu ngay. Ông nói thế cũng như cụ cố Hồng kêu "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi." Thơ *ến xại*, biết chừng ấy quá đủ. Còn chị Trúc đọc thơ Nguyễn Bính, tôi chắc chắn không vội kêu đủ đâu:

"Chị có một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy non sông"...

Lời lời như thế, chán thế quái nào được. Đọc một chữ thích một chữ, đọc một câu sướng một câu. Đọc qua một lần chị rơm rớm nước mắt. Muốn đọc lại ngay. Đọc lại chị vội vơ khăn lụa. Chữ đậm chữ nhạt, tiếng có tiếng không, lời mờ lời tỏ, chúng nó kết hợp với nhau diễn bày cái gì vậy cà. Chữ nghĩa của chú em sao mà tha thiết tình tứ quá trời. Và tội nghiệp ơi là tội nghiệp. Thương quá sức. Thơ chú em đâu có bí hiểm gì, cái biết chị biết từ khuya. Nhưng chữ nghĩa ấy cứ còn nhẩm trên môi nó còn nhả ra tình cảm, làm mềm cả lòng người. Từng chữ từng lời từng tiếng trong câu văn câu thơ thành công, nó không chỉ chứa cái để biết, nó còn tiết ra từ từ muôn vàn cái để cảm. Từ từ, xin nhắc lại là từ từ.

Xem sách, gặp chữ. Mỗi chữ là một ký hiệu. Mỗi ký hiệu tương ứng với một ý tưởng, hay với một hình ảnh, một âm thanh, một sự vật cụ thể. Cái chủ yếu trong nghệ phẩm là những hình tượng cụ thể được gợi lên. Một chữ, một ký hiệu xa lạ mắt ta gặp thấy, miệng ta đọc lên mà nó không gợi nên một hình ảnh gì cả thì nó không có khả năng gây xúc cảm. *ến xại, khùi ui* đều có mang theo ý nghĩa rõ ràng, nhưng (đối với chúng ta) nó không mang theo hình ảnh nào, nên không gây được rung động. Ngay những tiếng *ngồ ộ, láng dài,* chúng ta cũng thấy nó xa lạ, nó không có âm vang tình cảm trong tâm hồn những người ở các địa phương cách xa Bạc liêu.

Trường hợp đọc nhanh cũng có chỗ liên quan với trường hợp đọc ngôn ngữ xa lạ.

N.X.H.- Có phải ông muốn nói đọc nhanh thì không bắt được hình ảnh?

V.P.- Có thế ông à. Từ cái lúc con mắt mình bắt gặp ký hiệu (chữ viết) cho đến lúc một hình ảnh nào đó được gợi lên, dựng ra trong trí, phải có một khoảng thời gian.

Một câu văn có nhiều chữ, một đoạn văn có nhiều câu, một bài văn có nhiều đoạn. Ký hiệu này gợi một hình ảnh, ký hiệu kia gợi một mùi, ký hiệu nọ gợi một âm thanh, một vị, một màu, một tình cảm, một rung động v.v... Phải có thời gian tối thiểu cho nó. Phải chờ nó xuất hiện, chờ nó kịp tác động. Đừng hối hả quá, đừng xô đẩy nó gấp quá. Chữ viết trên một thông cáo, một văn thư hành chánh chỉ nhả ra cái nghĩa. Chữ viết trên một tác phẩm văn chương, nó nhả ra một thế giới cảm xúc. Đọc nhanh, hỏng hết. Thành ra thơ *ến xại, khùi ui* tuốt.

N.X.H.- Có thế. Bài thơ nhạt vị hẳn đi. Dù sao, phải nhận rằng cách ông phát biểu có phần cực đoan.

V.P.- Có lẽ. Khi mình mải mê đuổi theo một lý luận, say sưa chứng minh một điều gì, mình bị cuốn hút theo một chiều hướng, dễ đâm cực đoan. Ông can thiệp đúng lúc. Vậy đừng hăng hái quá. Chúng ta thư thả, lai rai, lan man từ chuyện nọ sang chuyện kia. Này, tôi chợt nhớ mấy câu thơ của Huy Cận thời tiền chiến:

"Tới ngả ba sông, nước bốn bề,
Nửa chiều, gà lạ gáy bên đê."

N.X.H.-

GIANG HỮU TUYÊN

LÒNG CHUÔNG

(Chim về ổ, đợi hoàng hôn)

Ta về chốn cũ nghe buồn gối tay
Bờ xa bãi, đất sông bày
Màu trăng khép mở dấu ngày tháng qua
Ngùi thương vách đá vàng pha
Ai đem hưng phế giao hòa nắng mưa?
Thiền Sư lên núi bỏ chùa
Lòng chuông ra biển theo mùa nước đi
Chân Kinh vọng tiếng từ bi
Hai bờ âm vực cách gì gặp nhau?

"Làng xa lặng lẽ sau tre trúc;
Bến cũ thuyền em sắp ghé về."

Bài "Em về nhà" trong *Lửa thiêng*, phải không?

V.P.- Chính đấy. Ông cũng thích cũng nhớ mấy câu ấy hả? Ngày tôi tiếp xúc lần đầu với những câu thơ đó tôi chưa trông thấy cái ngả ba sông nào, chưa biết con đê nào cả, vậy mà vẫn thấy xao động lạ lùng.

"Tới ngả ba sông, nước bốn bề
Nửa chiều, gà lạ gáy bên đê."

Tiếng gà gáy thì tất nhiên là quen thuộc. Cái tiếng gà gáy vào lúc nửa chiều, ở chỗ sông nước mênh mông, tiếng con gà lạ nơi một ngả ba... Trí tưởng tượng tha hồ vẽ vời. Từ cái biết rồi, mơ tưởng đến những cái chưa biết. Từ cái đã có sẵn trong kỷ niệm đến những cái mình tiếp tục dựng lên. Chúng ta bị cuốn đi xa, thật xa...

Sau này Xuân Diệu viết cuốn *Thế giới thơ Huy Cận*, có đoạn đề cập tới câu thơ nọ. Ông ta bảo hai câu thơ vừa rồi "chứa cảnh, chứa hồn, chứa cả những gì không thể nói được." Ông có chú ý tới cách nói ấy không? Ngay Xuân Diệu, gần gũi Huy Cận là thế, gắn bó với thơ Huy Cận trước sau là thế, mà cũng không nói được cái chứa của câu thơ: "Những gì không thể nói được." Mơ hồ quá, rộng lớn quá. Quả như mình cảm tưởng.

Xuân Diệu không biết hết cái "chứa" của câu thơ, nhưng ông ta biết rõ về khung cảnh trong câu thơ. "Đây là Ngã ba Trân sa trên sông Phố, tại Linh cảm, ở quê Hà tĩnh của Huy Cận." à, Linh cảm. Địa danh ấy làm tôi liên tưởng đến mối tình đau đớn của người bạn lớn hơn tôi ba bốn tuổi... Người nữ sinh anh yêu chính ở Linh cảm. Bấy giờ tôi nào biết Linh cảm là đâu, nhưng cái cách anh ấy nói đến hai tiếng Linh cảm trong những đêm tâm sự truyền cho nó bao nhiêu là thắm thiết, bi thương, quằn quại... Tôi có dịp trông thấy một lần ngắn ngủi cô nữ sinh nọ trong cuộc gặp gỡ giữa hai người. Tôi có cảm tưởng tình yêu ấy chỉ một chiều. Cô gái không nói gì mấy. Nét mặt dịu dàng, nhẫn nhục, thương cảm. Gặp nhau một lần ấy rồi thôi, sau này không có sự qua lại nữa. Tuy

TRẦN HỒNG CHÂU

KÈN ĐỒNG HOT JAZZ

kèn đồng vang vọng
saxo trầm trầm
miệng thổi bạt ngàn gió bão
quả cầu mắt trợn trừng
chết đứng
không trăn trối
ngón tay bấm chặt, bấm chặt
cả thân xác rung rung mình kèn đồng
kèn đồng khổng lồ
lửa giận huyền châu!

chiều Harlem có tiếng kèn ai oán
hot jazz
tiếng kèn lạnh lẽo
tiếng kèn xám ngắt
phố xá đìu hiu
Marian Anderson đã lang thang đi ở đây
tóc dài vấn vơ như người mất trí
nhưng giọng hát trời ơi giọng hát
xé tan lồng ngực héo hon
lồng ngực tủi hờn!
Duke Ellington đã ngất ngưởng đi ở đây
gieo rắc từng chuỗi nốt nhạc cuồng say
về tám hướng
từng lẳng hoa đau buồn
đỏ màu đấu tranh!
chai bourbon rượu vong ưu rượu đắng cay

lênh láng trong lòng đường phố buồn tênh
kèn đồng vang vọng
saxo trầm trầm...

New Orleans
Dixieland
có hai đường sắt song song
hai mối tình vô vọng
con tàu nóng bỏng
con tàu dục vọng
ngả nghiêng qua phường dạ lạc
qua phố bạc màu đêm
Bourbon St
ướt sũng rượu bourbon
trên mình hoa tội lỗi
nhục thể magnolia
gió biển nhiệt đới vẫn sớm đi tối về
vương vương nỗi buồn Đại tây dương...

kèn đồng vang vọng
kèn đồng vô vọng
chạy dài theo hơi thở Louis Armstrong phi phàm
chạy dài theo đường phố không vui
hun hút bụi tà huy
chạy dài theo nước mắt
về biển khổ trầm luân
dưới gầm cầu nhân thế
người hắc nô phong trần
kèn đồng vang vọng
saxo trầm trầm
hát vang lên cho vỡ tan lồng ngực
cho sụp đổ những bất công thành sầu
mang mang uất hận tiếng hồ khoan
hãy đưa nhau
hành hương
về gốc đại lục đen
bờ biển bộ lạc ngàn xưa cũ!

phấn son lợt lạt
đèn đỏ đèn xanh
phường dạ lạc khi mờ khi tỏ
nhạc công mình gồng lên
cuồn cuộn
mãng xà đen chưa vợi hết u sầu!

ngoài cửa hộp đêm đen
tuyết trắng nửa vỉ khuya
chai bourbon rượu vong ưu rượu đắng cay
vẫn lênh láng trong lòng đường phố buồn tênh
kèn đồng vang vọng
saxo trầm trầm...

nhiên, trong nhiều năm trời sau đó tôi nhận thấy anh bạn tôi vẫn không thoát nổi mối tình. Đang dạy học ở Huế, anh bạn bỏ dạy; hỏi đi đâu, bảo nghe mách có chỗ dạy ngoài Hà tĩnh, muốn ra xem thử. Lại lần khác gặp biến cố lớn, gia đình chờ mãi bặt tin anh, rất lo lắng. Về sau anh về, bảo rằng lúc ấy bị kẹt ở Linh cảm v.v... Tôi lén lút nhìn anh, thương xót.

Từ đó, tiếng gà lạ gáy bên đê lại gợi lên trong trí tôi những liên hệ u ẩn, khổ đau, gợi một nét mặt đẹp dịu dàng và buồn bã; cái ngã ba sông nước bốn bề tự dưng liên hệ với nỗi đau âm thầm một đời v.v...

Mình càng gần gũi lâu một ngôn ngữ càng thấy nó chất chứa trong mỗi lời mỗi tiếng lắm điều ngổn ngang. Hãy thư thả, thư thả. Để cho mỗi tiếng từ từ nhả ra hết cái chứa đựng tình cảm của nó. Cầm khúc xương gà mút qua một cái, thấy vô vị, vứt đi. Kẻ nhấn nha cắn vỡ nó ra, hút được cái tủy trong xương, thấm lắm ông ơi.

N.X.H.- Trong câu văn, nhất là câu thơ, tất nhiên có chứa những cái nói được. Nhưng quan trọng nhất lại là có chứa cả những gì không thể nói được...

V.P.- Và cái đó mới là cái mình cần thưởng thức cho kỳ được. Cái phần tinh túy ấy, câu văn câu thơ nào cũng ôm ấp giữ riệt lấy như giữ của quí, như gái giữ thân, chỉ chịu trao cho bậc tri kỷ. Những tiếp xúc văn chương nhanh chóng, dễ dàng, không đi đến đâu...

N.X.H.- Nhưng, xin lỗi, nhưng tôi nghĩ cách thưởng thức văn thơ như thế có gì không ổn.

Trong câu thơ của Huy Cận không hề có hình ảnh một khuôn mặt nữ sinh dịu hiền, không có tâm trạng tan tác của mối tình một chiều v.v... Trong ấy Huy Cận gửi vào một hình ảnh cũng đẹp đẽ nhưng khác xa: cô em đi thuyền "về nhà" nọ có thể đã nhiều lần nép mình trong vòng tay anh v.v..., chia xẻ những phút giây nồng nàn... Cái được gửi vào trong mỗi chữ khác với cái được chữ nhả ra.

V.P.- Thì vẫn thế. Tác phẩm văn chương chẳng qua là những quán trọ Y-pha-nho. "Ta chỉ giàu những của sẵn mang theo". Nếu

người đọc đi vào sách chỉ mang theo cái tâm sự của đứa trẻ lớp mẫu giáo thì chẳng tiếp nhận được mấy tình cảm đâu, dù sách là đại danh phẩm.

Câu thơ hay chỉ khua dậy những tình cảm trong lòng người đọc "giàu". Nhưng dù có "giàu" tới đâu, có chất chứa bao nhiêu của cải bên trong, cũng phải kịp có thì giờ dàn ra chứ.

N.X.H.- Nói về cái thơ cái thẩn, lan man một chút như thế có bớt căng.

V.P.- Thì lan man thêm chút nữa đi. Theo chân ông Bùi Giáng nhé. Có ông Bùi Giáng thì hết căng ngay.

N.X.H.- Bùi Giáng cũng có nói về hoàn cảnh mới cho sáng tác văn nghệ nữa sao?

V.P.- Đâu có, đâu có. Bùi quân vượt ra ngoài không gian lẫn thời gian. Ông không lý đến chuyện hoàn cảnh đổi thay này nọ đâu.

Chính bởi ông Bùi vượt thời gian mà tôi muốn nói đến ông lúc này. Số là cách đây vài tháng bà Phan thị Trọng Tuyến có gửi cho mượn cuốn *Ngày tháng ngao du*, in từ năm 1971, đọc thấy có những ý kiến bây giờ vẫn còn hay còn đúng. Tôi khoái quá, liền ca ngợi ngay, giờ lại muốn ca ngợi nữa. Không nhịn được.

N.X.H.- Uả, việc gì phải nhịn cho nó bí người? Muốn ca, xin cứ ca bằng thích.

V.P.- Xin vâng. Này nhé, ai nấy đều biết Nguyễn Du có câu "Phong lưu rất mực hồng quần" chứ gì? Ông Bùi Giáng liền đặt ra vấn đề: "Hồng quần là quần hồng. Quần hồng là biểu tượng đàn bà. Nhưng chỗ kỳ dị là: không thể dùng tiếng "Đàn bà" thay thế cho tiếng hồng quần trong câu thơ đó. Thử đọc: "Phong lưu rất mực đàn bà ???" Và kỳ dị hơn nữa: không thể đem tiếng quần hồng thay thế cho tiếng hồng quần. Thử đọc: "Phong lưu rất mực quần hồng" thì mọi người đều phì cười. Tại sao có sự lạ đó."

Bùi quân lại còn giải rõ thêm: "Nếu đem quần hồng thay thế cho hồng quần, thì lời thơ tan hoang tinh thể. Làm sao một ông giáo sư trịnh trọng có thể giải thích sự huyền bí đó cho học sinh luyện thi? Ông chỉ có thể bảo rằng: Nàng Thúy Kiều sống phong lưu rất mực, ngày ngày tháng tháng nàng luôn luôn vận chiếc quần hồng. Và học sinh sẽ cười rộ suốt cả lớp. Còn học hành gì được nữa?"

N.X.H.- Ông Bùi Bàng Giúi vui thật. Vừa thâm vừa vui.

V.P.- Chưa hết. Bùi quân còn vui còn thâm hơn nữa. Ông ấy giễu Crayssac bằng cách trích đúng y nguyên bản dịch của Crayssac cho bà con coi chơi thôi, không hề thêm bớt gì cả:

"Elle vivait ainsi, de façon indolente,

Les beaux jours de loisir d'une vie élégante,

De par le rang des siens pouvait porter, selon

La coutume chinoise, un rouge pantalon."

Ông phán: "Ngôn ngữ tèm nhem"! Đố René Crayssac cãi được.

N.X.H.- Ngộ thật. Chỉ có sáu chữ đơn giản mà loay hoay dài dòng tới bốn câu vẫn không dịch được. Hồng quần là quần hồng mà không phải là quần hồng. Thay thế bằng quần hồng không được, bằng quần đỏ quần điều đều không được; thậm chí thay thế bằng những tiếng đàn bà hay phụ nữ v.v... đều bất khả. Cắc cớ thật.

V.P.- Đã sẵn lan man, mình lan man luôn. Hãy tưởng tượng mai kia rồi nước ta lại xảy ra cách mạng. (Ối, gì chứ cách mạng thì ai cấm được nó xảy ra bất cứ lúc nào). Cách mạng xong, xuất hiện một nhà lãnh đạo văn hoá rất mạnh tay, một vị tên là Giang Tục nào đó chẳng hạn, từng là cựu tù nhân Côn lôn, cựu nạn nhân Chuồng Cọp. Bèn có chủ trương triệt để tiêu diệt tàn tích văn hoá phong kiến, xoá sạch dấu vết dâm thư đồi trụy có thể làm bại hoại luân thường đạo lý. *Truyện Kiều* đi đời. Khi cách mạng hoàn thành sứ mạng lịch sử và bị xua đuổi như đuổi tà, đất nước thở dài khoan khoái, nhiều người sực nhớ lại *Truyện Kiều*, muốn tìm đọc để mua vui một vài trống canh chơi, bấy giờ mới hay *Truyện Kiều* đã mất tích hẳn trên đời. Đây đó trên thế gian chỉ còn rải rác các bản dịch nằm trong góc các thư viện Âu Mỹ. Có còn hơn không. Có người tóm được bản René Crayssac, quyết tâm căn cứ vào bản này để phục hồi *Truyện Kiều* Việt ngữ. "Phong lưu rất mực hồng quần" bèn được dịch phăng phăng. Dịch rằng:

"Thế là nàng sống nhởn nhơ

Những ngày đẹp đẽ phong lưu tuyệt trần

Giàu sang cùng một giai tầng

Mặc theo lối xẩm cái quần đỏ tươi."

Ông nghĩ sao?

N.X.H.- Tôi nghĩ dịch như thế, đọc bản *Kiều* "phục hồi" tha hồ mua vui một hơi suốt năm canh.

V.P.- Không những học sinh cười rộ, mà bà con cả nước sẽ cười bò lê bò càng, còn luyện thi luyện thiếc, còn nói chuyện văn hoá văn huyếc gì được nữa.

Đấy, ông thấy không? Hồng quần là cái quần hồng, nghĩa nó thì giản dị mà lắng nghe cho được cái xúc cảm đích thực nó gây ra nơi lòng mình lại không hề giản dị. Mấy tỉ người trên đời không ai giống ai, mỗi người một vẻ. Cái tiếng, cái chữ cũng vậy. Mỗi chữ một tướng mạo. Có chữ trông hung tợn, có tiếng nghe chịu liền. Có chữ mới chạm mặt nó đã phát dội, có tiếng đọc lên càng ngẫm càng thấy nó có cái duyên ngầm, ý vị thấm thía v.v... Ông Bùi bảo: " Làm sao (...) có thể giải thích sự huyền bí đó?" Tôi khoái Bùi quân ở cái chữ "sự huyền bí."

Người độc giả vội vàng, hớt hơ hớt hải, sớn sa sớn sác, đọc một chữ bỏ một chữ, phớt qua một cái nhanh như điện, thì bắt sao được "sự huyền bí" của chữ nghĩa. Từ từ, hãy đợi chữ nghĩa nó nhả ra cái huyền bí.

Cho nên một bài thơ ngắn, một câu sáu chữ đừng tưởng nó không thể xếu mếu vì lối đọc cóc nhảy.

N.X.H.- Hôm nay ông đặc biệt chú trọng về thơ. Chữ trong thơ nó thường ngậm kỹ nhả lâu...

V.P.- Không hẳn. Cố nhiên là lời thơ vẫn trau chuốt hơn lời văn, mỗi một chữ trong câu thơ thường được chọn lựa đắn đo hơn trong câu văn. Tuy nhiên, không phải chữ viết trong câu văn là thực thà đơn giản đâu. Một tác giả đã nói: "Không có một người viết tản văn nào, dù là người sáng suốt nhất, có thể biết được *hoàn*

DU TỬ LÊ

XUỐNG THẤP

cây bềnh, bềnh trôi theo mưa
qua xương thịt bụi hồn xô, tạt về
rơi. Im. Rừng vươn tay che
chỗ sâu: lũng, cỏ. Khe tì vết, quen
đêm. Hôn. Mùi. Vùng thân. Quên
trắng. Xanh. Tím. Đỏ. Hồng. Đen. Nâu. Vàng.

MINH HÂN

GIỮ MÃI NỤ CƯỜI

Ta ở yên một chỗ
Con đi bốn phương trời.
Ta nhìn con khôn lớn
Nhớ lại tuổi hai mươi.

Hai mươi — ta buồn lắm
Đất nước mình chiến tranh.
Bạn bè ta đi lính
Không về — nấm mộ xanh.

Hai mươi — ta buồn lắm
Nói gì chuyện công danh
Đường đi đầy gian trở,
Tính chi cũng không thành!

Hai mươi — con mắt sáng
Hăm hở bước vào đời.
Ta chúc con may mắn,
Giữ mãi nụ cười tươi...

toàn mình muốn nói gì; hoặc ông ta đã nói mạnh quá hoặc nói yếu quá, vì mỗi lần viết ra một câu văn là chấp nhận một cuộc đánh cá, một mạo hiểm; cứ càng sờ soạng vào càng thấy cái chữ viết nó lộ sắc thái riêng; đúng như Valéry đã cho thấy, không ai có thể hiểu thấu đến cùng một chữ một lời. Như vậy mỗi một chữ được dùng là đồng thời dùng trong cả cái nghĩa rõ ràng thông dụng của nó và dùng luôn cả vì một số âm vang u ẩn nào đó, cơ hồ có thể nói là vì cái diện mạo của nó nữa."

N.X.H.- Có phải là lời của Sartre?

V.P.- Ấy chết! nói ra thấy xấu hổ. Cái biết của mình là một cóp nhặt đó đây. Trả lại cho người cách sòng phẳng, mình chẳng còn gì. Tự mình nghiệm ra suốt đời không suy nghĩ được mấy điều ra hồn. Tệ thật.

Thôi, xin bỏ qua Sartre. Ông nhớ cuốn *Louis Lambert* của Balzac chứ ạ?

N.X.H.- Một cuốn tiểu thuyết tự truyện. Louis Lambert chính là Balzac ấy chứ gì?

V.P.- Đấy. Thuở nhỏ, cậu bé bị mẹ hất hủi, lúc nào cũng thui thủi một mình với cuốn sách. Mới mười hai tuổi, cậu đã đọc được rất nhiều, và tâm trí thu hút vào sách mạnh mẽ đến nỗi mắt nhìn trang sách mà trí tưởng tượng có thể dựng lên cả cảnh tượng ngoài đời rõ mồn một. "Khi tôi đọc một đoạn tả trận đánh ở Austerlitz tôi trông thấy cả mọi cái đã xảy ra. Tiếng súng nổ vang, tiếng binh sĩ gào thét dội vào tai tôi, chấn động sâu xa. Tôi có thể ngửi thấy mùi thuốc súng và nghe tiếng vó ngựa cũng như tiếng người la hét v.v..."

Đọc mà "kỹ" đến thế, thì chữ viết trong cuốn tiểu thuyết cũng bật ra hình ảnh, âm thanh, mùi vị, màu sắc được. Đâu phải chỉ có trong thi ca?

Nhưng ngày nay mấy ai trong chúng ta mơ tưởng tìm ra một độc giả đọc sách mình kỹ như thế! Đọc không còn đọc như thế nữa, mà viết vẫn cứ tiếp tục viết như thế, sao được? Cái viết phải liệu thân nó cho kịp thời chứ.■

Tháng 5-1993.

VŨ TRỤ... KHÔNG HỀ BÙNG NỔ?

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Tạp chí Pháp *Le Nouvel Observateur* số ra trong tuần từ 3 đến 9-6-93 đã đưa ra một loạt bài chủ đề về sự khai sinh của vũ trụ đang làm các nhà khoa học tranh luận và nhiều người dân thường cũng rất quan tâm. Có lẽ Thế giới càng ngày càng phức tạp, nên mọi sự băn khoăn đều trở về câu hỏi nguyên thủy. Cái ta bà thế giới đầy rắc rối này ở đâu mà ra thế?

Một bài báo của ký giả Fabien Gruhier, chuyên viết về khoa học, bàn đến vụ Big Bang, tức là vũ trụ bùng nổ, và đặt ra một câu hỏi lấp lửng: Vũ trụ bùng nổ hả? Ngộ lỡ chẳng có bùng nổ chi hết thì sao đây... thưa các nhà bác học?

Thật ra câu hỏi này, ông nhà báo Pháp lấy từ bên Mỹ qua. Đó là cuốn sách mới xuất bản của nhà bác học Mỹ Eric Lerner, có tựa đề rất khiêu khích là "The Big Bang Never Happened" (Chẳng bao giờ có vũ trụ bùng nổ cả). Eric Lerner là Chủ tịch của một trung tâm nghiên cứu thuộc khu vực tư, gọi là Trung Tâm về Vật lý Plasma ở Lawrenceville. Đó là một nhà bác học có tiếng, từng là bạn đồng nghiệp với giải Nobel Thụy Điển Hannes Alfven, người đã từng phán một câu nặng như búa là "cái thuyết big bang đó chỉ là một thứ huyền thoại kỳ ảo xứng đáng được có một chỗ ngồi danh dự trong... nghĩa địa các lý thuyết chết."

Chúng ta cũng nên thử nghe qua cuộc tranh luận kể cũng thú vị:

Nguyên từ mấy năm trước từ ngữ Big Bang (rất nôm na, chẳng có vẻ khoa học chút nào, có thể dịch cũng rất bình dân là: Đoàng một phát) cũng đã bắt nguồn từ một cuộc cãi vã giữa các nhà khoa học rồi.

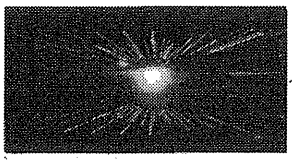

Từ năm 1928, nhà thiên văn nổi tiếng của Mỹ Edwin Powell Hubble đã ghi nhận được hiện tượng vũ trụ đang giãn nở, nghĩa là các galaxy đang chạy xa nhau ra (xem bài *Vũ trụ bùng nổ, Thế Kỷ 21, số 48*). Năm 1948, vào đúng ngày 1-4 (nghĩa là đúng ngày cá Tháng Tư với óc hài hước của dân Pháp), nhà bác học Mỹ George Gamow viết một bài báo lịch sử. Gamow là một nhà khoa học vào cỡ Einstein, nên bài báo của ông rất được chú ý. Hơn nữa năm 1948, ba năm sau khi quả bom nguyên tử phá tan thành phố Hiroshima của Nhật, nên thiên hạ còn coi ông "thần" nguyên tử như một cái gì ghê khiếp lắm. Bài báo của giáo sư Gamow đại để nói: Vũ trụ giãn nở tức là vũ trụ đang nổ đó. Lúc đầu vũ trụ nhỏ xíu, có lẽ giống như một nguyên tử nguyên thủy (atome primordial) rồi nổ ra nên mới giãn nở như ngày nay.

Lúc đó có một nhà khoa học, tên tuổi cũng vào cỡ quốc tế, đang đưa ra một thuyết khác để mô tả vũ trụ: Chẳng có nổ hay giãn nở chi hết, vũ trụ lúc nào cũng giữ nguyên trạng thế này thôi, đó là thuyết vũ trụ không thay đổi. Và Ông chế diễu, bằng cách gọi đùa thuyết của Ông Gamow là thuyết "Đoàng một phát" (Big Bang). Và một ông Giáo sư Pháp của Collège de France đã phụ họa ngay: "Tôi rất mến ông Gamow, mặc dầu tính tình hơi quái gở của ông. Ai lại nổ súng đoàng đoàng để quảng cáo cho cái thuyết... quái gở của mình bao giờ."

Điều không may cho phe đối thủ, "phe vũ trụ không thay đổi", là thuyết "đoàng đoàng" của ông Gamow lại thành công. Bởi vì những khảo sát sau đó đã cho thấy thuyết Gamow thành công. Và cái tên diễu "Big Bang" đã gắn chặt vào đó, càng làm nó trở thành bình dân hóa hơn bao giờ hết.

Năm 1949, chính nhà thiên văn kỳ tài Hubble (1889-1953) dùng kính thiên văn khổng lồ Palomar ở California lại đưa ra một xác nhận mới: các galaxy chạy xa nhau và càng ở xa chúng càng chạy với tốc độ cao.

Từ đó đến nay, sau nhiều khám phá mới, thuyết Big Bang đã được hầu hết, có thể đến 99%, các nhà khoa học nhìn nhận là đúng.

Vậy mà năm 1993 này, giữa lúc các dụng cụ khoa học hiện đại tìm thêm được những bằng chứng nữa của vụ Big Bang nguyên thủy, lại có một nhà bác học vào cỡ ông Eric Lerner phản pháo, cho rằng thuyết Big Bang là sai. Và cố nhiên, cùng với ông, một nhóm các nhà bác học khác cũng có cùng một luận điệu như vậy.

Phe chống đối này có những luận cứ gì đưa ra để bác bỏ Big Bang?

Trước hết có một sự thật quá hiển nhiên không thể chối cãi là vũ trụ đang giãn nở. Phe chống đối cũng phải nhìn nhận sự thật này, nhưng họ giải thích rằng

"đây có thể là do một sự tương tác giữa vật chất và phản vật chất nên mới có sự giãn nở theo đúng quy luật giãn nở vũ trụ của Hubble." Phản ứng đó như thế nào, phe chống đối không xác minh được, và đây có lẽ chỗ yếu nhất của phe này.

Nhưng họ chĩa mũi dùi vào một số điểm khác để đả phá vụ Big Bang và rất đáng để suy nghĩ.

Theo lý thuyết hiện nay, vụ Big Bang bắt đầu từ một điểm dị (point singulier). Nên nhớ đây là thuyết BBC (Big Bang Classique), tức là Big Bang cổ điển. Phe chống đối nói: Vũ trụ bắt đầu từ một điểm dị, một nơi mà các ông bảo là có khối lượng vô cùng tận, nhưng hình dạng của nó lại là số không, và năng lượng của nó cũng... vô cùng tận. Chỉ có óc tưởng tượng hơi... loạn mới nghĩ ra được một nơi quái gở như vậy.

Một mũi tấn công khác của phe chống đối nhắm một đối tượng khác gọi là "đống sao tròn".

Đống Sao Tròn

Từ ngữ "Amas Globulaires" được dịch là đống sao, để khỏi lộn với khối sao (galaxy). Đống sao là những nhóm sao chỉ có độ vài chục ngàn quy tụ với nhau thành những hình cầu tròn, đường kính chỉ bằng từ 60 đến 300 năm ánh sáng. Người ta đã nhìn thấy những đống sao này gồm nhiều sao già nua, ở rải rác chung quanh giải Ngân hà của chúng ta. Đó là những vật thể nhỏ so với galaxy, vì riêng giải Ngân hà của chúng ta như một bánh xe đường kính đo được 100,000 năm ánh sáng.

Điều đáng chú ý là những "đống sao" này ở ngay gần chúng ta, nên có thể nghiên cứu rất kỹ. Và một điều gây ngạc nhiên là trong các "đống" này, có những ngôi sao già đến 20 tỉ năm. Vũ trụ bao nhiêu tuổi? Các nhà bác học căn cứ vào sức chạy xa của các galaxy đã tính rằng, nó không thể trẻ hơn 12 tỉ năm và không thể già quá 18 tỉ năm, vậy cứ coi như tuổi trung bình của vũ trụ là 15 tỉ năm.

Vậy tại sao có những ngôi sao già đến 20 tỷ năm?

Chẳng lẽ sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông?

Một điểm khác phe chống đối nêu ra là sự nghịch lý của đoàn xe lửa vũ trụ.

Đầu máy xe lửa "Quasar"

Quasar là chữ tắt của quasi stellar object (vật gần giống như sao). Thật ra đây là một sự bí mật, đó là những điểm rất sáng, ở xa ghê gớm, xa hơn cả những galaxy xa nhất. Có những quasar ở rất cách chúng ta 10 tỉ năm ánh sáng. Đặc điểm của quái vật thiên văn này là nó rất nhỏ, nhỏ hơn galaxy nhiều, nhưng có thể lớn bằng vài trăm ngôi sao thôi, nhưng nó bức xạ ánh sáng bằng gấp cả chục galaxy họp lại. Nó là cái gì vậy? Có nhiều giả thuyết được đưa ra, nhưng ở đây ta hãy xem lý luận của phe chống Big Bang.

Cái quasar ở xa như vậy là phải chạy nhanh. Bởi vì theo định luật Hubble, vật càng ở xa càng phải chạy nhanh. Thế nhưng điều trớ trêu là khi đo ánh sáng của quasar, người ta thấy nó chạy... chậm gấp ngàn lần các galaxy. Nếu coi galaxy và quasar ở các vật chung một trạng thái của vũ trụ bùng nổ, làm thế nào giải thích được rằng trong đoàn xe lửa quasar- galaxy đó, cái đầu máy lại chạy chậm hơn các toa tầu?

Kế đến thuyết "Big Bang" cũng hóc phải một cái xương nhỏ, nhưng phe chống đối nêu ra để... cười chơi. Đó là "hằng số vũ trụ".

Miếng xương của cụ Einstein

Nhà bác học Einstein đã xây dựng thành công hai lý thuyết cơ bản cho ngành Vật Lý ngày nay. Đó là thuyết tương đối giới hạn (relativité restreinte) và thuyết tương đối tổng quát (relativité générale). Từ gần một thế kỷ nay đó là hai thuyết rất đẹp, rất đúng và coi như khuôn vàng thước ngọc.

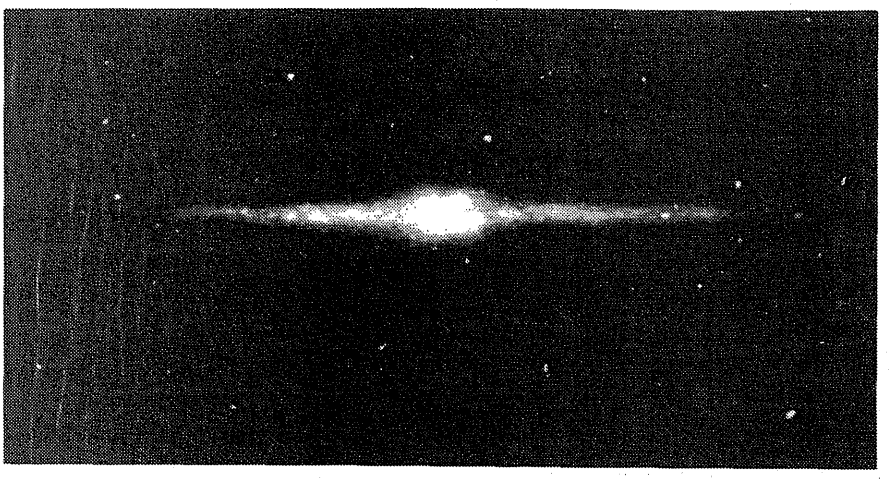

Hình ảnh một galaxy chụp theo chiều nằm.

Riêng thuyết tương đối tổng quát nói về không gian vũ trụ và lực hấp dẫn, với những quan niệm mới như không gian và thời gian xoắn lại với nhau, đưa đến không thời gian cong.

Thế nhưng phương trình tương đối tổng quát lại đưa đến những nghiệm quái gở, hầu như không có cách nào giải được. Muốn giản dị hóa cái phương trình đó, phép tính thông thường là phải đưa vào đó một hằng số, chẳng hạn như "hằng số vũ trụ" (constante cosmologique) rất là tùy ý.

Thành ra trong các phương trình tương đối tổng quát của Einstein, vũ trụ giãn nở hay không giãn nở là tùy ở các "hằng số" mà người ta chêm nó vào như thế vá víu tự do, cốt sao cho nó...

chừng chạc thì thôi.

Lại còn một "hằng số" khác nữa gọi là hằng số "Hubble".

Luật tốc độ của Galaxy

Người ta gọi đây là hằng số Hubble vì nó là yếu tố tỉ đối giữa tốc độ và khoảng cách của các garaxy, theo kiểu nói dễ hiểu, càng xa càng chạy nhanh. Vấn đề là câu hỏi: xa bao nhiêu thì chạy nhanh bao nhiêu.

Ở đây thì vấn đề nhanh chậm lại liên quan đến tuổi của vũ trụ. Nếu các galaxy chạy nhanh so với khoảng cách thì tuổi của vũ trụ rất non. Nếu các galaxy chạy chậm thì tuổi của vũ trụ rất già.

Cần phải "cho" các galaxy chạy chậm hơn đôi chút thì họa may tuổi của vũ trụ mới bằng được tuổi của các ông sao già trong các đống sao nói trên.

Các phe chống Big Bang còn nêu ra một điểm là thuyết vũ trụ bùng nổ dựa trên quá nhiều giả thuyết chưa được chứng minh. Chẳng hạn như thuyết "dây thừng vũ trụ" (cordes cosmiques).

Nồi Súp của Thượng đế

Chúng ta biết vũ trụ bùng nổ cho nên có người ưa khôi hài, nói đó là nồi súp của cụ Thượng đế nổ, nên nước súp bắn vung ra tung tóc tạo thành vũ trụ hiện nay.

Ví von như vậy cũng vui thôi, có điều là trong vật lý, khi có sự nổ như vậy, năng lượng sẽ tản ra đều, không chỗ nào ít không chỗ nào nhiều. Vậy làm thế nào có chỗ gom lại được thành galaxy?

Các lý thuyết gia khoa học đành phải "phát minh" ra một giả thuyết có tên gọi là "dây thừng vũ trụ".

Theo thuyết này thì đó là những "sợi" năng lượng dài... vô tận, mỏng manh cũng... vô tận, và có mật độ cũng vô tận (chẳng hạn mỗi lít súp năng lượng đó nặng... 10 triệu tỉ kỷ lô...!) Sau khi "đoành một phát" các dây nhà trời này vung ra nhanh bằng tốc độ ánh sáng tạo thành một thứ "lưới trời" trong thuở ban sơ mà kéo những vật chất (năng lượng) lại với nhau để trở thành nguyên tử rồi thành các galaxy.

Sự thật thì khoảng tháng Ba năm 1993, các nhà thiên văn nhìn xa vào quá khứ của vũ trụ, đã nhận thấy nồi súp khi mới bắn ra, quả đã không đồng đều, có chỗ gợn lên, chứng tỏ nhiều nơi có năng lượng tập trung.

Sự thật này lại bắt buộc phải đi đến một giả thuyết khác để giải thích. Đó là giả thuyết "lạm phát" (inflation).

Lạm phát và siêu lạm phát

Lạm phát ở đây không có ý nghĩa gì về tiền tệ hay tài chánh hết, nghĩa là không phải đồng tiền mất giá.

Các nhà khoa học dùng "lạm phát" để chỉ một hiện tượng dị thường là một sự nổ quá mạnh, quá mau lẹ của vũ trụ lúc đầu. Chỉ trong có một phần tỉ của giây đồng hồ, vụ nổ của vũ trụ đã làm nồi súp vung ra rất lớn, nên thuyết Big Bang cổ điển lại phải biến thành thuyết BBI (Big Bang avec Inflation initiale), nghĩa là Big Bang lạm phát tiên khởi. Đây là thuyết "lạm phát" do nhà bác học Mỹ Alan Guth đưa ra từ năm 1981. Về sau người ta phải đưa ra cả thuyết "siêu lạm phát" nữa mới giải thích nổi tại sao khi nhìn xa vào quá khứ vũ trụ, người ta không thấy không gian xoắn vào với nhau như thuyết tương đối đã xác định.

Vật chất tối

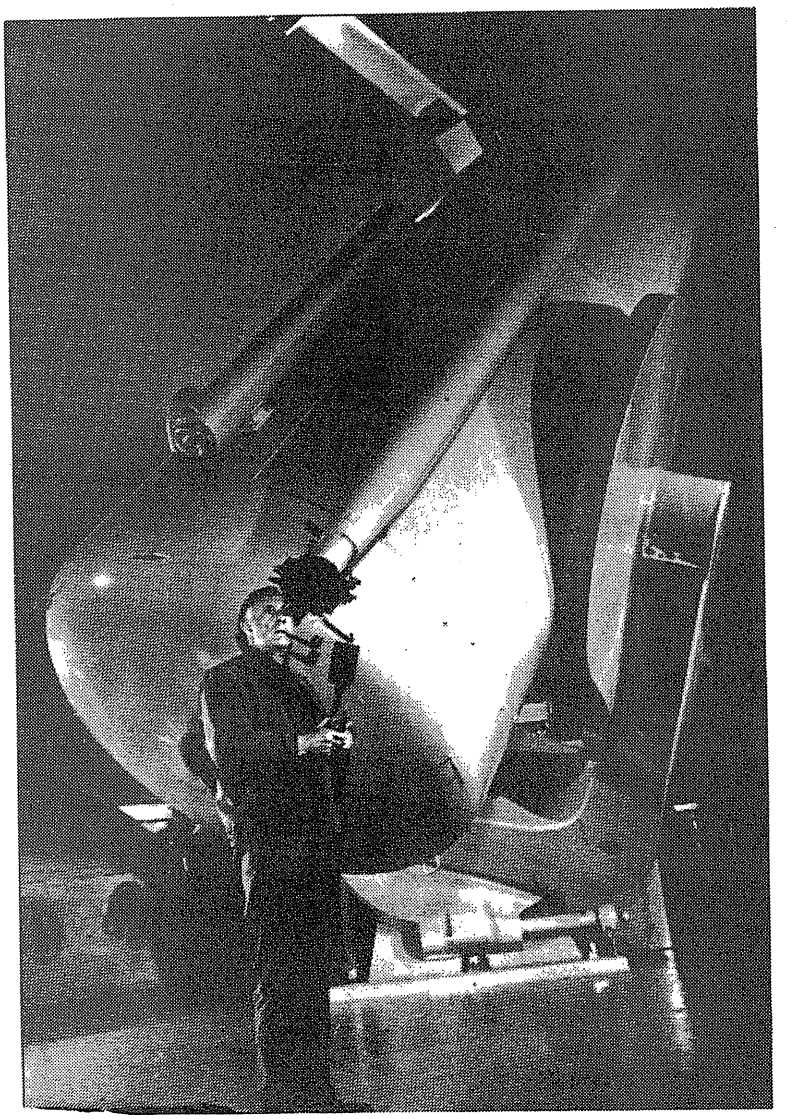

Nhà thiên văn Mỹ Edwin Powell Hubble, người đầu tiên nhìn thấy vũ trụ giãn nở.

Đây là một vấn đề đang làm sôi nổi giới khoa học và có nhiều bằng chứng cho thấy 99% vật chất trong vũ trụ này là vật chất tối, có nghĩa là một thứ vật chất quái gở, chưa ai biết nó là cái gì.

Sau khi nhà bác học Eric Lerner đưa ra cuốn sách của ông để đánh dấu hỏi lớn về Big Bang, người ta đã có những quan sát rất đích xác chứng tỏ vật chất tối là có thật (xem bài vũ trụ sụp đổ và vật chất tối trong các số trước của *Thế Kỷ 21*).

Tuy nhiên cuộc truy lùng thủ phạm vật chất tối có lẽ còn lâu mới giải đáp được những thắc mắc của ông Eric Lerner. Thí dụ lấy một ít vật chất tối về phân chất xem sao. Điều này chưa ai làm được, do đó phe "chống Big Bang" lại càng đặt ra nghi vấn.

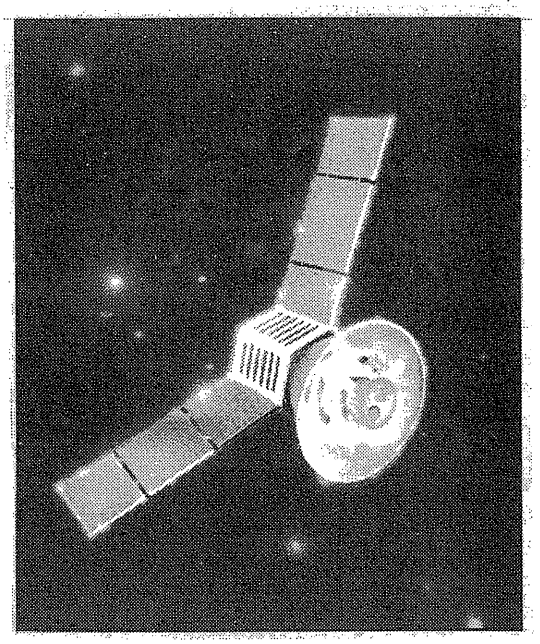

Vệ tinh COBE thám sát bức xạ hóa thạch trong vũ trụ.

Bức xạ "hóa thạch"

Năm 1989, cơ quan NASA đã phóng lên không gian một vệ tinh nhân tạo có tên là COBE, là những chữ đầu ghép lại của từ "Cosmic Background Explorer" nghĩa là Thám Sát Bối Cảnh Vũ Trụ. Nhiệm vụ của nó là tìm kiếm và đo những bức xạ đầu tiên của Big Bang khi vũ trụ mới bùng nổ mà đến nay vẫn chưa tan biến hết mà còn lẩn quất khắp nơi trong không gian vũ trụ.

Hai kỹ sư của công ty Bell năm 1984 đã tình cờ ghi nhận được những bức xạ tàn dư của vụ nổ nguyên thủy được các nhà khoa học gọi là bức xạ hóa thạch (fossil) theo kiểu các nhà khảo cổ vì "moi" được nó từ thời 15 tỉ năm trước đây, lúc mà các galaxy đều chưa thành hình.

Vệ tinh COBE cho đến năm 1993 này đã thực hiện được 300 triệu cuộc đo lường và kết quả xác nhận đó là những bức xạ của Big Bang, vào lúc khối càn khôn hỗn mang mới có 300,000 tuổi, nghĩa là nồi súp của Thượng Đế chưa thành vũ trụ như hiện nay.

Đây là bằng chứng rõ rệt nhất cho thấy quả thật đã có Big Bang. Phe "chống Big Bang" nói sao?

Họ lôi nhà bác học vĩ đại Max Born (giải Nobel năm 1954) ra để dẫn chứng. Họ cho thấy là năm 1953, chính Max Born đã tiên đoán một vũ trụ không thay đổi lúc nào cũng tràn ngập bởi "những bức xạ rất yếu, như một khối sương mù mỏng bao phủ mọi vật, bởi vì đó là do hạt ánh sáng (photon) tương tác với các trường thế chiếu xạ mà nó xuyên qua."

Tóm lại phe "chống Big Bang" vẫn đưa ra những luận thuyết để bác bỏ mọi lý thuyết cho rằng vũ trụ đã bùng nổ.

Một thiểu số hữu ích

Sự tranh luận trong giới khoa học ở thời đại nào cũng có. Ngày nay, nhiều khám phá ra đời thì các cuộc tranh cãi lại càng nhiều thêm. Nhưng chính những tranh cãi đó mới làm khoa học tiến được và đến gần chân lý.

Thật ra những nhà bác học như ông Eric Lerner với cuốn sách "Không có bùng nổ vũ trụ" của ông, không phải muốn gây một sự cản trở trong hướng tiến của khoa vũ trụ học. Đó chỉ là một chất xúc tác, đẩy mạnh thêm những tìm tòi và lý thuyết mới.

Chính phe "Chống Big Bang" cũng không thể bác bỏ thực tế là vũ trụ đang giãn nở. Họ chỉ muốn tìm ra một lý thuyết mới để thay thế thuyết Big Bang mà thôi.

Cho đến nay, họ vẫn chỉ là phe thiểu số. Nhưng đó là thiểu số hữu ích.■

Khám phá một khu rừng nhiều thú hiếm ở VN

Các nhà sinh thái học Việt Nam đã khám phá một khu rừng nguyên sinh rộng lớn tại phía Tây tỉnh Nghệ An. Rừng này nằm trên núi Pu Mát, cao hơn mặt biển 1841m. Lần khảo sát thứ nhất vào cuối năm 1992 và lần thứ nhì vào đầu năm nay cho thấy Pu Mát bao phủ khoảng 93,400 hecta, là rừng nguyên sinh lớn nhất được khám phá tại Việt Nam từ trước đến nay.

Trong rừng nguyên sinh này có 937 chủng loại thực vật đã được xếp loại, và hơn 2,000 loại khác đang được nhận dạng.

Giới khoa học tìm thấy 285 loài thú thuộc 32 bộ, bao gồm 63 loài có vú, 137 loài chim, 15 loài bò sát và lưỡng cư. Ở Pu Mát có nhiều cầm thú hiếm như voi, hổ, gấu đen châu Á, dê sừng dài, min, công v.v...■

ĐÀ LẠT TRĂM TUỔI

YÊN HÀ

Đà Lạt, thứ Năm 4 tháng Ba, 1993

Em yêu,

Anh viết cho em trong căn nhà nhỏ bé, nhìn ra ngoài sân có hoa hồng thật to, chẳng thua gì hoa nhà mình. Ngoài kia trời nắng, vẫn cái nắng trong vắt của Đà Lạt vào buổi trưa đẹp trời. Xa xa vọng lại giọng một nữ ca sĩ, hình như Kim Tước thì phải, hát bài "Tình" của Văn Phụng. Gần hơn là tiếng chẻ củi của hàng xóm, có vẻ như chẻ củi ngo để dóm bếp than. Trước mặt anh, khu vườn nhà Vy trải dài xuống phía thung lũng, tầm nhìn phóng qua tới xóm nhà bên kia đồi.

Ngồi viết cho em bây giờ anh lại nhớ hai mươi năm về trước, anh cũng viết cho em trong khung cảnh Đà Lạt này, vào lúc mà hai đứa mình sống những ngày tháng thần tiên trong khi tương lai vẫn còn là một dấu hỏi lớn. Hình như hai mươi lăm năm đã chẳng làm thay đổi khung cảnh này bao nhiêu.

Trong ba ngày vừa rồi, anh đã đi lại những con đường mình từng đi qua, đã tìm lại những nơi còn in dấu kỷ niệm. Anh muốn ghi tất cả lại đây để tuy cách xa hàng vạn cây số, em cũng sống lại được với anh những kỷ niệm đó.

Mà em có biết là Đà Lạt năm nay vừa tròn trăm tuổi không? Bác sĩ Alexandre Yersin đặt chân đến vùng đất này lần đầu tiên vào ngày 21-6-1893 theo con đường Prenn ngày nay. Ông tuân lệnh toàn quyền Paul Doumer tìm một địa điểm nghỉ mát cho người Pháp, và lúc đầu chọn Dankia, cách Đà Lạt 13 cây số. Đến năm 1900, địa điểm Đà Lạt ngày nay mới được chính thức tuyển chọn, và phải đợi đến năm 1923 Đà lạt mới thật sự được xây dựng để trở nên một thành phố như ngày nay. Nghe nói ông Nguyễn Thông đã đặt chân đến Đà Lạt 25 năm trước bác sĩ Yersin, nhưng dù sao Yersin vẫn được xem là người đã chọn lựa địa điểm cho thành phố cao nguyên thơ mộng này.

Đường Yersin ngày xưa chạy từ cây xăng Kim Cúc qua khách sạn Langbian Palace, bưu điện, đến nhà thờ "con gà", rồi xuống tới trường Petit Lycée trước khi đến trường Couvent des Oiseaux để chấm dứt ở suối Cam Ly (hình như nửa chừng đường nó mang tên khác, anh cũng chẳng nhớ). Bây giờ đổi tên là đường Trần Phú, nhưng năm nay nhiều người đề nghị trả lại tên đường cho Yersin, hoặc ít ra cũng tìm đường khác để đặt tên Yersin. Ở Sài Gòn đã có vụ Pasteur lấy lại đường cũ, làm Nguyễn Thị Minh Khai phải tìm nơi khác nương thân, đành chạy sang đường Hồng Thập Tự cũ để chia tên con đường này với Xô Viết Nghệ Tĩnh. Không biết rồi đây ông Yersin có được đền bù như ông thầy mình là Pasteur không?

Đường Yersin ở đoạn từ khách sạn Langbian Palace đến nhà thờ có lẽ là khúc đường mang dấu chân em nhiều nhất. Và trong mười năm trời anh cũng đã mòn không biết bao đôi giầy trên con đường này (mà vẫn chẳng khi nào biết em!). Bây giờ thì đoạn đường này không còn dễ thương như trước nữa, vì hàng cây anh đào chẳng còn, mà khách sạn Langbian thì đang xây cất sửa sang lại, nên tất cả khu vực rào kín, từ Kho Bạc đến ngã ba Nha Thanh Tra Kinh Tế ngày xưa. Nhắc đến Nha Thanh Tra Kinh Tế vì là nơi em cũng đã từng có kỷ niệm, chứ thật ra bây giờ chỉ là còn lại bãi đất trống, nằm trong vòng rào của khu vực chỉnh trang khách sạn Langbian.

Đường từ Kho Bạc vào nhà em ngày xưa - và cũng là đường vào trường anh - gần như chẳng còn nhựa nữa. Từ ngày trước con đường dốc này vẫn bị nước mưa xoi mòn, nhưng bây giờ hình như con người đã đầu hàng thiên nhiên, không còn tu bổ nổi nữa. Em còn nhớ bên đường phía tay phải có hàng cây hoa vàng giống hoa hướng dương cao quá đầu người không? Bây giờ mọc thêm nhiều nhà nên chẳng còn loại hoa này nữa. Ngược lại có một tiệm phở mới mở (mới đối với mình, nghĩa là có thể mới... 13 năm!) ăn khá lắm. Khí hậu Đà Lạt có lẽ đặc biệt hợp với phở, anh muốn tìm lại những hàng phở xưa, đặc biệt là phở Ngọc Lan, nhưng chẳng còn thấy đâu nữa.

Trường Adran ở cuối con đường đó bây giờ là Sở giáo dục tỉnh Lâm Đồng, sau khi đã bị đổi thành trường Sư phạm thì phải. Có lẽ từ 1975 đến nay không được sửa sang gì nên trông thảm lắm, anh không vào trong phòng ốc, nhưng tường nhà loang lổ và vườn hoa trước cổng trường nay đã thành một khoảnh đất không biết phải gọi tên như thế nào cho đúng nghĩa. Các sân chơi bóng rổ, bóng chuyền mênh mông, từng vang dội tiếng cổ võ của đám bạn bè, nay bỏ phế điêu tàn. Cái nhà chơi ngày xưa có cả chục bàn ping pong, nay được che kín lại bằng một thứ vật liệu bạc phếch. Cái nhà chơi này, khi anh còn học tiểu học, mỗi năm cứ đến mùa chơi vụ là rộn ràng tiếng bao con vụ đủ hình dáng màu sắc quay tít trong tiếng reo hò của đám con nít đã tự tay chế ra những con vụ này. Những chú bé cầm sợi dây, cong dít quất cho con vụ của mình tiếp tục quay mãi, quay mãi...

Nghĩ lại thời gian mười năm trời học tại đây, anh không khỏi ngậm ngùi cho cảnh trường hiện nay...

Tiếp tục con đường Yersin trước khi đến nhà thờ, có đường Nhà Chung — còn được mang tên cũ — đi vào trường Trí Đức. Con đường nhỏ xíu đó cũng đã in dấu chân em trong bao nhiêu năm trời em đi học trong ngôi trường này. Những ngày đó có khi mình đi chung đường hay có gặp nhau cũng chẳng biết. Anh còn nhớ rất rõ, từ 1953, mỗi buổi sáng đi học anh hay rẽ vào đường Nhà Chung để mua bánh mì xíu mại ăn sáng trên đường đi bộ lên trường. Bà bán xíu mại gánh hai cái thúng, một bên có lò than bắc nồi xíu mại. Những ổ bánh mì nhỏ xíu chất chung quanh lò than vừa nóng vừa dòn, xẻ ra cho một viên xíu mại vào, trét đều ra rồi rưới tí nước sốt nóng trong nồi vào, đố ai có được món ăn sáng ngon hơn thằng bé chín tuổi? Hôm nào không đủ tiền mua xíu mại, chỉ mua ổ bánh mì không, bà bán hàng cũng thương tình rưới cho miếng nước sốt.

Nhà thờ Đà lạt vẫn giữ được phong độ, trông rất đẹp, có lẽ mới chỉnh trang gần đây. Màu gạch tươi viền trắng nổi bật trên màu xanh đậm của lá cây thông hai bên nhà thờ. Trên cây thánh giá ở ngọn tháp chuông vẫn ngự trị con gà của cột thu lôi, làm cho ngôi giáo đường này được gọi là "nhà thờ con gà". Sau này sang Pháp nghĩ lại thấy cũng ngộ, nếu lấy tiêu chuẩn đặt tên như thế thì sẽ có hằng hà sa số nhà thờ bên Pháp mang tên "nhà thờ con gà"!

Đi tới chút nữa qua một cái sân đá banh đối diện với thư viện (em viết thư cho anh từ thư viện này ngày 2-3-1969...) thì đến dốc Nhà Bò ngay trước khi đụng trường Kỹ Thuật La San nay biến thành một cơ quan gì đó, không dính dáng gì đến giáo dục cả. Nói đến dốc Nhà Bò anh lại nhớ lúc mới lên Đà Lạt anh đã từng ở đây vài tháng, nhà nhìn lên sân tennis của Biệt Điện ông Bảo Đại. Lúc đó anh mới tám tuổi mà vẫn còn những hình ảnh in lại trong ký ức, khu nhà sát rừng thông, lối đi ra đường cái là một đường mòn ven rừng, dốc lên dốc xuống, nhiều khi phải "leo" chứ không phải

TRẦN MỘNG TÚ

ANH CÓ YÊU KHÔNG MÙA HẠ CỦA EM?

Những đóa hoa hướng dương bên hàng xóm
nghiêng sang nhà nàng những chiếc đầu
vàng quạch

Anh có yêu không mùa Hạ của em?
đã tưởng là tuyệt tích
sau những trận mưa
Những con bướm trắng rất nhỏ bay vào
Khu vườn nơi nàng đã ươm đầy hoa dại
những bông hoa đủ màu tỏa hương
thơm ngai ngái
Có đóa mang tên bachelor button
cái khuy của anh chàng độc thân
nghe thật là khiêu gợi

Anh có yêu không mùa Hạ của em?
con đường ra hồ với lối đi vàng óng
hoa nắng đầu mùa
Những mẩu bánh mì ném xuống mặt sông trưa
nàng đứng lại nghe hải âu đập cánh
những âm quen dội mãi vào tim
trái tim đã vì ai sóng sánh

Anh có yêu không mùa Hạ của em?
Khi nơi anh ở một năm sáu tháng mùa Đông
và tuyết thì như một người tình khó tính
lúc nào cũng lạnh ngắt môi hôn
Gió ở nơi em thì mềm như tóc của
thời con gái
thời con gái đi qua nhưng gió mềm ở lại
Trong trái tim nàng gió vẫn gọi lao xao
Gió đôi khi là cơn mộng dữ
cũng có lúc là nỗi ước ao
nỗi ước ao không dám chạm tay vào

Những bông hoa hướng dương bên hàng xóm
nghiêng sang nhà nàng những chiếc đầu
vàng quạch

Anh có yêu không mùa Hạ của em?
Mặt trời tưới trên thảm cỏ xanh mướt
từng chuỗi hạnh phúc lấp lánh
Chiếc áo em đang mặc bây giờ trông
như một giải mây xanh
liệu có buộc được anh
bên kia trùng núi

tháng 8/93

"đi" nữa, không hổ danh là "dốc" Nhà Bò. Còn tại sao lại "Nhà Bò" thì anh chịu, vì anh nhớ hồi đó chẳng thấy con bò nào cả. Hôm qua anh đi với hai vợ chồng Vy lên chơi Dinh III (tức Biệt Điện ngày xưa) bây giờ mở cửa cho du khách, đến trễ quá nên không vào trong được, chỉ đi chơi quanh vườn, cũng khá đẹp. Đứng trên nhìn xuống thung lũng tìm lại xóm nhà xưa, nhưng làm sao còn nhận ra qua mấy chục năm vật đổi sao dời! Gặp một ông làm việc tại đây, hỏi thăm ông có biết sân tennis ở đâu không, ông ta chỉ về hướng một cái nhà thấp thoáng trong rừng thông, như thế cũng đã định hướng được xóm cũ! Anh cũng đến suối Cam Ly thăm lại cảnh cũ, dù Vy đã can anh đừng đến đó nếu muốn giữ lại hình ảnh đẹp ngày xưa. Nhưng anh vẫn muốn tận mắt chứng kiến những thay đổi, dù tốt dù xấu, để được trầm mình trong những kỷ niệm bốn mươi năm qua. Con đường đi đến Cam Ly cũng còn bao nhiêu vết tích cũ. Biệt thự Thánh Tâm (cha Gagnon giảng về "Tình Ái" bằng tiếng Việt) nằm ở ngã ba một con đường nhỏ có nhiều nhà tây cũ kỹ. Con đường này đi tới một xóm ngày xưa nuôi ngựa kéo xe trước khi đi ra khách sạn Việt Nam và cầu Bá Hộ Chúc. Đó cũng là con đường anh đã đi bao lần để đưa đón hai đứa em đi học ở trường Petit Lycée, nay đã thành Nhà Văn Hóa. Qua Petit Lycée rồi đến đường lên Couvent des Oiseaux, ngôi trường của các nàng nổi tiếng kín cổng cao tường, nay thành trường Trung Học Sư Phạm. Gần đến Cam Ly có một dãy biệt thự đẹp, trong đó có một nhà có tên rất ngộ. Chủ nhà chắc phải là một người mến mộ âm nhạc lắm, nên tên của ngôi biệt thự được viết bằng những nốt nhạc gắn trên chiếc cổng đá. Phải là người biết nhạc mới đọc được tên của biệt thự này: do mi si la do ré (Domicile Adoré, Ngôi Nhà Yêu Dấu). Anh không nhớ rõ ngôi nhà này ở khúc nào, nên cũng chẳng biết những nốt nhạc kia có còn nằm ngoài cổng để cho người qua lại thắc mắc nữa không.

Suối Cam Ly trông thật thảm hại, chỉ vì nó mang danh là suối (nhiều người còn gọi là thác nữa) mà lại thiếu... nước! Đã thế số nước ít ỏi chảy về đây lại là nước thải từ bao nhiêu nhà trên phố nên có mùi nồng nặc của nước dưới cầu Trương Minh Giảng ở Sài Gòn. Trông thật tội nghiệp cho một thắng cảnh nổi tiếng ngay trong thành phố Đà Lạt. Nước Cam Ly chính là từ hồ Xuân Hương trung tâm thành phố chảy xuống, cộng thêm một nhánh suối nhỏ chảy giữa hai đường Phan Đình Phùng và Hai Bà Trưng đổ vào. Hồ Xuân Hương chỉ là một hồ nhân tạo. Ngày xưa là con suối thiên nhiên chảy qua đây và đã được dùng để đặt tên cho thành phố (hình như Đà Lạt có nghĩa là con suối của bộ tộc người Lạt). Con suối đã được chặn lại bằng một cái đập nước là cầu Ông Đạo, tạo thành cái hồ nhân tạo trong một thung lũng thiên nhiên. Hồ Xuân Hương trở thành nét độc đáo của trung tâm thành phố, với tất cả sự quyến rũ của một thắng cảnh nên thơ. Ngày xưa khi đi qua cầu Ông Đạo để lên chợ, bên phải là hồ, còn bên trái là một bức tường cao của cái đập, với nước chảy tung bọt trắng xóa xuống dòng suối đi qua vườn rau Ấp Ánh Sáng. Bây giờ vẫn bức tường đó, vẫn vườn rau đó nhưng nhiều nơi đã bị nhà cửa che hết, và dòng nước chỉ còn ri rỉ xuống lòng suối cạn. Tấn thảm kịch của Cam Ly chính là tấn thảm kịch của cả vùng Đà Lạt. Nước không còn được điều hòa quanh năm nữa. Những nhà chuyên môn cho rằng vì rừng bị phá bừa bãi nên mùa mưa nước không còn được giữ lại, đến mùa nắng thì thiếu nước trầm trọng. Cũng may là hồ Xuân Hương nay vẫn còn đủ nước nên vẫn giữ nguyên vẻ đẹp thơ mộng, chứ đã có năm cả hồ Xuân Hương cũng bị phơi đáy hồ trần trụi, để trở về là con suối nguyên thủy với hai bên bờ là bùn đất xấu xí của lòng hồ.

Chung quanh vẫn có hàng cây thông tây, và đêm đến vẫn có cảnh "*đi bên hồ nhìn sang bên kia ánh đèn lấp lánh xanh đỏ với những ngọn néon phản chiếu lung linh trắng như bông gòn*", như lời em diễn tả trong một lá thư viết cho anh từ lâu lắm rồi. Trên hồ vẫn có những pédalo hình thiên nga để những cặp uyên ương thả hồn theo mây nước. Nhà Thủy Tạ vẫn là nơi hò hẹn của trai thanh gái lịch, với vườn hoa trên đường vào được chăm sóc rất chu đáo. Chỉ tiếc là khi muốn qua bên kia đường để leo lên những bậc tam cấp huyền diệu của Langbian Palace thì bị hàng rào cản, vì như anh đã nói ở trên, khách sạn này đang sửa sang lại với quy mô lớn, "đại tu" để nói cho văn vẻ! Em còn nhớ những bậc tam cấp bằng đá, hai bên có trồng hai hàng dứa dại, có thể ngồi ở gốc dứa nghỉ chân hoặc tâm sự, những bậc thềm đã chứng kiến hai đứa mình từ buổi mới quen nhau...

Đi qua cầu Ông Đạo là đến đường đi vào chợ, bên trái vẫn là bến xe, nay đã trở lại tấp nập như ngày nào, chỉ khác là những chiếc Peugeot 203 của hãng Minh Trung và microbus Volkswagen của hãng Trung Việt đã được thay thế bằng những chiếc Toyota, biểu tượng cho văn minh Nhật Bản. Chợ vẫn như cũ, ngôi chợ hai tầng do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ vẽ vào cuối những năm 50, thay thế cho khu chợ cũ phía trên, đã biến thành rạp hát Hòa Bình. Nghe nói có một dự án xây thêm một ngôi chợ mới nối tiếp vào nhà chợ hiện tại, về phía trong (khu họp chợ ngoài trời hiện nay), hình thức một cao ốc chín tầng, có cả khách sạn và các dịch vụ du lịch. Trong khi chờ đợi, phía ngoài chợ rất đông hàng rong cùng với một đạo quân xe ôm là phương tiện di chuyển thịnh hành nhất, tạo ra quang cảnh vừa nhộn nhịp vừa hỗn độn.

Ngay trước bến xe có một bồn binh mới làm vài năm nay, ở giữa có một kiến trúc bằng bê-tông hình thù gần giống tháp Eiffel (nhưng ba chân thay vì bốn), phía trên có con chim đậu trên quả cầu. Trông chẳng mỹ thuật gì lắm, và mấy tay thổ công Đà Lạt gọi nhạo báng là "con chim Lâm Cẩu", vì có một ông gốc Hoa tên Lâm Cẩu bỏ tiền cúng cho thành phố để làm ra cái công trình này, đổi chác chuyện áp-phe gì đó, cuối cùng ông ta bị truy tố vì lem nhem, nhưng cái kiến trúc chẳng mấy đẹp đẽ vẫn được trưng bày giữa chợ cho mọi người chiêm

ngưỡng.

Nếu đi tiếp bờ hồ rồi leo dốc lên con đường Bùi Thị Xuân thì sẽ qua trường Bùi Thị Xuân trước khi lên viện Đại Học Đà Lạt. Con đường Hàm nghi (nay là Nguyễn Văn Trỗi) đi từ khu Hòa Bình xuống cũng dẫn đến trường Bùi Thị Xuân. Khi nó quẹo trái đổ dốc xuống Phan Đình Phùng thì đi qua chùa Linh Sơn, trên đầu dốc là trường Bồ Đề, bây giờ không biết có đổi thành cái gì khác không. Nhưng trường Bùi Thị Xuân của em thì chắc chắn là vẫn còn nguyên, mà còn được sơn phết đẹp đẽ nữa, chứ không tiều tụy như trường Adran của anh. Hàng chữ trắng "Bùi Thị Xuân" nổi bật trên nền xanh dương của tấm bảng dựng trên chiếc cổng đá. Dãy nhà màu hồng cũng có vẻ rất tươm tất, hy vọng bề trong cũng xứng đáng với cái mã bên ngoài.

Nhưng có một nơi mà anh không thể không thăm viếng, đó là viện Đại Học Đà Lạt. Khi đến nơi anh hơi bị khựng vì cái cổng đã bao lần anh ung dung băng qua nay phải trả 1.500 đồng mới có quyền đẩy nó. Trường của em ngày xưa nay được xem như một thắng cảnh để du khách tham quan nên mới có mục bán vé vào cửa. Cái đập vào mắt anh đầu tiên là hồ nước ngay cổng vào có hai hàng cây tùng xinh xinh viền hai bên đã biến đâu mất, nhìn kỹ lại thì ra những cây tùng bé nhỏ đã trở thành những cây cổ thụ, và cái hồ mình còn giữ ảnh kỷ niệm chụp vào ngày cưới đã trở thành bé nhỏ (và cạn nước) núp dưới bóng những cây cổ thụ kia.

Trường đại học đã mở cửa lại từ nhiều năm nay, với những bộ môn ít cần đến phòng thí nghiệm. Ngôi nhà hành chánh vẫn chờ đón sinh viên ngay bên trái cổng vào, thư viện vẫn ẩn mình trong lùm cây xanh tốt. Nhà nguyện trên đỉnh đồi, nơi cha Lập viện trưởng đã hỏi hai đứa mình câu hỏi quyết định cả một đời, nay đang sửa sang lại để trở thành một cái gì đó, và cây thánh giá trên gác chuông đã được một ngôi sao bọc kín lại. Giảng đường Spellman, Hội Hữu, Minh Thành, những tên quen thuộc, phòng thực tập vật lý, địa chất, nơi anh đến tìm em khi chạy Vespa từ Sài Gòn lên, để gặp em trên đường về với ráng chiều vàng rực rỡ...

Rồi con-đường-đi-không-bao-giờ-đến của chúng mình hai mươi lăm năm về trước, sẽ chẳng bao giờ mình có thể đi lại nữa. Sẽ chẳng bao giờ anh còn hái tặng em đóa hoa vàng để thương ngày nào. Lý do đơn giản và thật đau lòng cho các thế hệ mai sau là cả một khu đồi rộng lớn của những cặp uyên ương trước kia nay đã rào kín. Hàng rào chạy từ trên cổng đại học chạy theo đường Phù Đổng Thiên Vương xuống tới bờ hồ và bọc ngược trở lên, quây kín cả ba ngọn đồi nổi tiếng ngay bên hồ Xuân Hương, mệnh danh là đồi cù. Sẽ chẳng bao giờ còn cảnn *"nước em lên đồi cỏ hoang ngập lối"*, sẽ chẳng bao giờ còn được hưởng *"cỏ non phơn phớt ôm chân mình"* như Phạm Duy đã hưởng. Tất cả cỏ non cỏ già đều đã bị ủi sạch, những cái máy ủi khổng lồ của những công ty đa quốc gia đã lột trần mấy ngọn đồi cù thân yêu của dân Đà Lạt, phơi ra lớp đất đỏ như thịt con thú bị lột da. Rồi người ta sẽ xây dựng khách sạn, khu giải trí, sân cù, những tiện nghi để moi tiền khách, loại du khách có nhiều tiền chứ không phải du khách cò con Việt kiều về thăm nhà đâu! Còn những cặp uyên ương sẽ có quyền đi dạo vòng vòng ngoài bờ rào, kể cho nhau nghe thời vàng son của cha ông mình...

Cũng may là những cặp uyên ương vẫn còn có thể đến Thung Lũng Tình Yêu, nơi đó mới xây cất một khu du lịch, bên bờ hồ Đa Thiện rất thơ mộng. Chỉ phải cái tội là nó khá xa thành phố, và con đường đi đến Thung Lũng Tình Yêu quả thật còn lắm... ổ gà. Những thắng cảnh khác ở xa Đà Lạt cũng được phát triển, như thác Prenn ở chân đèo Prenn, cách Đà Lạt mười cây số, ngày xưa có sở thú nữa, không biết bây giờ còn không. Thác Gougah và Pongour hùng vĩ hơn thác Pren nhiều, lúc nhỏ xíu anh đã đi picnic nhiều lần ở đây, hình như em cũng đã đi chơi với trường ở đây? Về sau đường vào Pongour không còn đi được nữa vì bom đạn chiến tranh, còn Gougah gần quốc lộ 20 hơn nhưng cũng bỏ phế vì thời chiến ai có thì giờ đi chơi cách Đà Lạt cả hơn 30 cây số ở một nơi "mất an ninh"? Nghe nói bây giờ du khách đã trở lại những nơi này, rất tiếc anh không có thời giờ để đi hết những thắng cảnh đã in trong ký ức bé nhỏ của anh thời đó những hình ảnh thật vĩ đại của thiên nhiên.

Nhưng tiếc nhất là anh không đến Datanla, mặc dù cách Đà Lạt có năm cây số ngay trong đèo Prenn. Lúc nhỏ anh đã bị lôi cuốn bởi cái hoang dã của con suối này, từ khung cảnh núi rừng hoang vu với ghềnh đá bọt nước

BÙY DUY THUYẾT

LUÂN HỒI

Thông già vang vọng xôn xao
Chiều không gian đó kiếp nào lai sinh.

Buồn con suối dốc vô tình
Ta thân cát bụi phận đành nhỏ nhoi.

Kiếp xưa oan trái luân hồi
Giờ mong manh dưới lũng trời hư vô.

Cõi tình hoang dã mơ hồ,
Bước chân lưu lạc bây giờ mộng du.

Về dương gian tối âm u
Hiện thân sinh vật định cư chốn này.

tung trắng xóa, đến khe suối với tường đá sừng sững hai bên. Nghe nói giờ đây Datanla đã bớt đi vẻ đẹp hoang vu nguyên thủy, vì đã có bàn tay con người sửa chữa lại thiên nhiên để có thêm tiện nghi cho du khách. Anh tiếc không trở lại đây được để xem cái cây cổ thụ nghiêng mình ngày nào có còn nằm chỗ cũ không. Em còn nhớ cây thông hình bonsai ấy chứ? Có lẽ là một giấc mơ không tưởng, vì đã hai mươi lăm năm trôi qua còn gì...

Trở lại với thực tế, khi lên đèo Prenn gần đến Đà Lạt, có một ngôi biệt thự của Pháp ngày trước có tên "Aux Adrets", có thời hình như là một nhà hàng ăn. Bây giờ ngôi biệt thự vẫn còn nhưng có vẻ bỏ phế. Có một cái anh quên nhìn xem còn không là những tấm bảng "*Rừng của toàn dân, toàn dân chống nạn cháy rừng*" gắn rải rác trên các cây thông trong đường đèo. Đụng trạm kiểm soát xe từ Sài Gòn lên thì vào địa phận của thành phố Đà Lạt. Bây giờ trạm này không còn nữa. Cây xăng Kim Cúc thì vẫn còn là cây xăng, nhưng cái vườn hoa chào đón du khách làm cho cây xăng này nổi tiếng đã nhường chỗ cho một mảng đất xấu xí. Con đường từ trạm kiểm soát đến cây xăng Kim Cúc hai bên có những biệt thự rất đẹp. Nhưng phải nói những biệt thự đẹp nhất có lẽ nằm trên đường rẽ phải khi đến ngã tư cây xăng Kim Cúc. Đường này bây giờ tên Trần Hưng Đạo, khúc sau tên Hùng Vương, đi Trại Hầm, D'ran và đèo Ngoạn Mục để xuống Song Pha rồi gặp quốc lộ 1 ở Phan Rang. Đầu đường Trần Hưng Đạo bên phải là Dinh II của cựu hoàng Bảo Đại trước đây, nay cũng mở cửa đón du khách. Thời Pháp con đường này tên Graffeuille, đi qua garage Martinette, trước khi đến một ngôi biệt thự mang số 7. Anh không thể quên ngôi biệt thự này vì lúc nhỏ xíu anh đã ở đấy ít lâu, và điều ngộ nghĩnh là vào cùng thời điểm đó, em cũng đã ở cách đó có mấy nhà, ngôi nhà thật to màu trắng còn trong ảnh. Anh nhớ rất rõ đi học có xe cam nhông nhà binh chở học sinh, có ông lính lo cho đám con nít chuyên môn bắt nhịp cho cả đám hát, anh chỉ còn nhớ một bài được hát nhiều nhất, đó là bài "Nhà Việt Nam" của Thẩm Oánh: "*Người Việt Nam, Nam Bắc Trung chung lòng, bền tâm cố xây Nhà Việt Nam*".

Đứng trên con đường Trần Hưng Đạo này, anh ngắm nhìn bao quát cả thung lũng thành phố như bức tranh vẽ, với hồ Xuân Hương ở chính giữa, và hai ngọn núi Langbian ở chân trời. Hai ngọn cao gần bằng nhau, ngọn cao nhất 2163 thước. Có nhiều truyền thuyết của các sắc tộc về hai ngọn núi này. Đáng để ý nhất là truyện chàng Lang, tù trưởng một bộ lạc Lat, và nàng Bian, con một tù trưởng bộ lạc Chill. Hai người thương nhau nhưng không lấy được nhau vì khác bộ lạc. Cuối cùng hai người lấy cái chết để bảo vệ tình yêu và phản đối luật tục khắt khe. Cái chết của đôi uyên ương đã làm thức tỉnh các tù trưởng, từ đó thống nhất các bộ lạc thành một nhóm lấy tên là Koho, và họ dùng tên chàng Lang và nàng Bian để đặt tên cho hai ngọn núi cao nhất vùng.

Chắc em sẽ thắc mắc anh tìm đâu ra các chuyện thần thoại đó? Thật ra câu chuyện này, cũng như những chi tiết về Yersin chọn địa điểm Đà Lạt anh tình cờ đọc được trong một tạp chí có tên Langbian, số 1, xuất bản tại Đà Lạt vào tháng 10-1987. Đây là một tạp chí sáng tác, nghiên cứu, phê bình văn học nghệ thuật của Ban vận động Hội Văn nghệ Lâm Đồng thời đó, mệnh danh là "thời kỳ cởi trói văn nghệ sĩ". Anh được Vy cho biết là tạp chí đã chỉ ra được có ba số, sau đó chắc bị mấy ông quan văn nghệ địa phương trù nên không cho ra nữa. Hai ông tổng biên tập và phó tổng biên tập liền có sáng kiến "kiện lên tận ông trời". Trên đường ra Hà Nội thực hiện ý định của mình, hai người còn vận động các hội văn nghệ miền Trung ký vào kiến nghị đòi tự do báo chí và đòi cách chức mấy ông quan văn nghệ trung ương. Ra được tới Hà Nội dưa kiến nghị xong, lúc về đã chẳng thấy được ra báo lại, lại còn bị cách chức trong hội (một chức vụ do hội viên bầu lên) và treo giò không cho làm gì nữa cả.

Trở lại Đà Lạt thân yêu của chúng mình vừa tròn trăm tuổi thì còn nhiều chuyện nữa để kể cho em nghe, nhưng đành để lúc khác vậy, thư đã quá dài. Em vẫn hằng ao ước trở về "Đà Lạt của em" để trồng những cây anh đào trên tất cả những con đường nên thơ, em vẫn muốn mang hột hoa vàng về rải trên những cánh rừng của Đà Lạt thân yêu, cất những ngôi nhà gỗ đẹp như trên những ngọn đồi ở Thụy Sĩ. Vấn đề là biết lúc nào là thời điểm để thực hiện những điều mơ ước, phải thế không em? Cũng như đến khi nào hai đứa mình lại được cùng trở về đây sống lại những ngày đẹp nhất của xa xưa, em nhỉ...

Anh của em,

Yên Hà

ĐINH PHỤNG TIẾN

HẠ SẦU

Năm tháng ôi buồn như cỏ khô.
Màu xanh chợt héo tự bao giờ.
Ngày xưa còn đó trong mùa hạ.
Là áo vàng bay trong gió xưa.

Em biết gì không, em nhớ không.
Và đây, năm tháng khuất chân trời.
Hỡi ơi, mùa cũ tan thành lệ.
Là tiễn người đi, tiễn hạ sầu.

TƯỞNG NHƯ KHÔNG CÒN GÌ

TRẦN LONG HỒ

Phùng chọn cái bàn trong góc, khu không hút thuốc của quán McDonalds. Anh lựa một chỗ yên lặng, khuất tầm mắt mọi người. Lúc ngồi xuống Phùng mới cảm thấy sự lựa chọn này khác thường. Mọi khi anh qua chỗ cho phép hút thuốc, gần cửa ra vào, tương đối ồn ào. Anh ăn vội vã, hút một điếu thuốc rồi mang ly cà phê, vừa lái xe đến sở làm, vừa uống.

Hôm nay, mọi chuyện xảy ra ngược lại. Phùng muốn thu mình vào một chỗ yên tĩnh, không có ai quấy rầy. Anh chỉ lấy một ly cà phê rồi ngồi thừ ra đó.

Phùng nhìn qua khung cửa kính. Bên ngoài bãi đậu xe đã bắt đầu chật. Vài người không tìm ra chỗ phải đi vòng qua cửa sổ để mua thức ăn.

Mặt trời lên cao và nắng đã tràn ngập cả khu đậu xe. Mới sáng sớm mà nắng đã gay gắt rồi. Nhiệt độ hôm nay có thể lên cao đến chín mươi độ F.

Bầu trời trong vắt. Nền trời xanh lơ với vài đám mây xám trôi lãng đãng. Phùng công nhận một buổi sáng đẹp mặc dù lòng anh không thoải mái chút nào. Sự phiền muộn, có thể nói là đau khổ thì đúng hơn, đeo dẳng lấy anh từ chiều hôm qua. Lúc anh từ sở làm trở về.

Phùng nhớ rất kỹ, tối hôm kia anh để toa thuốc trên bàn và nhờ Thảo, vợ anh, đi mua thuốc. Nhưng chiều hôm qua, anh trở về, thấy toa thuốc còn nằm đó. Thảo đã không mua thuốc và không có mặt tại nhà. Nàng đi làm mà không để lại một chữ nào.

Phùng và Thảo làm hai phiên khác nhau. Anh làm buổi sáng đến chiều. Thảo làm từ chiều đến tối. Khi anh đi thì nàng còn ngủ. Lúc anh về thì nàng đã rời nhà. Còn khuya, lúc Thảo về thì Phùng đã yên giấc. Anh phải ngủ sớm để dậy đi làm từ lúc sáu giờ sáng. Hai vợ chồng ở chung nhà nhưng ít khi thấy mặt nhau. Phùng có tật khó ngủ, chỉ cần một tiếng động nhỏ thôi, cũng làm anh tỉnh dậy. Khi anh đã thức rồi thì không thể ngủ lại được. Nếu bị mất ngủ thì ngày hôm sau anh không làm việc được. Anh cũng không thể chăm sóc cho thằng Hùng, đứa con trai, vừa đến tuổi vào trường. Mặc dù Lan, đứa con gái lớn của hai người đã mười sáu tuổi, nó có thể chăm lo cho em. Do đó Thảo phải ngủ phòng riêng. Vì thế hai người càng ít gặp nhau hơn.

Phùng nhớ lại, từ hơn một tuần qua, anh bị viêm mũi dị ứng. Chứng bệnh này trở thành kinh niên. Năm nào cũng vậy, cứ vào mùa Xuân và mùa Thu, anh cũng bị một trận sổ mũi và chảy nước mũi. Mùa Xuân năm nay anh cũng bị như vậy, nhưng lần này nặng và kéo dài hơn. Trong khi đó Phùng vẫn đi làm và anh không uống thuốc kịp thời. Cho đến khi cơn ho bộc phát dữ dội Phùng mới đi điều trị. Bác sĩ cho biết anh bị viêm cuống phổi.

Cơn bệnh chưa phải là lý do làm anh chán nản. Điều quan trọng là ở Thảo. Nàng không hề biết đến chuyện anh bị bệnh. Anh nghĩ như vậy. Nàng chưa bao giờ hỏi anh bệnh như thế nào. Nàng

chưa hề nhìn đến anh trong cơn bạo bệnh thì nói chi đến chuyện lấy thuốc cho anh uống. Những lúc cơn ho phát lên trong đêm, anh phải gắng gượng đi lấy thuốc và kiếm nước uống.

Hơn nữa anh bệnh nhưng không dám xin nghỉ. Số ngày bệnh trong năm của Phùng đã hết rồi. Tên xếp của anh rất khó tính và tình trạng làm việc của hãng lại bấp bênh.

Như thế, Phùng đi làm, chiều về anh phải rước thằng Hùng rồi đưa nó đi học nhạc. Xong xuôi anh mới đi gặp bác sĩ. Cơn bệnh anh, do đó, không thuyên giảm được mà nặng hơn đến nỗi anh phải bị viêm cuống phổi.

Một buổi chiều chủ nhật, Phùng nghe được câu đối thoại của Thảo với một người bạn. Nàng đùa cợt về căn bệnh của Phùng. Hình như nàng không có chút lo lắng nào cho bệnh tình của anh. Nếu anh chết thì sao? Suy nghĩ đến đây Phùng vừa bực tức vừa chán nản.

Đến chiều hôm qua thì cơn giận trong lòng Phùng đã bùng lên mãnh liệt. Thảo không thèm nhớ đến cái toa thuốc mà anh đã căn dặn nàng nhiều lần, nhớ đi mua cho anh. Phùng không thể chịu đựng nổi nữa. Anh viết vài hàng để lại cho nàng và đem thằng Hùng gởi cho bà nội. Anh kiếm một chỗ ở trong khách sạn và nhất định phải có thái độ dứt khoát với Thảo. Anh cương quyết không trở lại gặp nàng nữa.

Sáng nay anh gọi vào sở cáo bệnh rồi ra ngồi đây, bên khung cửa kính, nhìn mông lung ra ngoài trời. Bao nhiêu năm rồi, hai người đã biết nhau rồi sống chung, anh nghĩ, cũng gần bốn mươi năm. Cả hai đã trải qua bao nhiêu khổ nhọc và cam go của cuộc sống. Từ khi còn trong nước cho đến khi sang Mỹ. Không ngờ đến hôm nay Phùng phải có một thái độ dứt khoát như vậy. Chẳng lẽ không còn gì cứu vãn được hay sao?

*

"A, b, c,... o..."

"Thảo, coi kìa."

"Ngộ quá... ê..."

Đứa bé gái chừng năm tuổi, tóc thắt thành hai trái đào, đang ngồi trong lớp học, quay mặt ra ngoài. Phía sau, đứa con trai lớn hơn, khoảng bảy tuổi, vừa chồm lên bàn trước vừa chỉ tay ra sân.

Lớp học là một mái nhà tranh, trống trước hở sau. Tất cả có tám người, một thầy và bảy học trò. Ông thầy khoảng năm mươi tuổi, mặc bộ quần áo đen mốc cời. Ông cầm cây roi dài, đang đi tới đi lui. Học trò ngồi lổn ngổn trên mấy cái bàn cây xiêu vẹo. Bảy đứa mà đã đến năm có trình độ khác nhau. Đứa đồ chữ, đứa tập viết, và đứa làm toán. Có đứa ngồi ngóng ra sân, xem mấy con gà chạy lăng xăng. Có đứa ngồi ngủ gật.

Ông thầy bưng gáo nước, hớp một miếng, rồi tằng hắng để nhắc chừng. Nhưng mấy đứa học trò không thèm để ý, ông bèn quất cây roi vào vách để thị huy. Tiếng roi kêu "trót" làm bọn học trò hoảng vía, ngồi ngay ngắn lại. Ông thầy nghiêm giọng hỏi:

"Thảo làm gì vậy?"

"Dạ, con coi con gà."

"Coi gà, hừ! Chữ này là gì?"

"Ơ... ơ..."

"Không phải chữ "ơ"."

Phùng đang ngồi phía sau, rướn lên nhắc khéo:

"Chữ "a"."

Ông thầy trừng mắt:

"Không được nhắc! Còn chữ này?"

""O"."

"Giỏi. Này, Phùng, làm toán xong chưa?"

"Dạ, rồi."

"Vậy ba với bốn là mấy?"

"Dạ, tám."

"Cốc", ông thầy gõ cây roi lên đầu Phùng một cái đau điếng. Ông lớn giọng:

"Làm trở lại, chưa đúng."

Phía bàn trước, Thảo bụm miệng cười khúc khích. Phùng đổ quạu:

"Cười cái gì. Tao không nhắc thì mày ăn đòn rồi. Mày còn cười phải không!"

Thảo vẫn cười, lắc lư vai và rung hai trái đào trên mái tóc. Phùng hậm hực nói:

"Tao không chơi với mày nữa."

Phùng vừa lầm bầm vừa xoa đầu. Ông thầy gõ không mạnh nhưng đau quá. Trên đầu Phùng nổi một cục u bằng đầu ngón tay cái. Phùng sờ vào thấy da đầu cứ phập phều.

Phía bàn trên, Thảo còn bụm miệng cười. Nó cố gắng không phát ra tiếng nên thân người cứ lắc lư. Phùng thấy hai vai nhỏ xíu của nó giật lên từng cơn.

Phùng không giận ông thầy mà tức Thảo. Con bé không biết cám ơn người đã giúp đỡ mình. Nó không biết chia xẻ sự đau đớn với Phùng mà còn vui cười. Phùng tức tối và nhất định chiều nay không thèm dẫn Thảo đi đào trộm khoai lang.

*

Phùng ngồi yên lặng nhìn ra bãi đậu xe. Anh thấy một chiếc xe cũ vừa tấp vào gần cửa tiệm. Chiếc xe màu vàng xậm, chạy đường viền nâu. Tài xế là một người đàn ông, có lẽ, nói một thanh niên thì đúng hơn. Bên cạnh là một người đàn bà. Cả hai đều là người Mỹ, da trắng, còn rất trẻ. Tuổi họ chắc chưa qua khỏi ba mươi. Phùng đoán họ là hai vợ chồng.

Chiếc xe đậu vào một chỗ sát cửa tiệm. Người đàn bà nhoẻn miệng cười, có vẻ vừa ý về chỗ đậu xe tốt. Người đàn ông tắt máy, chui ra khỏi xe. Người anh ta cao lớn, tóc vàng, khuôn mặt thon, trông rất thanh nhã. Anh vừa ra khỏi xe liền mở cửa sau, tháo dây ghế ngồi cho một đứa bé gái chừng năm tuổi. Anh ẩm đứa bé, đặt xuống đất rồi dẫn nó đi vòng qua bên kia xe.

Người chồng, một tay dẫn đứa con gái, một tay mở cửa xe cho người đàn bà. Anh đứng chờ cho vợ ra khỏi xe mới tự tay đóng cửa lại.

Người đàn bà bước ra ngoài, vuốt quần áo cho thẳng nếp. Người chị cũng cao lớn lắm, đứng ngang mang tai người chồng. Mái tóc chị vàng, mũi cao, khuôn mặt cân đối và có duyên. Bề ngang chị xồ xề nên trông có vẻ to lớn hơn người chồng.

Người vợ trông hớn hở lắm, cứ đưa mắt nhìn quanh trên bãi đậu xe. Còn người chồng, tay vẫn giữ đứa con gái còn tay kia mở cửa xe. Anh lui cui lôi ra một cái nôi, trong đó có một đứa con trai, tuổi chừng sáu hay bảy tháng.

Người chồng đạp cửa xe cho

đóng lại rồi khệ nệ, tay ôm cái nôi, tay dẫn con gái tiến vào quán. Người vợ đủng đỉnh đi sau, trông nhàn hạ như không có chuyện gì để làm.

Phùng thấy người chồng tới sát cửa, anh định bước tới giúp anh ta. Nhưng Phùng suy nghĩ lại, khoảng cách từ chỗ anh ngồi cho tới cửa, hơi xa. Hơn nữa, anh chồng còn người vợ đi sau mà.

Phùng đang dụ dự thì người chồng đã đến cách cánh cửa chừng ba bước. Anh xoay lưng lại, vừa đi lui vừa đẩy cánh cửa. Hành động của anh vừa nhanh vừa chính xác. Nhưng không may cho anh, cửa tiệm có tới hai lớp để tạo sự cách nhiệt giữa bên trong và ngoài trời. Do đó anh phải đứng lại, giữ cánh cửa mở cho vợ con đi vào.

Đến lúc này Phùng mới thấy người vợ đưa tay giữ cánh cửa cho chồng. Phải thế chớ, Phùng tự nghĩ, ít ra chị nên biết nghĩ đến người khác một chút.

Bấy giờ, người chồng tiếp tục đi lui và lấy lưng đẩy lớp cửa thứ hai ra. Sau đó anh lại đứng yên giữ cánh cửa mở. Đứa con gái liếng thoắng chạy vào trước nhưng nó không đi xa được vì người cha còn nắm chặt tay nó. Còn người vợ bước theo sau. Lần này chị không thèm đoái hoài đến chồng. Chị thong thả bước gần tới quày, đưa mắt nhìn bảng thực đơn trên vách.

Phùng cảm thấy hết sức bực bội. Anh không muốn nhìn cảnh hai vợ chồng ấy nữa. Anh hớp một ngụm cà phê rồi suy nghĩ lại. Anh phải bật cười. Chuyện của người ta, không can dự đến mình. Tại sao anh lại cưu mang những điều thị phi như vậy. Bao nhiêu chuyện rối rắm đã làm anh nhức đầu quá rồi.

*

"Rau răm, rau quế, rau húng... Rau răm, rau quế, rau húng... Rau..."

Thảo vừa chạy vừa lẩm nhẩm đọc tên mấy thứ rau. Hai bàn tay nó nắm lại, hai ngón cái bấm vào gốc hai ngón út.

Chợt có tiếng gọi giật ngược:

"Thảo, làm gì đó?"

Thảo dừng lại, nhìn qua hai bên. Nó thấy Phùng đang ngồi trên một tảng đá bên đường, tay cầm cây nạng giàn thung. Phùng thấy Thảo ngơ ngác, bèn hỏi lại:

"Mày làm gì mà vừa chạy vừa đọc kinh vậy?"

Thảo ú ớ nói:

"Rau..."

"Rau gì?"

Thảo giậm chân, nhăn mặt muốn khóc:

"Quên mất rồi."

Phùng cười thích chí:

"Mày quên cái gì?"

"Má tui biểu đi mua rau. Nhưng tại anh đó!"

Phùng trố mắt nhìn Thảo:

"Tao có làm cái gì đâu?"

Thảo xụ mặt, phụng phịu:

"Quên mất rồi, má tui biểu đi mua rau. Anh kêu giựt ngược làm tui quên mất tiêu."

"Té ra mày lẩm bẩm để khỏi quên chớ gì. Tao tưởng mày đọc kinh trừ ma."

Thảo hất mặt, hỏi lại:

"Tui đọc kinh hồi nào?"

Phùng chỉ bàn tay Thảo:

"Chớ đứa nào vừa chạy vừa bắt ấn đó."

"Tui bắt ấn thì kệ tui chớ."

Phùng nghiêm giọng nói:

"Tao biết khúc đường này có nhiều ma lắm. Con trai không bị nhát chớ con gái đi qua đây thế nào cũng bị."

Thảo sợ hãi hỏi:

"Anh nói thiệt hôn?"

"Thiệt! Tao ra đây chờ mày, coi có chuyện gì nguy hiểm không."

"Thiệt hả?"

"Ừa, chớ mắc mớ gì tao ngồi đây."

"Anh tính cứu tui phải hôn, nhưng bộ tướng anh cũng nhát thấy mồ."

Phùng nhảy xuống tảng đá, vung tay nói:

"Tao không sợ ma đâu. Đừng lo, có tao thì ma không dám nhát mày."

Thảo gục gặc đầu đầy tin tưởng:

"Anh nói thiệt hôn?"

"Thiệt chớ. Bây giờ tụi mình đi mua rau cho má mày rồi đi bắn chim".

Thảo lắc đầu, phụng phịu:

"Tui đâu biết rau gì?"

"Chớ mày nói cái gì lúc nãy?"

"Tui nói cho khỏi quên, tại anh kêu lớn quá."

TRẦN THIỆN HIỆP

ĐỒI TRĂNG

Trăng tròn em ngủ đồi trăng
Ru em ngon giấc xin bằng lời thơ
Sầu đưa tiếng sóng vỗ bờ
Mong em hạnh phúc tình cờ chiêm bao

Lá trăng đùa gió lao xao
Hồn ta cổ sử lối vào mênh mông
Ru em ngủ giấc thật nồng
Để trăm cánh bướm về trong mộng lành

Lạc đàn vạc gọi đêm xanh
Ủ vai em lạnh xin dành vòng tay
Ru em lục bát tình đầy
Ru em vỗ nhịp bàn tay trắng ngần

Sao trời kết giải sông ngân
Tóc em sương đọng những ngần ấy sao
Ru em hồng giấc trúc đào
Mà nghe trong mộng tiếng chào gọi vui

Phùng an ủi:

"Tụi mình đi về hỏi lại. Mày hỏi bác Ba xong, chạy ra cho tao hay. Tao nhớ phụ cho, rồi tao dẫn đi mua rau, khỏi bị ma nhát.

Thảo vui vẻ gật đầu:

"Ừa, nhưng sao anh tốt với tui quá vậy?"

Phùng đáp ngay:

"Thì tụi mình là bạn, mày là con gái, con nít, còn tao là con trai phải giúp đỡ kẻ yếu."

"Thiệt hả?"

"Thiệt chớ!"

"Nhưng anh cũng là con nít vậy."

"Nhưng tao lớn hơn mày."

Thảo bằng lòng với lời giải thích của Phùng. Hai đứa quay về nhà. Dọc đường, Thảo nhớ chuyện trong lớp bèn hỏi:

"Ông thầy đánh anh đau không?"

Phùng "hứ" một tiếng rồi nói:

"Nhằm nhòi gì tao."

"Sao tui thấy anh vò đầu hoài. Chỗ đó sưng một cục bự lắm. Bây giờ anh còn đau không?"

"Hết rồi."

"Tui biết anh còn đau."

"Mày xạo."

"Thiệt mà, tui thấy anh cứ rờ chỗ đó. Bác Tư không xức dầu cho anh hả?"

Phùng cảm thấy hai mắt cay cay rồi hít mũi một cái "rột". Thảo quay lại hỏi:

"Anh làm gì vậy?"

"Tao bị bụi vô mắt."

"Anh bị bụi vô mắt sao chảy mũi?"

Phùng quay mặt ra chỗ khác, nói át đi:

"Mày đừng có hỏi lộn xộn. Bữa nay tao sẽ bắn cho mày mấy con chim bự."

"Ừa!"

*

Phùng nhìn ra vệt nắng ngoài hành lang. Anh mỉm cười, tự nghĩ, có lẽ anh yếu thật. Thảo coi nhỏ nhắn vậy chớ gan lì và ít khi khóc, không như anh.

Trong tiệm, hai vợ chồng kia đã chọn cái bàn ngay trước mặt Phùng. Người chồng ẵm đứa con gái đặt lên ghế, bưng cái nôi để trên cái băng dài. Anh quay lại hỏi vợ chọn món gì rồi bươn bả đi lấy thức ăn.

Phùng nhìn người vợ. Khuôn mặt chị trộng thật tươi tắn. Chị đang nhìn đứa con trai trong nôi. Mắt chị mở lớn và môi hơi nhếch lên. Chị có vẻ như cười mà không phải cười. Hình như vẻ mặt chị lúc nào cũng vui tươi một cách tự nhiên. Chị thò tay búng cái "tróc" trước mặt thằng bé. Phùng thấy đứa bé nhoẻn miệng cười. Đứa bé gái ngồi gần đó, thấy vậy cũng bật cười hăng hắc.

Bên này, Phùng nhìn hai đứa bé, anh cũng mỉm cười. Nhưng khi anh ngó người đàn bà ấy thì anh không thể cười được. Anh nhớ lại những hình ảnh tương tự như thế trong gia đình. Ba anh hay có thái độ như vậy. Trong khi má anh lui cui dưới bếp, loay hoay, quần quật với công việc nhà, thì ba anh thường ngồi uống trà, xem sách. Thỉnh thoảng ông cũng búng tay hay khều, chọc ghẹo đứa em nhỏ của Phùng. Hình ảnh đó anh tưởng như đã mất biến trong quá khứ xa lắc xa lơ. Không ngờ nó trở lại với anh qua thái độ của người đàn bà kia.

Phùng nhìn khuôn mặt thơ thới của người vợ rồi gục gặc đầu, đồng ý với những ý nghĩ trong đầu mình. Tất cả những đau khổ trên đời thì anh chồng đã gánh hết rồi.

Trong khi Phùng đang suy nghĩ thì người chồng trở lại. Anh khệ nệ bưng cái khay chất đầy thức ăn và nước uống. Khi anh vừa đặt cái khay xuống bàn thì đứa bé gái reo lên sung sướng, nó chụp ngay cây kem. Phản ứng đứa con quá nhanh nên khi người cha thấy được thì nó đã đưa cây kem vào miệng rồi.

Người chồng nhìn vợ tủm tỉm cười. Cả hai để yên cho đứa con gái muốn làm gì thì làm.

Hai vợ chồng soạn mấy món thức ăn ra bàn. Người chồng vừa ngồi xuống thì người vợ chợt nói mấy câu gì đó. Anh chồng liền đứng dậy đi ngay. Một lát sau anh mang lại hai ống hút và mấy miếng giấy lau. Bây giờ thì hai vợ chồng bắt đầu ăn.

Người vợ ăn thật ngon lành. Nước mỡ và cà chua chảy qua tay chị, nhểu từng giọt xuống bàn. Người chồng lấy khăn giấy lau sạch những vết dơ trên bàn. Anh lấy cái ống hút cắm vào ly nước ngọt rồi đẩy một ly qua phía người vợ.

Phùng hớp một chút cà phê, tiếp tục quan sát. Người vợ ăn thật thong thả và ngon lành còn anh chồng thì ăn ngấu nghiến. Một thoáng qua, người vợ ăn chưa hết phân nửa thì người chồng đã ăn xong. Anh uống một chút nước rồi lấy khăn, lau mặt cho đứa con gái. Anh lại từ tốn bẻ bánh mì ra từng miếng nhỏ, đút cho đứa bé.

Đứa con gái há miệng ăn. Đột nhiên nó bỏ cây kem rồi chụp ngay ly nước trên bàn. Bàn tay nó nhỏ xíu và hết sức vụng về nên quơ đổ ngay ly nước. Người cha chưa kịp chụp ly nước thì đứa con thò tay nắm ngay một mớ khoai tây chiên. Những động tác của người cha rất nhanh nhưng bàn

NGUYỄN VĂN NGỌC

DẠ KHÚC 3

Đêm sâu phố ngủ tôi về
Xe lăn dốc mỏi, thân nghe rã rời
Đèn khuya một vệt mù khơi
Soi tôi hiu hắt mảnh đời lạ xa
Hát thầm theo tiếng ai ca
Tình như chiếc lá bay xa cuối mùa
Hát thầm, tôi gọi buồn xưa
Vỡ cùng những tiếng giầy khua lòng đường.

tay đứa con còn nhanh hơn. Nó quơ qua quơ lại một hồi thì thức ăn, nước uống đã đổ vung vãi trên bàn.

Mặt mũi đứa con lem luốc đầy kem và cà chua. Người chồng vội lấy giấy lau mặt cho nó. Trong khi đó, đứa bé lòn tay đập lên bàn. Lúc này thì bao nhiêu kem, cà chua, nước ngọt văng tung tóe lên mặt hai vợ chồng.

Phùng thấy tình cảnh người chồng như vậy, anh cảm thấy thật bực bội. Nếu là người chồng kia chắc anh sẽ hét lên cho đã giận hay đánh đứa con một phát. Nhưng không, người chồng nhìn vợ rồi cả hai cười xòa vui vẻ.

Phùng vuốt ngực cho bớt bực bội. Anh không biết vì sao mình giận. Anh dựa ngửa lưng vào ghế, duỗi chân ra, nhìn lên trần nhà. Chuyện của mình chưa giải quyết được lại đèo bồng đến chuyện người khác làm gì.

*

"Tụi mình ra bờ sông đi em."

"Hàng xóm họ thấy, kỳ lắm."

Phùng bật cười:

"Mình quen nhau bao nhiêu năm rồi, chẳng lẽ người ta không biết hay sao."

Thảo lúc lắc đầu, ấp úng:

"Nhưng họ thấy mình ngồi kế nhau bên bờ sông, họ nói lại với ba má em."

Phùng gạt ngang:

"Kệ họ, ngày mai anh lên Saigon rồi, lâu lắm mình mới gặp lại."

"Anh phải nhớ viết thơ cho em nghe."

"Ừa!"

Phùng đưa tay định nắm bàn tay Thảo nhưng cô vội thối lui lại:

"Anh đi trước, em theo sau. Mình đi xa xa một chút."

"Thì đi xa hay gần cũng vậy thôi."

Thảo lắc đầu:

"Khác chớ, mình đi xa ra, hàng xóm họ tưởng mình tình cờ gặp nhau."

Phùng bật cười:

"Thôi được, tụi mình tình cờ đụng mặt rồi ngồi chung với nhau ngoài bờ sông."

Thảo gật đầu, căn dặn:

"Anh đi trước lẹ lên, em ra quán mua cái này một chút."

Phùng sốt ruột hỏi:

"Em mua thứ gì vậy?"

"Thì anh ra ngoài đó trước đi."

Phùng ra bờ sông, chọn một chỗ khuất sau mấy lùm cây. Một lát sau Thảo đi ra, cô loay hoay tìm lâu lắm mới ra chỗ Phùng ngồi. Cô kêu lên:

"Trời đất, anh chui vô bụi làm gì vậy?"

Phùng bực bội đáp:

"Anh ngồi ngay bờ sông chớ chui vô bụi hồi nào. Mình phải ngồi chỗ khuất một chút để hàng xóm không thấy."

Thảo gật đầu nhưng có vẻ dụ dự:

"Hàng xóm họ thấy được mình núp trốn trong bụi như vầy thì họ đồn đãi dữ lắm."

Phùng mất hứng, đứng lên:

"Em không chịu thì thôi."

"Không phải em không chịu nhưng mình ra ngồi chỗ trường giang cho thiên hạ thấy thì họ không nói gì được."

Phùng vào Thảo ra ngồi trên đám cỏ trống trải bên bờ sông. Thảo bỏ bó mía xuống đất. Phùng giật mình hỏi:

"Em mua mía làm gì mà nhiều quá vậy?"

"Thì mua để ăn, mình ngồi đây lâu mà."

"Nhưng không có dao, làm sao ăn được."

Thảo khoác tay:

"Đâu cần dao, mình vừa xước vừa ăn. Thôi ngồi xuống đây đi anh."

Thảo bỏ đôi guốc ra, ngồi xuống cỏ. Cô phủi sạch một chỗ cho Phùng. Hai người ngồi nhìn

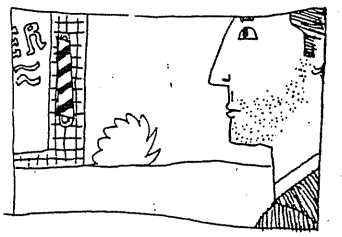

HỒ ĐẮC VŨ

CÓ AI

Tôi vẫn thấy
Trong đáy ly rượu cuối cùng
Nụ cười của ai
Không mấy thật thà lắm
Tôi còn nghe
Trong lời đãi bôi chào hỏi
Ánh mắt lóe, hẹp hòi ưu tư.
Hãy để trái tim tuôn máu
Chảy nhịp yêu thương dưới cùng thịt da
Đau lên kiếp dài ở đậu
Đay nghiến mỗi ngày giữa chúng ta.
Lỡ mai thức dậy
Còn xoay vần với cuộc sống.
Lỡ mai chạy nợ
Vay trả chúng sinh.
Đêm về
Phút lặng yên, rời rã thật tình
Ôm mặt
Nghĩ gì, giữa có và không.

LƯU VĂN VỊNH

CHÚ CUỘI NHỔ GỐC CÂY ĐA

Vò linh tửu
Trên bàn bát quái
Giữa có và không
Chân đạp cõi hỗn mang,

Đám bụi tinh vân bầy trẻ đâu nghịch ngợm
Cầm chổi sao quét mây ngợp sông ngân.

Gã Tề Thiên trộm nỏ thần đem giấu
Dưới núi Nùng vừa đúng bốn ngàn năm,
Phật Quan Âm lắng tai nghe tiếng sóng
Từ biển Đông cả thế giới kêu oan!

Mặt trăng vắng hoe
Chú cuội nhổ gốc đa
Tản cư khỏi cõi ta bà
Có những phi thuyền phóng uế
Lên Trời Tiên bẩn xiêm áo Hằng Nga!

Địa cầu nặng thêm gấp bốn
Năm tỉ sinh linh thiếu túc số mạng tinh
Vong thân lạc lối dưới Thiên Đình

Ma Vương hoành hành
Xóa biên cương thiện, ác
Giả Thiên Lôi
Bom đạn nổ năm châu

Có chăng một ngả rẽ
Trên độc đạo Âm Cung
Khi thời gian là Địa Ngục vô cùng?

ra ngoài sông. Mặt nước trắng xóa và phẳng lì. Dòng sông rộng mênh mông. Phùng nhìn qua bên kia bờ, chỉ thấy một hàng cây xanh chạy thẳng tắp.

Thảo buồn bã hỏi nhỏ:

"Mai anh đi phải không?"

"Ừa! Nhưng em hỏi rồi mà."

"Thì em hỏi lần nữa cho chắc. Anh lên Saigon học tới mấy năm?"

"Bốn năm."

"Lâu quá vậy?"

"Thì bốn năm là sớm nhứt, có khi phải học lâu hơn nữa."

"Nhưng anh nhớ viết thơ nghe không."

"Nhớ mà, hai năm nữa em cũng lên Saigon vậy."

"Thì tới đó hãy hay."

"Em ở đây một mình, buồn quá."

Giọng Thảo nghẹt mũi như muốn khóc. Phùng an ủi:

"Anh sẽ viết thơ, vài tháng anh sẽ về thăm em."

Thảo đưa cho Phùng một cây mía:

"Ăn đi anh."

"Ừa!"

Cô cầm một cây đưa lên miệng xước rẹt rẹt. Phùng ăn không nổi. Anh cầm cây mía mà lòng buồn dịu vợi. Anh nghĩ tới ngày mai phải đi, cảm thấy không còn muốn gì nữa.

Thảo đăm chiêu nhìn ra ngoài bờ sông. Hai người ngồi như thế, lâu lắm, cho đến khi chạng vạng. Phùng nhìn lại, thấy bó mía mất tiêu, chỉ còn một đống xác nằm bên chân Thảo.

*

Bên bàn đối diện, người vợ đã ăn xong. Chị bỏ giấy lên bàn rồi lấy ly nước, thong thả uống. Người chồng lau mặt cho đứa con gái xong, nói với vợ vài câu gì đó.

Phùng thấy người vợ gục gặc đầu rồi ngồi yên, tiếp tục uống nước. Đứa bé gái lại la hét, toan nhảy xuống đất. Người chồng phải vịn nó, dỗ dành.

Một lúc sau, người vợ từ từ đứng lên nắm tay đứa bé. Chị không dỗ mà kéo nhẹ một cái làm đứa nhỏ tuột ngay xuống đất. Nó khoái chí nhảy lưng tưng. Người vợ thong thả đi về phía phòng vệ sinh. Đứa bé lon ton chạy theo.

Đến bây giờ Phùng mới hiểu

người chồng đã nhờ vợ làm chuyện gì. Thì ra chuyện mà anh không thể làm được nên mới nhờ vợ. Dẫn đứa con gái vào phòng vệ sinh thì anh không thể làm được và không được phép làm. Nếu người chồng làm được, Phùng bật cười, chắc anh ta đã không nhờ vợ chuyện đó.

Chưa hết, người chồng lui cui dọn dẹp bàn rồi gom hết mấy cái hộp, giấy lau, đem bỏ vào thùng rác. Anh trở lại, lau chùi bàn cho sạch mấy vệt kem và cà chua.

Người chồng đi đến thùng rác một lần nữa, bỏ hết mấy miếng giấy dơ vào đó. Trông cách làm việc Phùng biết anh ta rất cẩn thận và ngăn nắp.

Đến đây, Phùng mới phục người chồng này. Anh ta moi bên trong nôi ra một chai sữa rồi nhẹ nhàng kéo đứa bé lên cao một chút. Anh đưa chai sữa vào miệng cho nó bú. Đứa bé bám ngay nấm vú, nút chùn chụt. Mắt nó mở lớn, long lanh nhìn người cha.

Người chồng mỉm cười, đưa tay xoa đầu đứa bé.

Phùng cảm thấy bồn chồn. Hai bàn tay anh nắm lại, chân rọ rạy dưới bàn như muốn đứng lên. Anh nửa muốn đi ra ngoài để khỏi phải nhìn cảnh người chồng kia chăm sóc gia đình, nửa muốn nán lại xem anh ta còn giở trò gì nữa không.

Bên kia, người chồng nâng cao chai sữa lên rồi nhẹ nhàng lấy chéo khăn lau hai mép miệng đứa bé. Anh làm việc thật từ tốn và tỉ mỉ.

Một lúc lâu sau, Phùng không thấy người vợ và đứa con gái trở ra. Anh nhìn ra ngoài trời. Lúc này mặt trời đã lên cao. Nắng thôi chiếu qua cửa kính. Mặt nhựa trên bãi đậu xe nóng hừng hực làm hơi nước bốc lên nghi ngút. Phùng nhìn vào trong, đứa bé đã bú được hai phần ba chai. Mắt nó tròn xoe. Hai gò má nó phình lên xẹp xuống và sữa trong chai cứ tụt xuống dần.

Phùng quay ra ngoài, nắng chang chang. Anh nhìn vào trong, hai cha con kia đang hợp tác nhau trong chuyện bú sữa một cách hài hòa. Miệng người cha tủm tỉm cười, mắt đứa con long lanh hớn hở.

"Anh làm ơn cất cây súng vô chỗ nào đi."

"Anh để nó lên bàn một chút thôi."

Thảo liếc mắt ra đường:

"Ba má em đi ăn đám giỗ rồi. Ông ở nhà thì ổng đuổi anh rồi."

Phùng ngạc nhiên:

"Tại sao ổng đuổi anh?"

Thảo chắc lưỡi:

"Ba em không ưa lính và ghét súng lắm."

Phùng kéo cây súng ra giữa bàn:

"Vậy anh để nó ở đây thử coi."

Thảo kéo tay Phùng, nói nhỏ:

"Sao anh hay chống đối lại với ba em vậy."

"Anh đâu có chống, tại ba em nhứt định không chịu gả em cho anh."

"Thì em sẽ từ từ thuyết phục ổng."

"Lòng ba em như sắt đá, biết đến chừng nào ổng mới xiêu lòng. Em ra trường đi dạy đã mấy năm rồi còn anh đi mòn biết bao đôi giày lính. Em cứ nhìn chiếc xe kia thì biết bụng dạ ba em rồi."

"Ba em nói khi nào chiếc xe cây đó mục thì ổng mới gả em cho anh."

Phùng lắc đầu, thở dài:

"Xe đó là quà tặng của anh cho em sao ổng lại treo lên trần nhà. Em biết không, nó làm bằng gỗ trắc, đến lúc nó mục chắc anh chết mấy mươi đời rồi."

Thảo an ủi:

"Anh đừng lo."

Phùng bực bội nói:

"Em biểu không lo. Anh chờ riết, năm này qua tháng nọ, sốt ruột quá."

"Thì tụi mình nhứt quyết thương nhau, vậy đủ rồi."

"Đủ sao được, tụi mình cứ nhìn nhau mà nuốt nước miếng hoài, chịu sao nổi."

Thảo mỉm cười:

"Yêu thương mà anh làm như ăn bánh. Em nói đừng lo vì em đã khoét mấy cái lỗ trên mui xe."

"Khoét mấy cái lỗ thì ăn thua gì."

"Em còn bắt mấy con mối bỏ vô đó nữa."

Phùng giơ tay, kêu lên:

"Không được, xe không chịu mục đâu."

Thảo phân trần:

"Thôi được, anh chờ thêm một năm nữa. Nếu ba em không chịu gả thì em sẽ cuốn gói theo anh, chịu hôn."

Phùng gật đầu:

"Được, em hứa thì anh tin. Ờ, mà nhà có ai không?"

"Đâu có ai."

Phùng ngồi xích lại gần, nắm tay Thảo.

Thảo hoảng hốt, kêu lên:

"Ê, coi chừng hàng xóm thấy."

"Cũng hàng xóm, lính tới anh còn không sợ nữa kìa."

"Ừa, nhưng làm gì cũng từ từ đã."

*

Người vợ và đứa bé gái bước ra khỏi phòng vệ sinh. Họ thong thả trở lại bàn. Người vợ ngồi xuống, đối diện với Phùng còn đứa bé chăm chú nhìn em nó bú sữa.

Phùng thấy mặt người vợ có vẻ khác. Thì ra chị đã trang điểm lại, chân mày chị đậm và môi son cũng đỏ hơn. Khuôn mặt chị trông thật rạng rỡ. Còn người chồng lo cất chai sữa vào bên trong nôi, rồi quay lại vợ, nói gì đó. Anh còn nghiêng đầu hôn vợ một cái.

Người vợ đứng lên nhưng không bước đi. Chị đứng yên, nhìn qua cửa kính có vẻ như chờ đợi. Phùng không biết chị chờ chuyện gì.

Trong khi đó, người chồng ôm cái nôi còn tay kia dắt đứa con gái. Anh đi trước còn người vợ đủng đỉnh theo sau. Như vậy, Phùng biết chị đợi chuyện gì rồi. Chị muốn người chồng phải làm mọi việc như thông lệ đã có giữa hai người.

Người chồng đi ra ngoài, quay lưng lại đẩy cửa. Cũng may cho anh, cửa mở cả hai chiều nên anh không gặp trở ngại gì.

Tới đây, Phùng không muốn quan sát hai vợ chồng đó nữa. Anh cảm thấy, bao nhiêu đó đã quá đủ rồi. Anh phải trở về nhà. Trên đường, anh sẽ ghé chợ mua cá và rau cải. Anh sẽ đem lò than ra ngoài sân làm món cá nướng, cuốn bánh tráng với rau.

Thảo chưa đi làm. Anh sẽ yêu cầu nàng xin nghỉ hôm nay. Hai vợ chồng phải sống cho nhau. Anh và nàng nên đối xử tốt cho chính mình một chút.■

NGƯỜI ĐÀN BÀ MANG THAI TRÊN KINH ĐỒNG THÁP

THẢO TRƯỜNG

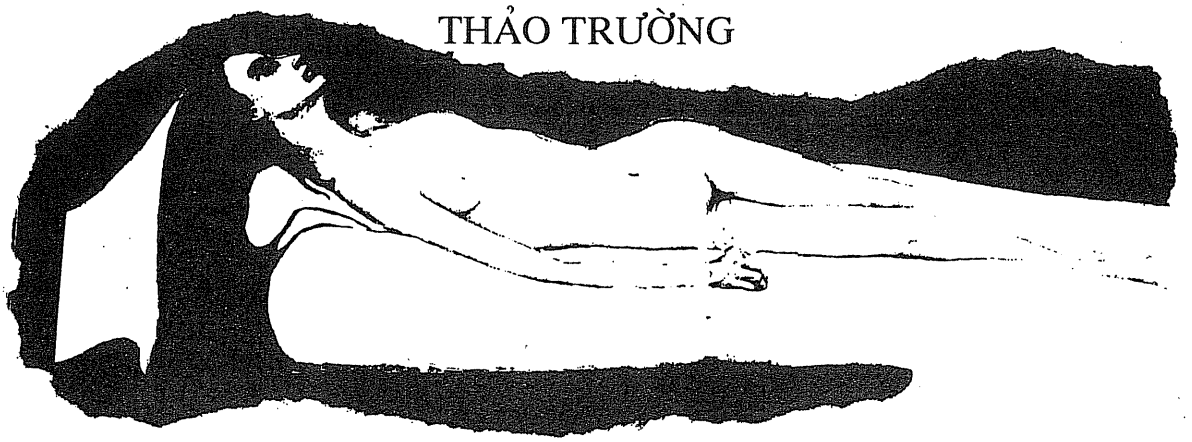

(1)

Con kinh thẳng tắp dài hun hút kéo từ Gấy Cờ Đen đến quận lỵ Mỹ An, nhìn trên bản đồ nó èo ọt như một chiếc que đan. Hai bên bờ kinh cây cối um tùm, ngả nghiêng che phủ gần kín hết ánh sáng của mặt trời chiếu xuống mặt nước. Kinh rộng độ mười thước, nước đục lờ đờ, vài cây bèo cam phận hẻo lánh.

Nhà cửa rải rác ẩn hiện dưới những tàn cây. Rất nhiều những con lạch nhỏ ăn thông từ cánh đồng ra lòng kinh. Đường mòn đã chật chội lại khúc khuỷu bởi những cây cầu khỉ bắc ngang những con lạch đó.

Nhà chị Tư ở khoảng giữa con kinh, gần bến đò, cuối đường đi vào Tháp.

Chị Tư sống và lớn lên ở đây. Ngoài thời gian mấy tháng phải về binh vận tại chợ quận, chị Tư không hề biết đến đời sống rộng lớn của cái thế giới này. Con kinh đã cô lập chị trong những kỷ niệm chật chội. Thật vậy, chị Tư chưa đi xa hơn đầu con kinh, chị Tư chưa đi quá chợ quận.

Chồng chị tập kết từ mười năm nay không về. Thỉnh thoảng chị cũng nhận được thư của anh do những người cán bộ chuyển từ ngoài Bắc vào. Thư nào chồng chị cũng nói là khỏe mạnh, vì bận công tác nên chưa về được. Vợ chồng chị lấy nhau được chừng nửa năm thì anh Tư đi theo bộ đội tập kết. Chị Tư ở lại với bà mẹ chồng, quanh quẩn, mòn mỏi. Bà mẹ anh Tư đã chết cách đây hai năm với một niềm ân hận là không được gặp mặt lại đứa con trai duy nhất của bà. Chị Tư từ đó chỉ còn một mình trong căn nhà vắng vẻ. Vào những buổi chiều chị ra ngồi ở bờ tre sau nhà, nhìn ra cánh đồng trống mênh mông, nghĩ tới anh Tư. Những lúc đó niềm cô đơn trong lòng chị nhức nhối rát ruột rát gan và chị ứa nước mắt cho số phận.

Hồi anh Tư mới đi tập kết, mẹ con chị sống côi cút với những hy vọng từng năm, từng năm, đợi ngày anh Tư trở lại.

Anh Tư chưa bao giờ trở lại nhưng có những đồng chí của anh trở lại. Lúc đầu họ còn ẩn hiện trong xóm, dần dần họ đi lại công khai, và tầm hoạt động của những người dân vệ trong đồn bến đò càng ngày càng thu hẹp lại. Đến một đêm súng nổ ran và lửa cháy thiêu trụi tất cả đồn đó. Ngày hôm sau máy bay đến oanh tạc dọc theo bờ kinh làm cho những cây cối vốn đã khẳng khiu lại càng khẳng khiu vì bị những lằn đạn làm ngã gục. Rồi thôi...

Những anh cán bộ vẫn tiếp tục chuyền từ nhà nọ sang nhà kia, hết rỉ tai từng người lại tập trung cả xóm học tập. Chị Tư biết đến những tiếng: Tự do, Dân chủ, Độc lập, Hạnh phúc, Căm thù, Đả đảo... và nhiều tiếng nữa từ đó.

Nhưng rồi chừng hơn một năm sau quân đội đến. Những anh cán bộ liền vắng mặt. Mẹ con chị Tư lại được biết thêm một số tiếng lạ nữa. Chị đi làm Ấp chiến lược, chị học tập "tam túc", "tam giác" trong vòng đai kẽm gai và bờ đất. Đồn dân vệ được xây cất lại với bộ mặt mới. Yên được một dạo.

Nhưng rồi những anh cán bộ lại ẩn hiện, lại mò mẫm rỉ tai trong đêm tối. Rồi đồn dân vệ lại nổ súng và cháy trụi. Ấp chiến lược thành ấp chiến đấu. Mấy anh cán bộ lại học tập. Mẹ anh Tư chết vào thời kỳ này và không biết bà chết vì bệnh gì. Chị Tư lúc này đã trở nên một người biết tới hai chủ nghĩa: Cộng sản và nhân vị. Chị có thể nói rất trôi chảy về những chủ nghĩa đó vì chị đã được nghe quá nhiều lần.

Rồi một hôm chị được đề cử đi binh vận tại chợ quận. Lúc đầu chị nhất định không chịu đi làm công tác đó, nhưng sau chị nhận được một lá thư do một anh cán bộ chuyển tới nói là của anh Tư ở ngoài kia gửi vào. Thư, anh Tư khuyên chị nên hăng hái đi công tác binh vận theo chỉ dẫn của các đồng chí cán bộ. Chị Tư khăn gói

lên chợ quận ở cùng với một cán bộ giả dạng làm em trai. Chị mở một quán cháo và từ cái quán cháo đó chị quen với một anh binh sĩ truyền tin trong quận. Chú em trai của chị cũng trở thành một anh dân vệ trong quận. Thời gian này chị Tư quên đi mất hình ảnh anh Tư, vì chị Tư đã được sống lại những cảm giác khoái lạc đến hỗn độn với anh binh sĩ truyền tin và "chú" em trai cán bộ. Chị dãy dụa trong những niềm hoan lạc tràn ngập đó.

Cuối cùng, đến một hôm, cái thai trong bụng chị máy động. Cái máy động thứ nhất làm chị bàng hoàng. Chị Tư hỏi "nó" là của ai? Của anh cán bộ hay anh binh sĩ truyền tin? Chị thẫn thờ cả người và chị muốn rời ngay cái chốn đó. Chị tự hỏi của ai? Chị muốn biết của ai? Cái thai của ai cũng được nhưng chị phải biết chắc là của người nào. Lúc này chị lại nghĩ tới anh Tư dữ dội. Và chị Tư bỏ dở công tác binh vận. Chị trở về căn nhà xiêu vẹo ở ven bờ kinh. Chị khóc ròng vì không biết cái thai của ai. Chị khóc ròng vì anh Tư đi mãi không về. Lúc đó chị mới nghiệm ra rằng trong những lúc chị quằn quại khoái lạc với anh cán bộ hay với anh binh sĩ truyền tin, chị không nghĩ tới anh Tư nhưng là những lúc chị sống lại, tìm thấy cái cảm giác mười năm về trước. Chị tìm thấy mà chị không biết là thấy.

Anh cán bộ cũng đào ngũ dân vệ, trở về xóm với chị. Anh hằn học với chị, anh mắng nhiếc chị đã làm hỏng kế hoạch của anh. Anh hành hạ chị ngay cả những lúc anh ngủ với chị. Cái thai mỗi ngày một đập mạnh và bụng chị Tư lớn dần lên. Một hôm chị hỏi anh cán bộ cái thai trong bụng chị là con của ai, anh ta bảo là con của Đảng.

Trong phong trào thi đua đặt chông bẫy diệt Mỹ phòng thủ xóm, anh cán bộ giao cho chị Tư một quả lựu đạn, bảo chị phải kẻ một khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ" mắc lên một thân cây và gài trái lựu đạn vào sau tấm biểu ngữ làm bẫy. Anh còn làm cho chị xem rồi tháo ra để chị làm lấy. Anh lý luận rằng phải chính chị tự tay làm lấy để cho hành động thấm nhuần tư tưởng!

Chị Tư ì ạch kẻ khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ" trên một tấm ván gỗ. Chị Tư ì ạch vác thang ra gốc cây trước cửa nhà. Chị Tư ì ạch mang cái bụng chửa lên thang. Chị Tư ì ạch đóng đinh tấm bảng vào thân cây và buộc quả lựu đạn nơi phía sau tấm bảng. Chị Tư ì ạch cột sợi giây oan nghiệt từ chốt lựu đạn sang một cành cây. Trước cặp mắt khuyến khích của anh cán bộ đứng dưới. Mồ hôi chị Tư vã ra ướt đẫm cả quần áo. Chị tuột xuống thang trở vào nhà thay quần áo khác rồi trở ra ngồi ở bậc cửa nhìn lên tấm bảng khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ".

Anh cán bộ mang hộ chị chiếc thang vào sau nhà, xong cũng ra ngồi kề bên chị. Chị Tư ứa nước mắt nhìn tấm bảng, nhìn anh ta, rồi chị giắt anh ta vào giường. Chị Tư đè ngửa anh cán bộ xuống rồi chị khóc nấc lên thành tiếng: "Tôi đây, tôi là của anh, nhà của tôi là của anh, cái bào thai này cũng là của anh. Nó phải là của anh!" Anh cán bộ ú ớ dưới ngực chị: "Nó là của Đảng! Tất cả là của Đảng!"

Cuộc hành quân đến xóm đó thì dừng lại. Người sĩ quan chỉ huy bước vào nhà chị Tư. Anh cán bộ không còn ở đó. Chị Tư ngồi ôm bụng trên chiếc chõng tre nhìn người sĩ quan. Người sĩ quan quan sát khắp gian nhà. Bên ngoài toán lính đang xục xạo tìm kiếm. Một anh vào báo cáo với người sĩ quan, cuộc tìm kiếm không có gì khả nghi ngoại trừ cái khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ". Người sĩ quan ra lệnh không ai được đụng tới tấm bảng. Mới lúc nãy đây đã mất hai người đồng đội của họ chết vì vô ý giật một tấm khẩu hiệu trên cây xuống và đã bị lựu đạn nổ tan xác. Người sĩ quan bước ra dưới gốc cây ngước lên quan sát rồi trở vào hỏi chị Tư "ai gài tấm biểu ngữ Đả đảo Đế quốc Mỹ ngoài kia?" Chị Tư nói "Tôi gài". Người sĩ quan nói "ra gỡ xuống". Chị Tư nói "Lạy cậu nổ chết tôi". Người sĩ quan lại hỏi "Chồng chị đâu?" Chị Tư trả lời "mất tích mười năm nay rồi". Sĩ quan nói "Tập kết hả?" Chị Tư gật đầu và y quát chị ra gỡ tấm khẩu hiệu xuống. "Chị làm chị chịu ai bảo cài lên".

Chị Tư vẫn ngồi ì ra. Người sĩ quan rút súng lên đạn. Chị Tư hoảng sợ ôm bụng ì ạch đứng dậy. Chị Tư ì ạch với cây gậy dựa nơi góc nhà. Chị Tư ì ạch bước ra gốc cây. Chị Tư ì ạch dơ gậy lên giáng thật mạnh vào tấm bảng khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ". Và trái lựu đạn văng xuống. Chị Tư hốt hoảng vứt gậy bỏ chạy. Toán lính nằm rạp cả xuống. Nhưng trái lựu đạn không nổ. Chị Tư ngã sấp mặt xuống trước cửa nhà. Nước mắt chị trào ra. Ngất đi...

Chị Tư bị động thai. Người sĩ quan bế chị vào nhà đặt nằm trên giường săn sóc cho chị. Suốt đêm đó chị Tư bị hâm hấp sốt, thỉnh thoảng bị chuyển bụng. Người sĩ quan đứng cúi đầu bên giường chị. Chiếc đèn dầu lập lòe chiếu chiếu bóng hắn hắt lên vách méo mó.

Gần sáng chị Tư sinh một đứa con trai thiếu tháng. Người sĩ quan đỡ đẻ cho chị, anh ta làm công việc đó rất chăm chỉ. Đứa bé khỏe mạnh khóc lên những tiếng làm cho anh ta vui ra mặt. Hắn luôn luôn sờ trán chị Tư. Chị đã tỉnh và mỉm cười với hắn. Hắn cười lại... Sáng hôm sau y sĩ đơn vị đóng cách đấy hơn cây số được mời tới săn sóc cho mẹ con chị Tư.

Mấy hôm sau, người sĩ quan đến hội đồng xã, mới được thành lập lại một lần nữa tại đồn dân vệ bến đò, làm khai sinh cho đứa bé. Hỏi cha nó đâu chị Tư lắc đầu trả lời không có, nên người sĩ quan bèn khai cho nó mang họ của ông ta. Lúc trở về căn nhà chị Tư, người sĩ quan lại sờ trán chị Tư, sờ trán đứa nhỏ và nói với mẹ con chị rằng có lẽ anh ta cũng đã có nhiều con nhưng không biết chúng ở đâu và chưa hề khai sinh cho đứa nào. Bèn khai sinh cho đứa nhỏ này mang dòng họ của mình.

NHẮN TIN

Nhắn cậu nhỏ mang dòng họ cùng với tôi, hai mươi năm nữa cậu khôn lớn (lời Nhắn Tin này chỉ gửi đến cậu khi cậu đã trên hai mươi tuổi), lúc đó tôi không biết cậu sống trong hoàn cảnh nào, trong một xã hội nào. Cậu cho tôi xin cậu một điều là trước

khi cậu hành động, trước khi tranh đấu, trước khi cách mạng, trước khi biểu tình, trước khi đảo chánh, trước khi lật đổ, trước khi hội thảo trước khi thụt két, trước khi hành lạc, trước khi đập phá, trước khi hy sinh... nghĩa là trước khi quyết định làm một việc gì, xin cậu... chỉ xin cậu hãy nghĩ đến người đàn bà mang thai khốn khổ, hãy nghĩ tới những người mẹ bị rất nhiều chủ nghĩa với những danh từ hoa mỹ hành hạ. Xin cậu hãy nghĩ tới cái hình ảnh đó, tôi cầu xin cậu như thế, vì tôi chính là tên sĩ quan đã hành hạ mẹ cậu, đã đỡ đẻ cho mẹ cậu sau khi các đồng đội của tôi chết vì những thứ khẩu hiệu như cái khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ" ấy.

(27.11.1964.)

KHẨU HIỆU (2)

Tôi gặp lại người sĩ quan ấy mười lăm năm sau ở một trại giam tại miền thượng du Bắc Việt Nam. Chúng tôi là tù binh bị cộng sản đưa đi đày biệt xứ. Rời Miền Nam, dồn xuống những con tàu thủy, trong những khoang chở hàng dưới hầm, tối, nóng, chật, ngộp thở hôi hám, nhiều ngày đêm chập chờn trên biển để ra miền Bắc và được cho biết là "có đủ điều kiện học tập chính qui hơn". Ngày thứ sáu lên bến Thủy, chuyển lên xe lửa, cũng lại là những toa xe sắt, tối, nóng, chật, ngộp thở hôi hám, nhiều ngày đêm lắc lư trên đường ray để lên mạn thượng du và được cho biết là chúng tôi đã đang ở "miền Bắc xã hội chủ nghĩa" hậu phương lớn của Miền Nam. Trong suốt những ngày di chuyển bằng tàu thủy hay bằng xe lửa ấy chúng tôi chỉ được cấp ăn đồ khô rất ít, nước uống cũng rất ít, điều này được giải thích khoa học là để bớt đi tiêu đi tiểu. Nhu cầu bài tiết trên tàu trên xe trong khi hai người bị còng tay chung làm một, là một điều rất khó khăn. Vì thế khi tới vùng thượng du núi rừng trùng điệp, dồn vào trong các trại giam mới cất bằng cây trên các sườn đồi bên các dòng suối, chúng tôi như vừa từ trong các hộp kín được ùa ra nơi có ánh sáng và gió thổi. Rồi cứ thế mà sống, ngày đi rừng chặt cây cối về làm lán trại, đến bữa ăn củ khoai củ sắn, đêm hoặc mê sảng hãi hùng, hoặc thổn thức nhớ vợ thương con, hoặc nuối tiếc cho những công lao của mình đã đóng góp để xây dựng một xã hội tan rã với bao nhiêu là sinh mạng đồng đội. Một biện pháp Cộng sản thường áp dụng để đề phòng tù móc nối tổ chức nhau nổi dậy hay đào thoát là: chuyển đội, chuyển nhà, chuyển trại. Chỉ trong hai năm chúng đã xào xáo biên chế liền liền đến nỗi tôi đã bị thay đổi chỗ ở hơn mười lần. Và cũng vì thay đổi nhiều lần nhiều nơi như thế nên tôi đã gặp được nhiều đồng đội mà lúc đó chúng tôi coi nhau là đồng cảnh. Những người lính thất trận sống chung trại giam bị cộng sản khống chế cào bằng gọi nhau bằng anh xưng tôi quên đi cấp bậc và hệ thống quân giai cũ. Ít nhất là trước mặt bọn cán bộ và cả những kẻ làm tay sai cho chúng, không còn tướng tá úy gì nữa cả. Thế cho nên tù binh gặp nhau, xa nhau, trong một tình cảm rất bẽ bàng. Những anh đầu hàng thì "hàng thần lơ láo", còn tù binh thì bẽ bàng, lầm lì, cúi đầu. Cộng sản cũng không muốn thấy tình trạng ưu tư buồn thảm ấy nên chúng đã cho các đội trưởng, đội phó dựng chúng tôi dậy khua động lên bằng cách bắt sinh hoạt, ca hát, vỗ tay... phải làm ra vẻ vui tươi, yêu đời, an tâm tin tưởng... Người sĩ quan đến với tôi trong cái hoàn cảnh khóc cười ấy. Khi ôm chiếu đến phòng giam đó thì chính anh ta là người chỉ chỗ nằm cho tôi. Anh ta là đội trưởng kiêm nhà trưởng nên anh ta là người xếp chỗ nằm cho những người trong đội trong nhà ấy. Việc sắp xếp đó thường có "chỉ đạo" của cán bộ và đều có dụng ý làm sao cho trong phòng giam, dễ bề theo dõi... Người sĩ quan đó hội ý với đội trưởng của tôi xong hai người chỉ cho tôi chỗ nằm sát cầu tiêu. Phòng giam có một lối đi giữa hai bên là sạp ngủ và cuối của cái lối đi nhỏ đó là nhà cầu. Khi một trăm tù binh bị lùa vào trong nhà và cửa khóa lại thì việc đi tiêu đi tiểu của cả một trăm người ấy đều xả cả vào trong cái nhà cầu nhỏ, tối, hôi hám ấy. Thường thì ai cũng sợ chỗ nằm gần nhà cầu. Tôi trải chiếc chiếu lên chỗ sạp trống mà anh đồng cảnh mới vừa xích ra: "một ô bốn người nằm thì mỗi người được một chiếu bề ngang, có thêm anh chia làm năm mỗi người còn 65cm chiếu nọ phải chồng lên chiếu kia một gang tay mới đủ". Có tiếng một người khác, anh ta đang xích đồ trên "xích-đông" cũng là để chừa chỗ cho tôi: "Có đâu mà 65cm, chính xác là 63cm cho mỗi "cải tạo viên". Lại có tiếng một anh khác "Cơm đọng, áo số,

chỗ nằm đo, cứ thế mà tiến lên..." Tiếng nói ngừng ở đấy nhưng tù binh ai cũng hiểu là người nói không giám nói hơn nữa, ai cũng hiểu là mấy tiếng bị bỏ lửng là bốn chữ "chủ nghĩa xã hội"! Trong phòng đột nhiên cũng trở nên im lặng, sự im lặng thường thấy trong những trường hợp người ta phải dè chừng đề phòng trước một tai biến, đe dọa nào đó. Tôi lui cui sắp túi đồ của tôi vào chỗ được chia rồi ngả lưng nằm thử trên cái phần mặt bằng và ngửa mặt nhìn lên cái phần không gian của quê hương mà mình được phân phối. Tôi nhắm mắt lại cố gắng không nghĩ ngợi gì. Từ ngày đi tù tôi cố gắng tập cho mình cái thói quen là không nghĩ gì, cố gắng im lặng để "dưỡng thần". Khi nào nằm được thì nằm, khi nào ngồi được thì ngồi, lững thững được thì đừng có vội vàng hấp tấp... Tôi lẩn thẩn tìm ra cho mình một cách sống mà tôi gọi đùa là "chủ nghĩa dựa cột", biết thì thưa thốt không biết thì dựa cột mà nghe, ai nói gì, làm gì thây kệ người ta, ông bà mình dạy thế. "Kệ mẹ nó" tôi thường tự nhủ với mình thế mỗi khi phải chứng kiến những cảnh trái tai gai mắt xung quanh mình. Được xếp chỗ nằm ngay sát cầu tiêu, tôi thấy cũng là một cái hay, đó là một chỗ không ai nhòm ngó. Một mảnh đất xấu ít có nguy cơ bị xâm lấn. Mùi hôi khai ngửi miết rồi cũng quen sẽ không còn cảm thấy hôi khai nữa. Đúng ra, nếu chú ý đến nó thì sẽ nghe thấy hôi, nhưng nếu lắng nghe tất cả mọi nơi thì chỗ nào cũng đều hôi cả, thế cho nên lại phải áp dụng sách "kệ mẹ nó" cho qua tất cả. Nằm được một lát thì anh ta tới. Tôi

ngồi dậy "tiếp khách". Dù gì đi chăng nữa thì anh ta cũng đang là kẻ đến thăm và dù gì đi chăng nữa thì tôi cũng đang tiếp anh ta tại chỗ của mình. Tôi ngồi xích vào và tựa lưng nơi vách nhà cầu: "Ngồi chơi, hữu bằng tự viễn phương lai bất diệc lạc hồ". Anh ta xà xuống ngồi trên manh chiếu: "Ăn chưa?" Tôi gật đầu: "Cũng như chưa." Anh ta cười tỏ vẻ hiểu ý và nhắc lại: "Ăn rồi cũng như chưa!" Tôi nói cho có chuyện: "Trước khi chuyển chỗ đã được lãnh một củ sắn bèn cất ngay vào bụng cho chắc ăn và cũng là tiện lợi hành trang gọn nhẹ." Anh ta nói: "Lâu lắm rồi mới gặp lại ông." Tôi gượng gạo: "Và gặp nhau trong nông nỗi này." Chợt anh ta hỏi: "Bác sĩ người ta về nhiều hoặc cũng ở trong Nam, sao ông "lạc" ra tới đây?" Tôi lắc đầu: "Nào ai biết được cái tổ con chuồn chuồn." Viên sĩ quan lặng thinh, tôi phải nói tiếp: "Cũng có thể là tại tôi khai tôi ở Đảng Dân Chủ." "Khai làm gì?" "Chẳng làm gì cả, cũng như hồi xưa bạn bè rủ vô Đảng thì mình vô theo ý họ muốn còn mình thì chẳng để làm gì cả! Thối là ở chỗ đó." "Sao ông không làm chuyên môn?" "Chuyên môn là sao?" "Là làm bác sĩ trên y vụ ấy, đỡ hơn là ở đội này chuyên môn đi cuốc đất, khổ thấy mẹ."

Tôi duỗi chân ra đụng phải người anh ta, tôi ngửa mặt lên cố tìm lấy một sự thư giãn nhưng cái nhìn của tôi đụng phải cái sạp ngủ tầng trên, lúc đó tấm ván cũng đang cót két, có lẽ người nằm trên cũng đang trăn trở nằm ngồi không yên. Tôi nói: "Làm y tá hả?" Anh ta cười: "Ừa, bác sĩ làm y tá còn y tá làm bác sĩ... Đó là hình ảnh điển hình nhất về vấn đề "hồng" với "chuyên"! Thôi ông chịu khó chịu ẩn nhịn tùy thời cho qua cái cảnh này. Làm sao mình yên thân, giữ sức khỏe để mà tồn tại còn về Nam." Tôi gật đầu tỏ vẻ đồng ý: "Trước đây ở các trại khác tôi cũng đã có thời gian xách túi thuốc làm vai trò y tá đi theo các ông cán bộ y tế, nhưng rồi cũng không yên. Mấy lần làm y tá, mấy lần bị đuổi về đội đi lao động, bây giờ mình cảm thấy rằng thôi thì thôi cũng đành lấy cái cuốc làm chỗ dựa... vững chắc vậy!" Viên sĩ quan gật gù: "Hóa ra làm y tá trong trại tù khó hơn làm bác sĩ giám đốc bệnh viện Dân Quân Y của một tỉnh ông nhỉ?" Anh ta nói dứt câu thì đứng lên vỗ vai tôi: "Tôi phải về đội sinh hoạt tối. Thôi cố gắng lên nghe ông."

Anh ta vừa đi khỏi thì anh bạn đồng cảnh ở tầng trên đu cột nhà trèo xuống sà vào ngồi sát bên tôi hỏi nhỏ: "Ông có thân với thằng cha đó không?" Tôi nhìn người vừa tới, anh ta cũng là sĩ quan quen biết trong quân đội cũ, tôi nói: "À, cũng là chỗ quen biết trong quân ngũ từ hơn mười năm trước. Hồi đó anh ta mới là thiếu úy, trung úy đại đội trưởng, còn tôi là y sĩ trung đoàn. Bẵng đi mười mấy năm rồi, nghe nói cấp bậc cuối của anh ấy là trung tá." Anh bạn đồng cảnh mỉa mai: "Trung tá đội trưởng dưới quyền xài xể của hạ sĩ cán bộ, trước mặt nó trung tá phải đứng nghiêm báo cáo, thưa, gửi, dạ, vâng..." Tôi bào chữa cho anh ta và cũng là cho nỗi nhục chung của những kẻ sa cơ thất thế vì bị đồng minh trói lại và cấp lãnh đạo bỏ rơi: "Gặp thời thế, thế thời phải thế bạn ạ, thôi thông cảm cho anh ta ẩn nhịn, nín thở qua sông..." Anh bạn đồng cảnh nổi cáu tuy vẫn cố nói nhỏ: "Đồng ý khi sa cơ thì phải nín nhịn nhưng thằng cha này nó đi làm tay sai ông có biết không? "Thân làm tướng phải hầu quân giặc mà không biết tức" lại còn rắp tâm theo dõi báo cáo hãm hại anh em chiến hữu. Tôi thấy nó đến chỗ ông rù rì gạ chuyện là nguy hiểm cho ông lắm, ông phải coi chừng đề phòng, không thể dễ dãi, cả tin, cởi mở với thứ chó săn ấy được." Tôi nói để anh bạn tốt bụng yên tâm: "Tôi nghĩ anh ta cũng đâu đến nỗi, tôi đâu có đụng chạm gì đến ai chẳng lẽ lại bị người hại, với lại tôi cũng chẳng nói gì đến những điều cấm kỵ mà sợ." Anh bạn lắc đầu: "Đâu có giản dị như vậy, một kẻ tham sống sợ chết, một kẻ bon chen dành giật tham lam thì nó có thể dẫm lên người khác mà sống, ông không nói nhưng nó có thể suy đoán và bịa ra hoặc là ông nói thế này nó sẽ bẻ ra thế khác để hại ông à? Sợi tóc chẻ làm tư rồi "nâng lên hàng quan điểm..." ông không nghe nói đến những trò đó à? Ông mà cứ... khờ thế thì có ngày bị chúng nó đem ra thiêu sống chứ chẳng yên đâu!" Tôi tỏ vẻ hiểu ý và cám ơn anh bạn có lòng tốt: "Tôi sẽ cố gắng nghe lời ông dặn dò." Và tôi cũng đùa dặn dò lại anh bạn cho vui vẻ: "Nhưng

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

THANH XUÂN

Một khúc hát thiên thai
Một giọng ca kim tước
Một bài thơ áo lụa
Một thủ đô tưng bừng nhốn nháo
Một góc phố nhỏ buồn nôn
Một cuộc tình dứt đoạn
Một cuộc chiến tương tàn

Ấy là thời thanh xuân nhiều đắng cay gian khổ
Hay là những tháng năm tươi đẹp nhất của
Đời tôi?

ông cũng phải giữ mồm giữ miệng kẹo có ngày mang họa đấy. Kệ mẹ nó hơi đâu mà chửi nó cho thêm mệt mình." Anh bạn đứng lên đi vào nhà xí, cánh cửa cầu tiêu mở ra kêu ken két rồi đóng lại cái rầm làm rung rinh cả bức vách. Lát sau anh bạn đi ra cánh cửa một lần nữa lại ken két và đánh rầm. Tấm vách lại rung rinh. Trước khi trèo lên chỗ nằm tầng trên anh ghé tai tôi nói nhỏ: "Cũng muốn im nhưng lắm lúc ngứa mắt quá im không nổi lại phải chửi chắc tôi chết bỏ xác ở cái miền đất đọa đày, hung bạo, biệt xứ này mất ông bác sĩ ạ." Tôi thấy cần phải an ủi anh ta, tôi nghĩ rằng trong hoàn cảnh tù đày tuyệt vọng này điều tối kỵ là nản chí và sợ hãi, tôi chỉ một ngón tay lên trời nói nhỏ với anh: "Không sao đâu, mọi sự chúng ta hãy cậy trông ở Trời!" Anh ta cũng cười tuy cái cười có vẻ méo xẹo: "Ăn ở làm sao Trời thương là được phải không ông."

Còn một mình tôi lại ngả lưng xuống chiếu, chân duỗi ra cho có cảm giác nhẹ nhõm. "Lúc nào nằm được thì nằm không ngồi." Cứ phải thế. Làm sao càng ít vận động càng tốt. Không hoang phí calorie. Tiết kiệm tối đa sức lực. Đây là một cuộc trường kỳ cầm cự để tồn tại. Bố tiên sư nhà nó. Cha tiên sư nhà nó. Tấm ván tầng trên lại oằn oại ken két. Củ sắn luộc cất trong dạ dầy tiêu mẹ nó hết rồi hóa cho nên khoảng trống trong đó gây nên một cuộc khủng hoảng thiếu hụt làm hẫng đi cái thói quen sinh lý chắc dạ. Cứ như thế nhiều ngày, nhiều tháng, hàng năm, cơ thể tù binh suy nhược dần, cai tù lấn áp dần, thành ra là cuộc đấu tranh bao tử. Chính nghĩa đứng về phía cơm gạo, thậm chí chính nghĩa còn đứng về phía khoai sắn. Đéo mẹ nó cán bộ nói thì phải đúng bởi vì hàng ngày cán bộ được ăn no và cán bộ có súng còn anh là tù lúc nào anh cũng đói cũng lả đi đứng không vững thì anh phải sai anh phải học tập những điều tào lao người ta nói. Sai thành đúng, đúng thành sai. Ối, chẳng còn ra cái thể thống gì nữa cả. Trời làm một cuộc lăng nhăng. Cha tiên sư nhà nó cách mạng. Bố tiên sư nhà nó đồng minh. Cụ nhà nó lãnh đạo... Đói quá, sót ruột quá... Tôi mở mắt thức dậy, cánh cửa nhà xí mở ra đóng vào rầm rầm, lẫn vào đó còn nghe tiếng xè xè và tiếng phèn phẹt từ trong cầu tiêu vang ra, tôi đang hiện hữu, ở đây, tôi có mặt và tôi đang sống ở đây, một điểm nào đó trên hành tinh. Chỗ này là đâu, đây là đâu, tôi đang hít thở không khí mùi phân và nước tiểu, chỗ này, vậy là tôi có mặt ở chỗ này, vậy là tôi có thực, chỗ này có thực. Và tôi đang sống là có thực! Sài Gòn. Hà Nội. Tây. Tàu. Nga. Mỹ. À, California, Orange County, bến phà Âu Lâu, ấp Con Khe, củ sắn, nhà cầu, phèn phẹt sè sè, chủ nghĩa xã hội, phèn phẹt, bác hồ, sè sè, cách mạng, cục kít, bố tiên sư nhà nó, đồng minh, chiến hữu... Keng, keng, keng, keng... "Xưa bom không nổ, nay kẻng đổ liên hồi", một đồng cảnh nào đó làm thơ hay thiệt. Sáng, trưa, chiều, tối. Cái búa gõ vào vỏ quả bom, keng, keng, keng... Kẻng thức, kẻng ngủ, kẻng ăn, kẻng tập họp, kẻng lao động, kẻng thu dụng cụ, kẻng đổi gác... đủ thứ kẻng, đến nỗi trong tiềm thức lúc nào cũng như vang vang có tiếng keng keng! Đang nằm lơ mơ ngủ bị kẻng đánh thức dậy báo cho biết đến giờ ngủ, vậy là giấc ngủ chính thức phải được ngăn cách với giấc ngủ không chính thức bằng một cái mở mắt thức dậy. Cái gì cũng vậy, sống là phải theo nội qui. Ăn uống phải nghỉ phải theo kẻng. Kẻng cũng phải được gõ theo nội qui. Ngủ trong giờ ngủ là hợp pháp, cái hợp pháp phải được phân biệt ra với cái bất hợp pháp. Anh đang ngon giấc nhưng đến giờ ngủ người ta gõ kẻng, tiếng kẻng long óc có làm anh thức dậy để bắt đầu một giấc ngủ qui định thì đó là văn minh văn hóa xã hội chủ nghĩa! Anh phải ráng mà tập cho quen với nếp sống văn minh văn hóa mới đó! Tôi bị đánh thức dậy bởi hồi kẻng ngủ đồng thời với những tiếng nhắc nhở oang oang của ban tự quản, đội trưởng, nhà trưởng "tất cả đi ngủ". Tôi ngồi dậy vào nhà cầu đi tiểu xong trở ra mắc mùng đi ngủ cho đúng nội qui nếp sống văn minh văn hóa mới.

Người bạn đồng ngũ mười lăm năm trước trên kinh Đồng Tháp, nay là đồng cảnh trong tù, nhưng anh ta làm tự quản, nghĩa là cũng có "chức quyền" hơn anh em, được miễn lao động "nghĩa là" không phải làm nặng khổ sai, được tin giao dù không biết được tin đến mức độ nào, còn giao thì giao cho nhiệm vụ quản lý một đội hai mươi lăm người làm nông nghiệp và quản lý một buồng giam ngót trăm người khi ở trong trại nhất là ban đêm. Có người cho rằng đi tù mà được cai tù tin giao cho chức cho quyền ưu đãi là có đường sống đường về, là còn hy vọng, là một đường "binh" khôn ngoan. Các nhà có tí máu tử vi đẩu số thì nói đùa là những nhân vật ấy có số làm "quan", ở tù cũng làm quan. Người sĩ quan năm xưa nay là đội trưởng, nhà trưởng khiến nhiều anh em đồng cảnh e ngại anh ta. Ban ngày anh ta dẫn đội đi lao động, đốc thúc; tối về điều khiển đội sinh hoạt, cũng hò hét đốc thúc anh em phát biểu. Đã ba tối nay đội anh ta phải ngồi kiểm điểm rất khuya mà chưa giải quyết xong vấn đề, chưa tìm ra manh mối về kẻ đã viết mấy chữ "đả đảo CS" bằng than trên vách nhà lô. Công an quản giáo đã bắt anh ta phải kiểm điểm đội, tìm cho ra thủ phạm trong đội. Mấy ngày nay trong trại có bàn tán về vụ này. Riêng anh ta thì rất lo lắng vì công an quản giáo đã "khoán" cho anh ta rằng nếu không tìm cho ra thủ phạm thì chính đội trưởng phải chịu trách nhiệm. Âu cũng là hoạn lộ của công danh!

Đội tôi cũng phải họp "kiểm điểm các mặt học tập lao động cải tạo" trong tuần, tìm ra "mặt mạnh mặt yếu" để thời gian tới phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu đưa đội mỗi ngày một tiến lên! Cũng may là đội trưởng đội tôi rất bén, anh ta chọn được thư ký đội cũng bén không kém anh ta, hai người ấy điều khiển và ghi chép biên bản rất nhanh và rất "phong phú", rất có "chất lượng". Tất cả chúng tôi, dù không dám nói ra, nhưng nhìn nét mặt mỗi người khi buổi họp chấm dứt sớm, đều hả hê nằm lăn ra chiếu, duỗi chân, duỗi tay, thì biết là ai cũng bằng lòng. Anh bạn đồng cảnh tầng trên tụt cột xuống đi vào nhà cầu, khi ra lại sà vào chỗ tôi bắt chuyện:

"Kể ra mình sa vào cái đội này cũng đỡ khổ phải không ông? Nhìn sang anh em bên đội hung thần kia mà thấy tội nghiệp, ba đêm rồi chưa xong, đêm nay cũng còn cãi nhau loạn xạ, chưa biết tình thế sẽ đi về đâu."

Tôi nói nhỏ đủ hai người nghe:

"Làm sớm nghỉ sớm, ngắn gọn đầy đủ, ông có thấy đội mình "tài" không?"

"Nhờ ơn trên có anh ta lanh lẹ nhạy bén, biên bản cũng đầy đủ các tiết mục, nhiều anh em phát biểu "sâu sát", buổi sinh hoạt kết thúc tốt đẹp trong phạm vi lớn hay nhỏ kẻ bị trị khổ nhiều hay khổ ít là tùy ở vua quan thống trị cả mà thôi."

Tôi gật đầu:

"Ngày trước chúng ta cũng làm quan, vậy có khi nào chúng ta thấy điều đó không?"

Anh ta cười xòa:

"Này ông bác sĩ, ông có nhắc đến tôi mới để ý. Chúng ta thường chỉ thấy được vấn đề khi chúng ta đã ra khỏi nó."

"Chúng ta thấy rõ hơn sự đau khổ khi chúng ta bị đau khổ! Thường thì ai cũng biết hết đấy nhưng chỉ thực sự biết rõ hết khi đã thất bại!"

Tiếng bàn cãi từ phía đầu nhà kia lớn hơn rồi ngưng ngang, mọi người trong phòng giam chợt im lặng, chỉ còn nghe tiếng anh ta sang sảng:

"Chúng ta đều nhìn nhận là những chữ viết trên vách nhà lô là khẩu hiệu đả đảo chống lại cách mạng, chúng ta cũng nhìn nhận là người viết những chữ đó là người trong đội này, vậy mà chúng ta không làm cho rõ ai là người đã làm điều sai trái đó, chúng ta bàn cãi mấy đêm liền mà đối tượng vẫn chưa can đảm nhận lỗi và tập thể đội cũng chưa đưa ra được đích danh thủ phạm. Cán bộ thì... cán bộ đã biết là ai rồi, vấn đề là... cách mạng muốn để chúng ta tự giác! Các anh cũng thừa biết là bây giờ khoa giảo nghiệm nét chữ rất tiến bộ, người ta có thể tìm ra là nét chữ của ai chứ."

Anh bạn đồng cảnh nói nhỏ bên tai tôi:

"Ông thấy hắn ghê gớm không? Hắn nói như thánh tướng vậy, còn lý sự hơn cả cán bộ nữa."

Tôi gật gù:

"Thuộc bài."

"Còn thuộc hơn tụi nó nữa."

Phía đằng đó có tiếng người khác phát biểu:

"Tôi có ý kiến, anh đội trưởng nói thủ phạm chỉ là người trong đội nhưng đội này đâu chỉ có những người ngồi đây, còn có những người khác nữa, sao không đặt vấn đề với cả những người đó mà cứ truy nã anh em chúng ta đây thôi."

"Anh cho biết những người khác đó là những người nào?"

Im lặng nặng nề căn phòng, người tự quản dằn giọng:

"Anh Để muốn ám chỉ ai khi nói đến những người khác?"

Căn phòng giam vẫn yên lặng, chỉ có tiếng viên tự quản:

"Phải chăng anh Để muốn đặt nghi vấn với hai anh tù hình sự coi nhà lô?"

Ngừng một lát anh ta tiếp giọng gay gắt:

"Hay là anh Để muốn điều tra cả cán bộ quản giáo và cán bộ võ trang quản chế?"

Có tiếng cười khẽ trong một góc phòng, viên tự quản chậm rãi:

"Vì đó cũng là những người có mặt ở nhà lô."

Sự im lặng trong căn phòng đến lúc này mới thật là nặng nề ngột ngạt anh bạn đồng cảnh ngồi cạnh nói thầm với tôi:

"Tiêu tùng lão Để rồi, tụi nó

ĐOÀN NHẬT

TỪ RẤT GẦN TỪ RẤT XA

Mùa tiết trở loang lạ lùng mấy nẻo
Bật tấy vết thương trên ngọn bấc đông tây
Cố lý gió xiên ngang tháng năm đan chéo
Trí lòng bụi đỏ mấy tầng mây

Đi mãi qua những muôn trượng bối rối
Tìm ở nơi vô úy chuyển tiếp hơi
Cây non xa hút quơ quàng dòng sữa
Từ chốn cheo reo giọt hệ lụy đầy vơi

Buổi bình minh khẽ khàng đập trong lồng ngực
Cánh hoa biếc xanh tạm trú ở hư sinh
Ngoài chân mây tan vỡ nỗi riêng vừa mới mọc
Nỗi đau xót sau cùng thoát hiểm lung linh

Biển núi hoang tưởng ầm ì gọi lời cứu chuộc
Nỗi vô minh xoay nhanh trái đất từng vòng
Cánh chim nghiêng vượt gió ngang gió dọc
Chân trời mùa chuyển mây chưa xanh trong

Mặt nước hư vô những cơn sáng chói
Huyễn mơ nỗi sống chết đẹp lạ lùng
Bên sông ta mê lầm lên tiếng gọi
Ta là ai mà gọi cõi vô cùng

đang ghét lão ta, đang kềm kẹp lão ta ốm cũng không cho khai bịnh nghỉ, bây giờ lại dính vào cái vụ này, tôi lo tụi nó sẽ làm thịt lão ta mất."

Phía đầu phòng lại có tiếng viên tự quản nói:

"Các anh phải biết rằng các cán bộ là những người ngoài vòng cương tỏa, chúng ta không được nói đến. Cả hai người tù hình sự cũng vậy, phần họ đã có cán bộ làm việc. Chúng ta phải biết rõ vị trí của mình hiện nay, chúng ta đang được học tập cải tạo, chúng ta chỉ biết lo... cải tạo bản thân mình. Cán bộ đã chỉ thị rõ cho chúng ta là đội phải sinh hoạt kiểm điểm tìm cho ra sự thật, tôi nhắc lại cán bộ chỉ thị cho chúng ta kiểm điểm nhau chứ không phải chúng ta kiểm điểm cán bộ, chúng ta phải làm cho rõ chúng ta chứ chúng ta không có quyền xét xử cán bộ. Anh Để đặt vấn đề thế là sai. Anh hãy lo phần của anh cho xong, đừng đưa đội đi lạc sang hướng khác."

Có tiếng của một người lớn tuổi vì tôi nghe giọng đã khàn khàn:

"Tôi không có ý nói phải điều tra cán bộ, tôi chỉ muốn nói rằng tại sao lại cứ đổ diệt cho anh em chúng ta, mấy chục người ngồi đây, phải có ai đó đứng ra nhận tội, trong khi chúng ta đã ngồi kiểm điểm suốt mấy đêm liền chúng ta đã thành khẩn phát biểu và phân tách vụ việc rằng trong chúng ta đây không ai dại gì làm cái việc dại dột nguy hiểm ấy, thế mà cứ dây dưa căng thẳng hoài. Chẳng lẽ bây giờ trong đội này phải có một người nào đó đứng ra nhận đại là mình đã viết cái khẩu hiệu "Đả đảo CS" đó hay sao?"

Ngưng một chút giọng khàn khàn tiếp:

"Mà CS là cái gì? Có chắc là ai đó muốn "đả đảo cộng sản" không? Hay CS chỉ là Cảnh sát, như tôi đây này, tôi là đại úy cảnh sát, và anh đội trưởng nữa, anh từng là trung tá Quân đội biệt phái cảnh sát, hay là người ta nói đả đảo tôi hay đả đảo anh, nhận đại đi là đả đảo tôi hay đả đảo anh cho xong chuyện, nói tới nói lui lằng nhằng kéo dài mệt quá rồi."

Nhiều tiếng cười khúc khích nổi lên trong phòng giam. Viên tự quản lên tiếng:

"Yêu cầu các anh giữ im lặng, chúng ta nghiêm chỉnh làm việc, anh thư ký ghi rõ ràng đầy đủ những lời anh Để phát biểu để ngày mai trình cán bộ duyệt."

Tiếng anh Để lại nổi lên:

"Tôi nói nghiêm chỉnh đấy, chúng ta cứ ngồi mà chẻ sợi tóc làm tư, làm tám, mất thời giờ. Chúng ta cần nghỉ ngơi giữ sức khỏe mai đi lao động. Tuổi cao sức già ngồi mãi còng lưng chịu gì nổi, các đội khác họ ngủ cả rồi. Hay anh không muốn đả đảo mình thì thôi vậy, đả đảo mình tôi này! Hoặc nữa CS là "con sâu" hay "củ sắn" cho xong mẹ đi! Đả đảo con sâu! Đả đảo củ sắn! Được chưa? Thỏa mãn chưa? Đội kiểm điểm đạt yêu cầu chất lượng cao! Xin anh thư ký ghi cho rõ ràng và đầy đủ vào biên bản nhé!"

Phòng giam vẫn lặng thinh, anh bạn đồng cảnh lại thì thầm bên tai tôi:

"Tiêu thật rồi, lão ta phát khùng rồi, nói năng kiểu đó là không xong với tụi nó rồi. Cuối cùng chúng nó cũng đạt yêu cầu, chúng nó ép mãi thế nào cũng có người chịu hết nổi phải bùng ra, nói năng lung tung loạng quạng có cớ cho chúng nó kết tội tiêu diệt. Đấy rồi ông coi, lão Để không thoát đâu."

Anh ta thấp giọng hơn nữa khiến tôi phải cố hết sức lắng tai mới nghe được:

"Trong hoàn cảnh này ông cũng phải rất cẩn thận mới được. Tính ông cả tin cởi mở là dễ chết lắm. Tốt hơn cả là đừng dính dáng gì đến những chuyện không cần thiết cho mình, cứ lặng thinh là hơn."

Tôi hỏi:

"Mũ ni che tai ấy hả? Không thấy, không nghe, không biết, ấy hả?"

Anh ta gật gù:

"Ừ, bốn năm không gì dó."

Nói xong anh ta trèo lên chỗ ngủ tầng trên. Phía đằng kia buổi sinh hoạt kiểm điểm của đội bên cũng đã chấm dứt. Tôi buông mùng chui vào ngủ. Từ trong mùng tôi nhác thấy nhà trưởng đi vào cầu tiêu, lát sau trở ra anh ta dừng chân trước mùng tôi nhìn vào như có ý muốn nói chuyện, tôi nhớ những lời dặn dò của đồng cảnh tầng trên, bèn nhắm mắt vờ ngủ.

Đêm đó trong giấc ngủ mê man vì mệt nhọc, tôi nghe hình như có một lúc nào đó, có một anh đồng cảnh nào đó, mê sảng rú lên một tiếng kêu gì đó! Ghê sợ lắm!

Ngày hôm sau anh Để khai bịnh nhưng đội trưởng không cho, anh Để phải theo đội đi cuốc đất, nửa buổi anh Để bị công an dẫn về trại nhốt trong nhà biệt giam cùm một chân. Ba ngày sau anh Để bị chết vì bịnh kiết lỵ ỉa ra máu! Hôm anh chết, tối tôi nằm trong mùng mà có lúc nghe văng vẳng tiếng anh phát biểu từ phía đội đầu nhà về một cái khẩu hiệu đả đảo... đả đảo...

Ở nhà giam số 8 bên cạnh có một anh gặp lúc trời mưa, chạy từ sân trại vào nhà miệng la lớn: "Đả đảo, đả đảo... trời mưa!" Tất cả chúng tôi không ai bảo ai đều lo lắng cho người bạn đồng cảnh tự nhiên giở chứng. Không biết sự gì sẽ xảy ra cho anh bạn trẻ, nghe nói tính tình bất thường. Nhưng một tuần lễ trôi qua người "đả đảo trời mưa" vẫn yên ổn, không thấy anh ta bị hỏi han gì. Cũng lạ. Mà cũng chẳng có gì lạ cả.

Điều bất ngờ là viên sĩ quan đội trưởng nhà trưởng cũng bị chết. Nghe nói sáng sớm có người thấy anh ta vặt lá khoai lang vò bỏ miệng ăn sống. Vừa đi vừa nhai. Nửa buổi anh ta bị cảm ngoài hiện trường lao động, được đưa về cấp cứu ở bệnh xá, y tá cách mạng tiêm thuốc chữa trị cho anh ta, lát sau anh ta tắt thở. Có người đoán anh ta ăn củ sắn sống nhiều quá bị say nên giải độc bằng lá khoai lang không khỏi, đi làm phát quang ở nghĩa địa bị xỉu. Người đoán nói rằng say sắn chỉ uống nước đường nằm nghỉ sẽ hết. Y tá không biết gì chích bừa thuốc cảm là chết toi. Họ hỏi tôi:

"Theo ông bác sĩ thì anh ta chết vì bịnh gì?"

"Bịnh gì thì phải được chẩn mới biết chứ."

Mộ phần của anh nằm cạnh mộ phần của anh Để. Dưới chân đồi. Vùng Việt Bắc. Xa, rất xa quê anh và quê anh Để. Lại càng xa, rất xa nước Mỹ.■

HIỆN TƯỢNG "ĂN" TRONG TIẾNG VIỆT

CHU VIỆT

Tặng Minh Châu - đã "ăn ở" với tôi
một cuộc sống lứa đôi thật "ăn nhịp" và "ăn ý".

Trong các chức năng sinh lý cơ thể giúp nuôi sống con người để tồn tại và sinh sôi trên mặt trái đất này, ăn uống có lẽ chiếm địa vị quan yếu hàng đầu. Không ăn uống con người không thể sống. Thở cũng quan trọng, có khi còn hơn cả ăn uống, vì người ta có thể nhịn ăn nhiều ngày, nhưng nhịn thở chỉ được vài phút. Tuy nhiên, tạo hóa dường như đã sắp đặt để cho con người một nguồn cung cấp gần như vô tận về khí trời và nước uống mà không cần phải trả giá hay chỉ trả giá rất ít. Duy chỉ có miếng ăn là con người phải vất vả lao động hay đấu tranh mới có. Thành thử, kể từ thuở còn "ăn lông ở lỗ", mối quan tâm thường trực của xã hội loài người bao giờ cũng là miếng ăn, và dưới bất cứ hình thức văn minh, kỹ thuật nào, dù là lượm hái, săn bắn, nông nghiệp, hay kỹ nghệ, hoạt động căn bản của con người trước hết bao giờ cũng hướng vào mục đích kiếm ăn.

Vì tính cách quan yếu và cơ bản của nó đối với đời sống con người từ thuở ban sơ, "ăn" chắc hẳn phải là một trong những ý niệm đầu tiên có mặt trong sự hình thành của ngôn ngữ khi con người bắt đầu sống quần tụ và có nhu cầu trao đổi, tìm hiểu nhau.

Có lẽ rất ít người Việt chúng ta để ý đến sự kiện "ăn" là một từ bao hàm nhiều nghĩa nhất và cũng được sử dụng nhiều hơn cả trong sự cấu thành các từ ngữ, thành ngữ, hay tục ngữ có liên quan hay không đến ăn, hiểu theo nghĩa đen, nghĩa là bỏ thức ăn vào miệng, nhai và nuốt. Các văn liệu phổ thông hiện đại mà ta có đã chứng minh sự kiện này. "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức xuất bản tại Hà Nội năm 1930 — một công trình sưu tập có giá trị lịch sử về ngữ vựng tiếng Việt — đã liệt kê 12 nghĩa khác nhau của từ "ăn" và hàng trăm thí dụ văn liệu có liên hệ với "ăn" trong hơn năm trang. Các từ điển tiếng Việt khác, như của Đào Văn Tập hay Nguyễn Văn Khôn, cũng dành một số trang đáng kể cho từ "ăn". Gần đây, cuốn "Từ Điển Tiếng Việt" của Viện Ngôn Ngữ Học Hà Nội cũng đã minh họa vị trí ưu thế của từ "ăn" qua 12 nghĩa khác nhau của từ này và liệt kê những từ ngữ và thành ngữ hiện đại có liên quan đến "ăn" trên bốn trang giấy. Sau hết, cuốn "Tục Ngữ Phong Dao" (1 và 2) của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc — một nỗ lực sưu tập coi như đầy đủ nhất từ xưa đến nay — đã liệt kê gần 200 tục ngữ và ca dao bắt đầu bằng tiếng "ăn", và nếu ta kể cả những ca dao hay tục ngữ khác có tiếng "ăn" ở trong thì thật không ngờ tổng số lại lên tới *gần một phần mười* của tất cả cái kho tàng văn học dân gian này. Đó là một sự kiện mà tôi chắc ai cũng phải đồng ý là rất khác thường, không cứ trong tiếng Việt mà trong bất cứ ngôn ngữ nào.

Câu hỏi đến ngay với ta là: tại sao từ "ăn" lại trở nên một thành phần quan trọng đến thế trong tiếng Việt? Trong các ngoại ngữ Tây phương mà nhiều người Việt am hiểu tường tận như tiếng Anh và tiếng Pháp, tuyệt nhiên ta không thấy sự phổ biến của ý niệm "ăn". Chỉ có người Trung Hoa mới quan tâm nhiều đến ăn uống, chẳng hạn, ở những vùng quê, họ thường chào hỏi nhau bằng câu "ăn cơm chưa?", và ai cũng biết rằng ở bất cứ xó xỉnh nào trên thế giới, ở đâu có người Trung Hoa là ở đó có tiệm ăn. Có điều hơi khác với người Việt là họ ít dùng ý niệm "ăn" (thực) trong những từ ngữ đáng lẽ phải có ý niệm này, ví dụ họ gọi tiệm ăn là "phạn điếm" hay "tửu điếm". Phạn điếm cũng không có "thực khách" và "thực đơn" mà chỉ có "khách viên" và "thái đơn". Tiếng phổ thông Trung Hoa cũng có những từ như "thực khổ" (đau khổ), "thực ngôn" (nuốt lời), "thực lực" (khó khăn), "thực hương" (nổi tiếng), và những thành ngữ như "thực bất trú" (quá sức), "thực bế phạn" (vô công rồi nghề), "thực cổ bất hóa" (bảo thủ, ngoan cố), "thực ngôn bất hóa" (trí thức nửa vời), v.v... trong đó từ "thực" (ăn) được dùng với nghĩa bóng, nhưng số từ ngữ này hình như không nhiều lắm, và chắc không thể nhiều như trong tiếng Việt. Do đó, ta có thể coi sự vận dụng ý niệm "ăn" vào việc mô tả tính tình, tâm lý, cách cư xử của con người trong những khía cạnh và tình huống khác nhau của đời sống là một hiện tượng đặc biệt, có thể coi như độc đáo, của ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam.

Trước hết hãy xét đến "ăn" với nghĩa đen của nó. Hàng ngày chúng ta "ăn sáng" hay "ăn lót dạ", "ăn trưa", "ăn tối", hoặc ở nhà hoặc đi "ăn hàng", "ăn tiệm", điều đó không có gì đáng nói. Thỉnh thoảng chúng ta được mời đi "ăn cỗ" hay "ăn tiệc" cũng là chuyện thông thường. Điều đáng nói là từ "ăn" khi được dùng ghép với những dịp vui mừng hay lễ lạt như "ăn Tết", "ăn giỗ", "ăn hỏi", "ăn cưới", "ăn khao", v.v... làm ta có cảm tưởng người Việt mình thường lợi dụng bất cứ cơ hội nào để mà ăn uống. Cái đó cũng có thể đúng, nhưng đồng thời nó cũng bao hàm một ý nghĩa rộng rãi hơn là ăn uống. Đối với chúng ta, "ăn Tết" hay "ăn giỗ" chắc chắn có ý nghĩa tình tự nhiều hơn là cỗ bàn hay bánh chưng, bánh tét, và "ăn hỏi" chỉ là một lễ nghi nhiều khi chẳng có ăn uống gì cả. Đối tượng của ăn uống là thực phẩm, cố nhiên, nhưng cũng có thể không phải là thực phẩm. Người dân quê nhiều khi dùng từ "ăn" thay cho "hút" trong câu nói "ăn điếu thuốc, uống miếng nước", và "ăn" cũng có khi dùng thay cho "nuốt" như trong từ "ăn lời" (Kiều: "*Nói lời rồi lại ăn lời như không*"). Đi quá một bước nữa, ta thấy "ăn" với nghĩa mập mờ được dùng trong câu thành ngữ "thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ", nhưng ở đây "ăn" đã đi sang lãnh vực của nghĩa bóng.

Ăn là quan trọng trong đời sống, nhưng đối với người Việt, phong cách ăn uống đôi khi còn quan trọng hơn. Ăn uống phải đàng hoàng, chững chạc: người tự trọng không thể "ăn bốc", "ăn thừa", "ăn chực", "ăn tham", nhất là không được "ăn vụng", nghĩa là len lén ăn một mình một cách giấu diếm. Ở thôn quê, những nàng dâu mới thường hay mắc tật này, một phần vì sợ mẹ chồng, phần khác muốn chứng tỏ là mình không "tham ăn" hay không phải là người chỉ biết "ăn hại" nhà chồng, cho nên phải "ăn vụng". Nhưng thói đời "ăn vụng no lâu", cho nên thân hình các cô càng ngày càng đẫy đà, mập mạp. Các bà mẹ chồng tinh đời khi kén vợ cho con vì vậy đã tránh xa:

"*Những người béo trục, béo tròn,*
Ăn vụng như chớp đánh con cả ngày".

Một từ đặc biệt khác là "ăn dở", ứng dụng cho người đàn bà mới mang thai thèm những chất khác thường mà, theo y học hiện đại, cơ thể lúc đó đang thiếu thốn. Thông thường thì khi có mang người đàn bà thích ăn những đồ chua, chát, thậm chí cả gạch, ngói, và ta cũng đoán biết tại sao như vậy. Nhưng có khi họ ăn dở cả bằng hành thì thật là khó hiểu, chả lẽ cơ thể họ lại cần chất sắt đến như thế. Bởi vậy trong ca dao, cô gái xấu số mới phải buồn phiền:

"*Mẹ em ăn dở bằng hành,*
Đẻ em mắt toét ba vành sơn son".

Ăn để sống, không ai sống để mà ăn. Những người trung thành với phương châm này nhất là những người có nho phong hay nho học trong xã hội Việt Nam cổ truyền. Họ thường có cuộc sống thanh bạch có lẽ vì tính khí khái và biết tự trọng nên thường coi nhẹ miếng ăn hay miếng đỉnh chung. Những trường hợp treo ấn từ quan trong lịch sử không phải là ít. Vì thấm nhuần đạo lý thánh hiền, các nhà nho coi "miếng ăn là miếng nhục" nếu chỉ vì miếng ăn mà phải bán rẻ đạo đức hay gia phong. Vì thế, các cụ thường quan niệm "miếng ăn quá khẩu thành tàn" và hay răn đe: "ăn một miếng, tiếng để đời", với ngụ ý khuyên con cháu phải gìn giữ tiết tháo hay phẩm hạnh để cuộc sống được thanh cao, trong sạch.

Trong những cách thế dùng từ ăn của người Việt, ta thấy từ nghĩa đen đến nghĩa bóng không có bao xa có lẽ vì sự hội ý hay liên tưởng quá gần gũi. "Ăn vụng" vì vậy còn được dùng để ám chỉ hành vi ngoại tình lén lút, và "ăn sỏi" hay "ăn (sơi) tái", ngoài nghĩa đen đi cùng với gỏi (ví dụ gỏi cá), tái (ví dụ thịt bò tái) là những món ngon lành, còn mang nghĩa lấn lướt, áp đảo một cách dễ dàng, ngon lành, ví dụ "Mày bé người, đụng đến nó thì cứ gọi là nó ăn gỏi (hay sơi tái) mày đi". Ta vẫn biết "ăn mặn" là nghịch nghĩa với "ăn chay" như trong câu tục ngữ "ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối", nhưng đến câu "đời cha ăn mặn, đời con khát nước" thì rõ ràng ăn mặn không còn nghĩa đen nữa mà chỉ dùng để ám chỉ một hành vi bất chính, cái nhân trong luật nhân quả. Người Việt khi ma chay, khao vọng, hay có việc làng thường thổi xôi để cúng bái, đãi đằng, cho nên do liên tưởng, xôi cũng có nghĩa là miếng đỉnh chung ("xôi thịt", "cỗ dấm ăn xôi"), và "ăn xôi" cũng có nghĩa là chết giống như "ăn đất" (Ca dao: "*Bao giờ ông lão ăn xôi (chầu trời), thì em lại lấy một người trai tơ*"). Những thí dụ khác của nghĩa bóng qua sự hội ý hay liên tưởng là: "ăn tiền" (hối lộ), "ăn bẩn" (nhỏ nhen, tham nhũng), "ăn sương" (đĩ điếm, trộm cắp), "ăn đong" (ít ỏi, lơ mơ), v.v... Khi ta nói một người nào "tiếng Tây ăn đong" chẳng hạn, thì ngoài nghĩa bóng lại còn thêm hàm ý mỉa mai, khinh thị, hay châm biếm, cũng như khi ta chê một con buôn "ăn bẩn" hay một ông quan "ăn tiền" của dân.

Cả một nền luân lý cổ truyền đã được xây dựng, chẳng phải là với những ý niệm cao siêu, xa vời gì, mà chỉ trên căn bản những thành ngữ có gốc là tiếng "ăn", một ý niệm rất là tầm thường. Để dạy con cái nên người, bậc cha mẹ thường nói: "Ăn có nhai, nói có nghĩ", "ăn trông nồi, ngồi trông hướng", "ăn có mời, làm có khiến", "ăn tùy nơi, chơi tùy chốn", "ăn ngay nói thật, mọi tật mọi lành" v.v... Lòng trung thành và sự biết ơn tổ tiên thường được nhắc nhở qua những câu: "ăn quả nhớ kẻ trồng cây", "ăn cây nào rào cây ấy", và "ăn miếng chả, giả miếng bùi". Xa hơn nữa, nhân sinh quan của dân tộc cũng được biểu lộ đó đây qua những thành ngữ phản ảnh triết lý dân gian: "ăn vóc học hay", "ăn mặn khát nước", "ăn nhịn để dành", "ăn lấy chắc, mặc lấy bền", "ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau". Đó là những tư tưởng khôn ngoan, sáng suốt, những hạt minh châu sáng ngời trong kho tàng văn hóa Việt Nam. Ngược lại, "ăn" cũng can dự vào những nét dung tục, sỗ sàng, đôi khi có tính cách chanh chua hay khôi hài của sắc thái văn hóa bình dân. Ta có thể kể qua những thành ngữ hay tục ngữ mang những nét dung tục như: "ăn chẳng bõ ỉa", "ăn tục, nói phét",

"ăn lường, chơi quỵt", "ăn hại, đái nát", "ăn độc, chốc đít", "ăn dơ không biết thối", "ăn đầy bụng, ỉa đầy bờ", "ăn thủng nồi trôi rế", v.v...

Một nét độc đáo của văn hóa Việt có lẽ là việc sử dụng từ "ăn" trong sự chửi rủa. Tôi không biết có dân tộc nào khác làm như vậy không, nhưng gần gũi với ta hơn cả là người Trung Hoa cũng chỉ "thá má nị... (đ.m.)" hay xúc phạm đến tổ tiên của nhau. Người Tây phương như Pháp, Mỹ mà ta quen thuộc khi tức giận chỉ đến nước văng tục hay rủa nhau bằng đồ nọ đồ kia hay sổ sàng hơn thì thốt ra những lời xúc phạm đối phương có liên quan đến tính dục. Nhưng, cho nhau "ăn" những chất bài tiết của cơ thể như người Việt thì không. Ngoài ra, theo tôi, có lẽ chỉ có người Việt mình, mà phần lớn là phái đẹp, trong khi chửi rủa mới cho nhau "ăn" (hay những hình thức của ăn như: bú, liếm) cả cơ quan sinh dục của mình. Người ở đô thị có lẽ ít khi được nghe, nhưng ở thôn quê thì đó là chuyện cơm bữa. Nét văn hóa dân tộc đặc biệt này bộc lộ cho ta thấy đôi điều về quan niệm tính dục của người Việt. Một là: cơ quan sinh dục, nhất là của đàn bà, bị coi như thứ đồ dơ bẩn đồng hạng với các chất bài tiết của cơ thể. Hai là: mặc dầu vậy, sự phô trương cái giống của mình ra để sẵn sàng cống hiến nó cho đối phương thưởng thức không thể là một sự cấm cản (inhibition) về tâm lý như đối với một vài dân tộc khác. Có thể nói, về phương diện tính dục, người Việt cũng không đến nỗi quá bảo thủ, và đặc biệt người dân quê, vì không bị ràng buộc bởi giáo điều "nam nữ thụ thụ bất thân" của Khổng-Mạnh cho nên sống gần gũi với thiên tính và bản năng hơn.

Trong xã hội nông nghiệp cổ truyền, "ăn chơi" — trong đó có ăn uống, rượu chè, và cờ bạc — trong dịp Tết hay hội hè, đình đám là những dịp xả hơi đền bù cho sự vất vả quanh năm vì công việc đồng áng. Có lẽ do nếp sống đó mà từ "ăn" hay được dùng trong khi đánh cờ, đánh bạc. Khởi đầu có lẽ với nghĩa đen nhưng lâu dần "ăn" trở thành thắng hay được. Trong cờ tướng, khi chiếm

HỒ TRƯỜNG AN

CĂN PHÒNG QUÁ KHỨ

Giữa căn phòng quá khứ
Anh về đây, em yêu
Dấu vết niềm đau cũ
Theo bóng tối buổi chiều.

Bức màn nhung huyết dụ
Mềm rũ nỗi chán chường
Tấm chân dung vàng ố
Nhòa nước thuốc khói sương..

Chiếc dương cầm đậy nắp
Ngậm kín nỗi buồn sâu
Kệ sách đầy ăm ắp
Phủ nhẹ bụi vàng nâu.

Lẵng phong lan bệ cửa
Nụ hoa tím lặng buồn
Xấp lịch vơi một nửa
(Vơi ngày tháng xót thương).

Vỏ ốc nâu dần giấy
Lòng rỗng như chiều nay.
Tay nào sờ lên đấy?
Vết ố vẫn chưa phai.

Ơi căn phòng quá khứ
Anh hiểu rồi, em yêu
Cuối chặng đường mộng dữ
Đời meo mốc, đìu hiu.

Ngày vui một lần đến
Rồi tắt rụi âm thầm
Anh đốt lại ngọn nến
Tìm khung trời xa xăm.

Quá khứ đầy bóng ma
Trên dòng sông kỷ niệm
Hỡi căn phòng chúng ta
Buồn trong chiều nhuộm tím.

SUZIE VƯƠNG

TÌNH CHIÊM BAO

Lặng lẽ ngắm trời cao
Cuộc đời có là bao
Đôi khi thầm tự hỏi
Tìm tình yêu nơi nào?

Tìm tình yêu nơi nào?
Như tơ trời bay cao
Mong manh rồi tan biến
Chỉ còn tình chiêm bao!

Chỉ còn tình chiêm bao!
Vẫn muốn bước chân vào
Đời vắng tình buồn lắm
Đúng không nào trăng sao?

được quân cờ nào của đối phương ta nói "ăn con xe", "ăn con mã", v.v... với ý nghĩa chiếm đoạt, thắng lợi. Trong bài bạc, ví dụ đánh tổ tôm, đánh chắn, hay xoa mạt chược, thì khi ta hỏi người ngồi cánh dưới: "Ăn không? Không ăn thì bốc", ăn lại có nghĩa thu nhận một cây bài cho thành phu để được tròn bài. Vì vậy ta có những từ như "ăn chắn", "ăn cạ", "ăn tôm", "ăn lèo", "ăn xuyên", v.v... Tôi còn nhớ thuở bé hay có dịp xem đánh sóc dĩa những khi có hội hè đình đám. Trên chiếu bạc, trước khi mọi người đặt tiền, người cầm cái hay hồ lỳ thường rêu rao miệng dẻo quẹo: "Sấp một ăn một, sấp hai ăn hai, sấp ba ăn ba, sấp bốn ngửa tư, một đồng ăn bốn đồng. Mở này, mở này...". Tuy ít tuổi, tôi cũng hiểu ăn đây có nghĩa là được, và sau này, tôi cũng biết thế nào là "ăn già", "ăn non", hay "ăn gian" trong cờ bạc. Ý niệm "ăn thua" sơ khởi của những cuộc đỏ đen dần dà áp dụng cho cả những sự ganh đua, tranh chấp, hay so sánh. Nó đã biến thành vài nghĩa khác như ta dùng hiện nay, ví dụ: "việc ấy ăn thua (liên can) gì đến tôi" hay "nó đã cố gắng, nhưng chả ăn thua (hiệu quả) gì", và cũng đưa tới từ "ăn đứt", nghĩa là hơn hẳn (Kiều: *Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương*").

Từ những nghĩa bóng phong phú, đa dạng, "ăn" được thăng hoa và sử dụng như thành phần của những ý niệm căn bản khác trong tình tự và triết lý nhân sinh của dân tộc. Ghép với một vài từ khác, đặc biệt là "nói", "ở", "ngồi", "nằm", "làm", là những tư thế ở đời của con người, "ăn" không còn nghĩa nguyên thủy của nó nữa, dù đen hay bóng, mà đã hòa lẫn cùng từ kia để biến thành một ý niệm mới, y hệt một tổng hợp hóa học mầu nhiệm mà công thức là từ kép. "Ăn nằm" chỉ có nghĩa là sự chung đụng xác thịt, "ăn ở" chỉ có nghĩa là sinh sống, cư xử (ăn ở cho phải đạo), "ăn ngồi" chỉ nói về địa vị hay ngôi thứ ("ăn trên, ngồi trốc"), "ăn làm" hay "làm ăn" chỉ có nghĩa là hoạt động mưu sinh ("ăn nên làm ra"), và "ăn nói" thường mô tả tư cách của con người trong xã hội ("ăn ngay nói thật", "ăn gian nói dối"). Điều đáng kể là trong tiếng Việt những từ ghép này đã đẻ ra không biết bao nhiêu là thành ngữ, tục ngữ, những cụm từ bốn chữ, sáu chữ, hay ca dao hoặc để diễn tả tính tình, phẩm hạnh con người ("ăn không nói có", "ăn cháo đái bát", "ăn to nói lớn", "ăn xổi ở thì"), hoặc để bày tỏ tình cảm hay thân phận ("ăn gió nằm mưa", "ăn cạnh nằm kề", "ăn đợi nằm chờ", "ăn gửi nằm chờ", "ăn cơm nguội, nằm nhà ngoài"), hoặc để biểu thị một nhân sinh quan ("ăn vừa ở phải", "ăn lấy chắc mặc lấy bền", "ăn theo thuở, ở theo thì", "chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng già").

Có hai từ độc đáo hơn cả mà theo tôi chỉ có trong tiếng Việt, đó là: "ăn vã" và "ăn vạ", khác nhau chỉ một âm vị thanh sắc. Hãy thử dịch hai từ này sang tiếng Anh, Pháp, hay Trung Hoa bằng những từ tương ứng diễn tả được đầy đủ hai ý niệm đó. Tôi thấy đó là việc không ai làm nổi vì lẽ đơn giản: những ngôn ngữ này không có những từ đó. "Ăn vã" có nghĩa là chỉ ăn thức ăn chứ không ăn cơm và thường được dùng với ý trách móc hay mặc cảm phạm tội. Bạn đọc có thấy nền văn hóa nào khác có ý niệm đặc biệt này không? Tôi nghĩ là không. Chỉ với một từ này, ta đã có thể thấy nếp sống kham khổ, cơ cực của người Việt miền Bắc quanh năm chỉ biết lấy cơm làm đầu và coi thịt thà, tôm cá là những đồ ăn phụ hay xa xỉ mà mục đích chỉ là đưa đẩy cơm. Thế nên, trong chế độ dinh dưỡng căn bản của dân tộc, ta chỉ thấy những món ăn không thể "ăn vã" được như rau dưa, tương cà, mắm muối, họa hoằn mới có thịt, cá nhưng lại kho thật mặn. Điều đáng nói là những món ăn này không phải là chỉ dành riêng cho người nghèo khó mà trái lại, cả những người giàu sang có "của ăn của để" cũng chẳng bao giờ chê, nghĩa là những món ăn này thực sự là những "món ăn dân tộc".

Khởi thủy, từ "ăn vạ" thoát ra từ ý niệm "ngả vạ" hay "bắt vạ", một hình thức chế tài do các chức sắc trong làng áp đặt theo phong tục xưa. Thí dụ nhà nào có con gái chửa hoang phải bồi thường danh dự hay "đền" cho hàng xã, hoặc bằng tiền hoặc bằng trâu, bò, lợn, gà, v.v... Ý niệm này dẫn tới "ăn vạ", nhưng nội dung hiện đại của từ này (thí dụ: "nó nằm ăn vạ cả ngày") không còn dính dáng tới phong tục xưa nữa mà chỉ mô tả sự đòi hỏi công bằng, một cách phản đối có tính cách tiêu cực. Do đó, ta cũng có thể nói: "ăn vạ" là một hình thức đấu tranh bất bạo động của cá nhân để đòi hỏi sự công bằng tối thiểu cho mình, đồng thời nó cũng phản ánh đức tính chịu đựng thử thách và gan lì trước nghịch cảnh là những nét đặc biệt của dân tộc

tính Việt Nam. Trên một bình diện cao hơn và với một quy mô rộng lớn hơn, kỹ thuật "ăn vạ", một cách tổng quát, có khác chi phương pháp đấu tranh dành độc lập của Mahatma Gandhi hay những cuộc "sit-in" của sinh viên đại học?

Hầu hết những từ hay thành ngữ được viện dẫn ở trên, cũng như hầu hết những ca dao và tục ngữ, rõ ràng là đã bắt nguồn từ cuộc sống đơn sơ và mộc mạc nơi thôn dã và đã trở thành nền tảng của văn học dân gian. Vì vậy những từ đó có tính cách "cổ điển", nghĩa là đã được sáng tác, thử thách, và chấp nhận trong quá trình định hình và định tính của nền văn hóa dân tộc trước khi giao tiếp với Tây phương. Định nghĩa như vậy giúp ta có thể phân biệt được những gì đến sau sự giao tiếp đó trong cái tiến trình không bao giờ ngưng của văn hóa. Những từ sinh sau đẻ muộn đó không có bao nhiêu. "Ăn ảnh" ("cô ấy rất ăn ảnh") và "ăn gi (jeu)" ("cầu thủ đưa banh rất ăn gi với nhau") hiển nhiên không thể có trước khi người Pháp đô hộ chúng ta. Ta cũng có thể ngờ "ăn diện" ("chẳng chịu làm ăn, chỉ thích ăn diện") là một từ mới của thế kỷ 20 cũng như từ "ăn mòn" ("sắt bị át-xít ăn mòn") vì không thấy được liệt kê trong Việt Nam Tự Điển xuất bản năm 1930. Sự kiện từ "ăn" bỗng dưng không còn được chiếu cố trong sự phát triển ngôn ngữ như hàng ngàn năm trước, ta phải hiểu như thế nào?

Như ta đã thấy, "ăn" can dự sâu đậm vào đời sống dân tộc. Hầu như không có hoạt động nào hay khía cạnh nào của cuộc sống mà không thể mô tả được bằng một từ ngữ có tiếng "ăn" ở trong. Sự kiện từ "ăn" có nghĩa bóng nhiều hơn nghĩa đen và thói quen sử dụng thường làm ta quên hẳn cả nghĩa đen của nó cũng bao hàm một ý nghĩa đặc biệt về vai trò của "ăn" trong văn hóa dân tộc. Có thể nói "ăn" đã đi vào tiềm thức hay hơn thế nữa, đã trở thành một thứ "ký ức sinh lý tập thể" của dân tộc chúng ta.

Mỗi nền văn hóa hay dân tộc tính, trong quá trình hình thành, đều chịu sự chi phối của một hoàn cảnh lịch sử, địa lý, và môi sinh nhất định. Người Mỹ lương thiện, xởi lởi, và vị tha là vì đã được thiên nhiên ưu đãi từ những ngày lập quốc; người Do Thái căn cơ và tính toán vì đã phải bôn ba qua những hoàn cảnh khắc nghiệt trong lịch sử. Dân tộc Việt Nam cần cù, nhẫn nại, gan lì, bền bỉ chịu đựng (resilient) là cũng do kết quả của một cuộc sống khó khăn, chật vật, vất vưởng, — "*một kiếp sống lai rai*", nói theo kiểu Nguyễn Văn Trung — tạo nên bởi địa bàn sinh hoạt khi xưa quá chật hẹp, đất đai cằn cỗi, và ảnh hưởng của thiên tai tái diễn hàng năm. Thêm vào đó là hiểm họa xâm lăng triền miên của láng giềng hay từ phương Bắc, và hoàn cảnh đó đã tạo cho dân tộc ta một tinh thần đề kháng cang cường đã được lịch sử nhiều lần chứng minh. Nói theo kiểu duy linh thì tinh thần đó đã được un đúc bởi "khí thiêng sông núi", nhưng trên thực tế, đó chỉ là vấn đề tự tồn (survival). Vừa phải chống đỡ với giặc giã hay ngoại xâm, vừa phải vật lộn với đất đai có hạn, vừa phải chịu đựng một môi sinh khắc nghiệt kể từ những ngày xã hội được định hình, người Việt thật ra đã quá vất vả trong sự mưu sinh. Kiếm được miếng ăn trong những điều kiện như vậy thật là thiên nan vạn nan. Trải qua nhiều ngàn năm như vậy, "ăn" đã trở thành mối quan tâm thường xuyên, có thể nói một ám ảnh, của một dân tộc nhược tiểu thường bị "ăn hiếp" và không được thiên nhiên ưu đãi. Và đó, theo ý tôi, là điều có thể giải thích tại sao trong tiếng Việt từ "ăn" lại có nhiều nghĩa và được sử dụng nhiều đến thế.

Đó là một quá trình thăng hoa thiết yếu, có tính cách văn hóa và tâm lý. Vì vậy, ở đây ta không bàn đến cấu thức ghép từ hay chuyển nghĩa của tiếng "ăn" trên phương diện ngôn ngữ học vì cùng lắm nó cũng chỉ thỏa mãn được câu hỏi "như thế nào (how)" mà thôi. Ở đây, vấn đề là tìm hiểu tại sao. Khi ta trân trọng một vật gì, ta thường đặt nó trên bệ cao để chiêm ngưỡng hay thờ phụng. Khi ta bị ám ảnh bởi một điều gì, mọi tư tưởng của ta đều quay về điều đó. Lâu dần, những khi muốn diễn đạt một tư tưởng mới, mô tả một tình huống mới, hay bày tỏ một thái độ bất thường, điều đầu tiên ta nghĩ tới luôn luôn là điều đã ám ảnh ta trong bấy lâu, và một cách tự nhiên, vô thức, ta đã mượn nó để nói lên những điều ta muốn nói. Về mặt tâm lý, đó là cách thế tự nhiên giúp ta trút bỏ hay tự giải thoát khỏi sự ám ảnh hay ẩn ức, một hình thức "nói lên cho hả dạ" (catharsis) của phân tâm học. Trường hợp buột mồm buột miệng, nói lỡ lời, nói nhịu, nói mê, nói sảng cũng như thế, tuy chỉ là trạng thái nhất thời. Trên căn bản và một cách giản lược, tôi nghĩ đó cũng là quá trình thăng hoa của từ "ăn", và chính sự thăng hoa này đã đưa đến địa vị độc tôn của nó trong tâm thức và tình tự của dân tộc chúng ta. Ngày nay, "ăn" có thể không còn là một nỗi ám ảnh như ngàn xưa, nhưng không ít thì nhiều vẫn còn tiếp tục là một mối quan tâm.

Tính cách quan yếu của miếng ăn đối với dân tộc Việt Nam vẫn còn đó. Ngày nay, dưới xã hội chủ nghĩa, vấn đề hàng đầu vẫn là vấn đề thực phẩm. Ai cũng biết là Việt Nam đã trở thành một trong những nước nghèo đói nhất thế giới, và hình như ai cũng biết tại sao. Nói cho công bằng, vấn đề thực phẩm cũng là vấn đề sống còn của nhân loại với nhân số càng ngày càng gia tăng một cách đáng lo ngại. Riêng đối với đất nước ta, điều bất hạnh là vấn đề này đang nằm trong quyền hạn và đường lối giải quyết "đầu Ngô mình Sở" của đảng cộng sản. Tương lai sẽ ra sao? Để thay giải đáp, tôi xin mượn một lời nhận định của cố học giả Bernard Fall. Trong cuốn "The Viet Minh Regime" xuất bản năm 1956, sau cuộc cải cách ruộng đất đau thương tại miền Bắc, ông đã viết như sau: "*Sự tồn tại của toàn thể chế độ (xã hội chủ nghĩa) phần lớn sẽ tùy thuộc vào việc đảng cộng sản có thành công hay không trong việc đem lại cho người dân sống dưới quyền họ kiểm soát một mức sống đầy đủ*".

Muốn sống đầy đủ, trước hết phải được ăn đầy đủ.

Đó là điều vẫn đáng để cho chúng ta suy ngẫm.■

TÌNH YÊU TRONG CHIẾC NÓN BÀI THƠ CỦA NGUYỄN ĐỨC VINH

PHẠM ĐỨC TIẾN

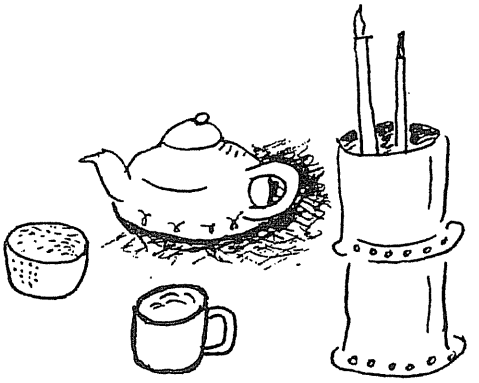

Mười năm trước tôi đã có dịp giới thiệu tập thơ thứ ba xuất bản tại hải ngoại của anh Nguyễn Đức Vinh, tập Miền Tâm Thức. Một tập thơ đầy những mối hoài cảm, hoài cảm về tình yêu và hoài cảm về quê hương xa cách.

Bây giờ mười năm sau, mối hoài cảm không những còn đó, mà dường như sâu đậm hơn. Đó chính là thứ hoài cảm mà anh gọi là:

Thoáng làn hương cũ bàng hoàng
Kiếm sen chợt thấy lòng mình là sen

Thời gian thường đánh dấu những chuyển biến của một đời người. Với một số người thời gian làm cho tình cảm khô khan đi, nhưng cũng với một số người thời gian làm cho tình cảm ướt át thêm. Nguyễn Đức Vinh thuộc loại người sau, và tôi có cảm tưởng là thời gian nếu từng làm cho hương rượu nồng thêm thì cũng làm cho thơ Nguyễn Đức Vinh trữ tình hơn. Mười năm trước Nguyễn Đức Vinh gọi:

Người yêu tôi tên là Việt Nam

và tự hào:

Trái tim yêu cháy hoài chưa hết
Khi lòng ta hướng về Việt Nam

Mười năm sau Nguyễn Đức Vinh lại hãnh diện:

Bài thơ dài nhất đời ta
Chỉ gồm một chữ đó là chữ yêu

Yêu hiển nhiên đã là chủ đề chính của tập Chiếc Nón Bài Thơ. Tình yêu tràn ngập trong 96 trang thơ. Khác với thơ lãng mạn của những thập niên 20, 30 khi buồn là chủ đề chính của thơ tình, thơ tình của Nguyễn Đức Vinh luôn luôn vui. Thơ hồi đó nghiêng về tình buồn nhiều đến độ khi bàn về thời kỳ này đã có người nhận xét: "Thơ mới (nghĩa là thơ lãng mạn của thời kỳ 20, 30) chỉ là sự kéo dài lê thê của hai chữ than ôi!" Thơ tình của Nguyễn Đức Vinh lại rộn ràng những niềm vui, đầy ắp những lạc quan dù là lúc chia tay. Tôi thấy có lẽ đây là một trong những người yêu đời nhất với một quan niệm rất đạt đạo như những câu:

Đóa hồng mơn mởn bên anh
Sao trong giây phút bỗng thành chiêm bao
Mướt nhung tóc, má hây đào
Quay đi quay lại trắng phau mái đầu
Lối phàm đã chẳng dài lâu
Sao còn điên dại chuốc sầu cho nhau

Quan niệm lạc quan này làm tôi liên tưởng tới một câu nhạc của một nhạc sĩ thời danh của thập niên 70: Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ.

Có lẽ vì lạc quan như vậy nên Nguyễn Đức Vinh đã yêu một cách say đắm. Có rất nhiều người làm thơ tình, hay đúng hơn hầu hết những thi sĩ đều có dịp làm thơ tình nhưng chắc ít ai có thể sầy tình đến như Nguyễn Đức Vinh trong cơn yêu đến độ chỉ mới nhìn em mà đã tưởng như đang ái ân:

Hồn anh bát ngát cơn yêu
Ngó em là đã trăm chiều ái ân

hay:

Thì cho trái đất ngừng quay

Để ta yêu nàng cả ngày lẫn đêm

Và như một nòi tình chân chính, tác giả muốn trải rộng tình đến tất cả đàn bà trên thế giới này:

Vợ tôi tất cả đàn bà

Đàn bà tất cả đều là vợ tôi

Mười năm qua rõ ràng Nguyễn Đức Vinh đã say đắm hơn, mà cũng cụ thể hơn; tình yêu dường như không chỉ là vu vơ hay trừu tượng mà rất hiện thực vì chỉ trong 96 trang của tập Chiếc Nón Bài Thơ này chúng ta đã đếm được tới 25 chữ hôn. Và hôn ở đây không chỉ tượng trưng mà rất là cụ thể:

Hết hôn tay lại hôn chân

Toàn thân em đã cháy hồng như môi

Tính gợi cảm trong thơ này có lẽ chỉ tìm thấy trong một số thơ đặc biệt của Apollinaire.

Có thể nói cuộc hành trình của Nguyễn Đức Vinh trong mười năm qua là một hành trình của ngây ngất. Nhưng tình yêu ở đây không chỉ ngừng ở đôi lứa, người đọc vẫn thấy lẩn khuất đâu đây giữa những trang thơ hình dáng quê hương:

Mai ta thành nước biển khơi

Vẫn còn phản chiếu bầu trời quê hương

hay hãnh diện đất nước:

Ngàn cung điệu thu vào hai tiếng gọi

Tôi gọi thầm em yêu dấu: Việt Nam

với giấc mơ ngày trở về quê hương trong yên vui:

Rũ áo ra về giữa đường quê rực nắng

Em sẽ cười nghiêng chiếc nón bài thơ

Hình ảnh địa phương Việt Nam luôn luôn xuất hiện:

Mỹ Tho là xứ đầy thơ

Má thơm xoài cát muốt chờ người yêu

hoặc:

Ổi dòn tan, nhịp cười trong

Đời êm như nước sông Đồng Nai trôi

và những cuộc tình qua thì gắn bó với đủ miền đất nước:

Người yêu vài bốn em xinh

Gái Nam say đắm cho tình đắm say

Huế yêu kiều dáng vai gầy

Tương tư tiếng nói liền ngay phút đầu

hoặc:

Người yêu ta nhớ vô vàn

Hoa khôi cô bé Hàng Ngang, Hàng Đào

Đó vừa là một hoài cảm vừa là một hy vọng của tác giả; hoài cảm và hy vọng pha trộn đã làm tập thơ này thành một hành trình của tình yêu, từ tình đôi lứa tới tình quê hương. Một hành trình đầy hoan lạc. Sự gắn bó với nguồn cội đất nước của mình dù bao năm xa cách đã là một điểm son của những người viết lưu vong, là điểm tụ của dòng Bách Việt.

Với những người có một trái tim luôn luôn rực đỏ tôi xin giới thiệu tập thơ này vì chắc chắn người đó sẽ tìm thấy một bạn đồng hành.

Còn những ai vốn lãng đãng với cuộc đời hoặc nghĩ mình đã khô cằn và tẻ nhạt càng nên đọc tập thơ này vì đây là một nguồn hứng của lạc quan và hy vọng như một câu của tác giả:

Thời gian dù đã xa vời

Ngày xuân một thoáng tình vui vẫn về... ■

VICTORIA UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

CENTRE FOR ASIA-PACIFIC STUDIES

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU Á CHÂU VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG

soạn thảo và xuất bản:

1. **Tiếng Việt 1** *(Vietnamese for Beginners 1)*
   Dành cho sinh viên ở Đại học và người lớn bắt đầu học tiếng Việt.
   Textbook: $ 25; Workbook: $ 10; 2 cassettes: $ 20

2. **Tiếng Việt 2** *(Vietnamese for Beginners 2)*
   Dành cho sinh viên ở Đại học và người lớn sau khi đã học xong **Tiếng Việt 1.**
   Textbook: $ 25; Workbook: $ 10; 1 cassette: $ 10

3. **Tiếng Việt Thực Dụng** *(Functional Vietnamese)*
   Dành cho những người làm việc hoặc buôn bán với người Việt Nam muốn học tiếng Việt.
   Textbook: $ 17; 1 cassette: $ 15; 1 Video: $ 35

4. **Tiếng Việt Hiện Đại 1** *(Modern Vietnamese 1)*
   Dành cho học sinh lớp 7 và 8 bậc trung học mới bắt đầu học tiếng Việt.
   Textbook: $ 25; Workbook: $ 10; 3 cassettes: $ 30

5. **Tiếng Việt Hiện Đại 2** *(Modern Vietnamese 2)*
   Dành cho học sinh lớp 9 và 10 bậc Trung học sau khi đã học xong **Tiếng Việt Hiện Đại 1.**
   Textbook: $ 25; Workbook: $ 10; 2 cassettes: $ 20

6. **Giáo trình tiếng Việt 1** *(Vietnamese Syllabus Stage 1)*
   Giáo trình lớp 7 và 8 bậc Trung học: $ 12

7. **Giáo trình tiếng Việt 2** *(Vietnamese Syllabus Stage 2)*
   Giáo trình lớp 9 và 10 bậc Trung học: $ 12

8. **Giáo trình tiếng Việt lớp 11 và 12** *(Vietnamese Study Design)*
   Giáo trình lớp 11 và 12: $ 12

9. **Tự học tiếng Việt bằng máy điện toán**
   Teach Yourself Vietnamese by the Interactive Book (computer-aided-learning)
   - Toàn bộ máy, đĩa và sách: $ 1,400
   - Nếu đã có máy IBM, chỉ cần đĩa và sách: $ 350

Muốn đặt mua những sách trên, xin liên lạc:
Centre for Asia-Pacific Studies, Victoria University of Technology
P.O.Box 144 28 MMC, Melbourne, VICTORIA 3000
Tel: (03) 688 4882 • Fax: (03) 688 4883

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYỄN NAM ANH
&
LÊ TAM CA

SÁCH

PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO, TARTHANG TULKU, bản dịch của PHẠM CÔNG THIỆN, Thanh Văn xuất bản. Sách dày 226 trang. Đề giá 12MK.

Dưới tựa đề phụ: Phương pháp nhẹ nhàng để làm việc thành công trong đời sống thực tế hằng ngày hiện nay, cuốn sách muốn nói lên rằng trách nhiệm của chúng ta là làm việc và đóng góp năng lực tinh thần của mình vào đời sống. "Làm việc hăng hái và nhiệt tình trọn vẹn là cách đóng góp của mình với đời sống. Làm việc như vậy có nghĩa là làm việc với phương tiện thiện xảo."

Tarthang thuộc tông phái cổ truyền Nyingmapa, Tây Tạng. Hiện ông đang sống ở California. Và dịch giả của cuốn sách này, nhà văn Phạm Công Thiện, là một nhà tư tưởng, một triết gia gây sôi nổi trong đời sống văn hóa văn nghệ của Saigon trước đây. Hiện ông Phạm Công Thiện sống tại Úc Đại Lợi, sau nhiều năm sống ở Pháp và Hoa Kỳ.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ.
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

CUỐI ĐÊM DÀI, tập truyện của NGUYỄN THỊ THANH BÌNH. An Tiêm xuất bản, 210 trang. Giá $10.00.

Đây là cuốn sách thứ ba của nhà văn nữ họ Nguyễn. Tập truyện đầu tiên của cô, "Ở Đời Sống Này," in năm 1989, đã được tái bản năm 1992. Năm 1991, truyện dài "Giọt Lệ Xé Hai" do Văn Khoa xuất bản tạo tiếng vang, và cho thấy cây viết không chuyên này tha thiết với văn chương làm sao!

Với 15 truyện ngắn, hầu hết đã đăng rải rác trên các báo văn học hải ngoại, như *Văn, Văn Học, Làng Văn, Thế Kỷ 21, Sóng, Hợp Lưu, Văn Uyển,* v.v..., tập truyện "Cuối Đêm Dài" là những "vỗ chập từng cảm xúc," "những ảo tưởng đôi khi làm tôi muốn thoát ly khỏi thế giới người đàn bà, và đôi khi mong muốn tham lam được ngồi lại đây suốt đời."

Liên lạc: An Tiêm
1528S. La Cienega Blvd, Los Angeles, CA 90035.

ĐOÀN VIẾT HOẠT và nhóm DIỄN ĐÀN TỰ DO, do NGUYỄN HƯƠNG, THÂN TRỌNG MẪN và TRƯƠNG VŨ biên tập, Trăm Hoa xuất bản, dày 240 trang, giá $10.00.

Cuốn sách chia làm ba phần. Phần một in lại toàn bộ những bài báo, văn kiện, phát biểu của những người tạm gọi là thuộc nhóm "Diễn Đàn Tự Do", trong đó quan trọng nhất là *Thư Quốc Nội* của Đoàn Viết Hoạt.

Đoàn Viết Hoạt và các bạn của anh đã vì những bài nói trên mà bị bắt, bị tù. Nội dung Phần hai của cuốn sách tường trình phiên tòa và những hệ quả của nó, cùng quan điểm của nhóm biên tập cuốn sách.

Phần ba là bản dịch Anh ngữ một số bài thuộc hai phần trên.

Đây là một tài liệu cần có trong tủ sách của những người hằng quan tâm đến tình hình đất nước, dân tộc.

Liên lạc: Trăm Hoa
P.O. Box 4692, Garden Grove, CA 92642.

BÍ ẨN VỀ TIỀN KIẾP VÀ HẬU KIẾP, biên khảo của ĐOÀN VĂN THÔNG, Nguồn Sống xuất bản, 410 trang, giá $15.00.

Được nhà xuất bản giới thiệu là nguyên Trưởng phòng nghiên cứu Rong biển tại Viện nghiên cứu biển Nha Trang, giảng viên sinh vật học tại Đại học Khoa học Huế và Đại học cộng đồng Duyên Hải Nha Trang, tác giả Đoàn Văn Thông "giúp độc giả (có) cái nhìn bao quát trên căn bản luận lý phổ thông, hiển chứng cụ thể, mà các nhà khoa học, vật lý học, nhất là giới y khoa đã nghiên cứu tường tận, tìm hiểu thấu đáo vấn đề luân hồi, tái sanh, nhân quả và nghiệp (...)

Liên lạc: Nguồn Sống (408) 942-0899.

NHỮNG GỢI Ý CHO TƯƠNG LAI, tài liệu Hội thảo, nhiều tác giả, do Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam ấn hành, dày 446 trang, giá $15.00.

Đây là toàn văn các bài tham luận đưa ra trong cuộc hội thảo với chủ đề "Tái Thiết Việt Nam Sau Giai Đoạn Cộng Sản," tổ chức tại Houston, Texas, ngày 4-7-1993.

Hai mươi lăm người viết, (trong đó có Đỗ Quý Toàn, tức Vương Hữu Bột, Bùi Đông Triều, Nguyễn Văn Sâm, là chủ bút và cộng tác viên của *Thế Kỷ 21*), bàn về nhiều khía cạnh của những vấn đề lớn như văn hóa, giáo dục, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, v.v...

Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam, với tập san *Hướng Việt*, ra đời từ hơn hai năm trước đây, có hoài bão "đòi hỏi một nền tự do dân chủ chân chính cho Việt Nam," và "góp phần vào công cuộc tái thiết đất nước sau khi các cơ chế tự do, dân chủ được bảo đảm và thực thi tại Việt Nam."

Hội cho rằng "công cuộc tái thiết Việt Nam là sứ mệnh của toàn dân trong và ngoài nước, của các thế hệ Việt Nam hiện tại và tương lai."

"Những Gợi Ý Cho Tương Lai" là một tập tài liệu cần có của những người muốn tìm hiểu các vấn đề Việt Nam.

Liên lạc: Hội VHKHVN
P.O. Box 79105, Houston TX 77279

TIẾNG VIỆT / VIETNAMESE, For Beginners 1, của PHAN VĂN GIƯỠNG, khổ lớn 150 trang. Giá $25.

Đây là một cuốn sách giáo khoa dạy nói tiếng Việt cho người Úc -- và những người nói tiếng Anh ở khắp nơi trên thế giới.

Được sự bảo trợ của Asian Languages Project, Trung tâm nghiên cứu Á Châu và Thái Bình Dương, thuộc viện đại học Công nghệ Victoria (Vic. U. of Technology), giáo sư Phan Văn Giưỡng đã cống hiến cho chúng ta một công trình đáng quý.

Liên lạc: P.O. Box 14428 MMC
Melbourne VIC 3000, Australia.

THƠ JACQUES PRÉVERT, bản dịch của NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG và DIỄM CHÂU, Trình Bày xuất bản sách dày 140 trang. Không đề giá.

Jacques Prévert, thi sĩ Pháp tác giả rất được người yêu thơ Việt Nam ưa chuộng trong thập niên 60, 70. Tập **Paroles** của ông do nhà xuất bản Gallimard in ra trên ba triệu cuốn, chưa kể vô số những bản dịch ở khắp nơi trên thế giới. Một tập thơ mà được in và phát hành rộng rãi như thế thật là hiếm có. Trong lời tựa tập thơ dịch này hai dịch giả gọi "Thơ Prévert đã trở thành *đại chúng*."

"Thơ Prevert giản dị, cái giản dị của tiếng nói thường ngày được đem vào thơ, cái giản dị của những cảm nghĩ sâu sắc còn lại sau khi những lời nói bay đi."

Nguyễn Đăng Thường và Diễm Châu không những thông thạo về Pháp ngữ và Việt ngữ (tất nhiên) mà còn là những tâm hồn rất thơ. Nguyễn Đăng Thường đã dịch và cho in Tuyển Tập Thơ Thế Giới, thơ Blaise Cendras;... Diễm Châu, một nhà văn nhà thơ tên tuổi ở Việt Nam trước đây. Ông là tác giả tập thơ Người Làm Vườn Và Bông Hoa, ông cũng là dịch giả một số thi phẩm nổi tiếng thế giới. Điều quan trọng của hai dịch giả Nguyễn Đăng Thường và Diễm Châu là không phải hai ông là những người nắm vững ngôn ngữ của nguyên tác, mà hai ông còn là những nhà thơ. Rất thơ.

NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI, Hồi Ký của ĐẠT LAI LẠT MA TÂY TẠNG Bản dịch của HỒNG HÀ, Văn Nghệ xuất bản. Sách dày gần 300 trang. Đề giá 13MK.

Trong lời tựa do chính Đạt Lai Lạt Ma viết thì năm 1950 khi Trung Cộng tiến vào Tây Tạng và chiếm đóng phần phía đông thì Ngài và dân Tây Tạng ở vào một tình thế không thể cứu vãn nổi, gần như là tuyệt vọng. Ngài đã kêu gọi nhiều quốc gia đứng đầu thế giới và Liên Hiệp Quốc xin can thiệp, nhưng những lời kêu gọi giúp đỡ đã bị bác bỏ. Vì vậy Tây Tạng đành phải gửi một phái đoàn đi Bắc Kinh với hy vọng đạt được một thỏa ước trong danh dự, nhưng đã bị ép buộc phải ký kết từ bỏ chủ quyền quốc gia. Trong chín năm Ngài tìm cách thuyết phục những người dân còn ở dưới quyền kiểm soát của chính phủ Tây Tạng không dùng súng để chống lại sự đè nén của Trung Hoa, bởi vì Ngài tin rằng nó sẽ gây đau khổ cho cả hai bên. Nhưng sau cùng do sự đè nén của quân xâm lăng, dân Tây Tạng không còn chịu đựng được nữa."

Cuốn sách này là câu chuyện mà Đạt La Lạt Ma kể lại cho mọi người *có thể hiểu* và *tự tìm ra lời kết.*

Cùng với cuốn Tự Do Trong Lưu Đày — Tự truyện của Đạt Lai Lạt Ma do Chân Huyền và Châu Văn dịch — Nước Tôi và Dân Tôi là những tác phẩm không thể thiếu trong Tủ Sách Gia Đình của các bạn.

Địa chỉ liên lạc: Nhà Xuất Bản Văn Nghệ

BÁO

Tam Nguyệt San ĐỊNH HƯỚNG, số 2, tháng 7-8-9 năm 1993, do Đức Ông Phil. Trần Văn Hoài chủ biên, xuất bản tại Pháp, dày 152 trang, giá một năm $30.00 (150 quan Pháp).

Đây là một tập san nghiên cứu và lý luận của "Công Giáo Việt Nam hải ngoại," với nhiều cây bút cư ngụ ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Liên lạc: Revue Định Hướng
2B rue de la Bruche, 67116 Reichstett, France

SỰ THẬT, số 1, năm 1993, 16 trang, tự giới thiệu là "diễn đàn trình bày mọi ý kiến, nhận định sinh hoạt cộng đồng Việt Nam hải ngoại và trao đổi những học hỏi đúc kết về những trường hợp đã và đang xảy ra trong khi xây dựng một quốc gia Tự Do và Dân Chủ."

Ban Biên Tập có Nguyễn Thái, Phan Minh, Trần C. Lân, và Trần T. Định.

Liên lạc: P.O Box 4841
Falls Church VA 22044-4841

ASIAN AMERICA, Tập san Anh ngữ, chuyên về văn hóa và nghệ thuật, do Ban Nghiên Cứu Á Mỹ thuộc Viện Đại học UC Santa Barbara ấn hành, mỗi quý (ba tháng) một số. Số 1 dày 186 trang, có những biên khảo, văn, thơ của nhiều tác giả gốc Hoa, Nhật, Hàn, v.v... Đặc biệt, nhà văn Trần Diệu Hằng góp mặt với truyện ngắn "Zenith".

Liên lạc: Shirley Geok-lin Lim
Asian America, English Dept.
South Hall, UC Santa Barbara CA 93106

VĂN LANG, Tập san nghiên cứu Việt học, số 5 tháng Sáu, 1993. Báo ấn hành một năm hai lần. Các nhà xuất bản Văn Nghệ, Thanh Văn và An Tiêm Hoa Kỳ chủ trương.

Trong số báo này người ta đọc được những bài viết của Nguyễn Xuân Nghĩa, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Huỳnh Hữu Ủy, Tạ Quốc Tuấn, Nguyễn Khắc Xuyên, Nguyễn Đình Hòa, và Lawrence C. Thompson và LM Lê Văn Lý... Tạp chí Văn Lang ra đời trong hoàn cảnh khó khăn về mọi mặt của những người chủ trương lẫn hoàn cảnh xã hội mà vẫn có mặt đến số báo này là một đóng góp vô cùng quý giá của người viết, người chủ trương và bạn đọc ủng hộ cho tờ báo.

Mọi liên lạc xin gửi về: Văn Nghệ.

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng.

VISA · AMERICAN EXPRESS Cards · MasterCard

Quý khách hàng đã biết rõ về giá hạ
Cũng như phẩm chất luôn luôn tươi tốt
Của chợ chúng tôi, không nơi nào bằng
VÀ CÓ THÊM QUÀ TẶNG

CHỢ LITTLE SÀIGÒN CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100.000 NGƯỜI ĐẾN.
MỘT NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR ▫ FACR ▫ FACNM

10051 Bolsa Ave., # A-2 ▫ Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 - 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

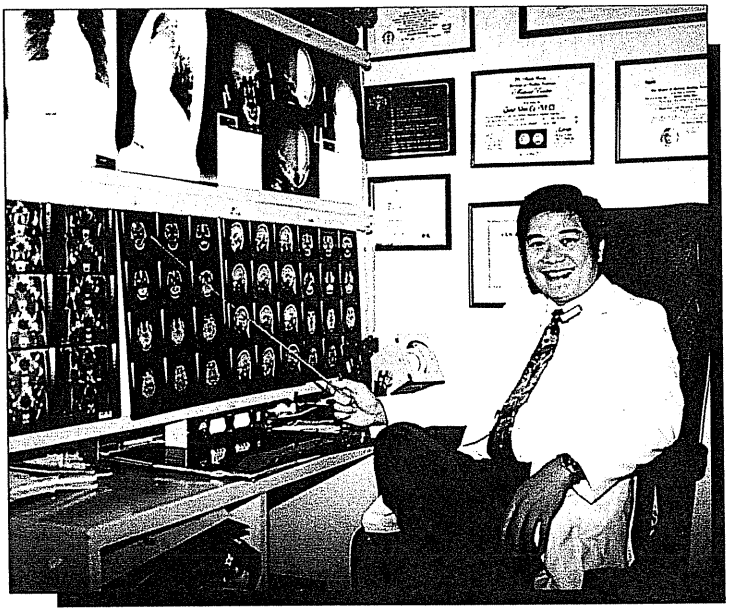

- *Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah*
- *Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC*
- *Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC*
- *Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại Nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.
- *Do nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

Giá **3.00 Mỹ Kim.**

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR ▫ FACR ▫ FACNM

10051 Bolsa Ave., # A-2 ▫ Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 • 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

- *Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah*
- *Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC*
- *Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC*
- *Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại Nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.
- *Do nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

Giá 3.00 Mỹ Kim.